

吾輩は青
少年

湘莢軒

AKUTAGAWA RYUNOSUKE

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

Mục lục:

Akutagawa Ryunosuke từ A đến R

Đời Văn Chương Của Akutagawa Ryunosuke

Hà Đông, Xin chịu khó đọc là Kappa .

Bức Họa Núi Thu

Chiếc Mùi-Soa

Cháo khoai

Địa Ngục Trước Mắt

Nước Dòng Sông Cái

Niềm tin

Chiếc Xe Goòng

Mấy trái quýt

Sợ Tơ Nhện

Tu tiên

Bốn Bề Bờ Bụi



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

Akutagawa Ryunosuke từ A đến R

Con người, thời đại, tác phẩm [1]

Nguyễn Nam Trân

Văn học Nhật Bản hiện đại đã bắt đầu từ thời Meiji (Minh Trị) Tuy không ai có thể đem dao kéo cắt một mẫu văn học để dán vào một triều đại nhưng phải công nhận có những biến cố lịch sử làm xáo trộn tư duy của con người (trong một chiều hướng khác, sự thay đổi tư duy cũng ảnh hưởng tới lịch sử). Nhà văn Akutagawa Ryunosuke (1892 – 1927) sinh ra vào đời Meiji (ngày 1 tháng 3 năm Meiji 25, 1892) có thể được xem như sản phẩm của thời đại này tuy sự nghiệp văn chương của ông (1912 – 1927) phần lớn nằm trong giai đoạn Taisho (Đại Chính, 1912 – 1926). Cùng với Natsume Soseki và Mori Ogai, ông là một trong ba trụ cột của văn học Nhật Bản hiện đại. Cũng như Kawabata Yasunari và Mishima Yukio, ông lại là một trong ba nhà văn mà ngoại quốc biết tiếng hơn cả. Người đời yêu văn tài của ông đã dành nhưng cũng thương cảm cho nỗi buồn về "sự thất bại của lý trí" toát ra từ tác phẩm cũng như cuộc đời 36 năm ngắn ngủi và đầy bi kịch của ông.

Trước hết hãy thử nhìn bối cảnh văn học cuối Meiji, đầu Taisho là lúc ông sinh ra để xác định vị trí của ông trong văn học sử. Bộ môn cần được quan sát là bộ môn tiểu thuyết tuy ông không hề viết truyện dài, cùng lắm là tác phẩm trung biên mà thôi [2] .

Dưới thời Meiji, có bốn dòng văn học hầu như đối chọi với nhau:

1. Trước tiên là những nhà văn theo chủ nghĩa tự nhiên (naturalism). Trường phái này chịu ảnh hưởng của tinh thần khoa học tự nhiên và văn học Tây phương của thế kỷ XIX qua những nhà văn như Emile Zola (Pháp), Gerhart Hauptmann (Đức), xem việc miêu tả thực tế không che đậy, không lý tưởng hóa mới là văn học chân chính.

2. Bên cạnh đó, có khuynh hướng duy mỹ (aestheticism) đề cao giá trị của thẩm mỹ và nhục cảm trong nghệ thuật theo tinh thần của Charles Baudelaire (Pháp) hay Oscar Wilde (Anh).

3. Khuynh hướng bản xứ gọi là cao sang (yoyuha) được đại diện bởi cách viết đặt trọng tâm vào việc làm giàu có kiến thức (refinement) như kiểu Natsume Soseki hay có thái độ bàng quan (nil admirari), chịu phép (resignation) trước những vấn đề xã hội đặt ra như Mori Ogai.

4. Trong khi đó, trường phái Shirakaba (Bạch Hoa, cây bạch dương), ra đời cuối thời Meiji (Meiji 43, 1910), tập trung những cây bút xuất thân từ giới thượng lưu, sớm nhìn thấy mâu thuẫn giữa cuộc sống sung túc của giai cấp mình và những bất công xã hội họ chứng kiến, tìm cách xác định bản ngã bằng cách viết và thực hiện những công trình xã hội [3] có tính cách không tưởng (utopianism).

Bước qua thời Taisho, phái duy mỹ vẫn tiếp tục và Shirakaba bắt đầu hưng thịnh. Chỉ có văn học tự nhiên chủ nghĩa là bị suy thoái và nhường bước cho trào lưu tự thuật của watakushi shosetsu (còn đọc là shi – shosetsu, tư tiểu thuyết, tức dòng văn học lấy cái tôi làm trung tâm) và dòng văn học theo chủ nghĩa tân hiện thực (neo – realism), dùng khả năng của lý trí để phán đoán một cách lạnh lùng, khách quan những dữ kiện xã hội dù thuộc về hiện tại hay đã lui vào quá khứ. Akutagawa được các nhà phê bình văn học liệt kê vào dòng văn học thứ hai này.

1. Phát triển của bộ môn tiểu thuyết trong giai đoạn cuối Meiji đầu Taisho:

Được in bằng *chữ nghiêng* là 3 khuynh hướng đối lập với dòng văn học chính thời đó (chủ nghĩa tự nhiên) và phong trào tư – tiểu thuyết [4] .

Thời đại	Khuynh hướng / Tác gia 1	2	3	4
Meiji 40	- Chủ nghĩa tự nhiên (Yamada)	- <i>Khuynh hướng duy mỹ</i>	<i>Khuynh hướng cao sang</i>	- <i>Văn phái Shirakaba</i> (Bạch

(1907)	Katai, Shimazaki Toson, Tokuda Shusei, Masamune Hakucho, Kunikida Doppo)	(Sato Haruo, Nagai Kafu, Tanizaki Jun – ichiro)	(Mori <i>Ogai, Natsume Soseki</i>)	Hoa)
Taisho 10 (1921) 15 (1926)	- Hình thức tư – tiểu thuyết (watakushi – shosetsu)	<i>Chủ nghĩa tân hiện thực (Akutagawa Ryunosuke, Kume Masao, Kikuchi Kan)</i>		(Arishima Takeo, Shiga Naoya, Mushakoji Saneatsu)

1.1. Akutagawa Ryunosuke và trường phái tân hiện thực

Những nhà văn của trường phái tân hiện thực là người có chung quan điểm sử dụng khả năng suy luận của lý trí để phân tích và chỉnh lý những vấn đề mà cả hai trường phái duy mỹ và Shirakaba kia đã để vuột mất. Tuy được xem như chung một trường phái tân hiện thực nhưng họ lại đứng ở những vị trí nhiều khi rất xa nhau và dĩ nhiên có tác phong khác nhau.

1.2. Nhóm Shinshicho[5](tân tư trào)

Một nhóm bè bạn quen biết nhau ở Đại học Đế quốc Đông Kinh (tiền thân của Đại học Đông Kinh) cùng chung chí hướng đã tái bản tạp chí Trào lưu mới (Shinshicho) (lần thứ 3 năm 1914 và lần thứ 4 năm 1916). Tạp chí đó đã đóng vai trò giới thiệu với văn đàn những tên tuổi mới như Akutagawa Ryunosuke, Kikuchi Kan, Kume Masao, Yamamoto Yuzo, Toyoshima Yoshio.

2. Điểm khởi hành của Akutagawa Ryunosuke (1892 – 1927)

Ông là con gia đình Niihara, được đặt tên Ryu (Long = con rồng) vì sinh ngày Thìn, tháng Thìn, năm Thìn, khu Irifune, nhượng địa cho người ngoại quốc ở Tokyo. Ông là con trưởng của Niihara Toshizo [6] . Bố ông có xưởng chế sữa bò ở ngoại

ô Tokyo, nhiều khách hàng ngoại quốc, sau làm ăn thất bại v.v... nhưng gốc gác này không dính dáng gì tới văn nghiệp ông bao nhiêu. Ra đời mới có bảy tháng thì bà mẹ đẻ phát bệnh tâm thần nên phải đem về phía họ hàng bên mẹ (Akutagawa) làm dưỡng tử. Cha nuôi là Akutagawa Michiaki. Họ Akutagawa xưa kia đời đời vốn giữ chức hầu lễ trà đạo trong phủ chúa, đến thế hệ Michiaki vẫn còn giữ được nếp văn nhân, tao nhã (bunjin), biết vẽ và làm thơ. Đó là điểm khởi hành của Akutagawa nhà văn.

Ông có khiếu văn chương từ hồi tiểu học, thích sử và muốn trở thành nhà nghiên cứu sử. Học rất giỏi, đến nỗi vào ban văn trường Ikko được miễn thi. Lúc bé đã ham đọc Tây du ký, Thủy hử, Bát khuyến truyện (Hakkenden, một tiểu thuyết kiếm hiệp của Bakin thời Edo) cũng như tác phẩm của Kyoka, Katai, Rohan, Ichiyo và Ogai là những nhà văn hàng đầu thời ấy. Ông cũng thích các tác giả ngoại quốc, đặc biệt kịch Henrik Ibsen (Na Uy), thơ William Butler Yeats (Ái Nhĩ Lan) và văn Anatole France (Pháp).

Tác phẩm đầu tiên của ông là Tuổi già (Ronen - 1914) tuy có thuyết cho là tùy bút Nước dòng sông Cái (Okawa no Mizu - 1912). Vào thời điểm đó, ông còn viết kịch Tuổi xuân và cái chết (Seinen to Shi), một nhan đề định mệnh!

Cô Yoshida Yayoi, mối tình đầu của ông (1914 - 15), là con gái một người quen với gia đình. Ông định cầu hôn nhưng họ lại ngăn. Sự kiện này làm ông chán ngán cái xấu xa, ích kỷ của người đời và ôm lấy ý nghĩ bi quan "sinh ra làm người đã là khổ rồi". Đó cũng là cơ sở triết lý của La Sinh môn, tác phẩm nổi tiếng của ông.

Ông là nhà văn tiêu biểu của phái Shinshicho. Trong lần tái bản lần thứ 5 của tạp chí, số ra mắt (tháng 2/1916) ông đã cho đăng truyện ngắn Cái mũi (Hana) và được văn hào Natsume Soseki nhiệt liệt tán thưởng như sau:

"Truyện của ông viết thực hay. Điềm đạm, không đùa cợt, cứ kể tự nhiên mà làm cho người ta thấy buồn cười một cách nhẹ nhàng. Hơn nữa chất liệu dùng trong truyện lại rất mới

mẻ. Văn từ gọn gàng, trình bày đầy đủ những điểm cần thiết. Tôi phục lắm. Cứ tiếp tục viết thêm độ hai ba mươi tác phẩm như vậy thì ông sẽ trở thành một nhân tài hiếm có của văn đàn cho xem."

3. Thử điểm qua các tác phẩm nổi tiếng của ông:

Truyện Cái mũi nói trên lấy cảm hứng từ Truyện bây giờ đã xưa (Konjaku Monogatari). Trong giai đoạn đầu tiên, khi sáng tác, ông hay mượn đề tài từ Konjaku hay Truyện xưa do ông Uji Dainagon góp nhặt (Uji Shui Monogatari), hai tác phẩm của thời trung cổ Nhật Bản. Chẳng hạn các truyện ngắn La Sinh môn (Rashomon - 1915), Cháo khoai (Imogayu - 1916), Địa ngục trước mắt (Jigokuhen - 1918)◆

Phạm vi đề tài và không gian của Akutagawa dần dần nói rộng. Hứng sáng tác (Gesaku Zammai - 1917), Cánh đồng khô (Karenosho - 1918); lấy bối cảnh thời Edo, Cái chết của một con chiên (Hyokyonin no shi - 1918), Truyện thánh Christopher (Kirishitohoroshonin - den - 1919) viết về thời ngoại quốc đến truyền giáo; Tiệc khiêu vũ (Butokai - 1920), Máy hình nộm (Hina - 1923) nói về sự tiếp thu văn minh Âu Tây thời Meiji. Ngoài ra còn có Sợi tơ nhện (Kumo no Ito), Cậu bé Đỗ Tử Xuân (Toshishun - 1920) mượn đề tài Ấn Độ và Trung Quốc đời Đường.

Yếu thế và ý thức về tội lỗi đã đưa ông đến với lòng tin tôn giáo. Sợi tơ nhện (Kumo no Ito), Chúa Ki Tô ở Nam Kinh (Nankin no Kito), Cái chết của một con chiên (Hokyonin no shi), Truyện Thánh Christopher đều nằm trên một quỹ đạo. Trước khi chết không bao lâu ông còn viết Người Tây phương (Seiho no Hito) và một tục biên cùng tên của nó, Shoku Seiho no Hito, lại viết về chúa Ki Tô. Đó không phải là điều ngẫu nhiên. Trong các tác phẩm sau này, không còn đâu cái mĩa mai của La Sinh môn. Ông đã tìm về lòng tin tôn giáo. Bên cạnh những tác phẩm kết án về sự ích kỷ của con người như Một vụ án mạng thời mới mở mang (Kaika no Satsujin), Bóng tình yêu (Kesa to Morito), Bốn bề bờ bụi (Yabu no naka), may thay, ông đã để lại những truyện ngắn nhẹ nhàng và cảm

động như Chiếc xe goòng (Torokko), Cậu bé Đỗ Tử Xuân, Tu tiên (Sennin), thường thường là những bài viết cho thiếu niên, độc giả của tạp chí Con chim đỏ (Akai Tori [7]).

Những tác phẩm vừa kể đã chứng tỏ văn tài của ông nhưng dùng một cái, (câu này không logic, và có thể dùng cụm từ đột nhiên thay cho dùng một cái) năm Taisho thứ 9 (1920), nhân viết Mùa thu (Aki), ông thoát ly lập trường "nghệ thuật vị nghệ thuật" và, sau giai đoạn tiểu thuyết gọi là Yasukichi – mono (truyện với nhân vật chính tên là Yasukichi, có lẽ là chính tác giả), bắt đầu bước vào lãnh vực tiểu thuyết tự thuật với Thời trẻ của chàng Shinsuke chùa Daidoji (Daidoji Shinsuke no hansei – 1925). Cuối đời, người ta cho rằng một phần vì dao động trước những biến cố xã hội dưới sức ép của cao trào văn học vô sản, một phần sức khỏe suy sụp do thần kinh suy nhược (có dính líu đến bệnh điên của người mẹ), ông mang một nỗi bất an thường trực. Phải chăng vì thế mà ông đã miêu tả trạng thái tinh thần của chính mình trong Ảo ảnh cuộc đời (Shinkiro – 1927) và Xã hội quái thú Kappa (Kappa – 1927) và sau đó, tự kết liễu đời mình bằng độc dược.

Cái chết của Akutagawa được xem như tượng trưng cho số phận của trí thức, đã gây nhiều xúc động cho người đương thời. Ông để lại di cảo Trong guồng máy (Haguruma), Đời một chú ngốc (Aru aho no issho). Một tác phẩm ông viết khoảng năm 1923 – 1925 và được in ra sau khi ông mất (tháng 12/1927) nhan đề Lời phát biểu của một người hèn kém (Shuju no kotoba) có những nhận định như sau:

– Đời người:

Đời người giống như cái hộp diêm. Đừng có dại mà dùng nó vào chuyện lớn. Dùng vào chuyện lớn là nguy hiểm.

Đời người giống như quyển sách thiếu nhiều trang. Khó thể gọi nó là quyển được. Nhưng nó lại là một quyển đầy.

– Tự do:

Tự do giống như không khí trên đỉnh núi cao. Kẻ yếu không thể nào chịu nổi cả hai thứ đó.

Tự do chủ nghĩa. Tự do luyến ái. Tự do mậu dịch. Đáng tiếc là trong cái cốc nào chứa tự do cũng có pha thật nhiều nước. Nói chung toàn nước đọng.

Hãy thử điếm qua các tác phẩm nổi tiếng của ông. Cái mũi là đoạn thiên mượn ý truyện nói về cái mũi dài quá khổ của một nhà sư, chép trong tác phẩm trung cổ Truyện do quan tham nghị Uji lượm lật (Uji Shuui). Sư Zenchi (Thiền Trí) chùa Ike-no-O (Đuôi Ao) của Akutagawa khổ sở vì muốn làm cho mũi ngắn lại, giống như con người ta khổ sở vì quá chú ý về mình trong khi những kẻ sống chung quanh lại vô tình có ác ý. La Sinh môn lấy cảm hứng từ truyện cổ trong Truyện nay đã xưa (Konjaku Monogatari) qua câu truyện một tên trộm khám phá đồng xác người chết bỏ trên lầu cổng La Sinh môn. Triết lý của nó nằm ở chỗ con người vì muốn sống còn nên phải nhúng tay vào điều ác, và chỉ khi nào làm một điều ác khác mới ngăn chặn được điều ác trước. Nhân sinh quan của một con người lúc đó mới 24 tuổi như Akutagawa quả là quá đậm màu sắc yếm thế. Trong đoạn kết của Rashomon, tên người ở sau khi trách mụ già đã làm điều ác là nhổ tóc xác chết kết thành búi tóc giả đem đi bán, lại lột quần áo mụ:

"- Vậy ta có lột quần áo mụ, mụ cũng đừng có hận. Không lột mụ, ta cũng thành ma đói.

Tên người ở nhanh nhen lột hết quần áo mụ già. Thế rồi giữa khi mụ còn đang đeo cứng vào chân, hấn hung bạo đá phốc mụ ta lên trên đồng xác chết. Từ chỗ hấn đứng đến cầu thang chỉ cách có năm bước. Tên người ở ôm lấy mớ áo quần màu nâu vỏ dầ, lật đật xuống thang rồi mất hút vào bóng tối."

Trong Xã hội thủy quái Kappa, Akutagawa thác ngụ thế thái nhân tình của thời đại ông vào xã hội của loài thủy quái. Tác phẩm phản ánh nỗi buồn và sự chán ghét cuộc sống của ông. Trong guồng máy là một thế giới mà nhân vật chính nhìn thấy qua huyền ảnh, còn "địa ngục hơn cả địa ngục". Nó đánh dấu những ngày tháng cuối cùng ông sống trong thác loạn thần kinh, có những câu khiến độc giả phải rùng mình:

"Đó là một kinh nghiệm mà cả đời tôi chưa hề biết. Tôi hết sức cầm bút để viết tiếp nữa rồi. Tôi không thể sống mà chịu đau khổ như thế này mãi. Có ai đó chịu đợi tôi ngủ mà bóp cổ giùm cho tôi chết đi không?"

Về sự "thất bại của lý trí", chính Akutagawa đã nhận định như thế này trong Đời một chú ngốc (Aru aho no issho):

"Hắn giương đôi cánh nhân tạo ra, tung tăng bay bượn trong bầu trời. Cùng một lúc, bao nhiêu niềm vui nỗi buồn của đời người chan hòa ánh sáng của lý trí đang hạ thấp xuống dưới tầm mắt hắn. Hắn tung những câu nói mĩa mai và nụ cười chế nhạo trên các phố phường đang thu nhỏ lại, bay vút lên vòm cao không thoáng gợn về hướng mặt trời, dường như quên bẵng chuyện người Hy Lạp [8] ngày xưa, vào lúc đó, cũng mang đôi cánh nhân tạo bị mặt trời thiêu cháy và rơi vùn vụt xuống biển mà chết."

Sau đây là đôi lời ông phát biểu trong thư tuyệt mệnh gửi cho Kume Masao, người bạn thân và cũng là văn hữu trong nhóm Shinshicho.

"Tôi chưa thấy ai viết ra một cách không che đậy về tâm lý của một người tự sát. Lý do có thể là người sắp tự sát còn chút lòng tự trọng hoặc bản thân họ thấy tâm lý người ở trong cảnh ngộ của mình không có gì hấp dẫn để mà tìm hiểu. Tuy vậy, trong lá thư cuối cùng tôi gửi cho cậu đây, tôi muốn thuật lại thật rõ ràng tâm lý ấy, nhưng nếu bảo tôi không đặc biệt cho cậu biết động cơ nào đã đẩy tôi đến chỗ tự sát thì cũng được. Régnier [9] trong một truyện ngắn của ông có lần miêu tả người tự sát. Anh chàng vai chính trong truyện này cũng chẳng biết lý do tại sao anh ta muốn kết liễu đời mình. Chắc khi cậu giở trang ba mục tin lật vạt mấy tờ báo cũng nhận ra được là có biết bao nhiêu động cơ có thể thúc đẩy người ta đến chỗ tự sát, nào là cuộc sống khó khăn, bệnh hoạn dày vò hay đau khổ tinh thần. Nhưng theo kinh nghiệm của tôi, tất cả những thứ đó chỉ là một phần của động cơ. Cùng lắm nó chỉ là những cái mốc đánh dấu những chặn đường đưa đến động cơ ấy mà thôi. Có lẽ người tự sát, giống như Régnier đã miêu

tả, không biết lý do gì đưa anh ta đến chỗ chết. Nó cũng giống như hành vi của ta vẫn thường xuất phát từ nhiều động cơ phức tạp. Riêng trường hợp của tôi thì chỉ là nỗi lo âu mơ hồ. Làm như có một sự lo lắng bàng bạc về tương lai. Cậu có thể không tin lời tôi nói vì không ai chung quanh đã sống hoàn cảnh tương tự của tôi suốt mười năm qua. Vì thế, dù cậu có coi lời của tôi đây như tiếng hát tan vào cơn gió thoảng, tôi sẽ chẳng trách cậu đâu."

(Trích dịch Thư gửi một người bạn cũ - Aru kyuyu e okuru shuki)

Trong đêm 23 tháng 7 năm 1927, ông đã bình tĩnh uống một lần hai loại thuốc ngủ trí mạng dù vợ đã biết trước và canh phòng kỹ lưỡng. Thuốc ở đâu ra, ông viết cho biết có một người đàn bà nào đó mang đến. Thế thôi! Miyamoto Kenji bảo ông tượng trưng cho "sự thất trận của văn chương tiểu tư sản (petit bourgeois)". Kobayashi Hideo, ngược lại, ca ngợi mỹ học của ông và đổ cho định mệnh éo le [10] .

4. Ảnh hưởng của văn học ngoại quốc đối với Akutagawa

Không riêng chi trường hợp của các nhà văn Meiji (lúc Nhật Bản mới tìm đến với Tây phương), kiến thức Âu Mỹ của một nhà văn đời Taisho (1912 - 1926) như Akutagawa cũng bắt nguồn từ sách dịch. Kato Shuichi [11] cho biết Akutagawa đã dẫn ra trong tác phẩm của mình hết Stringberg, Nietzsche, Tourguenev, Tolstoi, Gogol, Dostoevski, Flaubert đến Baudelaire từ những bài viết của họ được dịch qua tiếng Anh (ông tốt nghiệp đại học khoa Anh).

Cách miêu tả của ông cũng có màu sắc ấn tượng. Cách tả con chồn trong Cháo khoai giống như cách Prosper Merimée (1803 - 70) tả con chó trong Colomba. Cái mũi có lấy ý của tác phẩm cổ điển Konjaku Monogatari của Nhật nhưng chủ đề "hình dạng cái mũi đánh mất và tìm lại được" vốn mượn truyện cùng tên (1835) của Nicolai V. Gogol (1809 - 1852), nhà văn châm biếm người Nga. Để viết Xã hội thủy quái Kappa, ông phải hiểu biết về cả Jonathan Swift lẫn Samuel Butler. Kiến

thức của Akutagawa trải rộng từ Shakespeare cho đến các nhà soạn kịch Ái Nhĩ Lan, các thi nhân Pháp từ Francois Villon đến Paul Valéry. Nhân vật trong truyện của ông nêu cả tên Pierre Loti tức sĩ quan hải quân Pháp Julien Viaud (trong Tiệc khiêu vũ) lẫn Whilhem Liebknetcht [12] , triết gia khuynh hướng xã hội Đức (trong Sơn trang Gengaku). Tuy ông không tiếp xúc trực tiếp với Âu Mỹ qua kinh nghiệm bản thân như Ogai (từng sống ở Đức), Soseki (Anh) hay Kafu (Pháp và Mỹ) nhưng kiến thức của ông không vì thế mà kém phần phong phú. Nó đã pha trộn với cổ điển Trung Hoa mà ông nắm lòng, cũng như văn chương thời Edo (nhà thơ Basho, nhà tiểu thuyết Bakin...) ông thường dùng làm đề tài.

Ảnh hưởng của văn chương ngoại quốc đến một nhà văn Nhật Bản bằng một cách nhiều khi phức tạp hơn ta tưởng. Bốn bề bụi (1925) của Akutagawa, đã trở thành sườn của cuốn phim Rashomon bất hủ của đạo diễn Kurosawa Akira. Ta đã chỉ biết nó bắt nguồn từ Truyện Nay Đã Xưa, (quyển 29, truyện 23, kể truyện một cặp vợ chồng nhà quan gặp cướp núi, sau khi bị cướp làm nhục trước mặt chồng, vợ lại nảy ra ý muốn giết chồng) là một tác phẩm cổ điển do tác giả vô danh viết ra vào tiền bán thế kỷ XIX, chỉ có mục đích khuyên người đời nên cẩn thận khi liên hệ với kẻ khác (vì người chồng muốn đổi cây cung của mình để lấy thanh kiếm của tên cướp bị nên mắc lõm). Thế nhưng, có chứng cứ khác cho ta thấy khi viết truyện này, Akutagawa cũng đã mượn nguồn cảm hứng từ văn học phương Tây.

Yasuda Yasuo (theo Tomita Hitoshi [13]) đã dẫn ra hai tác phẩm Âu Mỹ có thể liên quan đến nó: vở kịch thơ Chiếc nhẫn và quyển sách của Browning (1812 - 89) và Phục thù của Henry de Régnier [14] mà Mori Ogai đã cho đăng trong Chư quốc vật ngữ (Shokoku Monogatari), Truyện các nước. Ông đã so sánh và phân tích từng điểm giống nhau giữa hai truyện đó với Bốn bề bụi. Ngoài ra, vẫn theo Tomita, Yoshida Seiichi lập ra mối liên hệ giữa Con đường trăng sáng (The Moonlight Road) trong tập truyện Sao xảy ra được nhỉ? (Can such thing

be?) của nhà văn Mỹ Ambrose Pierce. Trong truyện của Pierce, nhân một vụ án mạng, ba người trong cuộc đã trình bày sự việc liên quan tới họ và cuối cùng, người vợ là kẻ bị giết đã mượn lời đồng cốt để trình bày sự thật về phía mình. Thế nhưng theo Tomita Hitoshi (sđd, tr. 66) thì Bốn bề bờ bụi gần với Người con gái của bá tước Ponthieu, một tác phẩm của Pháp thế kỷ XIII hơn là truyện của Pierce. Tác phẩm của Pháp kể chuyện con gái của bá tước Ponthieu, vì không con nên cùng chồng là Thibaut đi hành hương ở Santiago bên Tây Ban Nha để cầu tự, giữa đường gặp cướp. Thibaut dũng cảm chống cự nhưng rốt cục bị trói, chứng kiến cảnh cướp làm nhục vợ trước mắt. Khi cướp đi rồi, Thibaut nhờ vợ cởi trói hộ nhưng ngạc nhiên thay, lúc đó, vợ lại dùng thanh kiếm tên cướp bỏ lại định chém chết chồng. Thibaut khéo léo tránh và nhờ đó, dây trói trái lại được cắt đứt. Thibaut thoát hiểm, lôi vợ xuống núi và gửi vào tu viện làm ni, một mình về nước. Bá tước biết chuyện, nhục nhã quá nên tìm đến nơi, đóng con gái vào thùng rồi quẳng xuống biển.

Có một sự tình cờ lạ lùng là Akutagawa đã viết tiểu luận tốt nghiệp đại học với nhan đề Nghiên cứu về William Morris [15]. Thêm một sự trùng hợp nữa là câu chuyện dịch qua tiếng Anh của Người con gái của bá tước Ponthieu đã được in trong toàn tập của Morris. Vẫn chưa tìm ra bằng chứng xác thực xem Akutagawa đã đọc nó trong đó hay không nhưng chi tiết "vợ muốn giết chồng" của truyện Pháp này trùng hợp với mẩu chính thấy trong truyện kể của Truyện Nay Đã Xưa

5. Hoài nghi và trí thức

Donald Keene [16] cũng như nhiều nhà bình luận thường nhấn mạnh về ảnh hưởng bệnh tật của bà mẹ ruột đối với tâm tính ông. Một người mẹ mặt xám xịt như thầy ma, có thể suốt ngày ngồi không nói không rằng, lâu lâu lại lấy ống điều cốc đầu thằng bé con, chả bù với bà mẹ nuôi dịu dàng mà ông rất yêu quý. La Sinh môn được ông coi như một trong những tác phẩm "lạc quan" nhất của mình mà đã đậm màu sắc chán đời. Rashomon là cái cổng thành bề thế (nhưng sau lưng không có

cái thành nào) giống như cái bản mặt (men) của vũ sĩ đạo oai nghiêm nhưng trong đó chất chứa nhiều tàn ác và giả dối đã làm cho Akutagawa hoài nghi về giá trị của văn hóa nói riêng và con người nói chung. Trong La Sinh môn, ngoài mười dòng đầu ông mượn ở Konjaku, cảnh thành phố Kyoto trung cổ được ông phác họa theo Phương Trượng ký (Hojoki) của Kamo no Chomei [17]. Truyện thẩm tra hiện tại bằng cách sử dụng tư liệu quá khứ là một nét đặc biệt của văn chương "truyện cũ viết lại" (cổ sự tân biên) [18] của ông.

Sự hoài nghi, bi quan trong văn ông thường được kèm theo cái tàn khốc trong lối miêu tả như khi ông viết về Kyoto của thế kỷ XII khi bị thiên tai tàn phá (trong La Sinh môn và Bọn Đạo Tặc (Chuto) chẳng hạn), hay Nagasaki thế kỷ XVI chung quanh những cảnh cực hình thời cấm đạo.

Ông đã tìm thấy trong Vũ sĩ đạo, khuôn vàng thước ngọc của người Nhật Bản có cái gì giả tạo vì đầy kịch tính. Người mẹ xé nát chiếc mùi - soa (trong Chiếc Mùi Soa) để ghìm không cho sự đau khổ lộ ra ngoài biết, rốt cục cũng chỉ làm theo một phương pháp diễn xuất có cái tên là... văn hóa vì nó đi ngược lại sự chân thành tự phát, vốn là bản tính đích thực của con người [19].

Ngoài cái bóng đen của bà mẹ trùm lên suốt cuộc đời, Akutagawa còn nhận ảnh hưởng lớn lao của nhà văn Natsume Soseki, một người ông rất ái mộ. Chúng ta biết Soseki là một nhà trí thức sống trong sâu nảo vì không thích ứng được với xã hội Tây phương, nhất là từ sau những năm tháng du học London trở về. Chính Soseki đã nhận chân được tài năng và khuyến khích ông cứ đeo đuổi nghề văn cho dù lối viết của mình không được sự tán thưởng của độc giả chẳng nữa. Tháng 12 năm 1916, khi Soseki mất, ông giữ ấn tượng sâu đậm về nhà văn bậc thầy này. Người ta thấy ảnh hưởng của Soseki với chủ đề "sự ích kỷ của người đời" qua Cánh đồng khô, 1918 (Karenosho), trong đó, đám đệ tử của thi hào Basho họp lại chung quanh giường bệnh của thầy mà chỉ nghĩ những lợi lộc của chính bản thân họ một mai khi thầy không còn

nữa. Keene cũng nhắc cho ta là chủ đề về lòng ích kỷ từng được khai triển bởi La Rochefoucauld, theo đó "ngay cả lúc hành động một cách cao thượng, con người cũng vâng theo một động cơ: đó là lòng ích kỷ của họ". Lòng ích kỷ còn thấy cả trong Sợi Tơ Nhện (Kumo no ito), 1918, khi tên cướp Kandata đầu đã được Đức Phật cứu giúp thoát khỏi cảnh trầm luân hỏa ngục, đã vì lòng ích kỷ mà đánh mất dịp may cuối cùng của chính mình và biết bao người khác.

Thái độ trí thức khô khan, lạnh lùng khi trực diện với nhân vật và sự tình trong truyện ngắn, ông đã học hỏi được ở một người đi trước khác: Mori Ogai. Ít nhất đây cũng là ý kiến của nhà phê bình Nakamura Shin - ichiro, người cho rằng Ogai đã trao cho Akutagawa chìa khóa của sự thành công trong lĩnh vực nghệ thuật khi truyền thụ một cách gián tiếp lối viết tiểu thuyết lịch sử kiểu Tây phương, trong đó, người viết cần giữ một khoảng cách với nhân vật mình tạo ra. Từ đó, Akutagawa chỉ sử dụng lịch sử như một bàn đạp để giải thích nó theo quan điểm của cá nhân ông. Anh chàng Goi (ngũ vị), chức quan hạng bét ở Kyoto thèm ăn cháo khoai phải lặn lội xa xôi, đến khi có cháo trong tay thì lại chán không muốn ăn nữa, chẳng phải là một trường hợp cá biệt mà tượng trưng cho tính phổ quát (universality) con người muôn thuở, vào bất cứ thời đại nào.

6. Vay mượn hay sáng tạo?

Nhiều người phê bình Akutagawa quá dụng công (overingenious), chẳng hạn như khi viết Cháo Khoai (Imogayu, 1916), với bố cục quá rắc rối và có thể đã vay mượn Gogol trong tác phẩm Chiếc áo khoác. Họ còn nêu lên khuyết điểm của ông là thiếu độc sáng và chỉ chấp nhặt. Ví dụ Kumo no ito là kết hợp hai nguồn: một chi tiết nêu lên trong tuyển tập Lịch sử ma quỷ và quan niệm về ma quỷ xưa nay (History of the devil and the idea of devil from earliest times to the present day) của Paul Carus và một giai thoại trong Anh em nhà Karamazov [20]. Họ còn bảo Cái chết của một con chiên (Hokyojin no shi - 1918) vay mượn Jocelyn của Lamartine, Tội

ác của Sylvestre Bonnard (Le Crime de Sylvestre Bonnard) của Anatole France, Phục thù (Vengeance) của Henri de Régnier, bản dịch cuốn truyện nhan đề Ứng khẩu thành thơ (Improvisatoren) của Hans Christian Andersen, Quo Vadis của Henryk Sienkiewicz, Judith của Friederich Hebbel, v.v... Nếu nói thế thì hơi oan cho Akutagawa vì để viết có mười trang sách, lẽ nào ông phải vận dụng chừng ấy tư liệu. Và các vị kia có mượn của nhau hay không? Akutagawa có biết gì về Quan Âm Thị Kính hay không nữa chứ (vì truyện nói về nỗi oan của sư huynh Lorenzo, thực ra là một người con gái giả trai)! Nhưng điều không thể chối cãi là dựa vào kiến thức bác lãm, ông có khuynh hướng sử dụng sách vở nhiều hơn là trí tưởng tượng. Có nhà phê bình còn tự hỏi phải chăng Akutagawa đã tự sát chỉ vì không tìm ra nguồn cảm hứng nội tại và cứ phải vay mượn từ bên ngoài!

Tuy nhiên, không có sự sáng tạo nào bắt đầu từ con số không. Địa ngục trước mắt (Jigokuhen - 1918) tả bức bình phong vẽ cảnh địa ngục trong đó một mỹ nhân bị thiêu sống trong cỗ xe ngựa có thể vay mượn của nhà văn lưu vong Nga D.S. Merezhkovski [21] trong Người đi tiên phong hay cuộc đời lãng mạn của Leonardo da Vinci (The Forerunner, the Romance of Leonardo da Vinci) theo chủ trương của Shimada Kinji, nhưng chủ đề của Akutagawa không phải là "người đẹp bị chết cháy" mà là "đâu là mục đích tối thượng của người làm nghệ thuật" qua hình ảnh của lão họa sư khùng Yoshihide say mê nghệ thuật đến nỗi quên cả tình phụ tử khi tìm cảm hứng hội họa trước cảnh đứa con gái yêu bị ngọn lửa của bạo quân thiêu chết.

Cái tài của Akutagawa là dùng những sự kiện nho nhỏ để nói lên được tính phổ quát ở bản chất con người (dưới cái nhìn bi quan của ông). Ông không tôn trọng sự chính xác của lịch sử, vì sự thực mà ông trưng bày không có tính lịch sử mà chỉ có chất thơ. Chủ đề như "đâu là sự thật? có mấy sự thật? chết rồi có còn giữ thể diện hay không?" thấy trong Bốn bề bờ bụi hay "thiện và ác khác nhau ở chỗ nào?" trong "La Sinh

Môn", "dục vọng và thỏa mãn dục vọng" trong Cháo Khoai , "đời đáng sống hay không đáng sống" trong Xã hội thủy quái Kappa đều là những chủ đề lớn nói về thân phận con người. Phong cách của Akutagawa nằm ở chỗ đó! Cho dù ông có sáng tạo bằng mô phỏng và lược lặt chi tiết lặt vặt để tạo dựng một chủ đề nhưng ông quả có thiên tài góp gió làm bão vậy.

7. Những dao động cuối đời và cái chết :

Trong những năm tháng cuối cùng, ngòi bút của Akutagawa không còn đem đến cho ông những thành công buổi đầu. Tuy loại tiểu thuyết tự truyện nhuộm màu sắc bệnh tâm thần (neurotic I novel) của ông dành được cho ông một chỗ đứng riêng trên văn đàn nhưng đã thấy xuất hiện Shiga Naoga, một cây bút viết truyện ngắn lỗi lạc khác và những nhà văn vô sản của tạp chí Người gieo giống (Tanemaku Hito). Ông tỏ ra hòa hoãn với cả Shiga lẫn nhóm Người gieo giống. Tuy hãy còn chủ trương nghệ thuật trên hết và giữ bản chất hoài nghi của người theo chủ nghĩa hư vô (nihilism) nhưng ông cũng đã có vài tác phẩm phê bình chủ nghĩa tư bản và đạo đức truyền thống (như trong Xã hội thủy quái Kappa) cũng như quan tâm đến cuộc sống khổ cực của nông dân (như trong Cục Đất) hay mô tả thế giới đen tối trong một gia đình trưởng giả mà chủ nhân đang nằm đợi chết (Sơn trang Gengaku).

Tuy nhiên lúc đó Akutagawa đã mệt mỏi quá rồi. Trong Xã hội thủy quái Kappa, ông đã mơ tưởng được sống trong một thế giới "phi nhân gian" (nonhuman world). Hình ảnh siêu thực của xứ sở loài thủy quái Kappa tương tự như thế giới loài chim cánh cụt (penguin) trong tác phẩm của Anatole France, một tác giả Akutagawa yêu thích. Nó cũng có thể là nước người tí hon mà Gulliver đã đến thăm hay nơi cô bé Alice lạc đến. Tiếng là "quái" nhưng loài Kappa còn đầy đủ nhân tính hơn cả loài người:

" Dần dần tôi bắt đầu quen với ngôn ngữ của loài Kappa và nhân đó, hiểu được phong tục tập quán của chúng. Trong đó

có tập quán lạ là những gì con người chúng ta cho là trang nghiêm thì chúng lấy làm kỳ cục. Ngược lại những gì ta cho là kỳ cục thì chúng lấy làm trang nghiêm. Ví dụ ta bảo " chính nghĩa " hoặc " nhân đạo " là những điều trang trọng thì khi nghe tới đó, bọn Kappa ôm bụng mà cười. Có nghĩa là quan niệm về sự khôi hài giữa ta và chúng hoàn toàn khác nhau. Khi tôi có dịp nói chuyện về hạn chế sinh đẻ với một bác sĩ nhi khoa Kappa tên là Chak thì ông ta mở mồm há hốc rồi cười sặc sụa thiếu điều rơi cả kính gấn trên sống mũi. Dĩ nhiên lúc ấy tôi cáu sừng nên mới cất vấn ông ta xem hạn chế sinh đẻ thì kỳ cục ở chỗ nào. Lúc đó tôi chưa giới thiệu Kappa cho lắm, chỉ hiểu câu trả lời của Chak đại loại như thế này :

- Kỳ khôi ở chỗ chỉ giúp cha mẹ khoẻ thân mà thôi. Thế là quá quắt chứ sao!

Ngược lại, dưới cái nhìn của loài người chúng ta thì thật không có gì kỳ quái hơn là cảnh tượng sinh nở ở xứ Kappa. Sau đó ít lâu, tôi có dịp đi đến căn nhà nhỏ của Bag để xem cảnh vợ ông ấy lâm bồn. Lúc Kappa sinh nở thì cũng giống như chúng mình vậy, nghĩa là có bác sĩ, bà đỡ đến giúp. Tuy nhiên lúc sanh thì ông bố lại chầu mồm vào chỗ kín của bà vợ như người đang nói điện thoại, to giọng : " Thế con có muốn ra đời hay không ? Nghĩ cho kỹ rồi trả lời nhé ! ". Bag vừa khom gối, hỏi đi hỏi lại nhiều lần như thế. Sau đó thì ông ta lấy thuốc nước sát trùng để trên bàn mà súc miệng. Một chốc, coi bộ đứa bé trong bụng vợ của Bag có vẻ do dự rồi thấy nó lí nhí trả lời :

- Con không muốn ra đời làm gì. Nhất là để mang chứng bệnh tâm thần di truyền từ bố thì khổ lắm! Hơn nữa, giống Kappa sinh ra không biết để làm chi ?

Bag nghe câu trả lời, bển lển đưa tay lên gãi đầu. Tức thời bà đỡ đứng chực sẵn bên đã cầm ngay một ống thuỷ tinh đút vào chỗ kín của bà vợ, như thế chích một thứ thuốc gì đấy. Chỉ thấy bà ta thở phào một cái như trút đi gánh nặng, đồng thời, cái bụng xịu xuống tựa quả bong bóng vừa thoát hết hơi. "

(trích Xã hội thủy quái Kappa, đoạn 4)

Nên nhớ Akutagawa viết *Xã hội thủy quái Kappa* năm 1927 (và có thể trước đó), lúc đó Jean – Paul Sartre (1905 – 1980), ông tổ của thuyết hiện sinh thời hậu chiến, người đặt câu hỏi thời danh "sinh ra tôi sao không hỏi ý kiến tôi?" mới có 22 tuổi.

Akutagawa có phải muốn từ giã cuộc đời này để đi tìm một xứ lạ" như thế giới của loài Kappa?

Cái chết bằng tự sát của ông có nhiều lý do, từ cảnh ngộ gia đình đến bệnh hoạn, chứ không riêng mỗi lý do tinh thần. Có người còn cho những lý do tinh thần ông nêu ra chỉ là để "làm dáng, điểm trang cho cái chết". Thế nhưng, văn chương ông tự buổi đầu đã nặng tính hoài nghi yếm thế. Sau khi Akutagawa mất, cả hai cánh tả và hữu đều gán cho ông nhãn hiệu như là người của họ nhưng bản thân ông không bao giờ đặt vấn đề chính trị. Có lẽ trong ông tiềm ẩn nỗi khổ tâm của một nhà nghệ sĩ "nhân bản", đầy lòng yêu cuộc sống (yêu quá hóa hờn), phải đứng trước một lựa chọn có tính bức bách mà không tìm được lời giải thỏa đáng : nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh?

Phụ Lục : Phát triển của tiểu thuyết hiện đại sau thời Akutagawa

Niên đại	Khuynh hướng vị nghệ thuật	Khuynh hướng vị nhân sinh
Taisho Taisho 15	Phái nghệ thuật mới (<i>Shinko Geijutsu – ha</i>) Ibuse Masuji, Kajii Motojiro.	Văn học vô sản (<i>Puroretaria Bungaku</i>) Tokunaga Sunao,
Showa Showa 10 Showa 20	Phái tâm lý mới (<i>Shin Shinri – ha</i>) Hori Tatsuo, Ito Sei Phái cảm giác mới (<i>Shin Kankaku – ha</i>)	Hayama Yoshiki, Kobayashi Takiji. Văn học xoay chiều (<i>Tenko Bungaku</i>) Nakano Shigeharu, Shimaki Kensaku

[1] - Người viết đặc biệt cảm ơn các góp ý của Văn Lang Tôn Thất Phương, Phạm Vũ Thịnh, và Việt Châu.

[2] - Trong văn học Nhật Bản không có nhiều truyện dài theo định nghĩa Tây Phương. Các truyện dài của họ như Truyện Genji hay Daibosatsu-toge thường là sự kết hợp những chương tự nó có thể đứng một mình được. Nhiều truyện dài thường bị tác giả bỏ dang dở nửa chừng. Đi xem tổng No là xem 5 màn mà câu chuyện không ăn nhập gì với nhau.

[3] - Họ không hành động cụ thể để chống đối bất công xã hội mà chỉ đóng góp vào việc san bằng bất công một cách ôn hòa. Tiêu biểu có Arishima Takeo đem ruộng đất thừa tự phân phát cho dân nghèo hay Mushanokoji Saneatsu lập những "làng mới", trong đó, ai chịu khó làm việc cũng đều có cơm ăn áo mặc. Những làng mới đã sớm bị phá sản và phải dẹp bỏ sau đó.

[4] - Điều này không có nghĩa là các nhà văn khuynh hướng khác (Akutagawa, Shiga) không sử dụng thủ pháp tự thuật.

[5] - Shinshicho ra mắt lần đầu năm 1907 như một tạp chí tổng hợp, lần thứ 2 năm 1910 như một tạp chí của những người chung chí hướng, có cả Tanizaki Jun - ichiro. Đến nay đã tái bản đến 20 lần.

[6] - Để giải thích sự yếm thế của Akutagawa, có thuyết cho rằng ông là con tư sinh. Akutagawa thường có cảm tưởng mình bị quỷ thần bách hại như nhân vật Oreste thời cổ Hy Lạp. Ông thích đọc "Đứa con của chị sen", kịch của Strindberg và (Đi trong bóng tối) (An - ya Koro) của Shiga Naoya, trong đó, nhân vật chính là kết quả của mối tình vô luân giữa bố chồng và nàng dâu.

[7] - Akai Tori, tạp chí văn chương dành cho nhi đồng, hai lần ra mắt độc giả, khoảng 1918 - 29 và 1931 - 36.

[8] – thần thoại Hy Lạp về Icarus trong, người gắn cánh bay lên mặt trời bị sáp nóng chảy và rơi xuống chết.

[9] – Henri de Régnier (1864 – 1936), nhà văn Pháp phái tượng trưng sau chuyển qua phái tân cổ điển.

[10] – Có lẽ người ta xem động cơ tự sát của văn nhân lúc nào cũng phức tạp hơn người thường. Trường hợp Romain Gary (Pháp), Ernest Hemingway (Mỹ), Dazai, Arishima, Mishima và Kawabata (Nhật) cũng làm tổn nhiều mực.

[11] – Kato, Shuuichi, sđd, quyển 3, trang 239.

[12] – Cùng với Vladimir Il'ich Lenin và Rosa Luxembourg, hai nhà cách mạng khác, hợp thành 3L.

[13] – Tozai no setten (Điểm gặp gỡ giữa Đông và Tây)

[14] – Akutagawa đã nhắc đến tên của Régnier trong bức thư tuyệt mệnh gửi cho Kume Masao trước khi tự sát.

[15] – William Morris (1834 – 1896) thi nhân kiêm nhà nghệ thuật tạo hình, nhà cải cách xã hội người Anh. Cuối đời, theo chủ trương xã hội không tưởng (Utopianism).

[16] – Trong Dawn to the West.

[17] – Kamo no Chomei (Áp, Trường Minh, 1155? – 1216), người thời Kamakura, cất am trong núi. Hojoki là một tác phẩm cổ điển của dòng văn học ẩn sĩ.

[18] – Trong dòng văn học này còn có Lỗ Tấn (Lu Xun, 1881 – 1936), một tên tuổi vĩ đại khác.

[19] – Nhận vật Hasegawa trong "Chiếc Mùi Soa" thất vọng với Vũ Sĩ Đạo rốt cuộc chỉ còn biết đặt lòng tin vào "cái lồng đèn Gifu bằng giấy phết có vẽ hình mấy con cò thu", tượng trưng đơn sơ của tâm hồn Nhật Bản đích thực, treo trước hiên nhà.

[20] – Xin xem thêm một biên khảo công phu của Đinh Văn Phước về nguồn gốc Sợi Tơ Nhện.

[21] – Người ông nhắc đến trong tùy bút Okawa no mizu "Nước dòng sông cái" (1912).

Đời Văn Chương Của Akutagawa Ryunosuke

(tiểu sử)

Nguyễn Nam Trân

- 1892 (1 tuổi) sinh ở Irifune (Tokyo), trưởng nam nhà Niihara. Mẹ phát cuồng, về làm con nuôi cho cậu là Akutagawa Michiaki, một văn nhân.

- 1898 (7 tuổi) học tiểu học. Học giỏi. Đã biết làm thơ Haiku.

- 1902 (14 tuổi) mẹ ruột chết. Cùng bạn đồng lứa lập tạp chí văn chương. Thích đọc các tác giả Nhật Bản thời Edo (Chikamatsu, Bakin, Ikku, Sanba) và hiện đại (Koyo, Rohan, Ichiyo, Ogai) và truyện Trung Quốc (Tây du, Thủy hử).

- 1910 (19 tuổi) tốt nghiệp trung học với bằng khen. Nhập học văn khoa trường Ikko (Dự bị Đại học) miễn thi. Quen biết với Kume Masao, Kikuchi Kan, Yamamoto Yuzo... những bạn đồng song và chung chí hướng.

- 1911 (20 tuổi) nội trú ở cư xá Hongo trường Đại học Đông Kinh. Nổi tiếng thông minh. Làm quen với tác phẩm của Auguste Strindberg, Anatole France, Henri Louis Bergson, Rudolf Eucken.

- 1913 (22 tuổi) tốt nghiệp Ikko đứng thứ hai trong số 27 người. Vào khoa Anh, nuôi mộng sáng tác.

- 1914 (23 tuổi) cùng với các bạn Kume, Kikuchi, Yamamoto... tái bản (lần thứ 3) tạp chí Shinshicho. Ra mắt Tuổi già (Ronen) và vở kịch Tuổi xuân và cái chết (Seinen to shi). Chính ra đã viết tùy bút Nước dòng sông Cái (Okawa no mizu) 2 năm về trước (1912).

- 1915 (24 tuổi) viết Mặt nạ hyottoko [1] (Hyottoko), cho đăng La Sinh môn (Rashomon). Gặp gỡ Natsume Soseki, từ đó hay lui tới học hỏi.

- 1916 (25 tuổi) tái bản (lần thứ 4) tạp chí Shinshicho. Cho đăng Cái mũi (Hana). Viết luận văn tốt nghiệp về William Morris, đỗ hạng 2 trên 20 người. Trong năm, lần lượt đăng tải đó đây Cháo khoai (Imogayu), Chiếc mùi soa (Hankechi), Địa ngục cô độc (Kodoku Jigoku), Cha (Chichi), Chấy rận (Shirami), Hy vọng (Kibo)Sâu rượu (Sake no mushi), Con nộm Noroma [2] (Noromatsu Ningyo), Khỉ (Saru), Căng buồm (Shuppo), Thuốc lá và con quỷ (Tabako to Akuma), Cái ống điếu (Kiseru).

- 1917 (26 tuổi) cho ra đời tập truyện ngắn đầu tiên La Sinh môn (Rashomon), và tập thứ hai mang tên Thuốc lá và con quỷ (Tabako to Akuma). Cùng năm, cho in Bản tường trình của Ogata Ryosai (Ogata Ryosai oboegaki), Số mệnh (Un), Hỏi đạo tổ sư (Doso Mondo), Trung nghĩa (Chugi), Ghi chép về một đám tang (Sogiki), Bọn đạo tặc (Chuto), Người Do Thái lang thang (Samayoeru Yudajin), Một ngày kia trong đời O-ishi Kuranosuk (Aruhi no O-ishi Kuranosuke)", Hứng Sáng Tác (Gesaku Zammai).

- 1918 (27 tuổi), đầu năm, cưới cô Tsukamoto Fumi. Định cư ở Kamakura, bình bút cho nhật báo Osaka Mainichi. Theo học haiku với Takahama Kyoshi (1874 - 1959), truyền nhân của Masaoka Shiki (1867 - 1902). Cùng năm ấy, đăng Tướng Tây Hương Long Thịnh (Saigo Takamori), Truyện đầu rơi (Kubi ga ochiru hanashi), Truyện về gã Yonosuke (Yonosuke no hanashi), Bóng tình yêu (Kesa to Morito), Địa ngục trước mắt (Jigokuhen), Sợi tơ nhện (Kumo no ito), Án mạng thời mới mở mang (Kaika no satsushin), Cái chết của một con chiên (Hokyonin no shi), Cánh đồng khô (Karenosho), Tà Tông Môn (Jashumon).

- 1919 (28 tuổi) cho ra mắt tập truyện ngắn thứ ba, Thầy tuồng múa rối (Kairai - shi). Từ chức giáo viên Anh văn ở trường Hải quân, ông chính thức gia nhập báo Osaka Mainichi nhưng đến sở hàng ngày mà chỉ đăng độc quyền mỗi năm một số truyện. Bố đẻ, Niihara Toshizo, chết, ông bỏ Kamakura dọn trở về nhà cũ vùng Tabata ở Tokyo, viết Hang quỷ đói (Gakikutsu). Năm ấy, tháp tùng Kikuchi Kan đi Nagasaki chơi

nên chuyển qua những đề tài liên quan đến giai đoạn người ngoại quốc vừa tới Nhật. Viết Thầy Mori (Mori sensei) , Tôi hồi đó (Ano koro no jibun no koto), Truyện thánh Christopher (Kirishitohoro shoninden), Những chuyện tôi đã gặp: mẩy trái quít, bãi lầy (Watakushi ga deatta koto: mikan, numachi), Trên đường (Rojo) , Con mụ phù thủy (Yoba). Thêm tập phê bình Nghệ thuật và những vấn đề khác (Geijutsu to sonota).

- 1920 (29 tuổi) Ra tập truyện thứ tư Đền kéo quân (Kagedoro). Sinh trưởng nam Hiroshi (phiên âm Kan của tên bạn Kikuchi Kan đặt cho con). Viết Cậu bé thợ săn Jirokichi (Rokozo Jirokichi), Tiệc khiêu vũ (Butokai), Niềm tin (Bisei no shin), Mùa Thu (Aki), Thánh mẫu áo đen (Kurogoromo Seibo), Chúa Kito ở Nam Kinh (Nankin no Kito), Cậu bé Đỗ Tử Xuân (Toshishun), Bóng (Kage), Nàng O-Ritsu cùng lũ con (O-Ritsu to kodomo to).

- 1921 (30 tuổi) Ra tập truyện thứ tư Hoa nở về đêm (Yarai no hana). Cùng năm, theo đoàn đặc phái viên báo Osaka Mainichi viếng thăm Trung Quốc, đi từ Thượng Hải, xuống Giang Nam, ngược dòng Trường Giang lên Lô Sơn, qua Vũ Hán, thăm hồ Động Đình, Trường Sa rồi lên Bắc Kinh. Tháng 7, lên đường về nước qua ngã Triều Tiên. Cho ra mắt Bức họa núi thu (Shuzanzu), Cuộn tranh vẽ kiếp lai sinh (Ojo emaki), Thượng Hải du ký (Jokai yuki), Mẹ (Haha), Đa tình (Koshoku).

- 1922 (31 tuổi) lại đi thăm Nagasaki. Tháng 5, cho ra tập tùy bút Điểm tâm (Tenshin) , tháng 8, tuyển tập Hoa thiêng Shara [3](Shara no hana), tháng 11, tập tiểu thuyết trung biên Tà Tông môn (Jashumon), coi như là phần tiếp theo của Jigokuhen. Sinh Takashi, con trai thứ. Lúc bấy giờ, sức khỏe của ông bắt đầu kém, có triệu chứng suy nhược thần kinh, thêm suy tim, rối loạn tiêu hóa vì lạm dụng thuốc ngủ. Khoảng thời gian này, viết Sư Tuấn Khoan (Shunkan); Bốn bề bờ bụi (Yabu no naka), Tướng quân (Shogun), Chiếc xe goòng (Torokko), Một truyện đền ơn (Ho - onki), Bà chúa Sáu (Roku no miya no himegimi), Chợ cá (Uogashi), Trinh tiết (O - Tomi no Teiso), Hoa loa kèn (Yuri).

- 1923 (32 tuổi) cho đăng liên tiếp Lời phát biểu của một người hèn kém (Shuju no kotoba) trên Bungei Shunju. Tháng 5, cho ra mắt tập truyện thứ 6 nhan đề Áo Tết (Shunfuku). Quen biết với vợ chồng Okamoto Kanoko và Hori Tatsuo, cả hai sau đều là nhà văn có tiếng. Đi thăm Kyoto và viết B à à à à (Obabababa), rồi Ba vật báu (Mitsu no Takara), Mấy con nộm (Hina), Trích sổ tay của Yasukichi (Yasukichi no techo kara), Bệnh của con (Kodomo no byoki), Cúi chào (Ojigi).

- 1924 (33 tuổi) Ra mắt tập truyện thứ bảy Gió Đông Nam (Kojakufu). Biên tập sách nói về văn chương Anh hiện đại (The modern series of English Literature) mất 8 tháng ròng. Ra tập tùy bút thứ hai Tạp thảo (Momokusa). Người chú chết, cậu em vợ thổ huyết, gây xúc động mạnh. Sức khỏe suy yếu dần. Trong năm viết Lời nhắn của cô dột cửi (Itome oboegaki), Cục đất (Ikkai no tsuchi), Hòn đảo kỳ lạ (Fushigina shima), Cậu bé (Shonen), Cái lạnh (Samusa), Cuốn tiểu thuyết ái tình (Aru ren - ai shosetsu).

- 1925 (34 tuổi) Ra mắt Tuyển tập Akutagawa Ryunosuke. Con trai thứ ba Yasushi ra đời. Phát hành Chuyến đi Trung Quốc (Shina Yuki) và sáng tác Thời trẻ của Shinsuke chùa Daidoji (Daidoji Shinsuke no hansei), Chân ngựa (Uma no kyaku), Tin tức từ trạm suối nước nóng (Onsendayori), Bên bờ biển (Umi no hotori). Có làm vài bài thơ nhưng vào thời điểm này, không những sức khỏe suy sụp mà hứng sáng tác cũng có vẻ cạn.

- 1926 (35 tuổi) Lại rối loạn tiêu hóa, suy nhược thần kinh phải lên suối nước nóng nghỉ ngơi. Cho phát hành tập tùy bút Ngựa, hoa mơ và chim cuốc (Uma, ume, hototogisu). Đăng Cây quạt Hồ Nam (Konan no uchiwa), Một ngày cuối năm (Nenmatsu no ichinichi), Người đất Việt (Etsubito) (gồm 25 bài thơ đối đáp), Nhớ chuyện xưa (Tsui - oku), Đêm xuân (Haru no yo), Sổ điểm danh những người đã khuất (Tenkibo), di cảo Điềm gỡ (Kyo).

- 1927 (36 tuổi) về lại Tabata. Người anh vợ tên Nishikawa Yutaka tự sát sau khi đốt nhà, để lại một món nợ to, ông phải

chạy đông chạy tây lo thanh toán. Bút chiến với Tanizaki Jun – ichiro chung quanh quan điểm nghệ thuật. Tập truyện thứ 8 nhan đề Cây quạt Hồ Nam (Konan no Uchiwa) là tập truyện cuối cùng. Đêm 24 tháng 7 uống hai liều thuốc ngủ rất nặng, tự sát. Bên gối có đặt quyển Thánh Kinh. Để lại nhiều di thư cho thân nhân và bè bạn, trong đó có Thư gửi một người bạn cũ (Aru kyuyu e okuru tegami) viết cho Kume Masao. Ngày 27, đàn anh như Izumi Kyoka, bạn đồng lứa như Kikuchi Kan, lớp sau như Kojima Seijiro chung sức tổ chức tang lễ. Tác phẩm phát hành trước khi chết có Sơn trang Genkaku (Genkaku sobo), Áo ảnh cuộc đời (Shinkiro), Hấn (Kare), Lại hấn (Kare daini), Biệt thự an nhàn (Yuyu – so), Xã hội thủy quái Kappa (Kappa), Dụ dỗ (Yuwaku), Nỗi u sầu của Taneko (Taneko no yu – utsu), Giồng Máy – Chương Đầu (Haguruma dai issho), Ba cánh cửa sổ (Mitsu no mado). Các di thảo được in trong năm gồm Hỏi và đáp trong bóng tối (Anchyu mondo), tiếp đó là Lời phát biểu của một người hèn kém (Shuju no kotoba), Giồng máy (Haguruma), Đời một chú ngốc (Aru aho no issho), Người phương Tây (Seiho no hito) và Tục biên – Người phương Tây Shoku Seiho no hito.

Tháng 11, Toàn tập Akutagawa Ryunosuke gồm 8 tập ra đời. Ngoài các tập luận thuyết văn học thì tùy bút cũng như các thi tập (mà ông viết với bút hiệu thơ Trùng Giang Đường) cũng được in lại.

[1] Mặt nạ có mồm chu chu như người đang thổi lửa. Mang lúc nháy múa làm trò.

[2] Con nộm múa rối mà thầy tuồng Noroma Matsukampei dùng để diễn lần đầu năm 1670 ở Edo (Tokyo bây giờ)

[3] Trong kinh Phật, hoa này mọc ở vườn Kỳ Viên bên Thiên Trúc.

Tư Liệu Tham Khảo

1) Akiyama, Ken & Mikoshi, Yukio biên tập, Shin Nihon Bungakushi (Tân Nhật Bản Văn Học Sử), Bun – eido, Tokyo, 2000.

2) Donald Keene, *Dawn to the West, Japanese Literature of the Modern Era, Volume 3 (Fiction)*, Clumbia University Press, NewYork, USA.

3) Oka Shohei, *Kaisetsu (Trình bày về tác giả Akutagawa)*, Mi Miyoshi Yukio, *Nenpyo (Mục lục các tác phẩm)*, *Nihon no Bungaku 29 Akukagawa Ryuunosuke*, 1964. Chuo Koron tái bản lần thứ 44 năm 1979.

4) Tomita, Hitoshi, *Tozai bungaku no setten " Điểm tiếp xúc của văn học Đông - Tây "*, Đại học Waseda, Tokyo, 1991.

5) Uno Koji, *Akutagawa Ryunosuke, tập1 và 2*, Chuo Bunko, Tokyo, 1975.

Hà Đồng ,

Xin chịu khó đọc là Kappa .

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Dịch giả : Cung Điền

Theo tự điển Nhật Kenkyusha , kappa được tả như một tiểu yêu , một quái vật sống dưới nước với cái đầu bồm xồm dùm tóc . Trên đỉnh đầu có một hõm đựng nước . Kappa (chữ Hán Việt : Hà Đồng , do ghép từ hai chữ Hà , Kawa và Đồng , wappa) đưa con nít sống dưới sông, hình dạng giống khỉ , mũi dài , mắt tròn , có râu màu nâu hung dưới cằm , da hơi xám , tay chân có 5 ngón , và có mùi tanh như mùi cá . Kappa thích ăn dưa , trứng , táo và gan người . Nếu trêu chọc , chúng khóc như một đứa trẻ ; làm vừa lòng Kappa , chúng sẽ đền ơn . Du khách tới Nhật có thể thêm mục đi kiếm kappa vào trong chương trình thăm viếng xứ mặt trời mọc , bằng cách thăm vùng Mito hay đi bơi trên sông Oise gần Nagoya . Ngày nay trẻ con tại thôn quê vẫn còn có thói quen trước khi bơi lội , quẳng dưa xuống sông làm lễ vật lấy lòng Kappa để khỏi bị chúng trêu ghẹo .

Vì Kappa chỉ là con vật hoang tưởng , nên truyện này được coi như truyện Gulliver phiêu lưu ký của Jonathan Swift (1) , Erewhon của Samuel Butler (2) hay Đảo chim cánh cụt của Anatole France (3) . Có thể Akutagawa Ryunosuke đã chịu ảnh hưởng từ những truyện này ?

Qua xã hội loài kappa , AR chỉ trích chính xã hội đương thời Nhật Bản , những cái kênh kiệu của ông chủ hãng thủy tinh Gaël , nhóm chính trị gia , nhóm ký giả báo chí và những nghiệp đoàn . Không chừa một giai cấp nào , kể cả những cuộc cãi vã giữa những người làm văn nghệ . Sau rốt , chủ đề của ông còn là tình người , tình vợ chồng . Vào cuối thập niên năm 20 của thế kỷ trước mà AR đã đề cập tới vấn đề sống

chung trai gái không cần cưới xin như nhà thi sĩ Tocc với một con kappa cái .

Qua cái áp phích về vấn đề sinh đẻ , AR đã hé cho chúng ta thấy ông chống lại tư tưởng ái quốc quá khích và quân phiệt đang lên trong xã hội Nhật vào cuối thập niên 20 , và chế độ này đã thành hình trong hai thập niên 30 và 40 đưa đến việc Nhật chiếm đóng Triều Tiên , Trung Hoa lục Địa và bán đảo Đông Nam Á với chiêu bài Đại Đông Á .

Akutagawa Ryunosuke là thi sĩ Tocc , là triết gia Mag , là ông quan toà Pep , là bệnh nhân số 23 trong bệnh viện tâm thần . Những chỉ trích của tác giả vẫn không hề mất thời gian tính . Lấy một ví dụ khi quan toà Pep nói về điều khoản 1285 của bộ hình luật xứ Kappa , bị can sẽ không bị trừng phạt khi nguyên nhân không còn nữa . Điều này , tại nhiều nước hiện nay , tội của cha mẹ , nếu có , còn đổ lên đầu con cháu y như tru di tam tộc vào thời kỳ phong kiến trước đây .

Qua Kappa , tác giả khi đề thi sĩ Tocc tự vẫn , đã không nhiều thì ít hé mở cho ta thấy cách giải quyết cuộc đời của chính tác giả vào mấy tháng sau đó .

Truyện được hoàn tất vào tháng 2 Chiêu Hoà năm thứ 2(1927) .

Người dịch được đọc truyện Kappa lần đầu tiên vào khoảng cuối thập niên 50 trong tạp chí Bách Khoa , vẫn giữ được sự thích thú đến mãi bây giờ , sau gần 50 năm . Đó cũng là lý do người dịch đã chọn Kappa để chuyển ngữ .

Nguyên tác tiếng Nhật lấy từ mạng internet www.Azora.gr.jp , thư viện ngoài trời .

Dẫn nhập

Đây là câu chuyện của bệnh nhân mang số 23 tại bệnh viện tâm thần . Y kể cho bất cứ ai muốn nghe . Y phải trên 30 , nhưng thoát trông thì y có vẻ trẻ hơn nhiều . Những việc xảy ra trước đây trong đời y à ... , nhưng mà thôi , mấy thứ đó chẳng có gì quan trọng ! Y chỉ ngồi bất động , hai tay ôm đầu gối , thỉnh thoảng đưa mắt nhìn ra ngoài , phía trước cửa sổ

có chấn song sắt , chỗ một cây sồi trụi lá , ngay cả những lá khô , vươn những cành cây lên bầu trời u ám đầy mây tuyết , tiếp tục kể cho Bác Sĩ S . viện trưởng và tôi , câu chuyện dài không dứt của y . Dĩ nhiên khi kể chuyện , không phải là y không kèm theo điệu bộ . Chẳng hạn khi y nói:" làm tôi ngạc nhiên" , thì y bắt chợt ngửa đầu ra phía sau .

Tôi nghĩ có thể xác nhận đã ghi lại khá chính xác về những điều y kể mà mọi người sẽ đọc . Thản hoặc nếu có ai không lấy làm đủ với những gì tôi ghi chép lại , có thể tới tìm hỏi tại bệnh viện tâm thần của Bác Sĩ S . tại làng X , ở ngoại ô thành phố Tokyo . Bệnh nhân số 23 , trông còn trẻ hơn tuổi anh ta , sẽ cúi gập người chào , và chỉ cho một cái ghế không gối . Rồi với nụ cười buồn , rất điềm tĩnh , y sẽ lập lại chuyện của y . Cuối cùng – tôi còn nhớ rất rõ nét mặt của y sau khi đã kể xong – đứng thoát dây , vung nắm tay và mắng bất cứ một ai: Cút khỏi đây , đồ gian hiểm ! Mày cũng vậy , đồ ngu ! đồ bủn xỉn , đồ tà dâm , đồ vô liêm sỉ , đồ hiếu danh , đồ súc vật ích kỉ . Cút khỏi đây ! đồ gian hiểm !

1

Chuyện xảy ra vào một mùa hè cách đây 3 năm . Lưng đeo ba lô như mọi người , tôi đi từ nhà khách trọ tại một suối nước nóng miền Kamikochi (4) , để leo lên ngọn núi Hotaka . Như quý vị đã biết , không có đường nào lên đỉnh núi này ngoài con đường phải đi ngược dòng sông Azusa . Trước đây tôi đã leo một lần lên ngọn núi Hotaka và ngay cả ngọn Yarigatakê thành ra tôi cũng không cần phải đi cùng với một người dẫn đường .

Tôi đi ngược thung lũng Azusa khi sương mai còn bao phủ , nhưng làn sương mai dường như không tan đi , mà càng dày đặc thêm . Sau khoảng một giờ đi , tôi tự nghĩ tốt hơn là quay trở về nhà trọ ở suối nước nóng Kamikochi . Nhưng ngay cả đi trở về Kamikochi , cũng phải chờ sương mai tan đi . Mà mỗi lúc , màn sương càng dày đặc . Tôi tự nhủ: " Thế thì ta lại leo ! " và tôi cứ rẽ lối trong những bụi trúc còi (5) mà tiến tới , cố gắng không rời xa thung lũng sông Azusa .

Trong khi đó , màn sương mù vẫn tiếp tục che trước mắt . Tuy vậy , đôi lúc qua màn sương , tôi nhìn thấy những cành cây giẻ gai hay những cây thông đầy lá xanh . Rồi , chợt hiện ra trước mặt những đầu ngựa , đầu bò người ta thả trong những cánh đồng cỏ . Nhưng những con vật này cũng biến mất rất nhanh trong làn sương dày đặc . Chẳng bao lâu , chân bắt đầu thấy mỏi , bụng đã bắt đầu thấy đói , và thêm vào nữa , bộ quần áo leo núi cùng cái khăn choàng len ướt đẫm sương , trở lên nặng hơn thường lệ . Rút cục tôi đành bỏ cuộc , lần theo tiếng nước vỗ vào đá , quyết định quay trở xuống dòng sông Azusa.

Ngồi trên một tảng đá bên bờ nước , trước hết tôi bắt đầu sửa soạn bữa ăn . Mở hộp thịt bò nguội (6) , kiếm vài cành cây khô và nhóm lửa ... tất cả mất vào khoảng 10 phút . Trong lúc đó , làn sương còn mù mịt đến tận lúc đó , bỗng dần dần tan đi . Vừa gặm miếng bánh , tôi vừa liếc mắt nhìn đồng hồ đeo tay . Thế mà đã quá 1h20 . Nhưng chuyện làm tôi ngạc nhiên hơn cả , là một bộ mặt ghê tởm phản chiếu lên trên khung kính tròn của chiếc đồng hồ . Giật mình , tôi quay người lại . Và này ... đây là lần đầu tiên tôi thấy một vật mà thiên hạ gọi là kappa (xem lời dẫn nhập) . Trên tảng đá sau lưng tôi , một con kappa , như người ta biết qua những hình vẽ , một tay đang ôm thân cây bạch dương , một tay đưa ngang tầm mắt , nhìn tôi dằng dặc .

Vì sững sờ tôi ngồi bất động một lát . Con kappa cũng ngạc nhiên như vậy , tay không nhúc nhích , vẫn để tay ngang tầm mắt . Rồi vào lúc đó , tôi nhồm ngay dậy , nhảy về phía con kappa trên tảng đá . Con này cũng chạy trốn , hay đúng hơn , làm ra vẻ như chạy trốn . Thật ra là nó nhảy xa ra một bước và biến mất dạng trong nháy mắt . Càng lúc càng ngạc nhiên , tôi đưa mắt nhìn quanh đám trúc còi . Thì ra con vật ở đó , cách xa tôi vào khoảng 2 hay ba thước , đầu hướng về phía tôi và nhìn tôi chăm chăm , sẵn sàng chạy trốn . Đến bây giờ , không có gì là huyền bí cả . Cái làm tôi kinh ngạc là mầu da thân hình . Khi con vật nhìn tôi từ phía trên tảng đá , toàn

thân nó màu tro , bây giờ , toàn thân đã biến ra màu xanh lá cây . Đồ súc sinh , tôi kêu lên và lại nhảy xông về con vật . Dĩ nhiên nó lại chạy trốn , và trong khoảng độ chừng nửa giờ , xuyên qua những bụi trúc còi , nhảy từ viên đá này qua viên đá khác , tôi đuổi theo con kappa không ngừng .

Kể về nhanh nhẹn thì kappa không thua gì loài khỉ . Tôi đuổi theo con vật như trong một giấc mơ , suýt nữa mất hút mấy lần , nhiều lần trượt chân mất thăng bằng và ngã . Nhưng khi chúng tôi chạy tới chỗ một cây hạt dẻ lớn , xum xuê cành lá , thì may mắn có một con bò mộng chắn ngang đường Kappa . Con bò với hai sừng to tướng , hai mắt đầy gân máu . Nhác thấy con vật , kappa hét lên một tiếng gì không rõ , nhảy dúi đầu vào một bụi trúc còi hơi cao hơn những bụi khác .

Tôi tự nhủ: "Tóm được mi rồi ! " , và tôi đuổi theo ngay lập tức . Thế rồi chắc có một cái hố lớn mà tôi không thấy vì tay tôi mới chạm đến cái lưng nhom nhóp của con Kappa thì người đã rơi vào trong khoảng tối dày đặc , đầu lộn xuống trước . Cái con người ta , trong lúc nguy cơ mạng treo sợi tóc , lại nghĩ tới những điều thật quái dị . Và đúng vào lúc tôi chỉ đủ thốt lên một tiếng " Ối ! " đó , thoáng hiện ra trong trí nhớ cái cầu Kappabashi – cầu Kappa– gần nhà khách trọ suối nước nóng Kamikochi . Sau đó ... tôi chẳng nhớ chuyện xảy ra tiếp theo . Chỉ thấy một cái gì như một tia chớp trước mắt , trước khi tôi ngất đi .

2

Một khoảng thời gian trôi qua trước khi tôi hồi tỉnh . Tôi vẫn ngã nằm dài , ngã ngửa , đông đảo Kappa bu quanh . Quỳ gối bên cạnh tôi , một con Kappa đeo kính cặp trên cái mỏ lớn , đang áp chiếc ống nghe trên ngực tôi . Khi thấy tôi mở mắt , y ra dấu cho tôi "Nằm yên ! " , và gọi một Kappa khác đứng sau lưng: Quax ! ... Quax ! (7) Cùng lúc đó , hai Kappa khiêng một cái băng- ca , không biết từ đâu bước tới . Tôi được đặt lên trên và được khiêng đi yên lặng qua một đường phố đầy Kappa . Hai bên đường cũng chẳng khác gì đường phố tại Ginza (8) . Ở đây , hai bên đường trồng cây dẻ gai , những cửa

hàng với những tấm bạt che nắng căng trước cửa và xe cô đi lại không ngừng .

Một lát sau cái băng- ca khiêng tôi rẽ vào trong một con đường hẹp , và tôi được một Kappa mang trên vai vào trong một căn nhà . Sau này tôi mới được biết đó là nhà của con Kappa đeo cái kính cặp , một bác sỹ có tên Chak . Chak đặt tôi nằm trên một cái giường sạch sẽ , và cho tôi uống một ly thuốc nước trong suốt . Nằm dài trên giường , trong khi Chak tiếp tục săn sóc tôi . Thật ra , thân thể đau như khắp nơi , tôi không thể cựa quậy chi được cả .

Ít nhất là hai hay ba lần trong ngày , Chak đến khám nghiệm tôi , không thiếu một ngày nào . Ngoài ra , cứ ba bữa một lần , con kappa mà tôi gặp lần đầu , một người đánh cá có tên Bag , đến thăm tôi . Sự hiểu biết của kappa về loài người vượt xa sự hiểu biết của loài người về kappa . Chuyện này có thể do loài người bị bắt trong tay kappa nhiều hơn là số kappa bị bắt trong tay loài người . "Bị bắt" có thể dùng nghĩa hơi thái quá , vì chúng ta , loài người , trước thời tôi , một đôi khi cũng đã lọt được vào thế giới của loài kappa . Hơn nữa , cũng có khá nhiều người đã từng sinh sống suốt đời trong xứ kappa . Quý vị có biết tại sao không ? Tại vì , đơn giản nhất nếu là người đến sống trong xã hội kappa , chúng ta được hưởng ân huệ không cần phải làm việc . Theo lời của Bag thì , có một anh thợ làm đường , tới xứ này vì tình cờ may mắn , cưới một con kappa cái trẻ , và sống tới khi chết tại đây . Có điều đáng kể là con kappa cái này , được coi là hoa hậu trong xứ , không ngừng cấm sừng ông chồng , anh thợ làm đường .

Sau một tuần lễ , theo luật của xứ , người ta cấp cho tôi một ngôi nhà bên cạnh ngôi nhà của Chak , như là 'Đặc biệt bảo hộ trú dân'(dân cư ngụ được đặc biệt bảo trợ) . Tuy có hẹp nếu tính theo kích thước , nhưng ngôi nhà tôi ở rất tươi tắn . Phải nói thêm là nền văn minh của xứ này không khác gì nền văn minh của loài người , ít ra so với Nhật Bản . Một cây đàn dương cầm nhỏ được đặt trong một góc phòng khách

nhìn ra ngoài đường . Một bức tranh chạm nổi đóng khung treo trên tường . Nhưng toàn thể căn nhà , bàn , ghế , tất cả theo thước tắc của kappa , nên chi tôi thấy như mình ở trong một căn phòng của trẻ con . Đó là điều bất tiện duy nhất đối với tôi .

Mỗi ngày vào buổi tối , tôi tiếp Chak , Bag tại căn phòng này , và tôi học ngôn ngữ kappa . Thật ra không những chỉ có Chak và Bag không thôi , vì với danh nghĩa "một công dân được đặc biệt bảo trợ" , tất cả mọi người đều tò mò muốn biết . Có Gaël , giám đốc một xưởng làm thủy tinh , thường gọi Chak tới đo áp huyết mỗi ngày tại nhà , là một trong những bộ mặt quen thuộc tại phòng khách nhà tôi . Nhưng phải nói là người mà tôi thân thiết nhất trong hai tuần lễ đầu là anh chàng đánh cá Bag .

Vào một buổi chiều nóng ẩm , Bag , người đánh cá và tôi , ngồi đối diện nhau tại bàn . Chẳng hiểu y nghĩ gì mà không những y ngồi im , lại mở tròn đôi mắt lớn , nhìn tôi . Tôi lúng túng hỏi y: Quax , Bag ! Quo quel quan ? (9) , nếu dịch ra thì nghĩa là: này Bag ! có chuyện gì vậy ? . Nhưng y không trả lời , vọt đứng dậy , thè cái lưỡi dài về phía tôi và định nhẩy chồm tới tôi như một con ếch . Càng lúc càng tỏ ý lo ngại , tôi đứng dậy khỏi ghế , và định phóng vọt ra cửa thì may sao ông Bác sỹ Chak hiện ra , thò đầu vào trong phòng .

- Ê Bag , anh đang làm gì vậy ?

Chak đeo cái kính cặp , nhìn anh chàng Bag . Và Bag tỏ vẻ bối rối , để tay lên đầu mấy lần , và xin lỗi cùng Chak:

- Xin ông thứ lỗi cho tôi , chả là tôi thích thú khi thấy vị này tỏ ra không được an tâm , nên chi tôi không tự chủ được , định đùa chơi một tư . Xin vị này tha lỗi cho tôi .

3

Trước khi tiếp tục câu chuyện , tôi xin phép được nói qua về loài kappa : một loài mà đến nay vấn đề có tồn tại hay không cũng vẫn được đặt ra . Nhưng nghi vấn này không còn nữa , vì chính tôi đã từng chung sống với chúng một thời gian

. Nếu chúng ta hỏi kappa là loài như thế nào , thì phải giải thích là chúng có chùm tóc ngắn trên đầu , ngón tay và ngón chân dính liền với nhau như chân vịt , không khác gì như đã được tả trong cuốn Suiko Koryaku (Thủy Hồ Khảo Lược , lời bàn sơ lược về hồ nước) (10) . Thân hình cao không quá 1 thước , theo bác sỹ Chak thì nặng vào khoảng 20 đến 30 cân Anh (pound) , và ít khi gặp những người nặng đến 50 cân Anh . Ngoài ra ở ngay trên đỉnh đầu có một cái đĩa hình bầu dục , cứng dần với tuổi tác . Thật vậy , cái đĩa trên đầu ông già kappa Bag khi sờ khác hẳn cái đĩa trên đầu anh chàng trẻ kappa Chak . Nhưng cái điều kỳ lạ nhất là màu da của kappa . Loài kappa không có một màu da rõ rệt như da người ta , màu da của loài kappa thay đổi với màu của môi trường xung quanh; thí dụ khi chúng ở trong cỏ , màu da chúng biến thành màu xanh lá cây , và khi chúng ở trên tảng đá thì chúng trở nên xám như tảng đá . Điều này không những chỉ dành riêng cho loài kappa mà còn ở những loài như kỳ nhông . Không biết rõ da của loài kappa có cấu trúc gần giống loài kỳ nhông hay không , tôi cũng không được rõ cho lắm . Sự khám phá này khiến tôi nhớ lại một tài liệu dân tộc học cho biết loài kappa có màu xanh lục khi ở tỉnh miền Tây , và có màu đỏ khi ở tỉnh miền Đông- Bắc; tôi cũng còn nhớ trong lúc chạy đuổi theo Bag , tôi không hiểu tại sao tự dưng ông ta biến mất . Ngoài ra hình như loài kappa có một lớp mỡ dày dưới da . Mặc dù với nhiệt độ hơi thấp với xứ ở dưới lòng đất này (vào khoảng 50 độ Fahrenheit)(11) , loài kappa không biết tới quần áo . Hầu như , theo tôi , con kappa nào cũng đeo kính , mang những hộp xì gà và ví đựng tiền . Nhưng loài kappa có một cái túi ở đằng trước bụng như loài kangourou , rất tiện lợi bỏ đủ thứ đồ trong đó khi không muốn cho ai biết . Chúng không che cái phần dưới của thân thể , điều này đối với tôi rất khôi hài .

Một bữa tôi hỏi Bag lý do tại sao dân kappa lại có thói quen trần truồng như vậy . Lúc đó ông ta ngửa người ra đằng sau

và cười ngặt ngoẹo một hồi lâu , và trả lời tôi: "Cái mà tớ thấy khôì hài là cậu mặc quần áo" .

4

Dần dần tôi học nói được tiếng kappa thông dụng , và vì vậy tôi làm quen dần với phong tục của loài này . Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là loài kappa bật cười khi loài người chúng ta coi là nghiêm trang , và những chuyện loài người cười cợt thì loài kappa lại cho là đứng đắn . Nói tóm lại , đúng là một thế giới đảo ngược hẳn . Thí dụ loài người chúng ta coi tất cả những gì có liên quan đến công lý , nhân bản là đứng đắn thì lại là những đề tài để cợt nhả đối với loài Kappa ! Khái niệm hoạt kê ở loài này dựa trên một căn bản hoàn toàn khác đối với loài người chúng ta . Một hôm tôi tiếp chuyện cùng bác sĩ Chak về vấn đề hạn chế sinh đẻ . Ông ta mở lớn miệng , cười đến nỗi làm rơi cả đôi kính cặp . Tôi hỏi ông ta có điều chi đáng buồn cười trong chuyện đó thì ông ta có vẻ bực mình về lời trách móc của tôi . Câu trả lời của Chak , tôi còn nhớ , thì như sau , dẫu rằng tôi có thể nhầm lẫn về chi tiết , vì thật ra tôi cũng chưa quán triệt được tiếng Kappa cho lắm .

" Nói cho cùng , thật là kỳ quặc khi các đấng làm cha mẹ chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình ? Thật là quá ích kỷ , cậu nghĩ thế nào ?

Thật trái với điều xảy ra ở loài người , không có gì khôì hài hơn là chuyện sinh đẻ ở loài kappa . Thế thì không lâu sau cái lần trò chuyện này , tôi tới dự tại căn nhà nhỏ của Bag lúc bà vợ đang ở cũ , Trong trường hợp như vậy , loài kappa cũng hành động tương tự như người mình . Cũng như ở xứ ta , kappa cũng nhờ đến bác sĩ hay bà mụ . Nhưng lúc đưa trẻ ra đời , ông bố ghé cái miệng gần âm hộ , như thể nói điện thoại và cất to tiếng hỏi: "Mày có muốn sinh ra ở cõi đời này không ? Hãy trả lời sau khi đã suy nghĩ chín chắn . " . Bag cũng vậy , quỳ gối và lặp lại nhiều lần lời này . Sau đó lão súc miệng với nước khử trùng để trên bàn . Với mệnh lệnh này , đứa trẻ chưa sinh , còn nằm trong bụng mẹ , hình như có vẻ hơi bực bội , trả lời với một giọng yếu ớt:" Tôi không muốn ra đời .

Trước hết vì cái bệnh tâm thần di truyền của ông bố , và nguyên bệnh này sẽ là một gánh nặng cho tôi . Lại nữa , tôi tin chắc rằng đời sống làm kappa không có gì tốt đẹp cả . "

Với câu trả lời này , Bag gãi đầu như có vẻ bối rối . Nhưng bà mẹ đứng gần đó , không chờ đợi lâu , liền thọc vào trong âm hộ của bà vợ một cái ống lớn bằng thủy tinh và bơm vào đó một thứ nước . Lúc đó , như thể thoát đi một gánh nặng , bà vợ Bag thốt ra một tiếng thở phào . Cùng lúc ấy , cái bụng đang phình to tới lúc đó , bỗng dưng xẹp dần xuống như một quả bóng xì khinh khí .

Có điều dĩ nhiên là trẻ con kappa , ngay lúc sinh ra đã biết đi và nói . Theo lời Chak kể cho tôi nghe thì có một đứa trẻ , 26 ngày sau khi sinh , đã diễn thuyết về sự hiện hữu hay không hiện hữu của thượng đế . Phải nói thêm rằng đứa trẻ này chết hai tháng sau đó , như người ta thuật lại với tôi .

Nhân nói về chuyện sinh đẻ , tôi xin tả lại một áp-phích lớn mà tôi tình cờ thấy tại một góc đường , ba tháng sau khi tôi vào xứ này . Ở dưới áp-phích có vẽ vào khoảng mười mấy con kappa , đứa thổi kèn , đứa mang gươm . Ở phần trên , người ta viết sát vào nhau , những chữ xoắn như lò xo đồng hồ , chữ viết của loài kappa . Dịch nghĩa những chữ xoắn thì như sau . Tôi không dám bảo đảm đúng tất cả những chi tiết . Nhưng dấu vậy , tôi đã ghi lại từng lời một của một sinh viên có tên Rapp , anh ta cùng đi với tôi , và đã to tiếng đọc cái áp-phích:

Hãy gia nhập đoàn thiện chí di truyền ! !

Hỡi nam nữ Kappa khỏe mạnh ! !

Để loại trừ những khuyết tật về di truyền

Hãy lập gia đình với những nam nữ Kappa không khỏe mạnh ! !

Dĩ nhiên tôi cho Rapp hay là chuyện này không thể thực hiện được . Lúc đó , không những Rapp , mà tất cả những Kappa đứng gần tấm áp-phích cười ồ lên .

- Không thể thực hiện được ? Theo lời ông kể thì các ông cũng làm như chúng tôi . Với lý do gì ở xứ các ông , con trai các ông đi mê đũa ở , và con gái chủ phải lòng anh tài xế ? Có phải là để xoá bỏ một cách không ý thức những xấu xa di truyền ? Thứ nhất , so sánh với đoàn chí nguyện quân của loài người các ông mà ông mới kể đây đã giết lẫn nhau để chiếm đoạt một đường rầy xe lửa - đoàn thiện chí của chúng tôi còn cao thượng hơn , ông không nghĩ như vậy hay sao ?

Trong khi Rapp nói với một vẻ nghiêm nghị , chỉ có cái bụng phệ của anh ta rung rung không ngừng với vẻ thích thú . Mà tôi không có hứng thú để cười , vì tôi đang vội chạy theo bắt một con kappa . Con này nhân lúc tôi không để ý đã chộp của tôi cây bút máy . Nhưng loài kappa , làn da trơn nhờn nên khó mà nắm được . Và kẻ cắp , lẹ làng nhẩy một bước , trượt ra ngoài khỏi tay tôi chạy mất . dạng . Thân hình gầy như con muỗi , y gặp người lại , chạy trốn mất .

5

Rapp đối với tôi cũng chí tình chẳng kém gì ông Bag . Và điều tôi không thể nào quên được là anh ta giới thiệu tôi một kappa có tên Tốc . Tốc là nhà thơ của thế giới kappa . Nhà thi sỹ Tốc có bộ tóc dài cũng như những nhà thơ của loài người . Đôi lúc để giết thì giờ , tôi đi thăm Tốc . Tốc có vẻ sống một cuộc đời rất thoải mái , làm thơ và hút thuốc trong một căn phòng hẹp , có bày những chậu cảnh trồng cây ở miền núi cao . Trong một góc phòng , một con kappa cái (Tốc chủ trương sống chung tự do , không lập gia đình) đang ngồi đan , hay đang làm công chuyện gì đó của một người đàn bà kappa . Khi Tốc thấy tôi , không khi nào thiếu nụ cười trên môi (tôi phải thú thực rằng nụ cười của loài kappa không có vẻ gì là dễ chịu cả , ít ra từ đầu tôi thấy có vẻ đáng lo ngại): "Rất vui được ông lại chơi , xin mời ông ngồi trên cái ghế đó ."

Tốc thường kể cho tôi nghe về đời sống loài kappa , về nghệ thuật của loài này ... Đối với Tốc , không có gì phi lý hơn là cuộc sống mà loài kappa cho là bình thường . Cha mẹ , con cái , vợ chồng , anh chị em , tất cả sống với niềm vui duy nhất

là hành hạ lẫn nhau . Đặc biệt không có gì ngu dốt hơn là cấu trúc gia đình ở đây .

Một hôm , Tocc đưa tay chỉ về phía cửa sổ , nói như nhỏ ra: "Hãy nhìn này , thật là ngu xuẩn"

Trước cửa sổ , một con kappa đực còn trẻ , đang thở hổn hển kéo theo một đàn kappa cả nam lẫn nữ 7 hay 8 người , trong đó có lẽ có cả cha mẹ , đang đeo trên cổ gã . Nhưng khi tôi tỏ ra có cảm tình với con kappa trẻ về tinh thần hy sinh của gã và ca ngợi gã .

- Đây , ông có đức tính để trở thành thị dân của xứ này đấy ... À này , ông là người theo chủ nghĩa xã hội phải không ?

Dĩ nhiên tôi trả lời "Qua " (theo tiếng kappa có nghĩa là phải) .

- Thế thì ông không do dự gì hy sinh một thiên tài cho trăm đứa tầm thường .

- Thế còn ông , ông theo chủ nghĩa gì ? (có người nói với tôi là Tocc theo chủ nghĩa vô chính phủ ...)

- Tôi ? Tôi là siêu nhân (dịch trực tiếp đúng nghĩa là siêu kappa) - Tocc hãnh diện trả lời .

Anh ta có quan niệm cá nhân về nghệ thuật . Theo anh ta , nghệ thuật phải không có ràng buộc . Nghệ thuật vị nghệ thuật . Một nghệ sĩ , trước hết phải là một siêu nhân , hoàn toàn không bị ràng buộc gì với luân lý .

Tôi phải thú thực rằng ý kiến này không phải riêng của anh ta . Hầu như tất cả những thi sĩ bạn bè của Tocc đều chia sẻ ý kiến này .

Tôi xin kể một dữ kiện để minh xác lời của tôi .

Tôi thường lui tới hội "siêu nhân" cùng với Tocc . Ở đó tụ họp thi sĩ , nhà soạn kịch , nhà phê bình , họa sĩ , nhạc sĩ , nhà điêu khắc , và những nghệ sĩ nghiệp dư ... , tất cả đều là những siêu nhân . Trong một căn phòng khách sáng trưng đèn điện , bọn họ truyện trò vui vẻ như thường lệ . Ngoài ra , bọn họ hãnh diện thích tỏ ra kiểu cách siêu nhân . Thí dụ , có

một nhà điêu khắc đang nắm một kappa còn trẻ ở giữa những chậu cây dương xỉ to cổ quái và đang hăng hái làm động tác lắp dít . Một nữ văn sĩ , trèo lên trên bàn , muốn biểu diễn uống cho hết 60 chai rượu áp- sanh (12) . Đến khi uống hết chai thứ 60 , bà ta ngã lăn quay khỏi bàn , và tắt thở .

Vào một đêm trăng sáng tuyệt đẹp , tôi và Tốc khoác tay nhau trở về nhà từ câu lạc bộ của những siêu nhân . Trái với thường lệ , Tốc mặt mày rầu rĩ , im lặng . Trên đường trở về , chúng tôi đi qua trước một khung cửa sổ nhỏ , soi sáng ; bên trong hai kappa , một nam một nữ- có vẻ là vợ chồng , đang ngồi ăn cơm tối quanh chiếc bàn với 2 , 3 kappa nhỏ . Thấy cảnh tượng này , Tốc thở dài và đột nhiên nói với tôi:

- Thật ra , về tình yêu , tôi tự coi mình như là một siêu nhân . Nhưng khi nhìn thấy cảnh gia đình như vậy , tôi cũng đâm ra ghen tị .

- Mà này , tôi hỏi Tốc- cậu không thấy cậu mâu thuẫn với chính mình hay sao ?

Trong lúc đó , Tốc đứng im lặng dưới ánh trăng sáng , vẫn khoanh hai tay , qua khung cửa sổ nhỏ , nhìn vào cái bàn có 5 con kappa đang thanh thản dùng cơm tối . Sau một lát , anh ta trả lời tôi:

- Dù sao đi nữa , dĩã trứng trắng kia trông còn vệ sinh nhiều hơn là tình yêu .

6

Thật ra tình yêu ở loài kappa khác hẳn tình yêu của con người ta . Con kappa cái , khi thấy một con kappa đực vừa mất , sẽ không chừa một thủ đoạn nào để bắt được con này . Cô nào thật thà nhất thì chỉ biết liều lĩnh đuổi theo con kappa đực . Chính mắt tôi thấy một con kappa cái đuổi theo một con kappa đực như điên như khùng . Lại nữa , không riêng cô mà cả cha mẹ lẫn anh em cô cũng tham dự trong cuộc rượt bắt này . Những con đực có một cuộc sống thật đáng thương hại ! Ngay cả sau khi chạy trốn khắp nơi , và ngay cả nếu may mắn trốn thoát khỏi bị bắt , con đực cũng phải nằm liệt giường

trong 2 hay 3 tháng . Có lần tôi đang đọc tập thơ của Tố tại nhà , thì anh chàng sinh viên Rapp tình tình chạy vào , ngã lăn trên sàn , vừa thở hổn hển vừa nói:

- Khiếp quá , tôi bị con mẹ đó nó ôm hôn !

Không mất một giây , tôi quăng tập thơ , khóa ngay cửa . Qua lỗ khoá , tôi thấy một con kappa cái lùn tịt , mặt trét đầy phấn bột lưu huỳnh , đi qua đi lại trước cửa . Từ hôm đó , Rapp phải nằm trên giường tôi mất vài tuần lễ , Không những thế , cái mỗ của anh ta bị loét và sút ra .

Thật ra , một đôi khi cũng có con đực ra sức rượt theo con cái . Nhưng , chính là con cái đã khéo léo hành động để con đực không thể cưỡng lại được ý muốn đuổi theo nó . Chính mắt tôi cũng có lần trông thấy một con đực đuổi theo con cái hết mình . Vừa chạy trốn , đôi lúc con cái ngừng lại nhìn , hình như lại cố ý không dấu diếm , bò 4 vó . Rồi tới lúc , con cái làm như kiệt sức , thị tự để bị bắt rất dễ dàng . Con đực , tôi nhìn thấy , lăn mình xuống đất trong một lúc , ôm siết con cái . Cuối cùng con đực đứng dậy Thất vọng ? hối hận ? tôi không thể tìm ra được tinh từ để tả đúng dáng khuôn mặt đáng thương của anh chàng lúc đó . Thật ra đó là còn tốt chán . Có lần tôi chứng kiến một kappa đực bé tí tẹo đang đuổi theo một con kappa cái , và như thường lệ , thị dờ dờ vừa chạy vừa dụ dỗ khiêu khích . Đúng lúc đó , ở phía bên kia đường , một con kappa đực cao lớn như hộ pháp đang cúi kính âm ừ bằng mũi đang tiến về phía hai đứa . Khi con kappa cái trông thấy con này , thị hét to với giọng lạnh lạnh:

- Cứu tôi ! Cứu tôi ! con kappa này muốn giết tôi !

Dĩ nhiên kappa hộ pháp túm con kappa nhỏ , dúm xuống đất giữa đường . Con kappa nhỏ rung rung hai bàn tay chân vọt trong không hai ba cái rồi tắt thở . Con kappa cái đã bám chặt vào cổ con kappa hộ pháp , nhoẻn miệng cười lẳng lơ .

Tất cả những con kappa đực tôi quen biết đều bị kappa cái săn đuổi . Ngay cả Bag , đã có vợ con , cũng không thoát được cái thông lệ này , thậm chí ông ta còn bị bắt 2 hay 3 lần . Riêng có Mag , nhà triết học (người hàng xóm của Tố) chưa

bao giờ là nạn nhân của một cuộc săn đuổi nào . Có lẽ vì ông ta quá xấu trai . Ngoài ra ông ở trong nhà suốt ngày , giam mình như trong nhà tu kín . Tôi thường tới thăm ông ta để trò chuyện . Mag lúc nào cũng đọc những sách dày cộm trong phòng thiếu ánh sáng , trên một cái bàn chân cao , dưới một ngọn đèn che kính 7 mầu . Với Mag , một hôm tôi đề cập tới vấn đề tình yêu của loài kappa .

- Vì lý do gì mà chính phủ không ra luật nghiêm cấm chuyện phụ nữ đuổi bắt nam giới ?

- Một trong những lý do là kappa cái chỉ là thiếu số trong guồng máy nhà nước . Kappa cái ghen tuông mạnh hơn kappa đực . Nếu số kappa cái tăng lên trong chính quyền thì có thể kappa đực ít ra không bị theo đuổi như hiện tại . Nhưng kết quả cũng chẳng được bao lâu . Cứ thử nghĩ mà xem , ông thừa biết cùng là đồng nghiệp công chức , kappa cái cũng rượt theo kappa đực là gì ?

- Ư ông muốn nói là sống một cuộc sống như ông hiện nay thật là sung sướng nhất , có phải không ?

Đến đó , Mag đứng dậy khỏi ghế , siết chặt hai tay tôi , thờ dài trả lời:

- Bởi vì ông không phải là kappa như chúng tôi , đương nhiên là ông không hiểu . Thật ra , ngay cả với tôi đây , đôi lúc cũng muốn được những con kappa cái hung dữ ấy rượt bắt đấy chứ .

7

Đôi khi tôi đi nghe hoà nhạc với thi sỹ Tốc . Buổi nghe hoà nhạc lần thứ ba vẫn còn ghi khắc trong trí nhớ tôi . Thật ra phòng hoà nhạc cũng chẳng khác gì phòng hoà nhạc ở Nhật . Trên những chỗ ngồi xoay xoay thấp dần xuống , ba bốn trăm kappa , đực , cái , mỗi người cầm trong tay tờ chương trình , và đều chăm chú lắng tai . Vào buổi hoà nhạc lần thứ ba , tôi ngồi ở hàng ghế đầu với thi sỹ Tốc , con kappa cái của y và triết gia Mag . Sau phần trình diễn sô- lô bằng violoncelle , một kappa mắt nhỏ tí hí một cách lạ thường , tay kẹp bản

nhạc , lững thững bước lên bục . Không cần coi chương trình , ai cũng biết đó là nhà soạn nhạc danh tiếng Craback . Vì ông ta cũng là hội viên của câu lạc bộ Siêu nhân cùng với Tocc nên tôi cũng biết mặt . Lied- Craback (Ca khúc- Craback , ở xứ này cũng vậy , thông thường , chương trình bằng tiếng Đức) . Craback cúi chào chúng tôi sau khi nhận tràng pháo tay , yên lặng đi về phía đàn dương cầm , và bắt đầu dạo một khúc sáng tác của mình , cũng như mọi khi với dáng điệu ung dung . Theo chính lời nói của Tocc thì Craback là một thiên tài trong xứ từ trước đến sau , trong những nhạc sĩ còn sống cũng như đã quá cố . Tôi để ý đến ông ta không những về nhạc , mà cả về thơ phú , thú say mê của ông , nên lắng tai nghe tiếng nhạc thoát ra từ cây đàn dương cầm lớn . Về phần Tocc và Mag , hai người này còn say mê hơn tôi . Nhưng trái với những tính giả khác , con kappa cái của Tocc , theo lời những con đực kappa thì bà ta là một người đẹp , lại vò tờ chương trình trong tay , đôi lúc lại thè cái lưỡi dài như tỏ vẻ khó chịu . Theo lời Mag thì cô nàng , 10 năm trước đây đã không sẵn đuổi được Craback , và còn căm thù ông nhạc sĩ này . Craback vẫn tiếp tục say sưa gõ trên phím đàn như thể đang chiến đấu với cây đàn dương cầm . Bỗng từ phía trên , qua phòng nhạc , một tiếng hét vang lên như tiếng sấm: Buổi hoà nhạc bị cấm ! Ngạc nhiên , tôi quay lại nhìn về đằng sau , và tôi không lầm . Đó là một viên cảnh sát cao lớn ngồi ở hàng cuối cùng vừa thốt ra những lời ấy . Đúng lúc tôi ngoảnh lại , viên cảnh sát điềm nhiên tại chỗ lại hét lớn hơn:

- Buổi hoà nhạc bị đình chỉ .

Rồi . . sau đó là hỗn loạn . "Cảnh sát chuyên chế" "Craback , cứ chơi đi " Chơi đi !! Tiếp tục . Đồ ngu ! Súc sinh ! Cút đi ! Đùng bỏ cuộc !

Và giữa những tiếng kêu , tiếng chửi rủa , những hàng ghế bị lật đổ , những tờ chương trình bay khắp nơi , và chẳng ai biết người nào quảng như mưa- vỏ chai rượu táo , những hòn đá , cả những miếng dưa chuột ăn thừa . Thật ngạc nhiên , tôi đang định hỏi Tocc tại sao về tất cả chuyện này , nhưng Tocc

dường như cũng bị kích động , đứng trên ghế , không ngừng hét lớn:

- Craback , chơi đi , chơi đi .

Đến ngay cả con kappa cái của Tốc , như thể đột nhiên quên chuyện thù hằn cũ , cũng la lớn như Tốc:

- Cảnh sát chuyên chế !

Tôi đành quay sang hỏi Mag:

- Chuyện gì thế ?

- Chuyện này ? Thường xảy ra ở xứ chúng tôi như cơm bữa . Thí dụ như về tranh hay văn học ...

Cố giữ bình tĩnh , ông rụt cổ trong hai vai mỗi lần thấy vật gì bay về phía mình , Mag giải nghĩa cho tôi:

- ... Thí dụ như về tranh hay văn học thì ý nghĩa rõ như ban ngày đối với mọi người , nên ở xứ này không cấm đoán bán hay triển lãm hai thứ này . Nhưng tuy nhiên về âm nhạc , chúng tôi lại có chuyện cấm trình diễn . . Như ông biết , về âm nhạc , dù có bại hoại phong hóa đến đâu thì cũng như đàn gảy tai trâu đối với một kappa không có tai thắm âm .

- Thế thì người cảnh sát này có tai thắm âm ?

- À đấy còn là vấn đề . Có lẽ giai điệu ông ta nghe làm ông ta nhớ đến tiếng tim đập khi ông ta làm tình cùng bà vợ .

Trong lúc đó , cuộc ẩu đả càng trở lên hỗn loạn . Craback ngồi trước đàn dương cầm , đưa mắt nhìn xác xược về phía thính giả . Nhưng thái độ kiêu kỳ của ông cũng không ngăn được những vật ném tới ông , và cứ hai hay ba giây , ông lại phải cúi rạp xuống . Cuối cùng , ông ta cũng giữ được nhân cách của một nhạc sĩ vĩ đại , và đôi mắt ti hí hừng lên những tia sáng man dại .

Còn tôi ? Dĩ nhiên để tránh tất cả mọi nguy hiểm , tôi nấp sau Tốc , nhưng cũng vẫn tiếp tục câu chuyện hào hứng với Mag .

- Cấm đoán như vậy thật vô lý .

- Hả ? như thế là còn tiến bộ nếu đem so với bất cứ nước nào . Thí dụ như trường hợp xx , cách đây cũng không lâu , khoảng một tháng ...

Ông ta vừa mới nói đến tiếng đó thì một cái vỏ chai rơi trúng vào đỉnh đầu . Quack !! ông ta thốt lên . (Đó chỉ là một lời than)- rồi ông ta ngất đi .

8

Tôi đặc biệt có cảm tình với ông Gaêl , giám đốc nhà máy làm thủy tinh . Ông là một nhà đại tư bản trong những nhà tư bản . Trong tất cả những kappa tại xứ này , không có ai có cái bụng phệ như ông . Nhưng khi ông ta ngả người trên cái ghế bành , xung quanh quây quần một bà vợ giống như trái vải và những đứa con giống như những quả dưa chuột , ông ta đúng là hiện thân của một kappa hạnh phúc . Đôi lúc tôi cùng quan toà Pep hay bác sỹ Chak dự những buổi cơm tối tại nhà ông Gaêl . Ngoài ra , nhờ thư giới thiệu của ông Gaêl , tôi đã đi thăm một vài xưởng máy mà ông ta và các bạn bè quen thuộc có quan hệ . Trong những xưởng này , xưởng của công ty chế tạo sách khiến tôi chú ý nhất . Tôi được một kappa trẻ hướng dẫn , một kỹ sư của nhà máy này . Tôi hoàn toàn kinh ngạc , thán phục sự tiến bộ về kỹ nghệ cơ khí của xứ kappa trước một cái máy đồ sộ chạy bằng năng lực thủy điện . Người ta nói rằng xưởng này sản xuất hàng năm 7 triệu cuốn sách . Con số này cũng không làm tôi ngạc nhiên . Cái làm tôi ngạc nhiên là với một số lượng sản xuất đồ sộ như vậy mà hầu như không cần đến nhân công . Vì để chế tạo những sách này , chỉ cần đổ vào trong miệng có hình cái phễu của một cái máy , giấy , mực và một chất bột màu xám , Sau khi những nguyên liệu cần thiết này bỏ vào trong máy , chỉ cần chờ vào khoảng 5 phút là ra đủ loại sách dưới nhiều khổ khác nhau: khổ 8 (13) , khổ 12 (14) , khổ 16 (15) ... Nhìn những cuốn sách này rơi ra như thác nước , tôi hỏi người kỹ sư kappa đang đứng gần đó , dáng điệu kiêu hãnh , chất bột xám là gì . Bất động , đứng trước cái máy đen bóng loáng , y trả lời với vẻ hờ hững:

- À , đó là óc lừa . Trước hết được sấy khô xong nghiền thành bột . Giá hiện tại là hai hay ba xu một tấn .

Dĩ nhiên , những điều kỳ diệu về kỹ nghệ không chỉ giới hạn ở khâu sản xuất sách . Đến ngay cả ngành xuất bản tranh ảnh hay bản nhạc đều như vậy cả . Đúng vậy , cứ như theo lời ông Gaêl thì trong xứ này số máy mới được phát minh mỗi tháng vào khoảng bảy tám trăm chiếc , và tất cả mọi ngành đều sản xuất rất nhanh và hàng loạt mà không cần xử dụng đến công nhân . Điều này , theo lời kỹ sư , dẫn tới chuyện sa thải công nhân vào khoảng 4 , 5 chục nghìn người hay hơn nữa . Nhưng dù có chuyện như thế đó , tôi chưa bao giờ đọc thấy chữ đình công ở trên những tờ báo phát hành buổi sáng . Băn khoăn về điều này , trong một bữa cơm tối được mời như thường lệ tại nhà ông Gaêl cùng với Pep và Chak , tôi hỏi họ về chuyện này.

- Tại vì chúng tôi chén hết .

Ông Gaêl trả lời với một giọng bình thản , điệu xì gà sau bữa ăn ngậm trên môi . Nhưng chữ "chén" làm tôi khó hiểu . Vì vậy, Chak đeo cái kính kẹp , khi thấy tôi có vẻ ngần ngừ , chen vào giải thích:

- Tất cả công nhân đều bị giết để lấy thịt . Thử liếc tờ báo này xem . Tháng này có đúng sáu mươi bốn ngàn bảy trăm sáu mươi chín nhân công bị sa thải , giá thịt sẽ hạ đi .

- Thế thì công nhân căm mồm mà chịu chết à ?

- Cũng chẳng làm gì được , vì chúng tôi đã có "luật giết nhân công" .

Đó là lời của ông quan toà Pep , đang nhìn mặt trước một cái bồn cây đào dại . Thú thật , tôi thấy trong thâm tâm khó chịu . Nhưng Chak và Pep coi cái chuyện giết chóc này như thường tình . Vì thế Chak mới nói với tôi kèm theo một nụ cười có vẻ trêu chọc:

- Như vậy nhà nước mới ngăn được không biết bao nhiêu số người chết vì chết đói hay tự tử . Chỉ cần cho họ một chút hơi độc , và họ chẳng thấy đau đớn chi cả .

- Thế nhưng chén đến cả thịt họ ... ?

- Ông nói giỡn ? Nếu mà Mag nghe được ông nói như vậy , y sẽ phá lên cười . Ở xứ ông , đàn bà thuộc giai cấp nghèo khó chẳng phải bắt buộc đi làm đĩ hay sao ? Cầm phần vì người ta ăn thịt lợn công nhân thì cũng chỉ là đặt nặng vấn đề tình cảm .

Gaël theo dõi cuộc đối thoại , nhìn đĩa bánh xăng- uyết trên bàn cạnh đó , mời tôi với giọng hờ hững:

- Cầm lấy , cầm lấy ăn một chiếc . Cũng làm bằng thịt công nhân đấy ,

Tôi dĩ nhiên sững sờ . Không những chỉ có thế , bỏ lại sau tiếng cười của Pep và Chak , tôi chạy khỏi phòng khách nhà ông Gael . Đó là một đêm đầy giông bão , bầu trời không sao vươn lên trên những mái nhà . Trở về nhà trong bóng tối , tôi không ngừng nôn mửa . Những đờ nôn mửa chảy dài , trắng dã trong màn đêm dày đặc ...

9

Nhưng thật ra ông Gael , giám đốc xưởng thủy tinh , đúng là một kappa có lòng tốt . Đôi lúc tôi đi với ông tới câu lạc bộ của ông và có được những buổi tối thoải mái . Một trong những lý do là câu lạc bộ này hợp với tôi hơn là câu lạc bộ của những siêu nhân mà Tocc là thành viên . Và những lời trò chuyện của ông Gael tuy không sâu sắc như đề tài của triết gia Mag , nhưng mở cho tôi biết một thế giới hoàn toàn mới lạ , một thế giới bát ngát . Gael thường quấy tách cà phê với một cái muỗng bằng vàng ròng , kể cho tôi nghe những mẩu chuyện lý thú .

Vào một buổi chiều đầy mù sương dày đặc , nếu tôi nhớ không lầm , tôi ngồi nghe Gael kể chuyện , ở giữa chúng tôi là một bình đầy hoa hồng mùa đông . Tôi còn nhớ rõ ràng là căn phòng trưng bày theo lối Sécession (16), tất cả đồ đạc , bàn ghế đều màu trắng , viền đường chỉ vàng . Gael , trên mặt thoáng một nụ cười vui hơn thường lệ , nói về nội các đảng Quorax , đảng đang nắm chính quyền vào thời đó . Chử

Quorax chỉ là một tán thán từ , chẳng có ý nghĩa gì hết , và người ta chỉ có thể dịch là "Oya" (Chu choa !) . Hãy để cái nguyên do này sang một bên , cứ coi rằng đó là một đảng chính trị với phương châm là "Vì lợi ích cho toàn thể kappa"

- Roppê , nhà chính trị gia nổi tiếng cầm đầu đảng Quorax . Ông còn nhớ lời nói của Bismarck: "Chân thật là đường lối ngoại giao tốt nhất" nhưng Roppê lại đưa chân thật làm chính sách đối nội ...

- Thế nhưng bài diễn văn của Roppê ...

- Hãy nghe tôi nói đây . Diễn văn của Roppê hoàn toàn là những lời dối trá . Nhưng vì mọi người ai cũng biết là láo , nên cuối cùng thì cũng chẳng phải không lương thiện . Có đúng không nào ? Một trong những thành kiến của loài người các ông là tuyên bố cứ diễn văn là láo tất . Chúng tôi , loài kappa , khác với loài người các ông ... Nhưng thôi , hãy xếp chuyện ấy qua một bên . Không có gì quan trọng cả . Tôi muốn nói về Roppê . Ông ta chỉ huy đảng Quorax , nhưng Quiqui , giám đốc tờ báo Pou- Fou , giật dây Roppê . (Cái từ Pou- Fou , cũng vậy , là một tán thán từ không có nghĩa chi cả . Nếu nhất định muốn dịch cho bằng được , thì người ta cũng chuyển ngữ bằng một tán thán từ: Ối ôi !) . Và Quiqui , y cũng vậy , cũng không phải là chủ nhân ông của chính y . Người điều khiển y lại chính là Gaêl , kẻ đang ở trước mặt ông đây .

- Nhưng , tôi vội ngắt lời- xin lỗi ông; có lẽ tôi khí tò mò , nhưng tờ báo Pou- Fou ủng hộ công nhân kia mà . Cái chuyện ông giám đốc Quiqui lại dưới ảnh hưởng của ông ...

- Nhân viên ban biên tập của tờ Pou- Fou dĩ nhiên ủng hộ công nhân . Nhưng người điều khiển bọn ký giả không ai khác hơn là Quiqui . Và Quiqui không thể thiếu sự ủng hộ của tôi . Ông Gaêl nói thêm .

Ông Gaêl luôn tươi cười , nghịch với cái muống bằng vàng ròng . Khi nghe ông ta nói như vậy , tôi có ý đồng tình với những ký giả tờ Pou- Fou hơn là thấy ghen ghét ông Gaêl .

Trước sự im lặng của tôi , Gaël cũng nhận thấy sự đồng tình với họ nơi tôi . Ưỡn cái bụng phệ , ông ta tiếp:

- Nhưng tất cả ký giả tờ Pou- Fou không phải về phe công nhân . Nghiã là , dân kappa chúng tôi trước khi ủng hộ bất cứ ai , tự ủng hộ chính mình trước đã; Ông thấy chứ ... Nhưng có chuyện rầy rà là ngay Gaël này cũng bị người khác điều khiển . Theo ông thì ai nắm quyền hành này ? Tôi bị nắm bởi bà vợ tôi ... Bà Gaël mỹ miều ...

Gaël phá lên cười lớn .

- Như vậy chẳng hơn không ? Thật ra tôi rất sung sướng . Nhưng chuyện này ở giữa chúng ta , tôi chỉ có thể thổ lộ cho một mình ông thôi , vì ông không phải là dân kappa .

- Thế thì nội các đảng Quorax được điều khiển bởi bà Gaël ?

- Ông muốn bảo thế cũng được ... Nhưng phải công nhận là chiến tranh xảy ra cách đây 7 năm bắt nguồn từ một mục kappa .

- Chiến tranh ? xứ này mà cũng đã trải qua chiến tranh ?

- Dĩ nhiên ! và ngay cả chẳng ai biết trong tương lai chiến tranh sẽ xảy ra hay không . Vì khi nào chúng tôi còn có những xứ láng giềng ...

Và tôi mới hay là xứ kappa không chỉ có một mình trên trường quốc tế . Theo lời giải thích của ông Gael thì loài kappa coi loài rái cá như kẻ thù thực sự . Và theo lời đồn thì trang bị vũ khí nặng của loài rái cá cũng hoàn hảo không thua gì loài kappa . Tôi cũng khá lưu tâm đến nguyên do loài kappa có xích mích với loài rái cá trong chuyện tranh chấp . Tôi xin ghi lại đây là sự hiện diện của loài rái cá như là kẻ thù của loài kappa không những chưa được đề cập đến bởi tác giả cuốn Suiko Koryaku (Thủy Hồ Khảo Lược) , mà ngay cả với Yanagida Kunio (Liễu Điền Quốc Nam)(17) tác giả cuốn Santou Mintanshu (Sơn Đảo Dân Đàm Tập , tuyển tập truyện dân gian của dân tộc miền núi và đảo) .

- Trước khi có tuyên bố chiến tranh , Gaël bắt đầu kể , hai xứ rình rập , để ý nhau , vì bên này cũng sợ bên nọ . Lúc đó có một con rái cá đi thăm cặp vợ chồng kappa . Con kappa cái đã rắp tâm từ lâu muốn loại người chồng vì y là một tên dân đảng , ông có biết không ? Lại nữa , số tiền bảo hiểm sinh mạng của y càng thúc đẩy người vợ tiến hành ý đồ .

- Ông có quen biết cặp vợ chồng này không ? tôi hỏi Gaël .

- Không . . nhưng ... tôi có biết ông chồng , một mình y thôi . Theo lời vợ tôi thì y là một tên vô lại . Nhưng nếu ông cho phép tôi đưa ý kiến riêng của tôi ... tôi nghĩ rằng y còn hơn là một tên vô lại , y là một bệnh nhân tâm thần , lúc nào cũng lo sợ bị đàn bà đuổi bắt . Vào lúc ấy , con kappa cái bỏ thạch tín vào tách chocolat của người chồng , nhưng không hiểu lầm lộn thế nào mà thị lại đưa cho con rái cá , là khách , uống . Con rái cá chết và ...

- Sau đó chiến tranh bùng nổ ?

- Chẳng may , đó là một con rái cá được huân thưởng .

- Bên nào thắng ?

- Xứ tôi , dĩ nhiên . ! Ba trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm kappa đã bỏ thân nơi chiến trường . Nhưng số tổn thất này so với số tổn thất của bên địch thì không thấm vào đâu cả . Một phần lớn những da thú ở xứ này đều là da rái cá . Trong chiến tranh , ngoài chuyện chế thủy tinh ra , tôi còn chuyên chở cứt sắt ra chiến trường .

- Nhưng người ta dùng cứt sắt để làm gì ? tôi tò mò hỏi .

- Để làm thực phẩm , dĩ nhiên . Chúng tôi , loài kappa khi đói , chúng tôi ăn tất cả những gì người ta đưa cho .

- Điều này ... ông chớ giận ! Cứt sắt cho những kappa ở mặt trận ... Nếu ở xứ tôi sẽ thành một xì căng đan .

- Ở xứ này cũng vậy , cũng chẳng khác gì mấy . Nhưng một khi chính tôi đã chấp nhận , chẳng ai còn coi đó là một xì căng đan cả . Ông triết gia Mag đã từng nói: "Tự bạn thú tội lỗi , tội lỗi sẽ tiêu tan . " Còn tôi , ngoài chuyện vụ lợi cá nhân , còn là vì lòng nhiệt tâm ái quốc .

Đúng lúc đó , một nhân viên trong câu lạc bộ đi về chỗ chúng tôi . Sau khi chào ông Gaël , y nói như đọc thuộc lòng một bài học:

- Cái nhà bên cạnh nhà ông bị cháy .
- Cháy - cháy !

Gaël chồm dậy kinh ngạc . Dĩ nhiên tôi cũng đứng dậy . Nhưng tên bồi tiếp theo , vẫn với giọng điềm đạm:

- Nhưng lửa đã bị dập tắt .

Khi nhìn tên bồi đi khỏi , gương mặt Gaël như nửa cười nửa khóc . Quan sát gần mặt , tôi cảm thấy tình cảm tởm ghét đối với ông chủ hãng thủy tinh nhóm lên trong lòng . Nhưng Gaël đã trở lại như một con kappa bình thường , chẳng có gì là một nhà đại tư bản . Rút từ bình một đóa hoa hồng mùa đông , tôi đưa cho ông ta:

- Mặc dù lửa đã được dập tắt , bà nhà chắc phải qua một phen sợ hãi . Xin ông cầm đóa hoa này và hãy về nhà đi .

- Cám ơn ông .

Gaël siết chặt bàn tay tôi , rồi tự nhiên cười , thì thầm với tôi:

- Cái nhà bên cạnh là nhà của tôi cho thuê . Ít ra tôi cũng lãnh tiền bồi thường bảo hiểm hỏa hoạn .

Tôi còn nhớ lại rõ ràng nụ cười của Gaël vào lúc đó . Nụ cười mà tôi không biết phải khinh hay ghét .

10

- Có chuyện gì vậy ? Hôm nay cậu trông có vẻ buồn thảm thế ?

Đấy là ngày sau hôm có đám cháy , miêng phì phèo thuốc lá , tôi hỏi Rapp , anh sinh viên đang ngồi ghế trong phòng khách nhà tôi . Thật vậy , anh ta chân trái gác chéo lên chân phải , mắt nhìn thẳng xuống sàn , gập thấp người về đằng trước đến nỗi tôi không thấy cái mỗ bị loét của anh ta .

- Rapp , cậu có chuyện gì vậy ?
- Để tôi yên . Chẳng có gì cả .

Cuối cùng cậu ta ngừng đầu , và nói với một giọng mũi buồn thiu:

- Hôm nay khi nhìn ra ngoài cửa sổ , tôi thì thầm không dụng ý đặc biệt: " A , cây hoa tím bắt trùng hôm nay nở hoa " . Em gái tôi lúc đó , tự dưng thay đổi sắc mặt , lớn tiếng: " Phải rồi , tôi là hoa tím bắt trùng mà ! " Vì cô em tôi là cục cưng của bà mẹ , nên bà định cắn tôi .

- Tại sao hoa tím bắt trùng ra hoa lại làm em cậu nổi giận ?

- Có lẽ nó động lòng nghĩ có liên hệ đến việc nó đi săn kappa đực . Lúc đó , một bà cô sẵn mối bắt hoà với mẹ tôi nháy vào nói và cuộc tranh cãi càng ngày càng lớn . Tệ hơn nữa , ông bố tôi say sưa suốt năm , nghe được chuyện này , lại tát tất cả mọi người chẳng chừa ai . Không những thế , trước khi chúng tôi giảng hoà thì thằng em tôi lại đi khỏi với cái ví tiền của mẹ tôi để coi xi- nê hay gì đó . Tôi ... tôi thật ...

Rapp dấu mặt trong hai bàn tay , khóc nức nở , chẳng nói thêm gì được một tiếng nào .

Dĩ nhiên tôi cảm động , và dĩ nhiên tôi chợt nhớ đến thái độ khinh miệt của thi sĩ Tốc đối với chế độ phụ quyền . Vỗ nhẹ lên vai Rapp , tôi khích lệ anh chàng:

- Ở đâu cũng như vậy cả , cậu đừng có nản .

- Nhưng ... nếu cái mỏ của tôi không bị loét . .

- Cậu phải quên quách cái chuyện này đi ! Nào , chúng ta đến nhà Tốc chơi .

- Tốc sẽ chế nhạo tôi . Tôi không thể bỏ gia đình một cách thẳng thừng như Tốc được .

- Thế thì chúng mình tới nhà Craback .

Từ bữa hoà nhạc , tôi trở thành bạn thân của Craback . Rất cục , tôi cũng kéo được Rapp lại nhà ông đại nhạc sĩ . Craback sống một cuộc đời xa hoa hơn Tốc . Không có nghĩa là giống như cuộc sống của nhà tư bản Gaêl . Chỉ là căn phòng trưng bày đầy những thứ sưu tập lắm cảm như tượng nhỏ xứ Tanagra (18) , đồ sứ Ba Tư , nơi ông ta hay ngồi trên chiếc trường kỷ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ dưới bức họa chân dung của chính

mình và lúc nào cũng thấy đang chơi đùa với lũ con . Nhưng hôm ấy , không hiểu lý do tại sao , hai tay khoanh trước ngực , ông ngồi với vẻ khó chịu . Và dưới chân vắt la liệt những mẩu giấy . Rapp chắc đã từng gặp Craback cùng với thi sỹ Tố . Nhưng vì ngạc nhiên bởi thái độ của ông ta , nên chỉ cúi đầu lễ phép chào rồi im lặng ngồi trong một góc phòng .

- Có chuyện gì vậy cậu Craback ? tôi hỏi nhà đại nhạc sĩ thay lời chào .

- Có chuyện gì ? Những lời bình luận ngu xuẩn . Bọn chúng nói là những bài thơ trữ tình của tôi không bằng thơ của Tố .

- Nhưng cậu là nhạc sĩ .

- Được rồi , cũng cho được đi . Chúng lại còn nói là , so với Roc , tôi không đáng được gọi là nhạc sĩ .

Roc là một nhạc sĩ mà thiên hạ thường so sánh với Craback . Nhưng không may ông ta không là thành viên của hội siêu nhân, nên tôi không có cơ hội tiếp xúc . Tôi nhận ra ông ngay trên những tấm hình với khuôn mặt ranh mãnh và cái mũi quặp . .

- Roc có thể là một thiên tài . Nhưng âm nhạc của ông ta thiếu tính chất đam mê đặc biệt hiện đại bằng bạc trong âm nhạc của cậu .

- Cậu thành thật nghĩ như vậy sao ?

- Tôi thể với cậu như vậy .

Lúc đó Craback vụt đứng dậy , cầm một cái tượng Tanagra , quẳng xuống sàn nhà vỡ tan . . Rapp trông có vẻ sợ hãi , hét lên một tiếng gì lạ , định chạy khỏi đó , nhưng Craback , dùng tay ra hiệu cho hai chúng tôi chớ sợ , lần này lạnh lẽo tuyên bố:

- Tại vì giống như bọn kappa phàm tục kia , ngay cả cậu cũng không có tai . Tôi e rằng Roc ...

- Cậu ? Xin cậu đừng có làm bộ khiêm nhượng . .

- Ai nói là làm bộ khiêm nhượng ? Khác hẳn . Trước hết , có lợi ích gì nhún mình trước mặt các cậu ? Thà tôi nhún trước

bọn phê bình gia . Tôi đây ... Craback , tôi là một thiên tài . Trên bình diện đó , tôi không sợ Roc .

- Như vậy , cậu sợ điều chi ?

- Sợ một vài điều huyền bí ... có thể nói là ngôi sao bản mệnh của Roc .

- Tớ không hiểu rõ cho lắm .

- Nói ra , chắc cậu sẽ hiểu , số là Roc hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của tôi . Nhưng ngay tôi , chính mình cũng không rõ , lại chịu ảnh hưởng của y .

- Chắc là do cường độ nhạy cảm của cậu ...

- Xin cậu nghe đây . Điều này chẳng có liên quan gì đến chuyện nhạy cảm . Roc lúc nào cũng yên tâm làm những điều chỉ có y mới có thể làm; trong khi đó tôi cứ bực dọc không yên . Dưới mắt Roc , cái khác nhau đó có thể chỉ là một bước thôi , nhưng đối với tôi chuyện này khác nhau cả 10 dặm .

- Nhưng bản Anh hùng khúc của tiên sinh ... Rapp mở miệng nói .

Craback càng khép nhỏ lại đôi mắt lơn ti hí , nhìn Rapp với vẻ bất bình:

- Cậu im đi ! Cậu có hiểu gì đâu ? Tôi hiểu rõ Roc hơn cả những con chó quì mọp dưới chân y .

- Thôi đi , bình tĩnh lại một chút nào .

- Phải chi tôi giữ bình tĩnh được ... Tôi luôn luôn suy nghĩ như thế tưởng tượng ... Kẻ mà chúng ta không biết , để chế nhạo tôi , Craback , đã đặt Roc chắn trước mặt tớ . Triết gia Mag đã hiểu hết những chuyện này . Không biết bằng cách nào chứ ông ta chỉ biết chúi đầu vào những cuốn sách cũ , dưới ngọn đèn màu .

- Tại sao ?

- Cậu nên tìm đọc cuốn sách mới nhất của ông ta: "Lời một thằng ngốc ."

Craback đưa , hay đúng ra là quẳng cho tôi một cuốn sách . Rồi hai tay lại khoanh trước ngực , lạnh lùng tuyên bố:

- Hôm nay đến đây thôi , xin lỗi hai người !

Tôi và Rapp , cả hai tui nghỉ đi ra ngoài đường . Trên phố nhộn nhịp người qua lại , hai bên đường trồng hai hàng cây đoạn , dưới bóng cây là những cửa hàng đủ loại . Chúng tôi im lặng bước đi lang thang . Chúng tôi thấy Tốc , thi sĩ với mái tóc dài , đang đi về phía chúng tôi . Anh ta thấy chúng tôi , lấy chiếc khăn mùi soa từ trong cái túi trước bụng ra , lau trán nhiều lần .

- Ô , lâu ngày bọn mình không gặp nhau ... Anh ta nói với chúng tôi . Tôi định đi tới thăm Craback sau một thời gian dài vắng mặt .

Muốn tránh cho hai nghệ sĩ khỏi cãi nhau , tôi nói quanh co cho Tốc hay là Craback đang có chuyện bực mình

- Thế hở , thế thì tôi không đi nữa làm chi . Vì ông ta đang ở tình trạng suy nhược thần kinh . Tôi cũng vậy , tôi cũng bị bệnh mất ngủ từ hai , ba tuần nay .

- Hay là đi tản bộ với chúng tôi ?

- Ô không , ngày hôm nay tôi không muốn đi với các ông . Ô ... trời ơi !

Với tiếng kêu , Tốc níu tay tôi . Cả người anh ta toát ra mồ hôi lạnh .

- Có chuyện gì vậy ?

- Không có gì cả . Tôi có cảm giác một con khỉ xanh thò cái đầu ra khỏi cửa cái xe hơi kia .

Tôi lo lắng , đề nghị anh ta đến cho ông bác sỹ Chak khám bệnh . Mặc dù tôi thúc giục , anh ta vẫn từ chối . Thêm vào nữa , anh ta lần lượt nhìn mặt hai đứa tôi với vẻ nghi ngờ , cuối cùng thốt ra :

- Thề với các cậu là tôi không phải là tên vô chính phủ . Xin hai cậu nhớ lấy điều này . Thôi xin chào hai cậu . Còn Chak hả , tôi đếch cần .

Đứng thẫn thờ như trời trồng , chúng tôi nhìn Tốc đi khỏi . Chúng tôi ? không , không còn là chúng tôi nữa , vì anh sinh viên Rapp , tôi không biết từ lúc nào , đầu cúi xuống , hai

chân dặng ra đứng giữa đường , đang nhìn ngược qua háng xe cộ và khách bộ hành đi lại không ngừng . Tưởng anh chàng kappa đang lên cơn điên , tôi nâng anh ta dậy , hốt hoảng :

- Đừng có dở trò điên . Cậu đang làm gì vậy ?

Nhưng , lấy tay dụi mắt , và với một giọng tỉnh queo không ngờ , cậu ta trả lời tôi :

- Ô , chẳng có gì . Tôi buồn đến độ muốn thử nhìn thế giới ngược lại . Nhưng cũng như vậy cả .

11

Sau đây là một vài đoạn trích từ cuốn Lời một thằng ngốc của triết gia Magg :

- Kẻ điên luôn luôn tưởng những người khác là điên .

- Lòng yêu thiên nhiên của chúng ta xuất phát , một phần , từ sự việc thiên nhiên không thù ghét cũng như ganh tị với chúng ta .

- Cách sống khôn ngoan nhất là luôn sống phù hợp theo tập quán đương thời , nhưng đồng thời cũng khinh miệt chúng .

- Những điều chúng ta muốn hãnh diện về nó hơn cả là những điều chúng ta không có .

- Không ai phản đối việc cần thiết phá đổ thần tượng . Đồng thời không một ai từ chối trở lên một thần tượng . Nhưng chỉ có những ai được ân sủng của thần thánh như người điên , kẻ vô lại hay anh hùng mới có thể an tọa trên ngôi thần tượng . (Craback gạch dưới đoạn này bằng móng tay)

- Tất cả những tư tưởng cần thiết cho đời sống chúng ta đã được phát biểu hết cả từ 3000 năm trước đây . Chúng ta không làm gì hơn được thêm là nhóm một ngọn lửa mới với những thanh củi cũ .

- Một trong những đặc điểm của chúng ta là chúng ta có thói quen vượt lên trên sự hiểu biết riêng của mình .

- Nếu như hạnh phúc đi đôi với khổ đau và hoà bình đi đôi với nỗi buồn chán ? . .

- Bào chữa cho chính mình khó khăn hơn là bào chữa cho những kẻ khác . Ai nghi ngờ hãy nhìn mấy trạng sư .

- Kiêu ngạo , dâm ô , hoài nghi . Tất cả những thói xấu từ 3000 năm nay bắt nguồn từ ba điều đó . Có lẽ tất cả những đức tính cũng vậy .

- Bớt đi những mơ ước vật chất không hẳn mang lại thanh thản . Để có được sự thanh thản chúng ta còn phải bớt đi những mơ ước tinh thần . (Craback cũng gạch đoạn này bằng móng tay) .

- Chúng ta đau khổ hơn loài người . Vì chúng không tiến hóa bằng loài kappa . (Khi tôi đọc đoạn này , tôi không khỏi phì cười)

- Thực hiện được là có thể thực hiện ... Có thể thực hiện là thực hiện được . Cuối cùng , cuộc đời chúng ta không thoát được cái vòng luẩn quẩn đó ... nói khác đi , cuộc đời luôn luôn bất hợp lý .

- Baudelaire sau khi trở lên lắm cảm , đã gói ghém nhân sinh quan của mình trong 1 chữ : "cái lồn" . Thế nhưng không nhất thiết điều ông nói ra ở đây giúp cho ta biết thế nào về ông . Thật ra , khi quá tin vào thiên tài của mình , vào thiên tài văn thơ đã nuôi sống được mình , ông ta đã quên chữ "bao tử" (tới đoạn này cũng vậy , có dấu móng tay của Craback)

- Nếu chúng ta dám sống một cuộc sống hoàn toàn dựa vào lý trí từ đầu đến cuối , thì đương nhiên chúng ta phải phủ nhận sự tồn tại của chính bản thân mình . Voltaire đã thần thánh hóa lý trí mà được hạnh phúc đến cuối đời , chúng tỏ loài người chưa được tiến hóa bằng loài kappa .

12

Sau đây là những gì đã xảy ra vào một buổi chiều khá lạnh . Chán đọc Lời một thằng ngốc , tôi ra ngoài định đi thăm triết gia Mag . Trên đường , tại một góc đường vắng , tôi nhận ra một con kappa gầy như một con muỗi đang đứng dựa vào

tường , và tôi không thể nào làm được , đúng là con kappa đã chộp của tôi cây bút máy . Ta tóm được nó rồi , tôi tự nhủ vậy . Tôi gọi người cảnh sát vạm vỡ tình cờ đi ngang qua đây:

- Xin ông làm ơn hỏi tên kappa kia , y đã ăn cắp của tôi cây bút máy cách đây chừng một tháng .

Người cảnh sát , giơ cái gậy cầm trong tay phải (cảnh sát xứ này đeo một cây gậy bằng gỗ thủy tùng thay vì đeo gươm) gọi tên kappa của tôi .

- Ê này anh kia !

Tôi nghĩ tên kappa sẽ chạy trốn , nhưng với vẻ bình tĩnh không ngờ , y đi tới gặp người cảnh sát . Hơn nữa , y còn khoanh tay trước ngực , trâng tráo nhìn chúng tôi . Người cảnh sát không mảy may tức giận , rút từ trong cái túi trước bụng cuốn sổ , bắt đầu hỏi:

- Tên chi ?

- Gruk

- Nghề nghiệp ?

- Trước đây hai , ba ngày làm nghề phát thư .

- Được ! Theo lời khai của ông này , anh ăn cắp của ông ta một cây bút máy ?

- Đúng , cách đây chừng một tháng .

- Để làm gì ?

- Tôi định cho đứa con làm đồ chơi .

Lần đầu tiên Người cảnh sát nhìn thẳng y , vẻ nghiêm nghị , hỏi tiếp:

- Thế đứa con của anh ?

- Nó chết cách đây một tuần .

- Anh có giấy khai tử trên người ?

Tên kappa gầy còm rút từ trong túi trước bụng một tờ giấy . Liếc nhìn tờ giấy , viên cảnh sát bật cười thích thú , vỗ vai y và nói:

- Được rồi , xin lỗi đã làm phiền anh .

Ngạc nhiên , tôi nhìn viên cảnh sát . Lúc đó , lăm bắm điều gì trong miệng , tên kappa gầy gò quay lưng đi khỏi . Cuối cùng trở lại với nỗi kinh ngạc , tôi hỏi viên cảnh sát:

- Tại sao ông không bắt giữ tên kappa đó ?

- Vì y vô tội .

- Nhưng y đã ăn cắp cây bút máy của tôi .

- Để làm đồ chơi cho đứa con , có đúng không ? Nay đứa trẻ đã chết . Nếu ông có điều gì thắc mắc , xin đọc điều khoản 1285 trong bộ hình luật của chúng tôi .

Đến đó y quay người đi , không chờ đến câu trả lời của tôi . Vì chẳng có thể làm gì hơn được , tôi đành đi về phía nhà triết gia Magg , mồm lăm bắm: "điều khoản 1285 ... điều khoản 1285" . Ông triết gia Magg rất hiếu khách . Ngày hôm đó ở căn phòng lù mù của ông có mặt quan toà Pep , ông bác sĩ Chak , ông giám đốc hãng thủy tinh Gaêl , và khói thuốc bay lên dưới ánh đèn mầu . Sự hiên diện của quan toà Pep thật hợp đúng lúc cho tôi . Vừa mới đặt đít ngồi trên ghế , thay vì hỏi về điều khoản 1285 , tôi hỏi ông Pep:

- Nay Pep , xin ông thứ lỗi . Ở xứ này người ta không trừng trị những kẻ phạm pháp hay sao ?

Pep , yên lặng rít một hơi dài điếu thuốc lá đầu mạ vàng , trả lời tôi như thể câu hỏi tôi không hay ho cho lắm:

- Dĩ nhiên chúng tôi trừng phạt , thậm chí còn dùng đến cả án tử hình .

- Nhưng cách đây một tháng , tôi ...

Sau khi kể lại cho ông ta chuyện đã xảy ra , tôi hỏi ông ta về điều khoản 1285 của bộ hình luật .

- Hừm , điều khoản đó được viết như sau: "Với tất cả những tội phạm , sau khi nguyên do của tội phạm này đã mất , phạm nhân sẽ không còn bị trừng trị" . Trường hợp của ông , con kappa trong chuyện này , trước đó đã là cha của đứa bé , bây giờ không còn là cha nữa . Vì vậy tội phạm tự nhiên bị xóa đi .

- Thật là vô lý .

- Xin ông đừng có đùa . Thật ra đúng là vô lý khi lần lộn một con kappa đã là cha , với con kappa đang là cha . Theo bộ hình luật Nhật Bản , hai trường hợp này được coi như một chữ gì ! Đối với chúng tôi thì thật lố bịch . Hơ hơ hơ hơ .

Pep nhả điếu thuốc và thoáng một nụ cười hờ hững . Chak , hoàn toàn xa lạ với thế giới luật gia , xen ngang vào trong câu chuyện , anh ta lấy tay chỉnh lại cái kính cặp , hỏi tôi:

- Này có án tử hình ở xứ Nhật không ?

- Dĩ nhiên là có . Ở Nhật án tử hình xử bằng treo cổ .

Có lẽ ít hay nhiều không có cảm tình với Pep vì thái độ hờ hững lạnh nhạt của ông ta , tôi nhân cơ hội , trêu chọc ông ta:

- Ở xứ này án tử hình được xử theo lễ lối văn minh hơn là ở Nhật ?

- Điều này dĩ nhiên .

Pep còn tỏ ra hờ hững - ở xứ này người ta không dùng đến treo cổ , và rất ít khi dùng tới điện . Trong nhiều trường hợp , người ta cũng không dùng đến điện . Thường ra người ta chỉ cần gọi tội danh kẻ có tội .

- Và đủ để làm chết kappa ?

- Dĩ nhiên . Hệ thần kinh loài kappa tế nhị hơn của loài người các ông .

- Phương pháp này không những chỉ áp dụng về án tử hình bởi luật pháp , mà ngay bọn giết người cũng dùng .

Gaêl , ông giám đốc hãng thủy tinh , cả người trở lên tím dưới ánh đèn mầu , phác một nụ cười khuyến khích .

- Thí dụ ngay cả tôi cũng suýt nữa thì chết vì cơn đồn tim vì hôm trước đây , khi nghe một ông xã hội chủ nghĩa nói tôi: "Ông là một thằng ăn cắp" .

- Chuyện này thường xảy ra luôn mà thiên hạ không rõ . Một ông trạng sư tôi quen cũng chết cùng một lý do .

Tôi quay mặt về phía con kappa mới nói xen vào , triết gia Mag . Với nụ cười mỉa mai lúc nào cũng thấy trên môi , ông tiếp tục nói không nhìn ai:

- Con kappa trạng sư khi nghe ai gọi mình là "con ếch" ... như ông biết ở xứ này , "ếch" có nghĩa là "man rợ " . Ngày lại ngày, y lặp đi lặp lại một câu hỏi:" Ta là ếch hay không là ếch ? " , và y lăn ra chết .

- Thế thì cũng như tự tử ...

- Phải biết rằng tên nào gọi kappa là một con ếch thì khi nói như vậy là cốt để giết con kappa . Nhưng theo ông , đó là tự tử à ... ?

Mag vừa mới dứt lời , thì bên kia bức tường của căn phòng - từ căn nhà của thi sĩ Tốc- có tiếng súng nổ vang , rung động không khí .

13

Chúng tôi chạy vội sang căn nhà Tốc . Một khẩu súng lục trong tay phải , phần trên đỉnh đầu máu đang trào ra , Tốc nằm ngửa giữa những chậu cây cảnh miền núi . Bên cạnh một con kappa cái , mặt vui trong ngực Tốc , đang gào khóc . Tôi nâng bà ta dậy (bình thường , tôi không thích đụng đến lớp da lầy nhầy của kappa) và hỏi bà ta:

- Có chuyện gì vậy ?

- Tôi chẳng hiểu chuyện gì xảy ra . Hình như anh ấy đang viết cái gì đó . Và đột nhiên , anh ấy bắn vào đầu một phát . A ... A ... tôi biết làm sao đây hở trời ? qur- r- r- r , qur- r- r- r- r (đấy là tiếng khóc của loài kappa) .

- Tốc là một anh chàng ích kỷ . Ông giám đốc hãng thủy tinh Gaël buồn rầu lắc đầu nói với ông quan toà Pep .

Nhưng ông quan toà chẳng mở miệng , đốt một điếu thuốc đầu mạ vàng . Tới lúc đó , Chak quý gối để khám xét vết thương của Tốc , tuyên bố với năm người có mặt (thật ra là một người và bốn kappa) với dáng điệu của một vị bác sĩ:

- Đã quá trễ rồi ... Tốc mắc bệnh đau dạ dày kinh niên , và cũng chính là nguyên nhân đó khiến anh ta u uất .

- Anh ta đang viết điều gì vậy ?

Triết gia Mag , lăm bằm trong miệng những lời này , và như để chứng minh cho lời độc thoại , ông ta nhặt một tờ giấy

trên bàn . Tất cả (trừ tôi) đều nghiêng cổ để nhìn tờ giấy qua cái vai rộng của Mag .

Nào , ta hãy đứng dậy

Đi về phía thung lũng , biên giới của thế giới khổ đau , (19)

Đi về thung lũng này ,

Nơi có những tường đá cao ngất

Suối nước trong

Và hoa của cỏ thơm toả mùi hương tuyệt diệu .

Quay lại nhìn chúng tôi , thoáng một nụ cười chua xót , Mag nói:

- Đây là bài phỏng theo bài của Goethe (20) bài ca về nàng Mignon . Thế thì theo tôi Tốc tự tử vì ý thơ cũng đã cạn .

Đúng lúc đó , tình cờ nhạc sỹ Craback cũng lái xe đến nhà Tốc . Chứng kiến cảnh này , Craback dừng một lát trước cửa , rồi đi về phía chúng tôi , nói với Mag:

- Có phải đó là chúc thư của Tốc ?

- Không , đấy là bài thơ chót của ông ta .

- Thơ ?

Mag vẫn bình thản , đưa cho nhạc sỹ đầu tóc bù xù Crabach bài thơ của Tốc . Ông này không đưa mắt nhìn xung quanh , bắt đầu đọc . . Mãi mê đọc , ông ta hầu như không trả lời câu hỏi của Mag:

- Ông nghĩ gì về cái chết của Tốc ?

- Này ... ta hãy đứng . . Tôi cũng vậy , không biết khi nào sẽ chết ... về phía thung lũng ... biên giới của khổ đau ...

- Nhưng mà ông cũng là một trong những bạn thân của Tốc ?

- Bạn thân ? Tốc lúc nào cũng cô độc . . Về phía thung lũng , biên giới của thế giới khổ đau ... Riêng Tốc , Ô , người tội nghiệp . ! những tường đá cao ngất ...

- Tội nghiệp ?

- Suối nước trong ... các ông có diễm phúc , tất cả các ông . Những bức tường đá cao ngất ...

Mùi lòng vì con kappa cái không ngừng khóc , tôi nhẹ nhàng vòng tay quanh vai và dìu bà ta về cái trường kỷ trong một góc phòng . Ở đó một con kappa nhỏ chừng 2 hay 3 tuổi ngây thơ cười . Thay bà mẹ , tôi chơi với đứa trẻ và tôi cảm thấy mắt ươn ướt . Đây là lần đầu tiên và duy nhất tôi đã khóc trong khoảng thời gian ở xứ này .

- Nhưng gia đình của con kappa ích kỷ này thật đáng thương nhỉ !

- Y có nghĩ gì đến gia đình sẽ ra sao sau khi y chết đâu .

Ông quan toà Pep đốt hết điều thuốc này đến điều thuốc khác , trả lời câu hỏi của nhà tư bản Gaël . Đột nhiên giọng nói oang oang của Craback làm chúng tôi ngạc nhiên . Tay cầm bản thảo , ông ta nói đồng:

- Được rồi , tôi sẽ viết một tang khúc tuyệt vời .

Nhạc sỹ , đôi mắt ti hí sáng lên , nhẹ bắt tay Mag và nhảy bước ra cửa . Một đám đông kappa cùng xóm đã , dĩ nhiên , tụ tập trước cửa nhà Tocc , tò mò nhìn vào trong nhà . Craback đẩy những người này bên phải , bên trái để đi ra , và nhảy lên xe . Và tiếng máy xe vừa nổ thì ông ta đã hầu như biến mất .

- Xin đừng có quá tò mò .

Ông quan toà Pep thay cảnh sát , đẩy đám kappa và đóng cửa lại . Và chắc nhờ thế mà yên lặng đột nhiên trở lại gian phòng. Trong bầu không khí yên lặng , giữa mùi máu của Tocc , lẫn với mùi thơm của hoa những cây miền núi , chúng tôi bàn về tang lễ cho người vừa mất . Chỉ riêng triết gia Mag , nhìn cái xác của Tocc , như trầm tư trong một giấc mộng . Vỗ vào vai ông ta , tôi hỏi:

- Cậu nghĩ gì vậy ?

- Về cuộc đời của kappa .

- Cuộc đời kappa ra sao ?

- Cuối cùng , loài kappa chúng tôi , có thể nói , để sống cho trọn cuộc đời kappa thì ...

rồi Mag , không ít thì nhiều hơi bối rối , thì thào tiếp:

- Dù sao đi nữa , loài kappa chúng tôi tin vào một sức mạnh ở bên ngoài chúng tôi .

14

Vì câu nói của Mag mà dẫn tôi tới chuyện gợi ra những câu hỏi về tôn giáo . Là người duy vật , tôi chẳng bao giờ nghĩ đến vấn đề này một cách nghiêm túc . Nhưng vào lúc đó , chắc xúc động về cái chết của Tốc , tôi bắt đầu suy nghĩ về quan niệm khái quát của loài kappa về tôn giáo . Tôi đặt vấn đề này với anh chàng sinh viên Rapp:

- Chúng tôi có Thiên chúa giáo , Phật giáo , Hồi giáo , Bái hỏa giáo (21) và những đạo khác . Tuy nhiên đạo mạnh nhất là "Cận Đại Giáo " . Người ta cũng gọi là "Sinh Hoạt Giáo "(Đạo Sống) có lẽ danh từ sinh hoạt giáo cũng không được chính lắm . Từ này bắt nguồn từ chữ quemoocha , trong từ đó vĩ từ cha tương đương với vĩ từ ism trong tiếng Anh . Nguồn gốc của từ quemoo là quemal , có nghĩa là sống , theo đúng nghĩa là ăn cơm , uống rượu , làm tình ...

- Như vậy theo cậu thì ở đây cũng có nhà thờ , đền chùa ... ?

- Cậu nó giỡn ? Ngôi đền của Hội Cận Đại Giáo là một kiến trúc đồ sộ nhất tại xứ này . Hay là chúng ta tới đó thăm xem sao?

Vào một buổi chiều nóng ẩm trời đầy mây , Rapp kiêu hãnh dẫn tôi đi thăm ngôi đền lớn nói trên . Quả thật toà điện này đồ sộ gấp 10 lần nhà thờ St Nicolas ở Tokyo . Lại nữa , cái toà nhà đồ sộ này là tập hợp của nhiều kiểu kiến trúc đủ loại . Tôi có cảm giác như ngộp thở khi đứng trước đại giáo đường này , trầm trồ nhìn những ngọn tháp cao vút và những nóc vòm bát úp . Tất cả hiện ra như vô số những cái chân bạch tuộc vươn thẳng lên trời . Chúng tôi đứng đó trước cổng chính- so sánh với ngay chính cửa vòm , chúng tôi chỉ là những vật bé tí tẹo - Bất động đứng một lúc , ngược mắt nhìn toà giáo đường

, có dáng dấp như một con vật không lồ chứ không phải là một công trình kiến trúc .

Phía trong điện cũng rộng bát ngát . Giữa những cột tròn kiểu cô - ranh (22) khách thập phương lảng quăng đi lại . Cũng như chúng tôi , họ trông nhỏ xíu . Chẳng bao lâu , chúng tôi gặp một con kappa lưng còng . Rapp cúi người chào và nói với một giọng lễ phép:

- Bạch cụ , thật là vui mừng khi thấy cụ được an khang .

Con kappa kia cũng với một giọng cực kỳ lễ phép , cúi đầu đáp lễ lại:

- Xin cảm ơn ông , Ông Rapp , ông vẫn có dáng ... (đến đây , ông cụ ngừng lại một lát , có lẽ ông cụ nhận ra cái mỗ loét của Rapp) . Đúng là trông ông mạnh khỏe . Thế thì ngày hôm nay có chuyện gì vậy .

- Hôm nay xin dẫn vị này lại . Chắc bạch cụ cũng đã từng nghe nói về vị này ...

Thế rồi Rapp huyền thuyên dông dài kể lại chuyện của tôi . Một phần có lẽ để biện minh cho lý do không siêng năng lui tới đại giáo đường của anh ta .

- Bạch cụ , thật là một hân hạnh nếu có thể được cụ chỉ dẫn vị này đi vòng quanh thăm thú ?

Ông cụ nở một nụ cười độ lượng , chào tôi , từ tốn lấy ngón tay chỉ bàn thờ trước mặt chúng tôi:

- Tôi xin vui lòng hướng dẫn ông , nhưng thật ra cũng chẳng giúp ích được chuyện gì . Tín đồ chúng tôi thờ phụng "Cây Sinh Mệnh" (Cây Sống) được đặt trên bàn thờ này . Như ông thấy , cây mang một trái vàng và một trái xanh . Trái vàng là trái thiện , trái xanh là trái ác ...

Trong lúc ông cụ đang giảng nghĩa , tôi bắt đầu thấy nhàm chán , vì lời ông cụ thốt ra như những chuyện ngụ ngôn cũ rích . Dĩ nhiên tôi làm như chăm chú nghe . Nhưng một đôi lúc , không quên liếc mắt nhìn phía trong đại giáo đường .

Những cột trụ kiểu cô - ranh , những mái vòm kiểu gô - tích , những mô hình bàn cờ trên sàn kiểu Ả Rập , những cái

ghế cầu kinh bắt chước kiểu sécession ... , sự hoà hợp từ tất cả mọi vật hỗn tạp toát ra một vẻ đẹp man dại kỳ lạ . Cái làm tôi chú ý hơn cả là những bức tượng bán thân bằng cẩm thạch đặt trong những hốc tường hai bên; tôi có cảm tưởng đã thấy những bức tượng này ở đâu đó , và tôi có lý . Ông già kappa lộ khụ sau khi đã thuyết hết về cây sinh mệnh , đi lại gần một cái hốc phía tay mặt , theo sau là tôi và Rapp , và bắt đầu giải thích về bức tượng bán thân đặt trong đó .

- Đây là một trong những vị thánh của chúng tôi ... Thánh Strindberg , người chống lại tất cả . Theo lời kể thì sau bao lần đau khổ , ông tìm được giải thoát trong triết lý của Swedenborg(23) ... Thật ra ông ta không được cứu rỗi . Vị thánh này , cũng tin vào Đạo Sống- như chúng tôi- ngoài ra ông ta chẳng còn tìm ra điều gì để tin tưởng . Các ông nên đọc cuốn Những truyền thuyết mà vị thánh này đã để lại cho chúng tôi , trong đó ông ta đã thú nhận là ông đã có lần tự tử mà không chết .

Cảm giác hơi buồn vì những lời nói này , tôi đưa mắt nhìn sang hốc tường tiếp theo , trong đó có đặt tượng bán thân một người Đức râu ria xồm xoàm .

- Đây là tác giả cuốn Zarathrousta , nhà thơ Nietzsche(24) . Ông thánh này tìm sự cứu rỗi qua siêu nhân do chính ông tạo ra . Nhưng tuyệt vọng , ông này cũng vậy , cuối cùng hóa điên . Có thể nếu không hóa điên , ông không thể được tôn làm thánh .

Ông cụ kappa , sau một lát im lặng ngắn , dẫn chúng tôi tới cái hốc thứ ba .

- Tượng thứ ba là tượng của Tolstoi (25) . Hơn tất cả những vị thánh khác , vị này đã từng tự khắc khổ hành xác . Vì sinh ra trong một gia đình quý tộc , ông ta không muốn trưng ra những đau khổ của chính bản thân mình trước sự tò mò của công chúng . Vị thánh này cố bắt tự mình tin vào Chúa , mà thật tâm ông không thể tin . Ông ta đã từng tuyên bố trước công chúng là ông tin tưởng vào đức chúa . Nhưng vào những năm cuối cùng của cuộc đời , ông không thể chịu đựng

được bi kịch nói láo của mình . Hiển nhiên là vị thánh này , cũng như những vị khác , thường thật tình run sợ trước những thanh xà ngang trong thư phòng . Nhưng ông ta được kể là thánh trong những vị thánh khác , dĩ nhiên vì ông ta đã không tự vẫn .

Cái tượng bán thân đặt trong hốc thứ tư là một người Nhật như tôi . Khi nhìn thấy mặt người đồng hương này tôi không khỏi ngẩn cảm được nỗi hoài hương .

- Đây là ông Kunikida Doppo (26) . Người thi sỹ này đã biết tường tận nỗi buồn của tâm hồn người thợ bị xe lửa cán chết. Tôi thấy không cần thiết phải giảng nghĩa thêm cho ông về ông này . Bây giờ hãy nhìn tới tượng số năm .

- Có phải là Wagner ? tôi hỏi ông cụ .

- Đúng đấy . Nhà cách mạng và bạn của vua chúa . Vào cuối đời mình , thánh Wagner đã đi tới chỗ chịu cả việc cầu nguyện trước bữa ăn . Nhưng ông ta đúng ra là người mộ Đạo Sống hơn là một con chiên nhà chúa . Nếu ta tin vào chính những bức thư của ông để lại , không biết đã bao lần trước những đau khổ của nhân loại , ông đã đi gần đến chuyện tự sát .

Chúng tôi đã đứng trước hốc thứ sáu .

- Đây là người bạn của thánh Strindberg , một họa sỹ trẻ người Pháp , cựu thương gia , đã từng bỏ vợ và đàn con để cưới cô gái người Tahiti 13 hay 14 tuổi . Trong huyết quản của ông thánh này có dòng máu của một cựu thủy thủ . Hãy nhìn đôi môi ông ta , còn dấu vết của thạch tín hay một chất gì như vậy . Người ở trong hốc thứ 7 ... Ông đã mệt rồi , thôi hãy đi tới đây .

Thật ra tôi cũng đã mệt mỏi . Bước theo ông cụ và Rapp , tôi đi qua một hành lang thoảng mùi hương và vào trong một căn phòng . Trong một góc của căn phòng nhỏ này có dựng một bức tượng Vệ Nữ đen , đồ cúng đặt dưới chân là một chùm nho dại . Tôi đã nghĩ nơi đây phải là phòng của một tu sỹ nên ắt không có trang hoàng , nên hơi ngạc nhiên . Hình

nếu đoán được ý nghĩ của tôi , ông cụ , trước khi mời tôi ngồi , đã giải thích cho tôi hầu như lấy làm tiếc cho sự dốt nát của tôi:

- Đừng quên là đạo của chúng tôi là Đạo Sống , dạy chúng tôi phải sống hết mình . Ông Rapp , ông đã cho vị này biết kinh thánh của chúng ta chưa ?

- Bạch cụ , chưa . Cũng xin thú với cụ là tôi cũng chỉ mới đọc qua loa .

Rapp , lấy tay gãi cái đĩa trên đỉnh đầu , thành thật trả lời . Ông cụ , cười hiền từ , tiếp tục nói:

- Như vậy thì chắc ông cũng không rõ . Thượng đế của chúng tôi sáng tạo ra thế giới trong 1 ngày (Cây Sống , duy chỉ là một cái cây , nhưng đầy quyền lực) . Rồi Thượng Đế tạo ra một con kappa cái . Con này mệt mỏi vì buồn chán , muốn kappa đực . Thượng Đế thương tình , bèn lấy óc của con kappa cái tạo ra con đực . Ngài ban phép cho hai kappa , phán rằng: "hãy ăn , làm tình , và sống cật lực" .

Lời ông cụ khiến tôi nhớ lại thi sĩ Tốc . Ông ta , tiếc thay cũng như tôi , đều vô thần . Vì tôi không phải là kappa , tôi có lý khi không biết Đạo Sống . Nhưng Tốc , sinh tại xứ sở kappa , chắc hẳn phải biết Đạo Sống . Tôi lấy làm thương hại cho Tốc đã không theo đạo này . Vì vậy , cắt ngang lời ông cụ , tôi nói về Tốc:

- A , anh chàng thi sĩ đó quả thật đáng thương .

Nghe tôi nói như vậy , ông cụ thở dài:

- Chỉ có lòng tin , hoàn cảnh và sự ngẫu nhiên mới quyết định số phận chúng ta (ông có thể thêm vào di truyền) . Tiếc một điều là ông Tốc không có đức tin .

- Tốc chắc cũng thèm được như cụ , tôi cũng thèm được như cụ , còn như bọn anh Rapp đây thì hãy còn trẻ ...

- Nếu như cái mỏ của tôi không bị loét thì tôi cũng đã lạc quan hơn .

Nghe những lời này , ông cụ thở dài thườn thượt một lần nữa , rớm rớm nước mắt , nhìn thẳng vào bức tượng vệ nữ

đen , nói với chúng tôi .

- Thật ra , đây là nỗi bí mật của tôi , xin đừng nói cho ai hay cả- ngay cả tôi , tôi cũng không thể tin vào thượng đế của chúng tôi . Nhưng một ngày nào đó , những lời cầu nguyện của tôi ...

Ông cụ còn đang muốn nói tiếp thì , bất chợt , cánh cửa gian phòng mở toang , đi vào một con kappa cái mập thù lù . Bà ta chạy thẳng tới ông cụ . Chúng tôi , dĩ nhiên , cố giữ bà ta lại , nhưng trong chớp mắt mù đã quăng cụ già xuống sàn .

- Đồ lão già mắc dịch ! Hôm nay mà lại móc tiền trong túi bà để đi nốc rượu . Mụ ta hét lên .

Vào khoảng 10 phút sau , để mặc cặp kappa , chúng tôi bước như chạy trốn xuống thang cấp mặt tiền .

- Thấy cảnh đó thì biết ngay cả ông cụ cũng không tin vào Cây Sống đâu ! Rapp nói với tôi sau khi bước im lặng trong một lát .

Không trả lời , tôi ngoảnh lại nhìn về phía đại giáo đường . Dưới bầu trời mù sương , cũng như trước , toà giáo đường vươn lên những tháp cao và những mái hình bát úp như một rừng chân bạch tuộc toát ra cái gì lung linh huyền hoặc như một ảo ảnh treo trong không trên sa mạc .

15

Sau chừng một tuần trôi qua , tôi tình cờ được biết qua bác sĩ Chak một chuyện lạ lùng . Theo đó thì căn nhà cũ của Tốc có ma . Vào khoảng thời gian này , con kappa cái của Tốc đã dọn đi ở nơi khác , và căn nhà của ông thi sĩ bạn tôi trở thành tiệm chụp hình . Theo như lời Chak , trên tất cả những tấm ảnh chụp trong tiệm này , Tốc , không hiểu sao , đều hiện ra mờ ảo ở phía sau ảnh người chụp . Tôi phải nói thêm là Chak , duy vật , hoàn toàn không tin có cuộc sống sau khi chết . Bằng chứng là khi kể lại chuyện này , anh ta còn nói thêm , với một nụ cười ranh mãnh , một câu như lời bình: "ngay cả linh hồn cũng có một sự hiện diện vật chất"

Tôi cũng không khác gì Chak , nghĩa là tôi cũng không tin có sự hiện diện của ma quỷ . Nhưng bởi vì tôi có cảm tình với thi sĩ Tốc , nên chạy ngay lại một tiệm sách , mua những tờ báo và tạp chí có đăng những bài về bóng ma Tốc và những hình ảnh ma quái của anh ta . Đúng vậy , trên tất cả những hình , một con kappa tựa như Tốc hiện ra mờ ảo , ở phía sau hình những con kappa già , trẻ , đực , cái . Nhưng chuyện làm tôi ngạc nhiên hơn cả những tấm hình , là những bài báo , nhất là bài tường trình của hội Tâm Linh Học . Sau đây là tóm tắt của bài tường trình mà tôi xin dịch lại khá trung thành (những lời ghi chép mà tôi thêm vào viết trong dấu ngoặc) .

Bản tường thuật về hồn ma ông Tốc , thi sĩ . (Tập san Thông Linh Học Hiệp Hội , số 8274)

Hiệp hội hiện tại đã tổ chức một cuộc điều tra bất thường tại số nhà 251 , đường ... , căn nhà cũ của Ông Tốc , thi sĩ , tự vẫn , hiện tại là tiệm chụp ảnh ... , của nhiếp ảnh gia x x , dự buổi họp có những thành viên sau (những tên đã bị lược bỏ ở đây) .

Chúng tôi , hội viên của hội , với danh nghĩa 17 người , ông chủ tịch Tâm Linh Hiệp Hội Péch cùng với bà đồng đáng tin cậy nhất của chúng tôi , bà Hốp , vào ngày 17 tháng 9 , lúc 10 . 30 sáng , chúng tôi họp trong một phòng của tiệm chụp hình nói trên . Vừa bước vào tiệm chụp hình , bà Hốp , nhạy cảm với không khí thông linh , bị lên cơn giật toàn thân và ói mửa nhiều lần . Theo bà Hốp thì vì ông Tốc nghiện thuốc lá quá nặng nên không khí thông linh cũng bão hoà chất nicotine .

Chúng tôi , thành viên của hội , im lặng cùng ngồi với bà Hốp xung quanh một cái bàn tròn . Sau 3 phút 25 giây , bà Hốp rơi vào trong trạng thái xuất thần , và bị nhập bởi linh hồn ông thi sĩ Tốc . Như ghi lại dưới đây theo thứ tự tuổi tác , chúng tôi trò chuyện với linh hồn Tốc nhập vào bà Hốp .

Hỏi: Tại sao anh lại hiện ra dưới hình thức ma ?

Đáp: Để biết danh tiếng sau khi chết .

H :Anh , hay những linh hồn , nói chung ra , muốn có danh tiếng sau khi chết ?

Đ :Tôi , ít nhất ra cũng muốn . Nhưng có một thi sĩ Nhật tôi gặp lại khinh bỉ danh tiếng sau khi chết .

H: Anh có biết tên của người thi sĩ này không ?

Đ: Thật là tiếc , tôi đã quên tên . Tôi chỉ nhớ lại một trong những bài thơ 17 âm tiết mà ông ta thích sáng tạo .

H: Bài thơ ấy ra sao ?

Đ: Furu ike ya

Kawazu tobikomū

Mizu no oto

(Trong ao cũ

Ếch nhảy vào

Nước kêu bồm)

Ao xưa , ếch nhảy xuống ,

Chỉ một tiếng nước xao .

H: Anh có coi bài thơ này là một tuyệt tác hay không ?

Đ: Không đến nỗi dở , theo tôi . Nhưng nếu thay chữ "ếch" bằng chữ "kappa" , bài thơ sẽ sáng hẳn ra .

H: Như vậy có thể cho biết lý do được không ?

Đ: Vì chúng tôi , loài kappa , chúng tôi tìm ngay cả kappa trong nghệ thuật .

Tới lúc này , ông chủ tịch Pếch lưu ý chúng tôi rằng đây là một cuộc điều tra bất thường của 17 thành viên hiệp hội Tâm Linh Học chứ không phải là buổi bình văn .

H: Cuộc sống của những hồn ma thế nào ?

Đ:Không có khác gì đời sống của quý vị .

H:Anh có hối hận về việc quyên sinh không ?

Đ:Không hối hận chút nào cả . Khi nào tôi chán cảnh sống làm ma , tôi sẽ dùng súng lục để sống trở lại .

H: Tái sinh có khó khăn lắm không ?

Với câu hỏi này , hồn Tocc đáp lại bằng một câu hỏi . Kiểu trả lời này dĩ nhiên rất bình thường đối với ai đã từng quen biết Tocc .

Đ : (của Tocc) Tự tử có dễ dàng không ?

H: Đời sống của quý vị có vĩnh cửu hay không ?

Đ: Về cuộc sống của chúng tôi , ý kiến rất khác nhau . Không ai tin được vào ý kiến nào cả . Nhưng cũng nên biết rằng , may mắn cho chúng tôi , ở đây cũng có tôn giáo: Thiên chúa giáo , Phật giáo , Hồi giáo , Bái hỏa giáo .

H: Anh tin vào đạo nào ?

Đ: Tôi vẫn theo hoài nghi chủ nghĩa .

H: Nhưng dù sao anh cũng không nghi ngờ sự hiện hữu của linh hồn ?

Đ: Tôi không thể quá tin như Quý vị .

H: Anh có nhiều bạn bè không ?

Đ: Những người bạn tôi lui tới gồm những người từ xưa cho đến ngày nay , Đông phương và Tây phương , không dưới con số ba trăm . Nếu tôi phải nêu một vài tên quan trọng thì đã có Von Kleist , Meilender , Weininger ...

H: Những bạn của anh đều tự tử ?

Đ: Không hẳn , có người như Montaigne , biện hộ cho tự tử , và là một trong những người bạn tôi rất quý trọng . Nhưng tôi không liên lạc với những người bi quan không đủ can đảm để tự tử – Schopenhauer và đồng bọn . .

H: Tôi muốn biết về sức khỏe của Schopenhauer ?

Đ: Hiện nay ông ta đang lập nền tảng cho chủ nghĩa yếm thế của các linh hồn và đang bàn cãi những ưu hay khuyết điểm của chuyện phục sinh bằng tự tử . Nhưng từ khi ông ta biết được bệnh dịch tả là do vi khuẩn gây ra thì ông ta hết sức an tâm.

Chúng tôi tiếp tục hỏi về linh hồn của những người như Napoléon , Khổng tử , Dostoievsky , Darwin , Cléopâtre , Thích ca mâu ni , Démosthène , Dante , Sen no Rikyu (27) v . v .

nhưng hoàn toàn thất vọng , Tốc thay vì trả lời thêm chi tiết , thì anh ta lại muốn hỏi thăm về những lời đồn đại liên quan đến chính anh ta .

H: (Tố) Danh tiếng của tôi sau khi chết ra sao ?

Đ: Theo một nhà phê bình thì anh được xếp vào hạng những thi sĩ tầm thường .

H: Nhà phê bình này chắc thuộc những người ghét tôi vì tôi không ký tặng họ tập thơ của tôi . Toàn tập tác phẩm của tôi đã được xuất bản chưa ?

Đ: Xuất bản rồi , nhưng sách không được bán chạy lắm .

H: Toàn tập tác phẩm của tôi , sau 300 năm , nghĩ là sau khi hết bản quyền tác giả , thế nào cũng được tất cả mọi người mua . Có tin tức gì về người bạn gái đã chung sống với tôi ?

Đ: Bà ta trở thành vợ của nhà xuất bản Rắc .

H: Tội nghiệp bà ta chưa biết được một mắt của ông ta là mắt giả . Thế còn những đứa con của tôi ?

Đ: Chúng tôi được tin là chúng được gửi đến viện cô nhi quốc gia .

Sau một thời gian ngắn im lặng , Tốc tiếp tục hỏi:

H: Cái nhà của tôi hiện tại ra sao ?

Đ: Trở thành một tiệm chụp hình .

H: Cái bàn thì sao ?

Đ: Không ai biết số phận nó ra sao .

H: Tôi bí mật giữ một tập thư trong một ngăn kéo của cái bàn . Nhưng mừng là không có liên quan gì đến Quý vị . Bây giờ thế giới thần linh của chúng tôi sắp chìm dần trong bóng tối của buổi chiều rồi . Tôi từ giã quý vị . Xin chào các bạn . Xin chào các bạn thân thiết .

Với những lời cuối cùng , bà Hốp thành linh thức dậy . Chúng tôi , 17 thành viên của hội thề trước đấng hoàng thiên , bảo đảm tính chất xác thực của những lời này (Về tiền thù

lao của bà Hốp , chúng tôi trả với giá cả bình thường như lúc bà ta làm việc như một nữ nghệ sĩ)

16

Sau khi đọc những bài viết về hồn ma của Tốc , tôi dần dần xuống tinh thần , và tôi muốn trở về xứ sở loài người . Nhưng sau bao lần tìm kiếm trong những lúc đi tản bộ , tôi cũng không kiếm ra lại được cái lỗ hồng mà tôi rơi vào đây . Lúc đó , tôi biết được từ ông đánh cá Bag kia , là có một con kappa già sống bình thản , hàng ngày đọc sách và thổi sáo , trong một khu ngoại ô . Nếu tôi thử hỏi con kappa này , may ra lão ta sẽ chỉ cho tôi con đường để đi ra khỏi xứ . Không chần chừ , tôi đi tới chỗ lão ở . Nhưng tìm đến nơi , trong một ngôi nhà nhỏ , tôi không gặp một con kappa già , mà một con kappa rất trẻ , chừng độ 12 hay 13 tuổi , cái đĩa trên đỉnh đầu còn chưa cứng lại , đang thổi sáo . Nhưng sau khi hỏi tên thì đúng là ông già kappa mà Bag đã nói .

- Cụ trông trẻ như một đứa bé .

- Thế cậu không hay ư ? không hiểu số phận thế nào mà tóc tôi đã bạc trắng khi lọt lòng mẹ . Nhưng từ lúc đó trở đi , tôi bắt đầu trẻ lại , và bây giờ , cậu thấy tôi như đứa con nít . Nếu tôi tính tuổi , coi rằng lúc sinh ra tôi đã 60 , thì bây giờ tôi 115 hay 116 tuổi .

Đưa mắt nhìn quanh trong phòng . Có thật là hoàn toàn do sự tưởng tượng của trí óc tôi hay không mà chiếc ghế xoàng xĩnh, cái bàn tầm thường đều đượm một không khí hạnh phúc thanh tao .

- Hình như cụ sống sung sướng hơn những con kappa khác ?

- Hừm , có lẽ vậy . Trong thời niên thiếu , tôi là một lão già , và bây giờ ở tuổi chín chắn , tôi lại là một đứa trẻ . Vì vậy tôi không ham tiền bạc như những người già và không đăm đuối tình dục như những người trẻ . Tóm lại , nếu cuộc sống của tôi không sung sướng , thì ít nhất ra cũng bình thản .

- Thật vậy , cuộc sống của cụ chắc rất bình thản .

- Hừm , lão chưa nói cho cậu biết tất cả lẽ lão sống sung sướng . Lão có một thân hình khỏe mạnh , và lão có đủ tiền để tránh khỏi tất cả những nỗi khó khăn trong cuộc sống . Nhưng cái mà lão được đặc ân nhất là lão đã già khi mới sinh ra .

Tôi truyện trò trong một hồi lâu với ông lão về Tocc , người đã tự vẫn; về Gaël , người nhờ thầy thuốc chữa bệnh hàng ngày , nhưng tôi không hiểu tại sao cụ già kappa không để ý lắm về những chuyện tôi kể .

- Vậy thì cụ không có bám víu gì lắm vào cuộc sống như những kẻ khác ?

Cụ già kappa , nhìn vào mặt tôi , bình thản trả lời:

- Cũng như mọi kappa khác , tôi đã ra khỏi lòng mẹ sau khi ông bố tôi hỏi tôi có muốn sinh ra trong cõi đời này không .

- Còn tôi , tôi rơi vào trong xứ này hoàn toàn do tình cờ . Xin cụ làm ơn chỉ tôi đường ra khỏi nơi đây .

- Chỉ có một đường để cậu ra khỏi nơi đây .

- Cụ nói gì , thưa cụ ?

- Con đường mà cậu đi đến .

Khi tôi nghe những lời này , tôi không hiểu sao tóc tôi dựng đứng lên .

- Khổ quá , tôi tìm mãi không kiếm ra .

Cụ già kappa nhìn tôi với đôi mắt trẻ thơ . Rồi đứng dậy , đi về góc phòng , lấy tay kéo một sợi giây thòng xuống từ trên trần . Lúc đó một khung cửa sổ mái nhà mà đến mãi bây giờ tôi không để ý , bỗng mở ra . Phía ngoài khung cửa sổ mái nhà , qua những cành thông và thông tuyết , bầu trời xanh ngát hiện ra . Lại nữa , tôi thấy ngay cả ngọn núi Yari-ga-take vươn lên như một mũi tên khổng lồ . Tôi sung sướng nhảy cẫng lên như một đứa trẻ nhìn thấy máy bay .

- Đây , cậu có thể ra bằng đường này .

Đoạn ông cụ lấy tay chỉ tôi sợi giây . Tôi tưởng chỉ là một sợi giây đơn giản , mà thật ra là một cái thang dây .

- Thế thì tôi có thể đi ra bằng lối đó ?

- Dĩ nhiên nhưng lão cho cậu hay trước , đừng hối hận khi rời đây nhé .

- Ồ , tôi sẽ không hối tiếc gì cả .

Vừa mới trả lời xong , tôi trèo lên thang dây , vừa ngắm cái đĩa trên đỉnh đầu cụ già kappa phía dưới xa .

17

Từ khi trở về từ xứ kappa , đôi lúc tôi khó chịu về mùi da người . So sánh với loài người , loài kappa thật là sạch sẽ . Lại nữa, cái đầu của chúng ta , loài người , dưới mắt tôi đã quen nhìn loài kappa , thật là kỳ dị . Có lẽ đối với quý vị thì không hiểu được , nhưng ngoài đôi mắt và cái miệng ra , cái mũi là vật khiến tôi có cảm giác mạnh . Tôi cố kiếm cách , dĩ nhiên trong trường hợp có thể , không gặp người nào . Tuy nhiên , tôi dần dần quen lại với loài người . Sáu tháng sau khi trở về , tôi có thể đi bất cứ chỗ nào . Nhưng rắc rối là , trong khi nói chuyện , tôi thường thốt ra theo bản năng những tiếng của ngôn ngữ kappa .

- Cậu sẽ ở nhà vào ngày mai ?

- Qua

- Cậu nói gì vậy ?

- Rằng tôi sẽ có nhà .

Cứ như thế mà cuộc đối thoại diễn tiến . Nhưng đúng một năm sau khi tôi trở về từ xứ kappa , tôi thất bại trong một công chuyện ... và . . (khi ông ta nói đến đây , bác sĩ S ... nói ngay: Ngừng lại đi ! - Theo lời ông bác sĩ S . . thì cứ mỗi lần kể đến chuyện này , người bệnh số 23 lại lên cơn trở nên hung dữ , ngay cả khán hộ cũng không kiềm chế ông ta được)

- Thôi , khỏi cần nói chuyện đó . Nhưng thất bại của công việc này khiến tôi có ý định muốn trở lại xứ kappa . Không phải là "đi" mà là "trở về" . Xứ kappa đối với tôi , trong tình trạng của tôi vào thời kỳ đó , như quê hương của tôi .

Tôi yên lặng lách ra khỏi nhà , định leo lên tàu theo con đường Chuōsen (28) . Chẳng may , tôi bị một cảnh sát viên bắt và giam ở bệnh viện . Trong thời gian ở bệnh viện , tôi luôn nghĩ đến xứ kappa ... Ông bác sỹ Chak ra sao ? Triết gia Mag chắc như thường lệ đang nghĩ về một vấn đề dưới ngọn đèn bao bởi lớp kính 7 màu . Nhất là anh bạn thân Rapp với cái mỗ bị loét ... Vào một buổi chiều nhiều mây như hôm nay , trong khi đang mơ màng , tôi suýt nữa hét lên . Tôi không hiểu làm sao ông ta lại vào được , ông kappa đánh cá có tên Bag , đứng trước mặt tôi , cúi đầu nhiều lần ! Tôi cũng không còn nhớ rõ, sau khi hoàn hồn , tôi đã khóc hay cười . Nhưng dù sao trong một khoảng thời gian dài , tôi sung sướng có thể nói tiếng kappa:

- Ô Bag , làm sao cậu đến đây được ?
- Ô , tôi tới đây để thăm ông , được tin ông đau ốm .
- Làm sao cậu biết được tin ?
- Nghe tin qua radio .

Bag hãnh diện cười .

- Nhưng làm sao cậu tới đây được ?
- Chẳng có gì là khó khăn . Sông và lạch ở Tokyo là đường đi của loài kappa .

Tôi mới nhớ lại là kappa , như ếch , thuộc loài lưỡng thể , trên cạn dưới nước .

- Nhưng không có sông ở quanh đây .
- A , tôi tới đây theo ống dẫn nước , và ra khỏi bởi cái miệng vòi cứu hỏa ...
- Miệng vòi cứu hỏa ?
- Ông quên rằng ở xứ kappa cũng có thợ máy ?

Từ đó , cứ hai hay ba ngày , những con kappa lại đến thăm tôi . Theo lời bác sỹ S . . thì tôi mắc chứng tâm thần phân liệt (Dementia praecox) , nhưng theo bác sỹ Chak thì - (điều này chắc thất lễ đối với chức vị) không phải tôi mắc chứng tâm thần phân liệt , mà chính là bác sỹ S . . mắc chứng bệnh này và

cả Quý vị nữa . Không những ông bác sỹ Chak , mà cả anh chàng sinh viên Rapp và triết gia Mag cũng đến thăm tôi . Tuy vậy , ban ngày , ngoài ông đánh cá Bag , không một ai tới đây . Nhất là vào đêm khuya , họ tới từng hai hay ba ... vào những đêm có trăng . Đêm qua chẳng hạn , tôi nói chuyện với Gaël , ông giám đốc xưởng thủy tinh và triết gia Mag . Và ngay cả chúng tôi yêu cầu Craback , ông nhạc sĩ , chơi một khúc violon . Nhìn kia ! Quý vị có thấy bó hoa huệ đen để trên bàn đằng kia ? Craback đã mang tới tặng tôi tối qua đấy . (Tôi quay lại , nhưng trên bàn chẳng có gì cả , ngay cả một bó hoa)

- Cuốn sách này do triết gia Mag đã cất công mang tới cho tôi . Hãy đọc vần thơ đầu tiên . Không , các ông không thể biết ngôn ngữ kappa . Thôi để tôi đọc cho mấy ông . Đây là tác phẩm toàn tập của Tốc , vừa mới xuất bản:

(Tay đỡ một cuốn niên giám điện thoại cũ , ông ta bắt đầu cao giọng đọc những câu thơ như sau)

Giữa rừng hoa cọ , lùm tre ,
Phật Tổ ngài đã ngủ mê lâu rồi .
Cây vả bên đường chết khô
Đức Chúa dường cũng xuống mồ theo chân
Chúng ta phải nghỉ ngơi thôi ,
Trước phong rập hát , thanh thơ cứ nằm .

(và ở phía sau sân khấu , chúng ta chỉ thấy một bức phong chắp vá bằng những mảnh vải vụn)

Nhưng tôi cũng không quá bi quan như thi sĩ Tốc . Khi mà những kappa còn đến viếng thăm tôi thường xuyên ... À quên , quý vị còn nhớ ông quan toà Pep , bạn tôi . Ông này sau khi bị mất chức , trở lên điên khùng . Tôi được nghe tin cho hay ông ta đang ở trong một bệnh viện tâm thần của xứ kappa . Tôi rất muốn đi thăm ông ta , nếu bác sỹ S ... cho phép tôi .

1- 12- 1927

Dịch xong ngày 1- 5- 05 , đúng ngày tròn 62 tuổi .

Chú thích

[1] – Swift , Jonathan (1667– 1745) văn hào Ái Nhĩ Lan , nổi tiếng với trường thiên *Guilliver* phiêu lưu ký , giọng văn hài hước châm biếm chống lại xã hội đương thời , nhất là giới Quý tộc Anh . Tập đầu trong trường thiên *Guilliver* phiêu lưu ký (4 tập)(1720– 1726) , cuộc hành trình xứ Lilliput , Swift đã hài hước đả kích vua và giới quý tộc bằng cách cho *Guilliver* đá vào kinh thành để chữa cháy .

[2] – Butler (Samuel) (1835– 1902) Tiểu thuyết gia người Anh . Tiểu thuyết hài hước của ông châm biếm xã hội Quý tộc Anh (*Erewhon ...*) , đọc ngược chữ *Nowhere* .

[3] – France , Anatole , Thibault (1844– 1924): văn hào Pháp . Những sách của ông viết về lịch sử hay phong tục (*Le crime de Sylvestre Bonnard* , 1881; *la Rotisserie de la Reine Pédauque*; *le Lys rouge* , 1894; *Les dieux ont soif* , 1912) với giọng điệu chế nhạo và hoài nghi . Nhận giải Nobel văn chương năm 1921 .

[4] – Kamikochi: Vùng suối nước nóng tại huyện Nagano . Những dãy núi tại đây có nhiều ngọn cao trên 3000 m .

[5] – Kumazasa: trúc còi . Đây là loại trúc nhỏ , thân lớn không quá một ngón tay , cao không quá 1 m . Chữ kuma có nguồn gốc từ chữ Ôi , cũng có lúc được viết là chữ Hùng (con gấu) , có nghĩa là những vầng đen thường có dưới con mắt . Người Nhật thường nói: "Kuma ga dekita " để chỉ trường hợp bị mệt nên có vầng đen dưới mắt . Kuma zasa ra lá màu xanh vào mùa xuân , đến mùa thu thì quanh mép lá bị úa ra trước nên trắng ra như một viền trắng chung quanh lá , trông giống như vầng(kuma) dưới con mắt . Lá mới của Kumazasa chứa nhiều vitamines , nên thường dùng để chế trà khoẻ (kenko cha).

[6] – Corned beef: nguyên văn bằng chữ Katakana , chuyển âm từ tiếng Anh *corned beef* .

[7] – Quax ! Quax: nguyên văn trong truyện .

[8] – Ginza: Trung tâm thương mại Tokyo .

[9] – Quax , Bag , quo quel , quan ? : nguyên văn trong truyện .

[10] – Suiko Koryaku: Thủy Hồ Khảo Lược , những lời bàn sơ lược về kappa . Vì mặt của kappa tựa như mặt con hổ , nên kappa cũng có tên là hổ nước (suiko) .

[11] – 50 độ Fahrenheit: vào khoảng 15 độ Celsius .

[12] – Rượu áp- xanh: một thứ rượu mạnh của Pháp , cất từ cây absinthe .

[13] – Khổ 8 : Khổ sách A 5 (152x218mm)

[14] – Khổ 12: Khổ sách B6 (127x188 mm)

[15] – Khổ 16: Khổ sách A 6 (76 x 109 mm)

[16] – Sécession: trường phái nghệ thuật và kiến trúc tại Áo , song song với trường phái Art Nouveau tại Pháp vào khoảng 1890

[17] – Yanigida Kunio:(1875– 1962) nhà dân tộc học nổi tiếng Nhật Bản .

[18] – Tanagra: làng Hy Lạp (Beotie) , trung tâm sản xuất những tượng nhỏ nổi tiếng bằng đất nung , vào khoảng thế kỷ thứ VI trước CN

[19] – Nguyên văn Shabakai , sa bà giới . Dịch âm từ tiếng Phạn . Trong kinh Phật gọi đời là cõi Sa (Ta) Bà , nghĩa là cõi đời phải chịu nhiều khổ não .

[20] – Goethe , Johan Wolfgang (1749– 1832) văn hào Đức , tác giả Faust (1819) .

[21] – Bài hỏa giáo: Thành lập bởi Zoroaster (? 628– ? 553 B . C .) một lãnh tụ tôn giáo xứ Perse

[22] – Cô- ranh: Corinthe , kiến trúc theo lối Hy Lạp xưa , dùng những tảng đá đục thành hình lá cây .

[23] – Swedenborg , Emanuel (1688– 1772) nhà thần học Thụy Điển .

[24] – Nietzsche , Friedrich :(1844– 1900) triết gia Đức

[25] – Tolstoi : Lev Nikolaievitch(1828– 1910) đại văn hào Nga , tác giả cuốn Chiến tranh và hoà bình , Anna Karenine , la Sonate à Kreutzer .

[26] – Kunikida Doppo : (1871– 1908) tiểu thuyết gia Nhật , tiền thân của trường phái tự nhiên Nhật Bản .

[27] – Sen no Rikyu : tên thật là Sen no Soeki (1520– 1590) , trà sư nổi tiếng , đã từng ở dưới trướng 2 vị xứ quân Oda

*Nobunaga (1534– 1582) và Toyotomi Hideyoshi (1536– 1598)
. Ông bị xứ quân sau cùng giết chết .*

*[28] – Chuo- sen: (trung tuyến)đường xe điện tại Tokyo ,
theo hướng Đông – Tây , như đường kính của đường xe điện
vòng Yamate- sen , tựa như đường central line tại Luân Đôn ,
hay đường xe điện ngầm số 1 (Métro) tại Paris .*

Bức Họa Núi Thu

Nguyên tác : Shuzanzu

Tác Giả: Akutagawa Ryunosuke (1892–1927)

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Cũng như nhiều nhà văn Nhật Bản, Akutagawa Ryunosuke thường mượn bối cảnh và đề tài Trung Quốc cho tác phẩm của ông. *Bức Họa Núi Thu (Thu Sơn Đồ)* đã được đăng tải lần đầu tiên trên tờ *Kaizô* vào tháng giêng năm 1921, lúc ông 29 tuổi.

Các họa phổ của Trung Quốc thường nhắc đến bức *Phông Họa Hoàng Đại Sĩ Thu Sơn Đồ* của Vương Thạch Cốc mà không thấy ghi chép về bản chính *Thu Sơn Đồ* do Đại Sĩ sáng tác. Nếu *Thu Sơn Đồ*, bức danh họa mà nhà văn nói đến ở đây, không hề có thực thì có quan trọng không? Vẻ đẹp tuyệt đối của một tác phẩm nghệ thuật phải chăng chỉ có trong tâm khảm của người thưởng thức nó ?

Hai lần nhìn một bức tranh, người ta có thể cảm nhận hai cách khác nhau nhưng có thể nào cùng một người xem mà một bức tranh được coi là đẹp khi treo trong ngôi nhà hoang phế của khách tài tử phong lưu lại đậm ra xuống sắc khi chưng trên tường phủ đệ một phú hào thiếu nghệ sĩ tính.

Người dịch sử dụng bản Nhật Ngữ của *Tuyển Tập Văn Học Nhật Bản* (quyển 29: Akutagawa Ryunosuke) do nhà Chuô Kôron ấn hành lần đầu tiên năm 1962 và tham khảo bản dịch qua Anh Ngữ nhan đề *Autumn Mountain* (bị cắt xén nhiều chỗ so với nguyên tác) của nhà Nhật Bản Học Ivan Morris (*Modern Japanese Short Stories, Charles E. Tuttle Co., Tokyo, 1962*).

*

Nói đến Hoàng Đại Sĩ (1), thế cụ đã xem *Thu Sơn Đồ* của Đại Sĩ chưa ạ?

Một tối mùa thu, Vương Thạch Cốc (2) đến thăm Âu Hương Các và khi đang nhấp mấy ngụm trà với chủ nhân Uẩn Nam Điền (3), câu chuyện đưa đẩy thế nào mà tự dưng khách đi vào câu hỏi đó.

- *Thưa không, tôi chưa được xem ạ. Thế cụ đã có dịp thưởng thức tranh ấy chưa ?*

Đại Si Lão Nhân Hoàng Công Vọng tề danh với Mai Đạo Nhân (4) và Hoàng Hạc Sơn Tiều (5), đời coi là ba thánh thủ hội họa dưới triều Nguyên. Uẩn Nam Điền vừa nói thế mà có cảm tưởng những bức danh họa của Đại Si mình có dịp chiêm ngưỡng ngày xưa, nào Sa Tích Đồ, nào Phú Xuân Quyển như phảng phất hiện về trong ký ức.

- *Ấy, biết thưa thế nào đây, bảo là xem rồi thì vẫn đúng mà bảo chưa xem cũng chẳng sai. Chuyện nói ra thật khó tin, bảm cụ ...*

- *Cái gì mà xem rồi lại như chưa xem, thế nhỉ ...?*

Uẩn Nam Điền lộ vẻ thắc mắc, nhìn Vương Thạch Cốc như dò hỏi.

- *Hay tranh cụ xem là bức họa mô phỏng thôi chứ gì ?*

- *Thưa không, chẳng phải phỏng họa nào cả. Rõ ràng tôi được xem bản chính đấy. Nào phải một mình tôi đâu., Cả Yên Khách tiên sinh (6)(Vương Thì Mẫn) lẫn Liêm Châu tiên sinh (7)(Vương Giám) đều có chút duyên may với bức Thu Sơn Đồ này cả đấy, cụ ạ !*

Vương Thạch Cốc mới nhấp thêm ngụm trà, ra vẻ nghĩ ngợi lung lăm, rồi mới mỉm cười.

- *Nếu không nhàm tai cụ thì tôi xin được phép kể lại đầu đuôi câu chuyện.*

- *Vâng, cụ tự nhiên cho.*

Uẩn Nam Điền khêu lại ngọn lửa trên giá đuốc đồng, vừa ân cần thôi thúc khách.

*

Chuyện xảy ra hồi Nguyên Tế tiên sinh (8) (Đồng Kỳ Xương) còn sinh tiền cơ. Mùa thu năm ấy, có hôm đang cùng Yên Khách Ông luận về hội họa, bất chợt tiên sinh hỏi Ông đã được xem Thu Sơn Đồ của Hoàng Nhất Phong chưa. Như cụ thừa biết, trong ngành họa, Ông là môn hạ họa phái Đại Si, nên có thể bảo đã là tác phẩm của Đại Si lưu lại trên cõi đời này, Ông đều xem không sót. Thế mà mỗi một bức gọi là Thu Sơn Đồ, rốt cục ông chưa hề được xem.

- Không ạ, tên còn chưa nghe tới, nói chi đến xem !

Yên Khách Ông vừa trả lời như thế vừa không khỏi then thùa.

- Thế thì khi nào có dịp, xin ông xem một lần cho biết. So với Hạ Sơn Đồ và Phù Bãng Đồ, tranh ấy còn nổi hơn một bậc. Có lẽ trong số họa phẩm của Hoàng Đại Si lão nhân, Thu Sơn Đồ chính là bạch mi (9) đấy ạ !

- Kiệt tác như thế hở cụ. Tôi phải tìm xem mới được. Thế cụ có biết hiện nay ai là chủ bức tranh ấy không?

- Nó nằm ở nhà họ Trương xứ Nhuận Châu. Trên đường vắng cảnh Kim Các Tự chẳng hạn, ông nhớ tạt qua gõ cửa hỏi thăm chủ nhân xem. Tôi sẽ xin vì ông mà thảo một phong thư giới thiệu.

Yên Khách Ông lãnh thư của tiên sinh, tức thời lên đường đi Nhuận Châu. Nghĩ thầm nếu nhà họ Trương là nơi sở tàng một bức danh họa như vậy thì đến đó, ngoài tranh Hoàng Nhất Phong chắc còn có cơ chiêm ngưỡng được những bức họa tuyệt vời khác, nên Yên Khách Ông bồn chồn bứt rứt không thể nào nán lại thư phòng Tây Viên (10) thêm một khắc nào nữa.

Thế nhưng khi tới Nhuận Châu, Ông mới vỡ lẽ. Ngôi nhà họ Trương mà ông thềm thường đến viếng kia, cơ ngơi đồ sộ thì có đấy nhưng sao hoang phế tiêu điều quá. Giây trường xuân leo đầy tường dậu, cỏ dại um tùm trên sân, một đàn gà vịt nhón nhác nhìn khách lạ. Cảnh tượng như thế làm cho một người trung hậu như Ông cũng bất giác nghi ngờ lời nói của

Nguyên Tế tiên sinh vì không nghĩ ra có gì mà tranh Đại Si lạc loài đến chốn hoang vu thế này. Nhưng đã cất công đến lại chưa chìa danh thiếp mà đã bỏ về thì sao gọi là sở nguyện bình sinh. Vừa vặn lúc ấy người canh cửa bước ra, Ông đành phải trình bày việc làm khách viễn phương ghé xem tranh Hoàng Nhất Phong, rồi trao phong thư giới thiệu của Tư Bạch Tiên Sinh.

Chỉ trông chốc lát, Yên Khách Ông đã được mời lên đại sảnh. Ở đây cũng vậy, tuy có đặt bộ trường kỷ bạch đàn nom rất trang nhã nhưng thoang thoảng mốc meo, như thể mùi hoang phế bốc lên cả từ nền gạch. May thay, khi chủ nhân bước ra thì đầu nhìn mặt thấy như người mang bệnh nhưng tướng mạo nom ra cũng hiền lành. Không những thế, khuôn mặt xanh xao và bàn tay thanh tú kia cho ta cảm tưởng người ấy có cái phong thái con nhà dòng dõi. Sau khi hai bên phân chia ngôi thứ theo đúng lễ sơ kiến, Ông bèn thưa với chủ nhân xin được chiêm bái tác phẩm cao diệu của Hoàng Nhất Phong. Nghe giọng khẩn khoản mới thấy Ông có vẻ đang bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ nếu không tìm xem cho được bức họa bây giờ, e nó sẽ biến thành sương thành khói mất.

Chủ nhân vui vẻ nhận lời và cho treo ngay lên tường của sảnh đường một bức họa :

- *Xin thưa đây là Thu Sơn Đồ mà quý khách hằng ao ước.*

Yên Khách Ông mới nhìn bức tranh trên tường một lượt thôi đã bất giác thốt ra tiếng kêu kinh ngạc.

Nền họa tuyền một màu xanh lục. Chỗ dòng khe uốn mình như rắn lượn, lác đác xóm làng và mấy nhíp tiểu kiều. Bên sườn ngọn núi vút lên cao nhất, chòm mây thu nhàn nhã được điểm đậm nhạt bằng mấy lớp phấn trắng. Núi xếp giăng hàng theo phép hoành điểm (11) của Cao Phòng Sơn (12), tươi tắn sau cơn mưa như một nét mày xanh, lại ánh lên nét đẹp của màu sơn rắc đỏ đây trên những khóm cây lá đỏ. Không biết dùng lời nào để diễn tả cho hết ý, và còn lo đòi hỏi đó vượt cả khả năng của ngôn ngữ nữa. Chỉ thấy bức họa vừa diễm lệ, vừa hùng tráng, bút mực lại rất đối nồng đượm. Có thể nói

màu sắc rực rỡ như thế mà vẫn toát ra một cái gì xa xưa, hư không lãng đãng.

Yên Khách Ông để thần hồn bay bổng, mắt mãi mê không rời bức họa. Càng nhìn càng ngắm, Ông khám phá hết chỗ ảo diệu này đến chỗ ảo diệu khác.

- *Thế nào, quý khách có hài lòng không ạ ?*

Chủ nhân miệng hơi mỉm cười, nghiêng nhìn ông dò hỏi.

- *Quả là thần phẩm ! Lời tán tụng của Nguyên Tế tiên sinh chẳng những không quá đáng tị nào mà còn như là chưa đủ đấy ạ. Dem những danh họa tôi xem được cho đến nay mà so với bức tranh này thì chúng đều ở thế hạ phong cả.*

Miệng thì nói nhưng mắt Yên Khách Ông vẫn không rời khỏi bức họa.

- *Thế cơ, bức tranh này là kiệt tác đến mức đó sao, thưa quý khách ?*

Yên Khách Ông lúc đó mới đảo mắt nhìn chủ nhân, ra dáng ngạc nhiên :

- *Tại sao bây giờ ngài lại tỏ ra mất tin tưởng như thế.*

- *Không ạ, tôi nào có mất tin tưởng gì đâu. Chẳng qua là.....*

Lúc đó, chủ nhân bỗng dâm ra bẽn lễn như cậu thư sinh, mặt đỏ lên vì lúng túng. Mãi sau mới nở một nụ cười buồn bã, tần ngần nhìn bức họa và tiếp lời :

- *Thực tình, mỗi lần nhìn bức họa này, dù mắt đang mở trao tráo, tôi vẫn thấy mình như đang ở trong cõi mộng. Thu Sơn đẹp đến thế này ư ? Vẻ đẹp ấy chỉ có mình tôi cảm nhận được thôi sao ? Ngoài tôi ra, dưới mắt người khác nó chỉ là một bức họa tầm thường chẳng ? Không hiểu tại sao sự ngỡ vực đó cứ dẫn dắt tôi. Đây là nguyên nhân ? Một là tâm trí tôi bất loạn vì nó hoặc giả bức tranh kia quá đẹp để có thực ở trên đời ? Mang một tâm trạng lạ lùng như vậy nên lời tán thưởng mới đây của quý khách chỉ làm tôi dao động thêm thôi.*

Thật tình lúc đó Yên Khách Ông chẳng có vẻ để ý gì lời biện bạch của chủ nhân. Đang bị Thu Sơn Đồ hớp hồn, ngoài nó Ông không thấy gì khác. Ông chỉ có cảm tưởng từ đầu chí cuối, chủ nhân toàn ăn nói lung tung nhằm che dấu sự yếu kém về khả năng thưởng thức hội họa của mình.

Sau khi trò chuyện một hồi, Yên Khách Ông cáo từ họ Trương và rời ngôi nhà hầu như hoang phế ấy để lên đường.

Thế nhưng làm sao thì làm, từ khi bức Thu Sơn Đồ mở bừng con mắt cho Ông thì nó không rời khỏi tâm trí Ông nữa. Thực sự nếu ta đặt mình vào địa vị Yên Khách Ông, người truyền thừa họa phong của Đại Sĩ, thì chắc chắn sẽ sẵn sàng lìa bỏ mọi thứ miễn sao bức họa kia lọt vào tay mình cho được. Ngoài lý do tình cảm đó, cá nhân ông còn là nhà sưu tập tranh. Những bức danh họa gia bảo trong đó kể cả Sơn Âm Phiếm Tuyết Đồ của Lý Doanh Khâu (13) mà ông đã phải trả bằng hai mươi dật hoàng kim, so với Thu Sơn Đồ thì vẫn còn thua sút về mặt thần diệu. Vì thế, ở cương vị một người chơi tranh sành sỏi, ông càng thêm chuộng bức họa hi hữu của đại sư Hoàng Nhất Phong.

Trong thời gian ở Nhuận Châu, bao lần Ông cho người đến thương lượng với họ Trương để nài Thu Sơn Đồ nhưng Trương thị trước sau không khứng. Theo lời kể của người nhà được Ông phái đi, chủ nhân có khuôn mặt xanh xao kia đã nhắn lại : "*Nếu quý khách có lòng yêu bức tranh ngấn ấy thì tôi xin cho ngài mượn nhưng xin thứ cho việc bắt tôi phải xa lìa nó vĩnh viễn*". Đối với người hiểu thắng như Yên Khách Ông, lời từ chối đó như chạm mạnh đến tự ái. Được rồi, thêm gì mà mượn, một ngày nào đó bức tranh sẽ vào tay ta cho xem. Ông định bụng như vậy rồi, cuối cùng tạm xa Thu Sơn Đồ và rời khỏi Nhuận Châu.

Vừa vặn một năm sau, Yên Khách Ông đã trở lại chốn cũ. Tới nơi, Ông liền đến ngay nhà họ Trương. Cảnh vẫn chẳng có gì thay đổi, giầy trường xuân bò lan tường dậu và cỏ dại mọc đầy sân, màu sắc cứ như xưa. Tuy nhiên khi hỏi thăm người giúp việc, mới hay chủ nhân đi vắng. Không gặp được chủ

nhân nhưng Ông cũng xin phép ngắm lại Thu Sơn Đồ. Có điều dầu khẩn khoản bao lần, mượn cớ chủ không có nhà, gia nhân quyết ngăn Ông vào. Cuối cùng, họ còn sập cửa, không thềm cả ừ hử. Ông chỉ còn cách tư tưởng đến cái bức danh họa hiện đang được cất giấu một xó nào trong căn nhà điêu tàn ấy, bồi hồi trở gót quay về.

Sau lần đó, lúc Ông có dịp gặp Nguyễn Tế tiên sinh thì cụ lại báo cho biết ở nhà họ Trương, ngoài Thu Sơn Đồ của Đại Sĩ, còn có cả những kiệt tác khác như Vũ Dạ Chỉ Túc Đồ và Tụ Thọ Đồ của Thảm Thạch Điền (14) nữa.

- Lần trước định nhắn ông rồi lại quên khuấy. Hai bức tranh tôi vừa kể ra phải nói là những kỳ quan của họa đàn cũng như Thu Sơn Đồ đấy ạ. Thế nào cũng phải tìm xem cho được, ông nhé.

Yên Khách Ông tức tốc phái người nhà đến Nhuận Châu gặp họ Trương. Ngoài tờ thư với thủ bút của Nguyễn Tế tiên sinh, người nhà còn được soạn sẵn cho cả một dãy bạc để dùng vào mua tranh. Thế nhưng họ Trương vẫn khẳng khái không chịu nhượng lại tác phẩm của Hoàng Nhất Phong. Ông đành bầm bụng bỏ rơi chuyện Thu Sơn Đồ.

*

Vương Thạch Cốc chột ngừng bật trong giây lát.

- Những điều tôi kể đến đoạn này là nghe từ chính miệng Yên Khách Ông đấy, thưa cụ.

- Thế thì chỉ có mỗi mình Yên Khách tiên sinh được chiêm ngưỡng Thu Sơn Đồ thôi phỏng ?

Uẩn Nam Điền vừa mân mê chòm râu, vừa hỏi lại Vương Thạch Cốc cho chắc.

- Tiên sinh bảo với tôi người đã xem rồi. Còn việc tiên sinh có thực thấy nó chưa thì chẳng ai dám quả quyết.

- Nhưng qua nội dung câu chuyện dường như

....

- Ấy, để tôi kể thêm cái đã. Nếu mà nghe cho đến cuối thì e rằng cụ sẽ đưa ra kết luận khác tôi cũng không chừng.

Lần này, Vương Thạch Cốc, trà cũng chẳng nhấp, kể luôn một mạch.

*

Yên Khách Ông cho tôi nghe câu chuyện trên, tính ra từ hồi cụ được xem Thu Sơn Đồ lần đầu tiên là gần năm mươi năm sau, trải qua biết mấy tình sương rồi. Lúc đó Nguyên Tế tiên sinh ra người thiên cổ từ lâu mà cơ nghiệp họ Trương cũng đã truyền đến đời thứ ba. Cho nên bấy giờ tôi chẳng những không biết ai là người giữ bức Thu Sơn Đồ mà còn ngay ngáy nổi bức danh họa kia đã ngọc nát vàng phai. Lúc Yên Khách Ông tả cho tôi xong cái thần diệu của bức tranh mà cụ như đang cầm chắc trên tay, bèn ngậm ngùi than : "*Cái bức Hoàng Nhất Phong ấy giống như đường kiếm của Công Tôn Đại Nương (15) anh ạ. Bút mực có đó mà không thấy bút mực. Cái thần khí của bức tranh như ụp lên trái tim mình. Như thể nhìn rồng bay trong mây, không sao phân biệt đâu là người đâu là kiếm*".

Chừng một tháng sau lần gặp gỡ nói trên, gặp lúc gió xuân sắp nổi, tôi định một mình thăm thú phương nam. Đem chuyện đó thưa với Ông, Ông mới bàn :

- Thế thì còn gì bằng. Anh cũng nhân cơ hội này tìm gặp Thu Sơn thử xem. Nếu bức danh họa xuất hiện với đời lần nữa thì đúng là một tin vui cho làng họa đấy.

Dĩ nhiên tôi chỉ mong chừng đó, liền phiền Ông thảo hộ phong thư. Thế nhưng trên bước đường du lịch, hết xem chỗ này đến chỗ nọ, không tìm ra thời giờ đến nhà họ Trương xứ Nhuận Châu. Tôi để lá thư giới thiệu của Ông trong tay áo, mãi khi cuốc gọi vào hè vẫn quên bằng việc viếng Thu Sơn.

Chợt lúc ấy có tin đồn một vị quý thích họ Vương mới là người hiện giữ Thu Sơn Đồ lọt vào tai tôi. Nếu thế thì là trong khi du lịch, tôi có lần đem thư Yên Khách Ông cho một người quen xem và họ cũng là chỗ đi lại với một tân khách của Vương. Chắc Vương thị nghe tin từ đó mới biết bức tranh đang nằm ở nhà họ Trương Nhuận Châu. Theo lời thiên hạ kể

thì nào là khi cháu Trương thị tiếp người của vị họ Vương kia phái tới đã mang hết đỉnh vạc thư tịch tổ tiên truyền lại, kể cả Thu Sơn Đồ của Hoàng Đại Si, mà hiến dâng ngay. Rồi nào là Vương thị quá đỗi mừng rỡ, mời cháu nhà họ Trương ngồi ghế trên, hết sai ca kỹ trong nhà ra tấu nhạc thù tiếp, yến ẩm linh đình, lại còn tặng nghìn vàng làm lễ tạ...Tôi mừng muốn nhảy tung tung vì trải qua năm mươi năm dâu bể Thu Sơn Đồ vẫn bình yên vô sự ! Hơn nữa, nó đang nằm trong tay Vương thị, người mà tôi có chút quen biết. Ngày xưa Yên Khách Ông lao khổ là thế, lại không được nhìn lấy bức họa được lần thứ hai, hẳn là bị quỷ thần ghét bỏ để cuối cùng đành nuốt hận. Trong khi họ Vương kia cứ đứng đỉnh chảnh phải chờ mà bức họa lộ ra ngay trước mặt như lâu đài tiên xây cho. Chỉ có thể ví với cái may sung chín rụng nhằm mồm. Tôi vội thu nhanh vén gọn tìm đến ngay phủ đệ nguy nga của họ Vương để hội kiến Thu Sơn.

Đến nay tôi vẫn nhớ rõ như in mấy cảnh mẫu đơn khoe sắc thắm giữa một buổi xế trưa đầu hè lặng gió ngoài hàng lan can đẹp như ngọc của viên đình nhà họ Vương. Mới nhìn Vương thị, chưa chào hỏi xong xuôi mà tôi đã không nén được tiếng reo vui :

- Giờ đây Thu Sơn là báu vật của quý phủ rồi. Yên Khách tiên sinh mất ăn mất ngủ bao nhiêu vì nó nhưng chắc lần này cụ ấy đã an tâm. Chỉ nghĩ chừng đó thôi đã đủ sung sướng.

Mặt Vương thị lộ vẻ mãn nguyện.

- Hôm nay cả Yên Khách tiên sinh và Liêm Châu tiên sinh cũng ghé chơi. Thế nhưng ta cứ theo thứ tự, ông đã đến xin mời ông vào xem trước cho.

Vương thị mới sai người treo bức Thu Sơn Đồ ấy lên trên tường bên cạnh. Vẫn thôn làng trong rừng lá đỏ nhìn xuống giòng nước, vẫn chòm mây trắng che khuất thung lũng, cả những ngọn núi gần xa vút lên như mấy tấm bình phong, những gì Đại Si lão nhân tô vẽ đã hiện ra lồ lộ trước mắt tôi. Quả thật là một cõi tiểu thiên địa mà xem còn thần diệu hơn cả đại tự nhiên. Lòng rộn ràng, mắt tôi đăm đăm ngắm bức

họa trên tường. Cái cảnh khói mây gò trũng này, phân vân gì nữa, Hoàng Nhất Phong đây rồi. Ngoài Si Ông ra, hỏi có mấy ai thành công được khi vừa gia phép tuần điểm (16) mà vẫn làm dậy nét mực, tô màu đậm đến thế mà không dấu ngọn bút. Tuy nhiên, vâng, tuy nhiên bức Thu Sơn Đồ này so với bức tranh mà ngày xưa Yên Khách tiên sinh đã được xem ở nhà họ Trương là một Hoàng Nhất Phong khác mất. Bức này nếu đem ra mà so sánh với Thu Sơn Đồ mà ông đã tả cho nghe, hẳn còn thua một bậc.

Từ họ Vương cho đến đám thực khách đang ngồi vây chung quanh đều nhìn về mặt tôi như chờ đợi. Chính vì vậy tôi cảm thấy cần giữ ý không để một chút thất vọng nào lộ ra cả. Cố gắng được có bấy nhiêu, rốt cuộc vẫn không tài nào dấu nổi vẻ không phục. Vương thị mới từ từ quay lại phía tôi, lo lắng cất tiếng hỏi :

- *Thấy thế nào hở ông ?*

Tôi mới làm bộ trả lời:

- *Thần phẩm ! Bức tranh này xưa có làm điêu đứng Yên Khách tiên sinh thì cũng chẳng lấy làm lạ.* Mặt Vương thị mới tươi lên được một chút. Dù sao giữa khoảng đôi mày vẫn thấy có gì không được hài lòng về lời tán thưởng của tôi.

Vừa lúc đó, Yên Khách tiên sinh, người từng đem cái cao diêu của Thu Sơn Đồ ra thuyết tôi nghe, đến nơi. Trong lúc chào hỏi họ Vương, tôi thấy Ông tùm tùm cười ra dáng vui mừng.

- *Năm mươi năm trước được xem Thu Sơn Đồ trong ngôi nhà đổ nát của Trương thị, ngày nay lại diện kiến Thu Sơn giữa khung cảnh dinh thự phú quý như thế này, thật là một mối nhân duyên kỳ lạ.*

Vừa nói thế, Yên Khách Ông ngược nhìn bức họa trên tường. Thu Sơn này có đúng là Thu Sơn ông nhìn thấy năm xưa hay không, chuyện đó ngoài ông ra không ai có thể rõ hơn. Biết vậy, cả họ Vương lẫn tôi đều đổ dồn con mắt theo

dõi nét mặt Ông lúc xem tranh. Quả nhiên, tôi bỗng nhận ra ngay khuôn mặt Ông như vương vương chút mây mờ.

Sau một hồi im lặng trầm tư, Vương thị càng thêm lo lắng, nhìn về hướng Ông, giọng run run:

- Sao hở cụ? Mới đây Thạch Cốc tiên sinh vừa không tiếc lời khen.

Lúc đó, bụng tôi sợ hết vía, không khéo một người thẳng thắn như Yên Khách Ông sẽ trả lời bộc trực quá chẳng. Nhưng chắc Ông chẳng đành lòng để Vương thị chuốc lấy thất vọng. Mắt nhìn Thu Sơn xong, ông mới nghiêm trang trả lời họ Vương:

- Ngài thật may mắn mới thu nạp được bức tranh này. Từ đây, kho tàng gia bảo của quý phủ sẽ thêm mùi phần hương sắc.

Thế nhưng nghe được lời này, nét mặt của Vương thị chỉ đắm chìm trong u ám.

Nếu lúc đó không có Liêm Châu tiên sinh vì trễ hẹn học tốc chạy vào thì bầu không khí giữa chúng tôi sẽ còn nặng nề hơn. May quá, lời bình phẩm của Yên Khách Ông vừa đến chỗ ngúc ngắc thì tiên sinh đã khoái hoạt nhập đám:

- Ủa, Thu Sơn Đồ vẫn được truyền tụng là đây à?

Chào hỏi vội vàng xong, tiên sinh đến đứng trước mặt bức tranh của Hoàng Nhất Phong. Im lặng hồi lâu, tiên sinh chỉ cắn râu không thốt ra một tiếng.

- Yên Khách tiên sinh cho biết năm mươi năm về trước cụ đã được xem tranh này một lần rồi.

Vương thị ra chiều lo lắng, giải thích thêm. Thật ra, Liêm Châu tiên sinh chưa hề được Yên Khách Ông bình phẩm cho nghe cái thần diệu của Thu Sơn Đồ.

- Thế nào? Cụ giám định ra sao?

Tiên sinh chỉ khẽ thở hắt ra, mắt vẫn không rời bức họa.

- Xin cụ chớ ngại ngần, cứ bảo ban cho chúng tôi biết.

Vương thị gượng cười, dục tiên sinh thêm lần nữa.

- *Bức này đây à, bức này nó*

Mồm Liêm Châu tiên sinh mím lại.

- *Bức này nó ?*

- *Nó là danh tác số một của Si Ông đấy. Ngài cứ xem chỗ mây khói đậm nhạt kia ! Không tràn trề sức sống là gì. Cách cho màu rùng cây phải gọi là thiên tạo mới đúng ! Nhìn cái đỉnh núi xa xa kia thử đi ! Toàn thể bố cục hài hoà với nó, không có gì sinh động hơn được.*

Sau một hồi im lặng mới thấy Liêm Châu tiên sinh quay về hướng Vương thị không ngớt lời ca tụng và giảng giải từng chút cái cao diệu của bức họa. Tôi không thừa chắc cụt cũng đoán được là nghe đến đâu, mặt mày Vương thị rạng rỡ ra đến đấy.

Trong khi đó tôi và Yên Khách Ông ngằm đưa mắt nhìn nhau.

- *Thưa thầy, đây là Thu Sơn Đồ thật sao ?*

Thấy tôi hạ giọng hỏi, Ông khẽ lắc đầu, vừa nháy mắt một cái thật khó hiểu :

- *Tóm lại mọi sự ở đời chỉ là thoáng chiêm bao. Xem sự thế xảy ra mới nghĩ thầm biết đâu chủ nhân họ Trương kia lại chẳng là một thứ tiên chồn!*

*

- *Chuyện Thu Sơn Đồ chỉ có thể thôi, thưa cụ !*

Vương Thạch Cốc kể xong, mới chiêu trợn một chung trà.

- *Thế à, câu chuyện quái lạ đấy chứ nhỉ !*

Từ nãy giờ, Uẩn Nam Điền vẫn lặng ngắm ngọn lửa trên giá đuốc đồng.

- *Về sau, dường như Vương thị cũng hết lòng thăm hỏi nhiều nơi nhưng nếu nói đến Thu Sơn Đồ của Si Ông thì ngoài bức ấy, ngay nhà họ Trương chắc cũng chẳng biết gì khác. Do đó, Thu Sơn Đồ mà Yên Khách Ông có lần được xem, một là có ai dấu biệt đâu đâu, hai là không gì khác hơn một điều lầm lẫn trong trí nhớ của cụ ta thôi. Sự thật thế nào, tôi không*

dám quyết. Có khi việc cụ khăn gói đến nhà họ Trương để tìm xem Thu Sơn Đồ cũng chỉ là một câu chuyện hoàn toàn huyền hoặc

- Thế nhưng trong tâm trí Yên Khách Ông vẫn ghi khắc rành rành hình ảnh bức Thu Sơn Đồ kỳ quái kia chứ hở cụ ? Và trong tâm trí của cụ cũng thế phải không ?

- Màu lục đậm của đá núi và màu son đỏ của rừng phong cho đến bây giờ vẫn rõ mồn một trong đầu tôi.

- Nếu thế thì cho dù Thu Sơn Đồ không có thực chẳng nữa, cụ có điều gì để tiếc hận đâu nào !

Đến đây, Uẩn, Vương hai bậc đại gia một lượt vỗ tay, cùng cười ha hả.

(Tháng 12 năm Taishô thứ 9)

Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Chú thích

(1) - Hoàng Đại Si tức Hoàng Công Vọng (1269-1354) hiệu Nhất Phong, họa gia đời Nguyên, nổi tiếng về tranh sơn thủy. Một trong Tứ Đại Gia khoảng Tống mạt Nguyên sơ.

(2) - Vương Thạch Cốc tức Vương Kỳ (1631-1717), họa gia đời Thanh, thiện tranh sơn thủy, tập đại thành họa pháp hai phái Nam Bắc Tống.

(3) - Uẩn Nam Điền hay Uẩn Thọ Bình (1633-1690) họa gia đời Thanh, sau khi xem tranh sơn thủy của Vương Thạch Cốc thì bỏ sơn thủy mà chuyển qua tranh hoa điểu và thành công trong lĩnh vực này.

(4) - Mai Đạo Nhân Ngô Trấn (1280-1354), họa gia đời Nguyên, có công nâng cao kỹ thuật của tranh sơn thủy, mặc trúc, mặc hoa, là một trong Tứ Đại Gia cũng như Hoàng Đại Si.

(5) - Hoàng Hạc Sơn Tiêu Vương Mông (? 1385) họa gia đời Nguyên, một trong bốn đại gia, nổi tiếng về hội họa (sơn thủy) lẫn văn chương.

(6) – Yên Khách Ông Vương Thì Mẫn(1592–1680), họa gia thời Minh mạt Thanh sơ. Cuối đời, về ở ẩn và đào tạo đệ tử trong đó có Vương Thạch Cốc.

(7) – Liêm Châu Vương Giám (1598–1677) cũng là họa gia cuối Minh đầu Thanh. Đứng ngang hàng với Vương Thì Mẫn, giỏi tranh sơn thủy.

(8) – Nguyên Tế tiên sinh Đồng Kỳ Xương (1554–1636), hiệu Tư Bạch, họa gia thời Minh mạt. Đầu đàn họa phái Nam Tông. Giỏi thi phú.

(9) – Mã Lương đời Tam Quốc có đôi mày trắng, tài tuấn nhất trong năm anh em, tất cả đều là người giỏi (Thục Chí, Mã Lương Truyện).

(10) – Tây Viên Thư Phòng là thảo am của Yên Khách Ông Vương Thì Mẫn, người còn có biệt hiệu là Tây Lư Lão Nhân.

(11) – Hoàn điểm là phép vẽ núi, khe, sương, khói bằng cách chấm chấm nhiều điểm theo hàng ngang bên nhau.

(12) – Cao Phòng Sơn tức Cao Khắc Cung (? – 1310) họa gia đời Nguyên, hiệu là Tú Sơn, vẽ sơn thủy có tiếng.

(13) – Lý Doanh Khâu tức Lý Thành (?–967), họa gia Đường mạt Tống sơ, đại sư về tranh sơn thủy.

(14) – Thấm Thạch Điền tự Thấm Chu (1426–1509), họa gia sơn thủy, sống giữa đời Minh, ông tổ của Ngô phái.

(15) – Công Tôn Đại Nương là người diễn trò dưới đời Đường Huyền Tông, múa kiếm cực giỏi. Đỗ Phủ từng làm thơ ca ngợi (Quan Công Tôn Đại Nương Đệ Tử Vũ Kiếm Khí Hành)

(16) – Tuấn điểm: thủ pháp chấm phá từ thời Bắc Tống để làm khói mây, núi non đất đá trên mặt tranh nổi bật lên cả chiều dày, sinh động như thực.

Chiếc Mũi-Soa

Nguyên tác : Hankechi

Tác Giả: Akutagawa Ryunosuke (1892-1927)

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Người dịch được đọc Hankechi bằng tiếng Việt lần đầu tiên khoảng năm 1963 ở Saigòn trên tạp chí Văn Học của nhóm các nhà văn Phan Kim Thịnh, Dương Kiên... dưới cái tựa "Chiếc Khăn Tay" nhưng không nhớ tên dịch giả. Năm 1972, người dịch đã thử dịch từ bản tiếng Nhật và đăng trên một nội san sinh viên ở Paris. Sau vài lần dọn nhà, bản đó cũng mất. Bản dưới đây dịch lại từ nguyên tác đăng trong Văn Học Nhật Bản Toàn Tập (A Treasury of Japanese Literature) của nhà Chuô-Kôron (1964), tập 29 nói về Akutagawa. Trong khi dịch, đã tham khảo bản tiếng Pháp do giáo sư Mori Arimasa (Le Mouchoir, in Rashômon et autres contes, Gallimard, Unesco, Paris, 1965).

Vũ sĩ đạo (Bushidô) được xem như một qui phạm đạo đức của giới quân nhân hình thành từ cuộc chiến tranh giữa hai họ Taira và Minamoto (cuối thế kỷ 11 đến cuối thế kỷ 12) thời trung cổ Nhật Bản, phát triển với mạc phủ Kamakura (1185-1333). Đến thời Tokugawa (1600-1868), nó kết hợp với tư tưởng Nho Giáo và trở thành một định chế chặt chẽ nhằm củng cố chế độ phong kiến. Trung thành, hy sinh, tín nghĩa, liêm sỉ, giữ lễ, kiệm ước, đơn sơ, trong sạch, trọng danh dự, yêu võ nghệ, không sợ chết... là những đức tính cần thiết của người vũ sĩ được nhắc trong Hagakure (Diệp Ân, 1716), tác phẩm có tính cách kinh điển của vũ sĩ đạo do đệ tử của Yamamoto Jôchô (Sơn Bản Thường Triều, 1659-1719) chép lại lời ông giảng. Từ nhiều thế kỷ, dù đúng hay sai, vũ sĩ đạo được nhiều người coi như đồng nghĩa với lối sống Nhật Bản.

"Chiếc mùi-soa" là tác phẩm tiêu biểu của Akutagawa Ryuunosuke, trong đó, ông đặt lại vấn đề giá trị đích thực của vũ sĩ đạo từ một câu chuyện giản dị.

*

Ngả lưng trên chiếc ghế mây dưới hàng hiên, Hasegawa Kinzô (1), giáo sư luật khoa Đại Học Đế Quốc Đông Kinh (2), đang đọc quyển Nghệ Thuật Viết Kịch (3) của Strindberg.

Lãnh vực nghiên cứu chuyên môn của giáo sư là chính sách thuộc địa nên chắc đọc giả không khỏi chùng hững khi thấy tả ông ta đang đọc quyển sách về thuật viết kịch. Tuy nhiên, giáo sư vừa có tiếng là một học giả kiêm nhà giáo dục nên sách vở dẫu không liên quan tới phạm vi nghiên cứu của mình, miễn nó ảnh hưởng đến lễ lối suy nghĩ và tình cảm của đám sinh viên là giáo sư muốn liếc qua một lần cho biết. Đạo này, chỗ trường Cao Đẳng Chuyên Khoa nơi giáo sư vừa nhậm chức hiệu trưởng, đám sinh viên đang mê đọc Từ Hồ Thảm (4) và Ý Hướng Nghệ Thuật (5) của Oscar Wilde (6). Chừng đó lý do cũng đủ làm giáo sư bỏ công ra đọc mấy cuốn trên. Tính giáo sư thế đấy nên bây giờ có kể là sách ông đang cầm đọc vốn trình bày về các vở tuồng và diễn viên làng kịch Âu Châu cận đại thì chẳng có gì khiến ta phải lạ lùng. Nếu muốn rõ nguồn cơn thì xin thưa trong đám học trò giáo sư đào tạo, ngoài những cậu viết khảo luận về Ibsen (7), Strindberg hay Maeterlinck còn có cả nhiều cậu hăm hở theo dấu các nhà soạn kịch cận đại để sinh sống bằng nghề viết kịch nữa kia.

Cứ mỗi lần đọc xong một chương thẩm thía, giáo sư lại để quyển sách bìa bọc vải màu vàng lên trên đui, lơ đãng đưa mắt về phía chiếc lồng đèn Gifu (8) treo dưới mái hiên. Lại cái là mỗi lần như thế, dòng suy nghĩ của giáo sư bỗng rời khỏi Strindberg lúc nào không biết. Thay vào đó, hình ảnh bà vợ, người đã cùng ông đi mua chiếc lồng đèn, lại hiện ra trong trí. Ông kết hôn trong thời gian du học Hoa Kỳ và dĩ nhiên (9) bà nhà là người Mỹ. Thế nhưng tình yêu đối với đất nước và con người Nhật Bản của bà chẳng thua gì kém chồng. Đặc biệt bà hết sức yêu thích đồ mỹ nghệ khéo léo của người Nhật. Do

đó, chiếc lồng đèn Gifu treo dưới hiên nhà chính ra thể hiện sở thích cá nhân bà giáo chứ không phải khiếu thẩm mỹ của giáo sư Hasegawa.

Mỗi lần đặt sách xuống, dòng suy tưởng của giáo sư hết hướng về người vợ, về chiếc lồng đèn Gifu, rồi đến nền văn minh Nhật Bản tiêu biểu bằng chiếc lồng đèn này. Theo chỗ ông nhận xét, trong vòng năm mươi năm nay, văn minh Nhật Bản đã có những bước tiến rõ rệt về phương diện vật chất. Thế nhưng về mặt tinh thần mà nói, hầu như không có tiến bộ nào đáng kể. Chẳng những thế, ở một ý nghĩa nào đó, nó còn tụt dốc nữa. Thế thì nhiệm vụ của nhà tư tưởng thời nay là phải tìm cách chỉ bảo đường lối thế nào giúp cho Nhật Bản thoát khỏi nguy cơ tuột dốc. Theo ông nhận định, không có cách gì khác hơn là dựa vào vũ sĩ đạo, một truyền thống lâu đời. Không nên xem vũ sĩ đạo như một thứ đạo đức hẹp hòi và cứng nhắc của một giống dân ở đảo. Ngược lại, trong vũ sĩ đạo đã có những giá trị giống y tinh thần Cơ Đốc Giáo của các quốc gia Âu Mỹ. Nếu làm mọi người chấp nhận được là với vũ sĩ đạo, có thể chấn chỉnh lại trào lưu tư tưởng Nhật Bản hiện đại thì coi như đã cống hiến lớn lao cho văn minh tinh thần của Nhật Bản rồi. Nhân đó tiến xa hơn mà giúp sự giao cảm giữa người Nhật và dân tộc các quốc gia Âu Mỹ thêm dễ dàng, chưa nói đến lợi ích đóng góp cho hòa bình thế giới. Điều này phù hợp với ước mơ đóng vai trò chiếc cầu nối hai bờ Đông Tây mà từ lâu giáo sư vẫn thường ôm ấp. Suy nghĩ đến đó, giáo sư không khỏi cảm thấy dễ chịu khi nhận ra có một sự cân đối hài hòa giữa ba yếu tố: bà vợ, chiếc lồng đèn Gifu và nền văn minh Nhật Bản tượng trưng bằng chiếc lồng đèn ấy.

Sự sung sướng mà giáo sư cảm nhận cứ trở về liên hồi làm ông tuy tiếp tục đọc sách mà chợt thấy tâm trí mình đã lãng đãng rời khỏi Strindberg. Ông bực bội lắc đầu và lại chăm chú cúi xuống dán mắt vào những hàng chữ li ti. Vừa vặn lúc đó, đoạn ông đọc tới có viết như thế này:

"Khi diễn viên tìm ra được một kỹ thuật diễn xuất thích hợp để diễn tả một tình cảm thường thức nào đó và thành công

với lối diễn xuất ấy rồi, họ có thói quen cứ dùng đi dùng lại bất kể trong tình huống nào, có khi vì chuộng sự dễ dãi, có khi vì thành công nó đem đến. Đó là cái mà người ta gọi là "kiểu cọ (10)"...

Xưa nay, giáo sư vốn không phải là người rành rẽ về nghệ thuật. Kịch đối với ông như đàn gảy tai trâu. Ngay cả sân khấu truyền thống, từng tuổi này mà ông đã đi xem mấy lần đâu! Có lần một cậu sinh viên, khi viết tiểu thuyết, nhắc đến cái tên Baikô. Một người tự phụ học rộng nhớ dai như giáo sư mà cũng chịu, không biết nhân vật này là ai. Sau đó, giáo sư có dịp gọi anh chàng sinh viên ấy đến hỏi :

-Này em, Baikô là ai vậy ?

-Thưa thầy, Baikô (11) à ? Ông này là kếp thường trực của rạp kịch Đế Quốc khu Marunouchi, hiện đóng vai Misao trong hồi thứ mười vở Taikôki (12) đấy ạ.

Anh học trò, mặc cái hakama (có sọc) của vùng Kokura kính cẩn trả lời thầy.

Do sự kém hiểu biết đó, giáo sư không thể có ý kiến gì về các loại kỹ thuật diễn xuất mà Strindberg đã phẩm bình với một ngòi bút sắc cạnh. Nó chỉ đem đến cho giáo sư chút đỉnh thích thú trong phạm vi những vở kịch mà ông nhớ đã được xem ở phương Tây thời còn du học. Nói cách khác, trường hợp của giáo sư không khác chút nào cảnh một như ông thầy Anh Văn bậc trung học, nhân vì đi kiểm vải thành ngữ mà bắt buộc phải đọc kịch bản của Bernard Shaw (13) . Tuy cái ích lợi quyền sách đem đến không phải thứ ông muốn tìm nhưng dù sao nó cũng là một thứ ích lợi.

Chiếc lồng đèn Gifu treo lủng trên trần hàng hiên vẫn chưa ai thắp. Và trên chiếc ghế mây, giáo sư Hasegawa Kinzô nhà ta vẫn đang xem giở cuốn " Thuật Viết Kịch " của Strindberg. Người viết chỉ cần tả như vậy thiết tưởng cũng đủ giúp độc giả hình dung một cách dễ dàng đó là một buổi xế trưa đầu hạ ngày còn dài lê thê. Tuy nhiên khi nói thế, tác giả không có ý bảo giáo sư chán ngán cái gì đâu. Nếu có vị nào giải thích

kiểu đó là cố ý đem ý nghĩa câu văn của tác giả bóp méo để mỉa mai đấy.

Và bây giờ, cho dù là Strindberg đi nữa, giáo sư cũng đành cho rơi nửa chừng. Tại sao ấy à, vì cô bé giúp việc vào báo có khách đến thăm làm giáo sư chột mắt đi cái hứng thanh tao. Cho dù ngày có dài đến đâu, coi bộ người đời không tìm đến quấy quả giáo sư là họ không chịu được hay sao ấy!

Giáo sư đặt quyển sách xuống, cầm tấm danh thiếp cô bé giúp việc vừa mới đưa vào, liếc qua một lượt. Tấm thiệp mầu ngà có ghi mấy chữ Nishiyama Atsuko xinh xắn. Thật tình giáo sư không nhớ đã gặp người mang tên này bao giờ cả. Vừa đứng dậy khỏi cái ghế dựa bằng mây, con người giao thiệp rộng như giáo sư đã thử soát lại cuốn sổ trong đầu ghi tên tuổi tất cả những người quen biết một lần cho chắc. Thôi chịu, không có khuôn mặt nào trùng hợp với cái tên ấy. Giáo sư bèn xen tấm danh thiếp vào giữa quyển sách thay cho thẻ đánh dấu trang, đặt quyển sách lên trên chiếc ghế mây, xong, với thái độ hơi bồn chồn, ông vừa sửa lại tấm áo bằng tơ Meisen mặc trên người cho ngay ngắn, vừa thoáng ngược nhìn lần nữa chiếc lồng đèn Gifu treo ngang tầm mắt. Thói thường, trong trường hợp như thế này, kẻ nôn nóng không phải là người khách bị bắt chờ mà là chủ nhân bắt khách phải chờ. Huống chi giáo sư là người xưa nay vẫn hết sức cung kính đối với khách dầu lạ hay quen, nên ông không thể lấy cớ người đàn bà hôm nay không quen mà cố ý làm khác đi cho được.

Xem chừng giờ, giáo sư mở cửa phòng khách. Khi tay ông vừa buông khỏi nắm đấm cửa thì hầu như cùng một lúc, khách, một người đàn bà tuổi trạc bốn mươi đang ngồi trên ghế bông bật dậy. Khách mặc một chiếc kimono lụa xám ánh lục thật sang trọng mà phẩm chất vượt ngoài cả tầm hiểu biết của giáo sư. Ở chỗ khép lơ lơ trước ngực áo haori choàng ngoài bằng sa đen, ánh lên một viên bích ngọc hình củ ấu để giữ chiếc thắt lưng, trông thật mát mắt. Một người không mấy tinh tế như giáo sư mà cũng nhận ra ngay bà khách búi tóc

theo kiểu marumage(14) . Bà ta có khuôn mặt bầu bầu và nước da đỏ thắm, đúng là dáng dấp tiêu biểu của bậc mẹ hiền dâu thảo trong xã hội Nhật cổ truyền. Mới nhìn thoáng thôi mà giáo sư có cảm tưởng đã thấy gương mặt nầy ở đâu rồi.

-Thưa tôi là Hasegawa.

Giáo sư vui vẻ cúi đầu chào. Tự giới thiệu đi thì nếu là người mình đã gặp rồi, thế nào phía kia cũng thông báo chuyện đó trước.

-Dạ tôi là mẹ cháu Nishiyama Ken-ichirô.

Người đàn bà xưng tên bằng một giọng rõ ràng. Xong, lễ phép cúi đầu chào trả giáo sư.

Ai chứ Nishiyama Ken-ichirô thì giáo sư có biết. Chính anh ta là một trong những cậu sinh viên đã viết bình luận về Ibsen và Strindberg. Nếu không lầm thì anh ta chuyên môn về luật Đức nhưng từ khi lên đại học tới nay thường hay đem mấy vấn đề tư tưởng đến thỉnh ý giáo sư. Thế rồi mùa xuân nầy, anh mắc chứng viêm màng bụng phải vào nằm nhà thương của đại học. Giáo sư nhân dịp cũng đã vào thăm anh ta một hai lần. Suy ra, điều ông nghĩ rằng khuôn mặt của bà khách nầy mình đã có lần gặp ở đâu đó rồi cũng không phải thiếu căn cứ. Người con trai có cặp mày rậm và năng nổ kia với người phụ nữ nầy quả đúng như cách ví von của người Nhật, dung mạo hết như " một quả dưa bở đôi ". Giống nhau đến mức sững sốt được.

-À, chú Nishiyama à. Ra thế!

Giáo sư vừa gật gù, chỉ tay về phía cái ghế đối diện bên kia chiếc bàn nhỏ:

-Xin mời bà ngồi.

Người đàn bà trước tiên xin lỗi đã đường đột đến gặp, lại cúi đầu thi lễ, rồi mới ngồi xuống chiếc ghế giáo sư vừa trở. Trong lúc làm động tác như thế, bà lấy trong ống tay áo ra một vật gì màu trắng, có lẽ là một chiếc mùi soa. Thấy vậy, giáo sư mau mắn mời bà dùng cây quạt Triều Tiên trên bàn rồi đến lượt mình ngồi xuống chiếc ghế trước mặt bà.

-Thưa nhà giáo sư trông đẹp quá ạ.

Người đàn bà có vẻ cố tình đảo mắt nhìn quanh căn phòng một vòng.

-Dạ chỉ được cái rộng chớ bừa lấm.

Giáo sư vốn đã quen lối chào hỏi kiểu cách như thế.

Vừa vặn lúc đó, cô giúp việc mang trà ướp lạnh ra, giáo sư bảo cô ta để cho ngay gần trên bàn trước mặt khách, xong đổi hướng câu chuyện qua mục đích của cuộc thăm viếng.

-Thế chú Nishiyama thế nào? Bệnh tình chú ấy có khá ra không?

-...Vâng.

Người đàn bà đặt hai bàn tay lên đầu gối như đang băn khoăn điều gì. Tiếng của bà đứt ngang, xong mới tiếp tục bằng một giọng trầm tĩnh, thông thả:

-Thực ra, hôm nay tôi đến gặp giáo sư cũng là để thưa chuyện của cháu. Từ dạo đó trở đi, bệnh vô phương cứu chữa. Lúc còn sinh tiền, cháu đã làm phiền giáo sư quá đổi...

Cho rằng người đàn bà chưa đưa tay ra đụng vào tách trà vì còn ngại ngùng, nên lúc đó, giáo sư định nhắc tách trà của mình đưa lên môi. Ông nghĩ thay vì mời mọc lôi thôi chi bằng cứ cho khách thấy mình uống trước thì họ sẽ làm theo. Thế nhưng tách trà chưa chạm vào bộ râu mép mềm mại của ông thì câu nói bà khách đã đập thốc vào tai. Uống trà hay là không uống trà? Câu hỏi này thực ra hoàn toàn độc lập với cái chết của người sinh viên kia nhưng trong một khoảnh khắc nó làm ông bối rối. Chẳng lẽ cứ nhắc tách lên như thế này, chẳng nhẽ chưa nhấp mà đặt xuống. Nghĩ đến đó, giáo sư không dùng dằng nữa, hớp một hớp cạn đến nửa tách, lòng dàu dàu se lại và giọng nói nghèn nghẹn.

-Ôi chao ôi!

-Lúc nằm bệnh viện, cháu nó vẫn hay nhắc đến giáo sư cho nên dù biết thời giờ giáo sư quý báu chúng tôi vẫn đánh bạo đến để xin phép báo tin cháu và tỏ lòng tri ân

-Thưa, tôi đâu dám.

Giáo sư đặt tách trà xuống, tay cầm cây quạt Triều Tiên có những cái nan đánh bóng màu xanh, thù người :

-Thế không cứu chú ấy được à. Khổ thân chưa ! Đường tương lai còn dài. Lúc sau này tôi không có dịp ghé thăm bệnh viện nên cứ ngỡ chú ấy khá ra rồi ... Thế chú ấy mất từ hồi nào vậy ?

-Hôm qua vừa đúng một tuần ạ.

-Trong bệnh viện à ?

-Thưa phải.

-Chết chữa! Thật ai mà ngờ!

-Dù sao thì việc gì trong tầm tay chúng tôi cũng đã làm hết sức, chỉ biết cúi đầu trước số mệnh. Nhưng mỗi khi nhớ đến cuộc đời của cháu, thật tôi không khỏi than trời trách đất.

Trong khi hai bên đang trao đổi câu chuyện, giáo sư chợt để ý đến một điều kỳ lạ. Nhìn thái độ và cử chỉ của người phụ nữ này, không thấy bà có vẻ gì đang nói về cái chết của con trai mình. Mắt không rưng một giọt lệ, giọng nói cũng bình thường. Không những thế, bên khoé miệng như còn điểm một nụ cười. Nếu không nghe bà ta nói chuyện mà chỉ nhìn dáng dấp bên ngoài thôi, ta chỉ có thể nghĩ bà đang nói chuyện cơm canh trà nước trong nhà. Giáo sư thấy đó là điều không tưởng tượng nổi.

Ngày xưa, giáo sư có thời du học ở Berlin. Lúc đó nhằm khi Kaizer (15) William I tức là bố của Kaizer bấy giờ, băng. Giáo sư nghe tin đó ở một quán cà phê ông hay lui tới và chẳng thấy cảm động gì cho lắm. Thế rồi cũng như mọi ngày, ông tươi tỉnh cắp gậy dưới nách trở về nhà trọ. Đến nơi vừa kịp mở cửa thì đã thấy hai đứa bé con nhà chủ chạy ùa ra bá cổ ông bù lu bù loa. Một đứa là con gái độ 12 tuổi, mặc cái áo len màu nâu, đứa kia là trai mới lên 9, quần xanh nước biển. Giáo sư vốn yêu trẻ con nên tuy không hiểu ắt giáp gì cũng vò mái tóc nhàn nhạt của hai đứa vỗ về an ủi chúng: "Sao vậy mấy em? Sao vậy hở?". Bọn trẻ vẫn không ngừng khóc. Sau

một hồi như vơi đi nỗi sầu khổ, chúng mới bảo "Đức vua ông nội chết rồi, chú ơi!"

Đối với giáo sư, cái chết của một nguyên thủ quốc gia khiến cho cả trẻ con cũng buồn bã như thế là một điều khó tưởng tượng. Thế nhưng không chỉ có liên hệ tình cảm của thần dân đối với vị hoàng đế của họ khiến giáo sư kinh ngạc. Từ khi đặt chân lên các quốc gia phương Tây, qua nhiều dịp tai nghe mắt thấy, giáo sư đã xúc động vì lối bộc lộ rõ ràng xung động tình cảm của người dân bản xứ, và lần ấy, sự bày tỏ nơi mấy đứa trẻ đã làm một người Nhật tin tưởng vào vũ sĩ đạo như ông phải sửng sốt. Ông không bao giờ quên được sự ngạc nhiên pha lẫn đồng tình đã dậy lên cùng một lượt trong lòng ông lúc đó. Hôm nay, ngược lại, ông cũng ngạc nhiên biết bao thấy người phụ nữ này không có lấy một giọt nước mắt.

Thế nhưng sau phát hiện đầu tiên này, ông lại phát hiện thêm một điều thứ hai.

Câu chuyện giữa chủ khách sau khi xoay quanh mối hoài niệm về chàng thanh niên đã khuất, đến chỗ mấy chi tiết về cuộc sống hàng ngày của anh ta, xong lại quay về với nỗi tiếc thương. Vừa vặn lúc ấy, không biết sái nhịp thế nào mà cây quạt Triều Tiên bất chợt tuột khỏi tay giáo sư rơi xuống mặt sàn lát gỗ vân. Câu chuyện đang nói dĩ nhiên chẳng phải gấp gáp đến nỗi không thể cắt ngang trong giây lát cho nên giáo sư mới hơi nhòai người ra khỏi ghế, cúi xuống duỗi tay về hướng mặt sàn. Dưới chân cái bàn nhỏ, lá quạt đang nằm bên cạnh bàn chân mang tất tabi trắng ẩn trong chiếc dép của bà khách.

Khi đó, mắt giáo sư tình cờ nhìn lên khoảng đầu gối của người đàn bà. Hai bàn tay cầm chiếc mùi soa của bà đang đặt trên đầu gối. Chỉ thấy chừng đó chi tiết thì chưa đáng nói là phát hiện gì cả. Thế nhưng cùng một lúc giáo sư nhận ra rằng hai bàn tay ấy đang run lẩy bẩy. Không biết bà khách đang dồn hết sức lực để đè nén trào lòng đang dậy lên mãnh liệt hay sao mà hai bàn tay bà ghì chiếc mùi-soa chặt đến nỗi

thiếu điều làm nó muốn rách. Thế rồi, từ giữa những ngón tay mềm mại đang nắm chiếc mùi-soa lụa vò nhàu kia thoảng ra một âm thanh nhẹ như gió thoảng làm lệch chỗ viền thêu xanh lục. Người phụ nữ kia, ngoài mặt như thể tươi cười nhưng từ khi nãy đến giờ, chính ra toàn thân bà đang nức nở.

Sau khi nhặt xong chiếc quạt và ngẩng đầu lên, vẻ mặt giáo sư khác hẳn từ đầu buổi gặp gỡ đến giờ. Một phần vừa ngỡ ngàng vừa kính cẩn vì đã nhìn thấy một điều gì đáng lẽ mình không nên thấy, hai là vui thoả về điều vừa bắt gặp đã mang đến cho mình. Tuy hơi đóng kịch một chút nhưng đó là gương mặt biểu lộ cái tình cảm phức tạp bên trên kèm theo ý thức muốn phô bày sự hài lòng về điều đã cảm nhận.

-Thưa bà, tuy không có con nhưng tôi cũng thông cảm được với sự đau xót của bà.

Như người đang nhìn phải cái gì làm lóa mắt, giáo sư ngẩng đầu lên cao và hát cần cổ đằng sau, thốt ra câu nói với một giọng nhẹ nhàng u buồn.

-Tôi xin hết sức cảm tạ lòng quý hóa của giáo sư. Nhưng nay chuyện đã qua rồi, còn biết thưa gì với giáo sư bây giờ....

Bà khách cúi đầu ngỏ lời. Thế nhưng trên khuôn mặt thanh thản kia vẫn điểm một nụ cười nhẹ nhàng.

*

Thế rồi hai tiếng đồng hồ sau, giáo sư khi đã đi tắm, dùng cơm chiều và nhón mấy quả anh đào tráng miệng xong, lại thủng thỉnh ra buồng người lên chiếc ghế mây kê dưới hàng hiên.

Buổi chiều một ngày hạ dài, ánh sáng sâm sẫm vẫn còn đọng không đi. Trên hàng hiên rộng mà cửa kính nhìn ra ngoài vườn mở toang, trời chưa dễ dàng chịu tối hẳn. Trong ánh nắng yếu lịm, giáo sư, chân trái gác chéo lên chân phải, dựa đầu vào thành ghế mây lơ đãng ngắm tua giây đồng hồ kết dưới chiếc lồng đèn Gifu. Quyển Strindberg kia, giáo sư cầm trên tay từ nãy giờ nhưng chưa buồn giở ra xem lấy một

trang. Chuyện cũng dễ giải thích! Đầu óc của giáo sư bây giờ hẳn còn đầy ắp hình dáng và cử chỉ của bà Nishiyama Atsuko.

Trong lúc dùng bữa chiều, giáo sư có kể cho phu nhân nghe một phần câu chuyện xảy ra. Nhân đó ông tỏ ra tán thưởng tinh thần vũ sĩ đạo của người đàn bà Nhật Bản. Phu nhân vốn yêu nước Nhật và người Nhật, dĩ nhiên chỉ biết đồng ý với chồng. Về phần giáo sư, ông cũng mãn nguyện vì có một người sốt sắng chịu lắng tai nghe mình như bà giáo. Cả phu nhân, bà khách ban nãy và chiếc lồng đèn Gifu, bây giờ đã hiện ra trong trí giáo sư như một tổng hợp ba phần lồng trong một khung cảnh đạo lý.

Không biết giáo sư đã chìm đắm trong dòng hồi tưởng như thế một khoảng thời gian dài đến bao lâu nhưng sau đó ông chợt nhớ ra việc một tạp chí mời ông viết bài. Tạp chí đó đưa ra đề tài dưới hình thức "Thư gửi cho lớp người trẻ hôm nay" để các vị có tên tuổi khắp nơi có thể trình bày quan điểm của mình về vấn đề đạo đức nói chung. Giáo sư vừa gãi đầu vừa nghĩ chi bằng ta lấy ngay tư liệu từ câu chuyện xảy ra hôm nay mà trình bày cho độc giả cảm tưởng của mình.

Bàn tay gãi đầu của giáo sư lại chính là bàn tay đang cầm quyển sách. Bây giờ ông mới để ý đến quyển sách bỏ quên từ hồi nãy và mở ra đọc tiếp trang có xen tám danh thiếp đánh dấu chỗ đang đọc. Cũng nhằm lúc đó, cô giúp việc bước vào thắp chiếc lồng đèn Gifu nên có đủ ánh sáng cho ông. Dù chữ trong sách in nhỏ, đọc cũng không khó lắm. Chẳng có hứng thú bao lắm, ông vẫn để cặp mắt lướt băng quơ trên những hàng chữ mà Strindberg viết như sau:

"Khi tôi còn trẻ, người ta có kể cho nghe câu chuyện về chiếc khăn tay của bà Heiberg, có lẽ bắt nguồn từ Paris. Đó là một kỹ thuật diễn xuất hai tầng: mặt thì vẫn mỉm cười mà đã xé rách chiếc mùi-soa cầm trong tay làm đôi. Diễn xuất lối đó thì người ngày nay cho là khôi hài đen".

Giáo sư lại đặt quyển sách lên đùi. Chỗ ông đang mở, tám danh thiếp của bà Nishiyama Atsuko vẫn nằm giữa hai trang nhưng cái còn đọng lại trong tâm trí ông, chẳng phải là hình

ảnh người đàn bà ấy nữa. Cả hình ảnh của phu nhân lẫn nền văn minh Nhật Bản cũng không tốt. Có một vật gì kỳ lạ không rõ hình thù đã phá vỡ sự hòa hợp và bình lặng của ba yếu tố nói trên. Cái lối diễn xuất mà Strindberg phê phán dĩ nhiên không liên quan tới vấn đề đạo đức trong cuộc sống. Tuy vậy, sau khi tiếp nhận gợi ý đến từ trang sách vừa đọc, có một cái gì đã làm rối loạn sự thoải mái mà ông cảm thấy lúc từ bồn tắm bước ra. Vũ sĩ đạo, rồi cái "kiểu cọ" của nó!

Giáo sư lắc đầu hai ba lần với vẻ khó chịu. Thế rồi, ông nhướn mắt nhìn lên và bắt đầu chăm chú ngắm nghía ánh sáng của chiếc lồng đèn Gifu có vẻ hình mấy cọng cỏ thu.

Taishô thứ 5 (1916) tháng 9

Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Chú thích

(1) Nhân vật hư cấu tạo theo mẫu Nitobe Inazô (1862–1933), học giả Nhật Bản, từng dạy các đại học Sapporo, Kyoto và Tokyo, sau chết ở Canada. Nitobe chịu ảnh hưởng tư tưởng Ki-Tô Giáo, nổi tiếng với tác phẩm *Bushidô* (Vũ Sĩ Đạo) viết bằng tiếng Anh.

(2) Một trong 8 đại học hàng đầu lúc Nhật còn tự xưng là đế quốc.

(3) *Thuật Viết Kịch* (*Dramaturgie*, 1907–1910), tác phẩm của August Strindberg (1849–1912), nhà soạn kịch Thụy Điển, một trong những người tiên phong của kịch nghệ hiện đại.

(4) *De Profundis* (1905) trong đó, Wilde kể lại hai năm sống trong ngục tối của mình.

(5) *Intentions* (1891), tập bình luận với quan điểm " nghệ thuật trên hết " của Wilde.

(6) Oscar Wilde (1854–1900), người Anh, nhà văn tiêu biểu của trường phái duy mỹ.

(7) Henrik Ibsen (1828–1906), người Na Uy, nhà viết kịch thuộc trường phái tự nhiên, phê phán xã hội thị dân, đề nghị một phong cách mới cho kịch cận đại.

(8) *Gifu Chôchin*, một loại đèn lồng nan nhỏ phết giấy mỏng của vùng Gifu, trung bộ Nhật Bản, trang trí cây cỏ chim chóc rất trang nhã, có tính nghệ thuật dân gian. Dùng để treo bên hiên trong những chiều mùa hạ để đón gió mát hay đặt bên ban thờ Phật dịp lễ Vu Lan, đưa đường cho người chết về nhà.

(9) Thời đó, phụ nữ Nhật sống ở Mỹ rất hiếm hoi nếu không nói là không có.

(10) *Nguyên văn Manieru* (Manière theo tiếng Pháp)

(11) *Kép hát Kabuki nổi tiếng Onoue Baikô* (Vĩ Thượng, Mai Hạnh) tập danh đời thứ sáu (1870–1934). Từng là giám đốc rạp hát Đế Quốc dưới thời Meiji.

(12) *Tuồng dựa trên hành trạng của tể tướng Toyotomi Hideyoshi* (1536 ?–1598), một trong ba danh tướng có công thống nhất Nhật Bản.

(13) *George Bernard Shaw* (1856–1950) nhà soạn kịch người Anh, giải Nobel Văn Chương.

(14) *Một kiểu búi tóc của người đàn bà có chồng.*

(15) *Hoàng đế nước Đức*

Cháo khoai

Nguyên tác : Imogayu (1916)

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke (1892–1927)

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Nguyên tác Nhật ngữ của Cháo Khoai (Imogayu) mà người dịch sử dụng trích từ tuyển tập bỏ túi (bunkobon) Akutagawa Ryunosuke Sakuhinshu Kaihen (Tuyển Tập Akutagawa Ryunosuke Cải Biên) của nhà Kadogawa Bunko (Tokyo) ấn hành năm 1989.

Tác giả **Akutagawa Ryunosuke** (1892–1927) đi ngang qua nền trời văn học Nhật Bản như một ánh sao băng nhưng vai trò trên văn đàn của ông đến nay vẫn chưa ai thay thế nổi. Giải thưởng văn chương mang tên ông từ năm mươi năm nay là một danh dự tối cao của người cầm bút Nhật Bản... Akutagawa được biết nhiều ở nước ngoài nhờ các tác phẩm điện ảnh mượn chủ đề từ văn ông (La Sinh Môn, Địa Ngục Môn. Người con gái đạo thành Nam Kinh...) dầu nhiều tác phẩm ông đã được dịch ra ngoại ngữ kể cả tiếng Việt. Cùng với La Sinh Môn, truyện Cháo Khoai (Imogayu) trên đây là cảm nghĩ thống thiết của ông về thân phận con người.

Akutagawa bi quan chằng khi muốn nói đến cái hụt hẫng của con người lúc sắp đạt được lý tưởng mà lý tưởng chỉ có giá trị khi người ta không đạt đến. Ông lạc quan chằng khi muốn bảo rằng mọi cuộc đời dù hèn mọn đến đâu cũng đều đáng sống, lý tưởng dù nhỏ nhoi thế nào cũng phải ấp ủ. Tuy nhiên, tất cả những đề tài tranh luận đó đã trở thành câu hỏi không lời giải đáp vì trong đêm rạng ngày 24 tháng 7 năm Showa thứ 2 (1927) Akutagawa đã uống hai liều thuốc ngủ trí mạng để tự sát, lúc mới 35 tuổi. Chỉ mong sao ông sẽ giống như triết gia Đức Arthur Schopenhauer (1788–1860), người mà ông "phao tin" trong tác phẩm Kappapa (Hà-đồng) là sau

khi tự sát đã thác sinh vào thế giới của loài thủy quái Kappa và vì chán sống ở đấy, đã tự sát thêm lần nữa để trở lại... thế giới loài người.

Chuyện sau đây xảy ra vào cuối năm Gan-gyo (1) hoặc đầu năm Ninna (1) thì phải. Mà thôi, thời đại hay niên hiệu thật chẳng ăn nhập gì với những gì sẽ được kể đâu. Độc giả chỉ biết giùm cho bối cảnh của câu chuyện này là triều đại Hei-an (1) xa lắc xa lơ là đủ. Thuở ấy, trong đám thị tòng ở dinh quan nhiếp chính Fujiwara Mototsune có một anh ngũ-vị (2), hàng chức sắc hạng bét, tên Mỗ.

Đúng ra không có quyền viết Mỗ không khống mà phải nói chức ngũ-vị ấy là ai cho đủ danh đủ tánh, nhưng khổ nỗi, sách cổ (3) chỉ để lại chừng đó chi tiết... Hoặc giả một gã đàn ông quá tầm thường như Mỗ không đáng cho người ta phải nhớ tới tên. Văn nhân đời xưa vốn chẳng thiết tha gì với đám phàm phu tục tử và mấy chuyện vặt vãnh xoay quanh bọn chúng. Ở điểm này, họ khác hẳn những nhà văn thuộc trường phái tả chân Nhật Bản ngày nay. Các cụ ta xưa đâu phải là dân rảnh rỗi..... Nói tóm lại, trong đám người tòng sự ở cửa quan nhiếp chính Fujiwara Mototsune, có anh ngũ vị họ Mỗ, chức sắc hạng thấp nhất, nhân vật chính của câu chuyện.

Thần thái Mỗ ta chẳng có gì khởi sắc. Người đã lùn tịt còn thêm cánh mũi đỏ và hai đuôi mắt xệ. Râu mép dĩ nhiên thưa thưa ba sợi, cặp má lại hóp khiến cho cái cằm choắt đi một cách khác thường. Cặp môi thì.....thôi, kể từng thứ một thì biết bao giờ cho hết! Đó là tất cả cái vô cùng bê bối trong tướng mạo của ông bạn họ Mỗ chúng ta.

Mỗ ở đâu chui ra và đến hầu hạ ở phủ Mototsune từ đời kiếp nào, chẳng ai rõ. Điều chắc chắn là không biết từ bao giờ, Mỗ vẫn mặc manh áo khoác bằng vải thô đã bạc màu, đội cái mũ đen nhàu nát, mỗi ngày lập đi lập lại phận sự của mình không biết chán. Đến nỗi những người nhìn thấy Mỗ bây giờ, không ai tưởng tượng được hẳn cũng có một thời trai trẻ như ai. (Ngũ-vị thật ra phải trên bốn mươi). Chẳng thế, thiên hạ còn có cảm tưởng cái mũi đỏ vì dạn dày sương gió và ba tí râu

cầm để cho ra vẻ kia từ thuở cha sinh mẹ đẻ đã biết nếm mùi những cơn gió luồng thổi tạt qua đại lộ Suzaku (4) rồi. Trên từ ông chủ tức quan nhiếp chính Mototsune đến bọn chặn bò phía dưới, ai cũng yên chí về điều đó nên không hề thắc mắc.

Một gã đàn ông tướng mạo như thế bị người chung quanh đối xử như thế nào, không cần viết ra mọi người cũng hiểu. Bọn kẻ ăn người ở trong phủ coi anh chàng còn tệ hơn ruồi nhặng. Hữu vị hay vô vị (5), tất cả đám tiểu lại gần hai mươi người, chẳng ai đếm xỉa đến khi hắn đi ra đi vào. Ngay khi hắn thừa gửi điều chi, bọn chúng cũng không thềm bỏ giờ câu chuyện gẫu đang tán với nhau. Đối với chúng, ngũ-vị cũng thế như không khí, có đó mà không có đó, chẳng bận mắt ai. Bọn kẻ ăn người làm còn đối xử như thế thì nói chi hàng quan chức trong phủ. Việc họ chẳng coi hắn vào đâu cũng là lẽ thường tình. Đối với ngũ-vị, bọn họ dấu đằng sau bản mặt lãnh đạm một chút ác ý rất trẻ con, có bảo ban gì chỉ cần phát tay ra dấu. Nhưng ở đời, ngôn ngữ không phải đặt ra để làm cảnh nên không hẳn lúc nào bọn họ đều phát tay đâu. Nói chung, tất cả dường như nghĩ rằng đầu óc của ngũ-vị lú lẫn nên khi không có việc gì sai bảo, họ thường quét một cái nhìn dò xét trên xuống dưới, dưới lên trên, từ chòm mũ màu quạ nhàu nát đến gót đôi giép rơm lệch lạc của anh chàng, cười mũi một cái rồi ngoáy dít quay đi. Trước cảnh tượng như vậy, ngũ-vị vẫn không hề tỏ ra tức giận. Gặp bất công mà chẳng cảm thấy bất công để có phản ứng, mới biết anh ta khiếm nhược đến chừng nào.

Bọn đồng sự với ngũ-vị càng ngày càng lẩn lướt trên chọc. Lớp có tuổi một chút thường đem cái dáng dấp lôi thôi lệch thếch của hắn để khơi mào kho truyện tiểu lâm, người trẻ hơn thì lợi dụng những lúc đó để trau dồi tài giểu cợt. Trước mắt ngũ-vị, bọn chúng đàm tiếu không biết chán về cái mũi đỏ cà chua, hàm râu lún phún, vai áo vải thô và chiếc mũ quạ của anh chàng. Đôi lúc chúng còn đem cô vợ lẹm cằm mà ngũ-vị đã thôi nhau từ năm sáu năm trước cũng như tình tiết lem nhem của ả ta với ông sư nát rượu ra mà kháo. Đó là chưa

tính đến những lối đùa nghịch trời đánh khác, không đếm hết. Chỉ cần viết ra chuyện bọn chúng lấy ống trúc đựng rượu của ngũ-vị (6), uống cho kỳ hết rồi đái vào đó thì mọi người có thể từ đó tưởng tượng ra bao nhiêu trò khác.

Ngũ-vị lại không mấy may xúc động trước những thí dụ mới đưa ra. Bảo "hình như" không xúc động thì có lẽ khách quan hơn. Ai nói mặc sức nói, sắc mặt của anh ta không thay đổi, chỉ lặng im, mân mê mấy sợi râu cằm rồi làm nốt việc đang bận tay. Ngoại trừ lúc bọn chúng chơi lối như kết tua giấy trên chòm tóc hay cột giép rơm vào vỏ kiếm thì hẳn mới mê mếu một chút, dờ cười dờ khóc lên tiếng "không được nghe bay!". Nhìn khuôn mặt và nghe giọng nói đó, bọn mất dạy cũng có lúc chạnh lòng. (Người bị bọn chúng trêu chọc không chỉ có một mình ngũ-vị với cái mũi đỏ của ỵ. Nhiều người bị chọc ghẹo đã mượn vẻ mặt và giọng nói của ngũ-vị để trách móc sự vô tình của chúng). Vì vậy, trong thoáng nào đó, cũng có tí thương cảm mơ hồ thấm nhẹ vào lòng của chúng. Nhưng kẻ giữ được lâu dài chút tình cảm đó không có mấy ai. Trong đám hiếm hoi còn chút lòng tốt, có một anh vô-vị, nghĩa là không chức tước gì. Anh ta người xứ Tanba, hãy còn trẻ, trên mép miệng mới nhú chút râu mềm như lông măng. Dĩ nhiên anh chàng này buổi đầu còn bắt chước mọi người, chẳng mắc mớ gì cũng đem cái mũi đỏ của ngũ-vị ra chế nhạo. Đến một hôm, có dịp nghe "Không được nghe bay!" thì câu trách cứ kia không lúc nào rời khỏi tâm trí anh ta nữa. Từ ấy, trong ánh mắt của anh, ngũ-vị là một con người khác. Bởi vì khuôn mặt hom hem, xanh xao và khờ khạo của ngũ-vị đã toát ra tất cả uất ức của một "con người" bị đồng loại áp bức. Mỗi lần nghĩ về ngũ-vị là anh chàng vô (địa) vị này chợt thấy hiện ra trước mắt mọi thấp hèn của giống người. Cái mũi đỏ vì sưng ăn và hàm râu thưa thớt kia tự dưng đã đem lại cho anh một chút dịu ngọt trong lòng.

Tình người tốt đẹp chỉ còn sót lại ở mỗi anh bạn ấy. Trừ lúc hưởng chút ngoại lệ trên, ngũ-vị vẫn tiếp tục sống cái kiếp chó ghẻ. Ngũ-vị ta không có cả lấy một tấm áo nên hồn. Thật

tình hấn vốn có cái áo khoác bằng vải bông và cái quần cùng một màu xanh thẫm nhưng đến nay thì màu thẫm kia đã bạc thối thành một thứ màu không biết gọi là xanh hay lam nữa. Cầu vai đã trệ xuống, chỗ cài khuy với đường viền hoa cúc biến thành một thứ màu dị hợm, còn gấu quần thì bên thấp bên cao. Bên trong quần lòi ra cặp chân khăng khiu chẳng có nổi mảnh hakama (7) che đàng trước. Không đợi đến lời bàn ác nghiệt của bọn đồng liêu, ai mà chẳng tội nghiệp khi thấy cái tướng ngũ-vị bước đi hệt như con bò đói đang kéo xe cho một ông chủ đói. Đó là chưa kể thanh đao to bản hấn đeo hình thù cũng lơ mơ, thép vàng trên cán đã phai mà nước sơn đen vỏ bọc cũng bong ra. Ngũ-vị vác cái mũi đỏ kia, lệch xệch đôi dép cũ, cong cái lưng vốn còng sẵn, cõ rút đi dưới bầu trời lập đông. Bước thấp bước cao, mắt hấn nhìn phải nhìn trái như đang tìm kiếm vật gì khiến bọn bán hàng rong bên đường cũng tìm cách trêu chọc. Cả những cơ sự như sau lại còn xảy ra nữa chứ!...

Hôm ấy, lúc ngũ-vị đi từ cửa Sanjobo về phía vườn Shinsen (8) thì bọn trẻ con năm sáu đứa đã tụ tập ven đường, không biết bày trò gì. Tưởng chúng lôi kéo con ngựa con nào chạy vòng vo chơi thì nhìn từ đằng sau mới biết chúng đang thất thòng lọng trên cổ một chú khuyển lạc chủ, hùa nhau đánh con vật. Ngũ-vị vốn hèn nhát, cho đến nay có đồng tình với ai cũng suy trước tính sau, chưa bao giờ dám tỏ bằng hành động. Tuy nhiên kỳ này, đối thủ là bọn trẻ con nên anh ta bỗng dạn dĩ ra. Ngũ-vị sửa soạn một nụ cười câu tài, bước đến vỗ vỗ vào vai thằng có lẽ là đầu đảng. "Thôi tha cho nó đi. Chó cũng biết đau chứ, mấy em!". Nghe thế, thằng bé kia quay quắt lại, nhướn mắt trừng trừng nhìn hấn khinh miệt, cái ánh mắt mà ngũ-vị đã từng biết mùi khi cấp trên ném vào bản mặt của hấn lúc không được việc cho họ. "Đừng xía vô chuyện chúng ông!", thằng bé vừa đặt một chân chấm đất, vừa bĩu môi; "Mắc mớ gì mà y hờ, thằng mũi đỏ!". Ngũ-vị cảm thấy như ăn tát. Thế mà hấn ta vẫn không dám coi đó là hỗn xược, trong lòng cũng không hề loé lên một tia lửa giận. Hấn tự

trách tại sao can thiệp làm chi vào chuyện chẳng dính dáng gì tới mình và chỉ mắc cỡ cho bản thân thôi. Hấn lúng ta lúng túng giấu nụ cười gượng gạo, lảng lạng rảo bước về hướng vườn Shinsen. Sau lưng, bọn trẻ con quàng vai nhau, phùng mang trợn mắt, thè lưỡi làm hề. Dĩ nhiên, hấn không biết chuyện đó, mà có biết thì cái anh ngũ-vị chết khiếp này đã làm được gì nào?...

Nếu bảo nhân vật chính của câu chuyện này ra đời để cho người ta khinh rẻ chà đạp và không có một ước mơ gì thì không đúng đâu. Từ năm sáu năm nay, ngũ-vị hết sức thèm món ăn gọi là cháo khoai. Cháo khoai là cháo trộn với khoai rừng chặt thành miếng và ninh như trong nước cốt của một loài sắn ngọt. Thời ấy, món ăn này được coi như ngon nhất trần đời, cỗ bàn của những bậc giàu sang không thể thiếu nó. Do đó, chỉ vào dịp tết khách ngày mừng hai Tết trong phủ, mỗi năm chàng Mỗ ngũ-vị của chúng ta mới được nếm một lần. Nói là ăn chứ thực tình hấn chỉ húp được một ngụm nhỏ để tráng sơ cổ họng. Ước mơ duy nhất của hấn suốt giờ là làm sao ăn được một bữa cháo khoai thừa bữa. Dĩ nhiên hấn chưa hề thổ lộ ước mơ này cho bất cứ ai. Tuy bản thân không hề ý thức một cách hấn hỏi rằng ăn một bữa cháo khoai cho đã thèm là giấc mộng bình sinh của hấn nhưng có ai bảo hấn sinh ra chỉ để ngồi đợi một nồi cháo khoai thì chắc không oan tí nào..... Con người ta có lúc hiến mất cuộc đời của mình cho một ước mơ, lúc đạt được lúc không, mà nội dung của ước mơ đó chính mình không nắm trọn. Ai mà cười cái điều ngu này là kẻ kết cuộc chỉ đứng bên lề cuộc đời.

Dẫu sao đi nữa, cái mộng tưởng "cháo khoai ăn đã đời" đó đã được thực hiện một cách hết sức đơn giản và mục đích của truyện Cháo Khoai nhằm thuật lại đầu đuôi sự việc xảy ra.

Một năm vào mồng hai tháng giêng, nhằm lúc tiệc Rinji No Kyaku được thiết ở phủ đệ của Mototsune (tiệc này trùng ngày với tiệc tân niên trong hoàng cung, là dịp quan Nhiếp Chính Tế Tướng thiết đãi các quan dưới cấp bậc đại thần nhưng nó

cũng là một đại yến). Ngũ-vị cùng với bọn thị tòng đồng sự có dịp nếm các cỗ bàn thừa. Thời đó chưa có lệ chia cỗ thừa cho người ngoài, bọn vũ sĩ nhà nào nhà nấy họp nhau trên sảnh hưởng lộc mà thôi. Nói là đại yến nhưng vào thời xưa, đồ ăn tuy nhiều mà món ăn chẳng có bao nhiêu, quanh quẩn bánh dày tươi, bánh dày rán, bèo ngư hấp, khô chim, cá mùa đông ở Uji, cá chép vùng Omi, cá mè sống xắt lát, bọc trứng cá hồi, bạch tuộc nướng, tôm to, cam, quýt, quất, hồng khô... Chỉ có điều trong số đó có chút cháo khoai đã nói. Mỗi năm, ngũ-vị lại có dịp thưởng thức món ăn khoái khẩu của hãn. Vì lúc nào nhân số cũng đông, có vài hớp cháo thật chẳng bỏ dính mép. Năm nay đặc biệt lượng cháo lại ít, chắc thế nên hãn cảm thấy ngon hơn mọi lần. Sau khi húp xong phần mình, ngũ-vị dăm dăm nhìn đáy bát, vừa lấy tay lau mấy giọt cháo dính trên chòm râu, không biết nói một mình hay nói với ai: "Bao giờ ăn được bữa cháo cho đã đời hã ta!"

- Ông anh ngũ-vị chưa ăn bữa cháo nào sướng miệng hay sao?

Ngũ-vị ta chưa dứt lời đã có kẻ trêu chọc. Giọng ai lanh lảnh, tự tín, ra vẻ con nhà võ. Ngũ-vị ngẩng cái cổ rụt, lấm lét nhìn về hướng đó. Người đang nói chẳng ai khác hơn là Fujiwara Toshihito, con trai Tokinaga, đại thần coi về tài chánh. Toshihito là một trang nam tử lưng dài vai rộng, đang húp rượu sùm sụp và nhai mấy hạt dẻ nướng đưa cay. Coi bộ chàng ta đã ngà ngà.

- Tội nghiệp quan bác quá nhỉ!

Toshihito thấy ngũ-vị ngẩng đầu, bèn thốt ra một câu hỏi nửa thương hại nửa khinh miệt. Anh ta tiếp lời:

- Nếu muốn, Toshihito này sẽ giúp quan bác xơi bữa cháo đến ngấy mới thôi.

Con chó suốt đời bị bắt nạt thì có ai cho miếng thịt cũng chẳng dễ gì đến chup ngay. Ngũ-vị lại phô ra cái gương mặt dờ khóc dờ cười cố hữu, hết nhìn Toshihito lại nhìn cái bát không như thể so sánh.

- Sao, chịu không?

.....

- Hử, nói đi chứ?

.....

Ngũ-vị cảm thấy tia mắt đăm thực khách đang đổ dồn lên mình hắn. Trả lời một câu sẽ bị chế nhạo một câu. Hắn biết nói cách nào chúng cũng giễu cợt cho được nên hơi chần chừ. Toshihito mới lập lại câu hỏi như có ý che chở:

- Muốn sao thì cứ nói đi chứ!

Nếu không nghe thế chắc ngũ-vị mãi mãi tiếp tục hết nhìn anh chàng rồi lại nhìn đũa bát. Lúc đó mới nghe ngũ-vị đáp:

- Thế còn gì bằng.

Câu trả lời suôn đuột của ngũ-vị một lúc đã làm cử tọa giật nảy.

- Thế còn gì bằng.

Đã có kẻ nào nhại giọng ngũ-vị. Giữa đám mũ áo đang cúi xuống dĩa bàn cỗ bàn chén bát la liệt thức ăn xanh đỏ đủ màu, bỗng nổi lên trận cười và tiếng nói ồn ào như sóng vỗ bờ. Người cười lớn và có giọng to hơn cả chính là Toshihito.

- Được rồi, mai mốt tôi sẽ mời quan bác.

Vừa nói, hắn ta hơi nhăn mặt một tí. Đã nốc rượu nhiều lại muốn nhin cười nên hắn cảm thấy nghèn nghẹn ở cổ:

- Có được không?

- Thế còn gì bằng.

Ngũ-vị mặt đỏ lên, lấp bắp lại câu trả lời và mỗi lần như thế lại gây thêm một tràng cười vỡ chợ. Toshihito cũng không nhin được, cười rung cả hai vai. Anh chàng thô lỗ người miền Bắc này chỉ biết có hai cách sống : một là uống rượu và hai là cười đùa.

May thay, thực khách rồi cũng bỏ quên hai người và đổi qua đề tài khác. Mặc dầu ngũ vị là cái đích cho mọi sự chiêm chọc, hình như cử tọa cảm thấy khó chịu khi họ phải dồn tất cả sự chú ý của mình vào cái anh mũi đỏ này. Lúc rượu và

thức nhắm bắt đầu cạn, mọi người đang lắng nghe câu chuyện một anh vũ sĩ học việc ngu ngơ đút cả hai chân vào một bên bàn đập bên hông để hông trèo lên mình ngựa. Riêng có ngũ vị hầu như chẳng để tâm trí vào mấy chuyện đó vì hai chữ "cháo khoai" đã hớp hồn hẩn rồi. Cho dù trước mắt có chim trĩ quay, hẩn cũng không buồn đụng đũa, cho dù có bày cơm rượu ngọt (9), hẩn cũng chẳng đưa lên miệng. Ngũ vị chỉ biết đặt hai tay lên đầu gối, sượng sùng đếm từng chân tóc đã dạn dày sương gió, bẽn lễn như gái nhà lành đợi người coi mắt. Đăm đăm nhìn vào cái đáy bát sơn đen, hẩn khờ khạo cười một mình.

*

Thế rồi năm sáu hôm sau, vào một buổi sáng, có hai người đàn ông lạng lẽ sóng ngựa trên con đường dọc theo bờ sông Kamo về hướng Awataguchi. Một người mặc bộ quần áo đi săn màu xanh nhạt, bên sườn đeo thanh đại đao, râu tóc đen nhánh. Người kia là một vũ sĩ tuổi trạc bốn mươi, gã ta trùm lên người manh áo vải bô dùm dỏ. Từ giải giây lưng thắt luộm tha luộm thuộm đến cánh mũi đỏ ướt rượt nước mũi, toàn thân anh ta toát ra một vẻ tội nghiệp. Hai người cưỡi hai con ngựa chừng ba tuổi, con đầu lông đỏ, con sau lông xám, là loại tuấn mã đủ làm cho bọn bán hàng rong và vũ sĩ đi đường phải ngoái đầu xem. Đằng sau họ, hai kẻ tùy tùng vác hòm xiểng đang rảo bước để đuổi theo kịp bước ngựa. Không nói ai cũng biết đó là bọn Toshihito và ngũ-vị.

Tuy là ngày đông nhưng thời tiết tạnh ráo, êm ả. Không có lầy một ngọn gió làm lay động mấy bụi cỏ bông khô bên bờ sông nơi giòng nước lạng lẽ trôi giữa mấy phiến đá trắng. Vài cây liễu buông cành trĩu lá xuống mặt nước được ánh nắng ngày ve vuốt, in bóng trên đường cái. Dưới mấy cành con, lũ chim chích quẫy đuôi đùa giỡn. Cao hơn vùng lục đậm của rặng Higashiyama, toàn bộ ngọn Hieinoyama hiện ra đầy đặn như hai cánh vai mượt bị sương ăn. Vỏ xa cừ cản trên yên lấp lánh dưới ánh mặt trời. Hai người khách không thềm ra roi, chậm rãi cho ngựa nhắm hướng Awataguchi.

- Mạn phép hỏi tôn ông đưa tôi đi tận đâu?
- Gần đây thôi, không đến nỗi xa như quan bác nghĩ.
- Thế chắc chung quanh vùng Awataguchi thôi nhỉ ?
- Quan bác cứ tạm xem như thế là được.

Sáng nay khi rử rê ngũ-vị, Toshihito chỉ nói sẽ dẫn hắn đi xem một ngọn suối nước nóng mới phun ở vùng Higashiyama thôi. Anh ngũ-vị mũi đỏ tình thật nghe theo. Lâu ngày không được tắm suối, thân thể đã cảm thấy ngứa ngáy. Nếu vừa có cháo khoai xơi lại có nước khoáng để ngâm thì hạnh phúc nào bằng. Nghĩ tới đây hắn đã thấy Toshihito tiến đến, đành phải thúc con ngựa xám theo lên. Tuy thế, từ lúc cùng ra roi tới giờ, coi bộ Toshihito không hề có ý dừng chân ở gần nơi đây. Chẳng

biết từ lúc nào, hai người đã bỏ Awataguchi lại đằng sau.

- Uả, đây không phải là Awataguchi ?
- Mình vừa đi ngang qua đó đấy.

Toshihito vừa nén nụ cười, cố ý tránh cái nhìn của ngũ-vị, lảng lảng rong cương. Nhà dân hai bên đường đã bắt đầu thưa thớt và giờ đây, trên cánh đồng hoang trải rộng dưới trời đông chỉ có vài chiếc quạ lẻ kiếm mồi. Chút tuyết nhờ nấp vào bóng núi vẫn chưa tan đang bốc hơi nước như những đợt khói xanh. Tuy ngày tạnh ráo nhưng cảnh những ngọn thù du trợ trụ chọc thủng nền trời đến nhức mắt không khỏi làm khách đi đường gầy lạnh.

- Thế mình đã đến quãng Yamanashi chưa ông nhỉ ?
- Yamanashi hử, còn hơi xa chút xíu.

Nói thì nói chứ vừa vặn lúc đó, họ đã qua bég Yamanashi. Rồi không biết tự bao giờ, họ bỏ cả Sekiyama lại đằng sau, qua giờ ngọ, địa đầu vùng Miidera đã hiện ra. Trụ trì chùa Miidera vốn là chỗ tương đắc với Toshihito. Hai người vào thăm nhà sư, xin thụ trai. Cơm nước xong, khách lại tiếp tục ra roi. Quãng đường này so với đoạn trước lại càng hoang vắng. Thời buổi đó rất đổi nhiều nhưng, đạo tặc như ong. Ngũ-vị rứt thêm cần cổ, nhìn Toshihito dò hỏi :

- Vẫn còn xa hử ông ?

Toshihito mỉm cười, nụ cười của một đứa trẻ chơi trò tinh nghịch bị người lớn bắt gặp. Nếp nhú ở cánh mũi và bắp thịt dưới mắt đang giãn ra chứng tỏ anh ta chần chừ, nửa muốn cười nửa không. Thế xong, anh ta đáp một mạch :

- Thực tình tôi muốn đưa bác đến Tsuruga cơ !

Toshihito cười, trở roi ngựa về hướng chân trời xa. Phía roi trở đã thấy mặt hồ Omi loáng bạc dưới ánh mặt trời.

Ngũ-vị đâm ra hoang mang :

- Tsuruga nào, có phải Tsuruga mãi Echizen không ? Cái xứ đó nó

Chuyện Toshihito từ ngày làm rể tay hào tộc vùng Tsuruga là Fujiwara Arihito, lại vẫn thường về đây chơi là điều ngũ-vị không phải không nghe nói. Tuy nhiên phải theo anh ta tận Tsuruga là điều đến giờ phút này hẳn thật chưa hề nghĩ tới. Lý do thứ nhất là xứ Echizen đường xa diệu vợi, thứ hai chỉ dốt hai người tùy tùng thì biết có tới nơi an toàn hay không. Chưa kể độ rày thiên hạ đồn đại cường hào vùng này giết người như ngóe... Ngũ-vị nhìn Toshihito, vẻ mặt như van lơn :

- Tưởng là Higashiyama, té ra Yamanashi. Đình ninh là Yamanashi, lại thành Miidera. Rốt cuộc phải đi Tsuruga tận xứ Echizen. Thế là thế nào hử ông ? Đúng ngay từ đầu, có phải ông đã chủ tâm kéo tôi đến đó rồi không ? Ai đời đi tận Tsuruga!

Ngũ vị thều thào và thiếu điều bật khóc. Nếu không có câu "cháo khoai ăn đã đời" cổ vũ cho lòng can đảm thì chắc anh ta đã rẽ cương lối khác trở về Kyoto rồi cũng nên.

- Toshihito tôi một mình sức địch nghìn người. Quan bác chớ lo chuyện đường xá.

Nhìn vẻ bối rối của ngũ-vị, Toshihito hơi nhú mày nhưng cả cười. Xong anh ta gọi tên phu khiêng đồ đến, lấy túi tên đeo lên lưng, rút cây cung cứng sơn đen đặt ngang yên, giục ngựa đi trước dẫn đường. Đã đến nước này thì người chết nhất như ngũ-vị cũng chỉ biết nhắm mắt tuân theo ý chí sắt

đá của Toshihito thôi. Nhìn phong cảnh hoang vu ảm đạm chung quanh, lòng những lo âu, ngũ-vị lẩm nhẩm niệm mấy câu kinh Quan Âm còn nhớ chữ đợc chữ mất, cái mũi đỏ cúi gằm xuống gằn chạm yên, để con ngựa bước thấp bước cao đưa mình đi.

Tiếng vó câu âm vang rời rạc giữa một vùng cỏ tranh vàng bạt ngàn điểm dăm ba đầm nước lạnh lẽo phản chiếu bầu trời trong khiến buổi chiều đông như sắp đóng giá. Đàng xa, rặng núi có lẽ đúng hướng mặt trời nên không còn chút tuyết tàn, trải thành một vệt tím bầm, chỉ điểm chút màu bạc của mấy bụi lau khô, nhưng mấy gã tùy tùng có thời giờ đâu mà để ý tới những chi tiết ấy.....Vừa lúc đó, Toshihito đột nhiên, hướng về ngũ-vị cất giọng:

- Ấy, sứ giả đến kia, mình nhắn tin cho Tsuruga đi !

Ngũ-vị không hiểu ý nghĩa của câu nói, lo lắng giương mắt nhìn về chỗ Toshihito trở cán cung. Dĩ nhiên phía đó tuyệt không một bóng người. Giữa lùm cây nơi có giống giầy leo như nho dại bò lan, một chú chồn với bộ lông vàng ấm đang chậm bước dưới ánh nắng chiều... Thoắt cái, chồn ta phóng mình vọt chạy. Chỉ vì lúc ấy Toshihito bỗng quát roi, giục ngựa như bay về hướng đó. Ngũ-vị không còn hồn vía, chỉ biết đuổi theo Toshihito. Hai người tùy tùng cũng cố theo bèn gót. Trong một chốc, tiếng vó ngựa đập trên sỏi nghe cồm cộp phá tan sự yên tĩnh của cánh đồng rộng, rớt cục, đã thấy Toshihito dừng cương, xách chú chồn trên tay bằng hai chân sau và treo ngược nó bên yên ngựa. Có lẽ chồn ta chạy hết nổi, cùng đường phải nằm bẹp dưới chân ngựa để bị bắt. Ngũ-vị vội lấy tay quệt mồ hôi đọng trên bộ râu thưa, tế ngựa đến bên cạnh.

- Này chồn, nghe rõ đây!

Toshihito kéo chồn lên ngang tầm mắt, ra vẻ kهن kiệu nói:

- Nội đêm nay, phải báo dưới ấp có Toshihito sắp xuống Tsugura, hiểu chưa!

Nói vừa dứt lời, Toshihito đã vung tay ném chú chồn vào bụi cỏ đằng xa.

- Trời, coi nó chạy kìa, coi nó chạy!

Hai người tùy tùng đến giờ mới bắt kịp, nhìn về hướng con chồn đang chạy trốn, vỗ tay khen không dứt. Con thú với cái lưng màu lá úa vượt bờ bụi đất lá, thoăn thoắt trong ánh nắng của buổi chiều vàng. Từ chỗ bọn người đang đứng nhìn, tưởng gần như có thể đưa tay ra bắt lấy được. Họ có cảm tưởng như vậy vì trong khi mãi đuổi theo con chồn, bọn họ đã đến chỗ cánh đồng đổ thoai thoải xuống lòng một con sông cạn, lúc nào không hay.

- Cái ông sứ giả này khó nhờ quá nhỉ!

Ngũ-vị bây giờ mới ngẩng mặt nhìn con người võ biên có tài lạ sai khiến cả muông thú kia, buột miệng đưa ra một nhận xét ngây thơ, vừa xu phụ vừa thật tình kính nể. Khỏi phải nói, ngũ-vị nhận ra khoảng cách giữa Toshihito và hắn là một trời một vực, có điều cái ý chí nhỏ bé của hắn được cái ý chí mạnh mẽ rộng lớn của Toshihito bao bọc làm hắn thấy yên tâm. Sự a dua có lẽ được sinh ra trong những trường hợp như thế này. Nếu từ đây về sau, độc giả có bắt gặp ở đâu thái độ phờng tuồng của anh chàng mũi đỏ thì xin đừng lấy làm kỳ quặc.

Con chồn bị ném kia chạy lăn cù xuống triền dốc, phóng phom phom giữa mấy phiến đá giăng ngang lòng sông cạn rồi sẵn trớn, trèo cheo chéo lên được bờ dốc. Vừa chạy nó vừa ngoảnh lại thấy người vũ sĩ đã chụp được mình và đoàn người tháp tùng vẫn còn ghìm cương giăng hàng trên bờ dốc bên kia, trông xa nhỏ như những ngón tay sắp bên nhau. Hai con ngựa, một bờm hung đỏ, một bờm xám tằm nắng hoàng hôn, như trôi ra từ đợt sương chiều.

*

Như dự định, sáng hôm sau mới khoảng giờ Ty, đoàn người đã đến Takashima. Đây là một vùng thôn ỏ nhìn xuống hồ Biwa. Dưới bầu trời nặng mây khác hẳn hôm qua, chỉ có vài nếp tranh lơ thơ rải rác. Cạnh kè đá giữa mấy ngọn tùng là

mặt nước hồ xám lạnh gợn chút sóng lăn tăn như một tấm gương lâu ngày bám bụi..... Đến quãng này, Toshihito mới ngoái lại nói với ngũ-vị:

- Này, bác xem, bọn người nhà đến đón chúng mình đó.

Đúng thế thật, một đám trai tráng hai ba mươi người, kẻ đi ngựa người cuốc bộ đang dắt hai thớt ngựa đủ cả yên cương, tay áo khoác phần phật trong gió lạnh, từ phía bờ hồ giữa những hàng tùng đang nhanh chân về phía khách. Chẳng mấy chốc bọn họ đã đến nơi, kẻ đi ngựa vội vàng xuống yên, người đi bộ giạt ra quì xuống bên đường, ai nấy đều tỏ ra cung kính chờ đợi cuộc viếng thăm của Toshihito.

- Đúng là chồn ta đã làm tròn nhiệm vụ sứ giả thật.

- Giống thú linh thiêng biết biến hóa như loài chồn thì mỗi việc ấy, làm gì lại chẳng được.

Giữa khi ngũ-vị và Toshihito trao đổi mấy câu như vậy, đoàn bốn người đã đến nơi bọn trai tráng đang chờ.

- Thôi miễn lễ!

Toshihito lên tiếng, bọn người làm đang quì vội vàng bật dậy, hai đứa tiến ra nắm lấy hàm ngựa. Bỗng nhiên cả đám náo hoát hẳn lên:

- Bẩm tướng công, tối qua có chuyện lạ lắm.

Hai người vừa mới xuống ngựa, chân còn chưa chạm đất thì một lão tá điền tóc bạc, mặc chiếc áo khoác màu chàm, đã tiến tới thưa với Toshihito.

- Cái gì mà lạ?

Toshihito vừa chuyển bầu rượu giỏ cơm mọi người làm mới đem đến mời ngũ-vị, vừa điềm đạm hỏi.

- Thưa đúng thế thật. Tối hôm qua, vào khoảng giờ Tuất, bỗng phu nhân nhà ta chột lặn ra, nói như người mất hồn: "Ta là hồ tinh ở Sakamoto. Lại đây, vĩnh tai nghe cho rõ lệnh tướng công truyền cho các người. Ngài với một đoàn đang trên đường xuống ấp. Các người phải thưa với phu nhân là tướng công mời mấy vị khách đến chơi nhà. Ngày mai khoảng giờ Tỵ, bọn trai tráng nhớ dẫn theo hai cọn ngựa có đủ yên

cương đến Takashima mà đón ngài". Bẩm phu nhân bảo chúng con như thế đấy ạ.

- Nếu thế thì đúng là chuyện hy hữu.

Ngũ-vị hết nhìn Toshihito lại nhìn bọn tá điền như dò xét rồi phát biểu một câu làm cả hai bên đều hài lòng.

- Phu nhân đâu chỉ có nói bao nhiêu đó thôi đâu. Lúc đó, bà phát run như cây sậy, rồi còn bảo chúng con: "Đừng quên đấy nhé, không được quên. Chớ để tướng công quở trách ta", nói được đến đó thì bù lu bù loa.

- Sau đó sự thể thế nào?

- Phu nhân trở lại bình thường và ngủ say như trẻ con. Lúc chúng con khởi hành thì phu nhân vẫn chưa thức giấc.

- Bác thấy sao? Toshihito sai khiến được cả muông thú, có phải không?

Toshihito nghe bọn người nhà kể chuyện, nhìn ngũ-vị nói với vẻ tự mãn...

- Thế mà không lạ thì gì mới đáng gọi là lạ đây.

Ngũ vị một tay gãi mũi, đầu hơi cúi xuống, mồm há hốc làm như không còn biết nói gì hơn. Trên râu cằm, chỗ rượu uống khi nãy rót ra đọng lại thành giọt.

Đêm hôm đó, ở một gian trong trang trại của Toshihito, ngũ-vị mắt lao lảo, nhìn ánh bắc đèn đêm như người mất hồn ánh bắc đèn đêm, trần trọc nằm chờ sáng. Cứ như thế, những sự việc xảy ra cho đến tối hôm qua, từ cảnh Toshihito và bọn tá điền cười nói với nhau, ngược lên cảnh rừng tùng, sông cạn, bình nguyên hoang dã, bóng cây, ngọn lá, đất đá, mùi khói ai đốt giữa đồng không..... hiện ra mồm một trong trí ngũ-vị. Nhất là cái thấp thỏm đeo theo hẳn suốt hành trình đã biến đâu mất khi rốt cuộc đặt chân tới sơn trang và nhìn thấy những ánh lửa đỏ bập bùng trong lò than thổi cơm hiện ra sau làn sương xám buổi chiều. Bây giờ nằm ở đây mà tưởng bao nhiêu chi tiết đó đã thuộc về đời kiếp nào. Toàn thân trùm dưới tấm chăn màu vàng độn bông dày đến bốn năm tấc (ta), hai chân duỗi thoải mái, ngũ-vị lơ đãng nhìn quanh cái

thế nằm của mình. Dưới tấm chăn, ngũ-vị còn mặc phủ lên cả hai lớp áo vải dày màu vàng nhạt mà Toshihito đưa cho mượn. Bao nhiêu lớp như thế thật nóng đến vã mồ hôi. Nhất là trong bữa cơm chiều, hẳn đã có vài cút rượu nên càng hừng hực. Cách tấm rèm cửa cạnh gối nằm, bên ngoài khu vườn rộng đang chìm trong sương nhưng cái tấm thân đang nằm ấm cúng nơi đây có cảm thấy gì đâu. Tình cảnh này so với những ngày chịu búa rìu của cấp trên ở Kyoto thì như cực lạc so với địa ngục. Tuy vậy, trong lòng ngũ-vị lúc này vẫn có mối lo khó hiểu. Một phần, hẳn thấy thời gian sao mà đi quá chậm, một phần hẳn lại chỉ mong cho đêm đừng sáng vội để được kéo dài thời giờ chờ đợi nồi cháo khoai. Nguyên nhân của hai thứ tình cảm đang chống chọi lẫn nhau này có lẽ là diễn biến quá nhanh chóng của hoàn cảnh. Sự bồn chồn trong lòng ngũ vị cũng như khí trời hôm đó, muốn lạnh mà còn ngần ngại. Tất cả những thứ đó như làm rộn ngũ-vị khiến cho chăn ấm nệm êm đến thế mà không tài nào hẳn dễ được giấc ngủ.

Chợt từ ngoài khu vườn rộng, có tiếng ai vọng tới. Nghe giọng mà đoán, có lẽ ông lão tóc bạc đã ra đón đoàn người đang sai bảo ai điều chi. Giọng khô sắc của lão vang vang giữa màn sương, mỗi lời mỗi chữ như cơn lốc xoáy vào xương cốt ngũ-vị.

- Tất cả chúng mày, nghe đây. Tướng công ra lệnh cho bọn bay bất kể già trẻ lớn bé đến sáng mai trước giờ Mão mỗi đứa phải đào cho được một củ khoai rừng vòng ngang ba tấc, dài năm thước (ta) và đem đến nộp tại đây. Ngày mai, trước giờ Mão, nhớ rõ chứ?

Lão già lập đi lập lại hai ba lần như thế. Dần dần không nghe rục rịch gì nữa, đêm mùa đông yên tĩnh trở lại. Trong cái yên lặng ấy, chỉ có tiếng reo của ngọn đèn dầu, ánh lửa bập bật như giải lụa đỏ. Ngũ-vị nén một cái ngáp, thù người suy nghĩ..... Bảo đào khoai rừng mang đến thì nhất định để nấu cháo thôi. Sự bất an cho từ nãy nhờ tập trung nghe ngóng bên ngoài nên quên quấy được đi, nay có dịp trở lại xâm chiếm

lòng hẩn. Nó như ngọn sóng càng lúc càng dâng cao, và nỗi lo sợ được mời ăn cháo khoai như để trêu chọc, không chịu rời đầu óc hẩn. Nhỡ giấc mơ "ăn một bữa cháo khoai cho đã đời" trở thành sự thực thì chẳng hoá ra bao nhiêu năm tháng dài cố chờ đợi cho đến nay chẳng là vô nghĩa hay sao. Nếu được thì khấn sao cho có thương tật gì xui không ăn được cháo và vì không ăn được cháo nên cuộc chiêm đãi này sẽ bị bãi bỏ đi. Ý nghĩ này quay tròn như con vục trong đầu và ngũ-vị có lẽ mệt mỏi vì cuộc hành trình, thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, vừa mở mắt dậy, ngũ-vị đã tiếp tục nghĩ đến chuyện cháo khoai tối hôm trước, vội vội vàng vàng vén rèm nhìn ra ngoài vườn. Thì ra ngũ-vị đã ngủ quên đến quá giờ Mão, và ngoài đó, trên bốn năm tám chiếu cát dài đã có hai ba nghìn thanh gì dài dài, mập tròn, chồng chất lên nhau như núi, gần đụng mái nhà. Nhìn kỹ thì quả thật là những củ khoai rừng vòng quanh thân đo được ba tấc và độ dài phải đến năm thước (ta).

Dụi cặp mắt còn ngái ngủ, ngũ-vị đảo mắt nhìn quanh, kinh ngạc đến bối rối. Trên khoảng sân rộng, người ta đã đặt liên tiếp bên nhau năm sáu cái nồi cỡ lớn kê trên những bệ gỗ có lẽ là thân cây vừa mới đẵn. Vài chục người tứ gái trẻ áo trắng đang chạy đi chạy lại chung quanh. Kể nhen lửa, người lên than, kẻ khác lại khuân những cái gàu bằng gỗ tạt thi nhau chuyên mật sắn vào nồi. Ai nấy đều chuẩn bị nấu cháo khoai, bận rộn tới lui đến hoa cả mắt. Khói lò và hơi nước từ nồi cháo tỏa ra hòa lẫn với sương sớm chưa tan thành một khối đặc khiến không sao phân biệt cảnh vật trên sân được nữa. Giữa màu khói xám bao trùm lên tất cả là màu lửa đỏ từ phía lò cháy ngùn ngụt. Tiếng động và màu sắc hỗn tạp ồn ào giống như lúc bọn hỏa đầu quân nấu cho đoàn lính ăn ngoài chiến trường. Nhìn cái núi khoai đang từ từ biến thành cháo trong dãy nồi ba mươi kia, ngũ-vị thấy mộng ước của hẩn đang thành hình. Rồi hẩn nghĩ đến bản thân, vì thèm ăn cháo mà lặn lội từ Kyoto đến tận Tsuruga trong cái xứ Echizen xa xôi này. Càng nghĩ hẩn càng không khỏi hổ thẹn

cho mình. Cái lòng thèm ăn của ngũ-vị như thể đồng tình với ông chủ của nó, giờ đây, đã hao đi quá nữa?

Chẳng mấy chốc đã đến giờ quà sáng, ngũ-vị đi theo Toshihito và Arihito, ông bố vợ của anh ta, tiến đến bàn ăn. Trên mâm lúc đó chỉ thấy bày một liễn bạc độ chừng một đấu mà hắn đã sợ hãi tưởng nó là cả một biển cháo khoai. Ngũ-vị đã chứng kiến cảnh mấy mươi người trai tráng hoa đao bén, nhanh nhẹn khéo léo vạt ngang chặt dọc đám khoai rừng chất đầy thành núi trước hiên nhà. Thế rồi, bọn đàn bà con gái lẳng xăng tíu tíu hết xúc lại đồ, hết đồ lại xúc trộn đồng khoai vào nồi không chừa một củ. Cuối cùng, khi cái núi khoai kia đã mất dạng để trở lại mấy tấm chiếu cót, ngũ-vị lại được nhìn đến no mắt mấy cột khói dày đặc tinh mùi khoai rừng và mùi mật sắn, toả lên từ dãy nồi cháo và múa lượn giữa tầng không của buổi sáng đẹp trời. Sau khi đã trông thấy tận mắt từng ấy cơ sự, có lẽ ta sẽ thông cảm được với ngũ-vị nếu chưa húp một ngậm cháo nào mà hắn đã cảm thấy no nê..... Nhìn liễn cháo, ngũ-vị bỗng xuất hạn như người làm điều không phải.

- Quan bác chưa bao giờ ăn cháo khoai cho đã phải không? Thế thì cháo đây, tự nhiên xơi cho nhé!

Ông bố vợ của Toshihito hô bọn tiểu đồng bày lên bàn thêm ít liễn bạc nữa. Liễn nào liễn nấy cũng đầy ắp cháo với cháo. Ngũ-vị nhắm mắt mím miệng - cái mũi thường ngày đã đỏ nay lại ửng đỏ hơn - mức khoảng nửa liễn cháo vào tô sành, ráng húp sạch.

- Nhạc phụ tôi đã nói như thế thì bác đừng khách sáo nhé.

Toshihito đặt thêm liễn cháo mới bên cạnh ngũ-vị, vừa mời mọc lại vừa cười như trêu chọc. Ngũ-vị bị du vào thế khó xử. Nếu cho phép hắn "đừng khách sáo" thì tự lúc đầu, hắn có lẽ đã không muốn đụng đến cháo dù chỉ để hớp một hớp. Thế mà hắn chẳng đã cố gắng ăn được nửa liễn là gì!. Nếu ăn thêm nữa thì cháo chưa qua khỏi cổ họng chắc đã bọn dạ rồi. Bụng thì nghĩ vậy nhưng đồng thời lại sợ mình phụ lòng tốt của hai bố con Toshihito. Hắn bèn nhắm mắt bậm môi, cố

gắng húp thêm được một phần ba nửa liễn cháo còn lại nhưng không có hơi sức húp thêm ngum nào nữa.

- Xin thành thực cảm ơn cụ với ông. Tôi dùng như thế đã đủ. Thật hết sức cảm ơn.

Ngũ-vị lấp ba lấp bắp nói. Dù giữa ngày đông tháng giá mà mồ hôi rịn ra trên sống mũi và mép râu đã đọng thành những hạt to như sắp sửa rơi.

- Sao quan bác ăn ít thế. Ông khách nhà ta lại ngại ngần gì nữa rồi. Bọn nhỏ đâu, sao cứ đứng xớ rớ đó ?

Lũ tiểu đồng vâng theo lời Toshihito, múc cháo khoai từ trong liễn mới vào tô sành. Ngũ-vị quơ hai tay loạn xạ như đuổi nhặng, cực lực thoái thác.

- Thưa thôi ạ, ăn hết nỏ rồi. Xin lỗi, ăn thêm không được nữa.

Nếu lúc đó, Toshihito không đột nhiên trở tay ra phía ngoài hiên nhà đằng trước và bảo "Kìa, quan bác xem!" thì Arihito chắc vẫn còn đon đả mời cháo. May thay, nghe tiếng Toshihito nói, mọi cái nhìn đều đổ ra phía hàng hiên. Lúc đó, mặt trời đang chiếu lên hiên nhà bọc bằng vỏ dẻ. Trong ánh mắt lấp lóa, một con vật với bộ lông mượt mà đang nằm phủ phục thoải mái. Để ý mới thấy đó là con chồn ở Sakamoto ngày hôm kia mà Toshihito đã bắt được khi đoàn người băng qua cánh đồng hoang.

- Chồn nó cũng đến xem quan bác xơi cháo đấy. Bọn bay đâu, cho nó cái gì ăn đi chứ.

Bọn thủ hạ tuân lệnh Toshihito. Con chồn bèn phóng từ hiên ra ngoài sân và sỏ vào bát cháo khoai.

Ngũ-vị ngắm con chồn ăn cháo ngon lành, lòng bỗng dâm ra thương nhớ bản thân mình lúc chưa đến chốn này. Đó là cái thằng tôi ngày ở Kyoto bị bọn đồng liêu đem ra làm trò cười, cái thằng tôi thất tha thất thểu như con chó vô chủ trên đại lộ Suzaku trong chiếc áo khoác vải thô và cái quần đã ngả màu, cô độc đến thương tâm. Tuy nhiên cái thằng tôi đó còn có mục đích ở đời là đợi cái ngày đạt được niềm hạnh phúc:

ăn một bữa cháo khoai thỏa thuê..... Giờ đây, an tâm là không ăn thêm cháo nữa thì cũng không ai ép uống, mồ hôi đầm đìa trên mặt ngũ-vị đã dần dần khô, bắt đầu từ sống mũi trở đi. Dù trời tạnh ráo, buổi sáng ở Tsuruga cũng có chút gió lạnh đủ rùng mình. Ngũ-vị lật đật đưa tay lên chặn mũi, nhìn về hướng liễn cháo và hắt hơi một tiếng rõ to (10).

(Tháng 8 năm Taisho thứ năm)

Dịch xong ngày 9/6/2002, trên gác trọ nhìn ra vịnh Tokyo

(đã đăng Tạp chí Hợp Lưu tháng 9/02 và duyệt lại ngày 5/4/2003)

Chú thích

(1) Niên hiệu Nguyên Khánh (Gan-gyo, 877-884) đời Dương Thành thiên hoàng (Yozei tenno) và Nhân Hòa (Ninna, 885-888) đời Quang Hiếu thiên hoàng (Koko tenno) dưới triều Bình An (Hei-an), một triều đại trung cổ Nhật Bản kéo dài 400 năm...

(2) Ngũ-vị (go-i) chức quan thấp nhất trong năm hạng vũ sĩ được phép lên điện.

(3) Sách cổ ám chỉ Kim Tích Vật Ngữ (Konjaku-monogatari) quyển 26 chương 17 và Vũ Trị Thập Di Vật Ngữ (Uji Shu-i Monogatari) quyển 1 chương 18. Akutagawa sử dụng tư liệu đã sử của hai tập này để soạn Cháo Khoai.

(4) Đại lộ Chu Tước (Suzaku Oji) tên con đường lớn phân chia thành Hei-an (Kyoto thời trung cổ) làm hai phần: tả kinh và hữu kinh. Thành này rập khuôn thành Trường An nhà Đường.

(5) Hữu vị và vô vị (có chức và không có chức), người dịch muốn giữ cách chơi chữ của tác giả.

(6) Ống trúc dùng để đựng rượu (Sasae).

(7) Hakama: mảnh vải như tấm tạp-dề (tablier) che trước bụng và chân.

(8) Shinsen (Thần Tuyên) tên một ngự uyển của thiên hoàng.

(9) *Cơm rượu (amazake) giống như cơm rượu của ta nhưng ngọt và loãng hơn.*

(10) *Hắt hơi là phản ứng tự vệ của cơ thể. Người Nhật thường nghĩ hắt hơi sẽ đuổi được bệnh. Ngũ-vị có lẽ khoẻ khoắn ra vì hết thắc mắc về "cháo ăn đã đời" ?*

Địa Ngục Trước Mắt

Nguyên tác : Jigokuhen

Tác Giả: Akutagawa Ryunosuke (1892-1927)

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Akutagawa viết *Jigokuhen* (1918) theo lối cổ sự tân biên (chuyện cũ soạn lại), sở trường của ông. Đề tài một phần mượn từ *Uji-shui-monogatari* (Vũ Trụ Thập Di Vật Ngữ), tập sách góp nhặt 197 truyện có màu sắc Phật Giáo do tác giả vô danh soạn vào thế kỷ 13 (dưới thời mạc phủ Kamakura), phần khác mượn từ *Kokin Chobun Shu* (Cổ Kim Trứ Văn Tập) (1) liên quan đến bức bình phong địa ngục nổi tiếng. Akutagawa lấy cảm hứng viết *Jigokuhen* từ thái độ quái gở của một họa sư tên gọi Ryôshu hay Yoshihide (Lương Tú) bởi vì nhân vật này tỏ ra khoái trá khi thấy nhà mình bị hỏa tai thiêu rụi.

Jigokuhen (Địa Ngục Biến) là tên thu gọn của Địa Ngục Biến Tướng Đồ, bức tranh trên bình phong tả những cảnh tượng hình phạt dưới địa ngục mà tăng lữ Phật Giáo cho vẽ ra để răn dạy tín hữu làm lành lánh dữ.

Truyện này tuy không dính líu gì đến phim Địa Ngục Môn (2) (1953) của Kinugasa Teinosuke, đã đoạt Giải Chính Đại Hội Điện Ảnh Cannes năm 1954 nhưng có liên hệ với Địa Ngục Biến (1969) do các tài tử hàng đầu Nhật Bản như Nakamura Kinnosuke, Nakadai Tatsuya và Naitô Yôko diễn xuất.

Akutagawa có lẽ viết theo phong cách *kôdan* (giảng đàm), nghệ thuật sân khấu hưng thịnh nhất vào thời Genroku (1688-1704), có lẽ đến từ Trung Quốc. Người kể chuyện ngồi trước cái bàn con, cầm quạt gõ nhịp, lên bổng xuống trầm kể những loại truyện có chủ đề chiến trận, vũ hiệp, báo ân báo oán, thế thái nhân tình. Đây là một ví dụ điển hình của truyền

thống kết hợp văn học với nghệ thuật trình diễn (misemono) của Nhật Bản, vẫn còn truyền đến ngày nay.

Quan điểm của Akutagawa là nghệ thuật trên hết (tuy lúc cuối đời ông có vẻ bị dao động vì những biến cố thời cuộc). Nghệ thuật dẫu thắng được quyền lực nhưng nếu hy sinh Thiện để chọn lấy Mỹ thì theo thiên ý, điều đó không hẳn thỏa đáng. Tuy nhiên, tác giả đã có lý khi bảo địa ngục không cần phải tìm đâu xa, nó đã có ở trong lòng ta hay trước mắt ta qua quan hệ với tha nhân.

Người dịch sử dụng nguyên tác Nhật ngữ của nhà xuất bản Kôdansha in lại năm 1971, tham chiếu The Hell Screen (bản dịch sang Anh Ngữ của Takashi Kojima, trong Ryunosuke Akutagawa, Japanese Short Stories, Tuttle Publishing, Tôkyô, 5th edition, 2000) cũng như bản Pháp ngữ Figures Infernales của Arimasa Mori, trong Rashômon et autres contes, Gallimard, Unesco, Paris 1965).

Một

Đức ông Horikawa (3) có lẽ là nhân vật xưa nay chưa hề thấy mà mai sau khéo chẳng ai sánh kịp ngài. Người ta đồn trước khi ngài thác sinh vào cõi đời này, Đại Uy Đức Minh Vương (4) đã hiện ra bên gối mộng của đáng từ thân nên tự thuở còn thơ ngài đã có cái gì khác hẳn người thường, nhất cử nhất động không ai lường được. Chỉ riêng qui mô phủ đệ ngài xây ở vùng Horikawa thì ôi thôi, tráng lệ, huy hoàng, cao kỳ đến mức bọn phàm tục chúng tôi dù có bóp trán cũng không sao nghĩ ra nổi. Những điều thiên hạ thì thầm về ngài có cả chuyện liên quan tới tính hạnh mà kẻ bảo giống Tần Thủy Hoàng (5) , người so với Tùy Dạng Đế (6) . Nhưng hạng bàn tán kiểu đó thì, như ngạn ngữ nói, khác chi lũ mù xem voi. Đức ông không bao giờ chuộng lộng lấy hào nhoáng cho riêng mình mà lúc nào cũng nghĩ đến kẻ dưới, nói cách khác, có cái lượng cả chỉ lo cho trăm họ yên vui.

Con người ngài quang minh chính đại như thế nên ngộ nhỡ đêm khuya qua cung điện phường Nijô, có gặp phải quỷ sứ chắc chúng cũng chẳng dám động đến lông chân. Ngay hồn

ma của quan Tả Đại Thần Minamoto-no-Tôru mà thiên hạ đồn đại đêm đêm vẫn hiện về ở viện Kawara-no-in (7) phường đông Sanjô, nơi nổi tiếng vì có khu viên đình mô phỏng theo phong cảnh Shiogama trong xứ Michinoku (8) , bị ngài mắng cho, phải lủi mất. Nam phụ lão ấu đất kinh đô có tôn kính ngài như hiện thân Phật Tổ tái sinh thì cũng chẳng quá đáng. Đến độ hôm đi dự yến thưởng mai trong Hoàng Cung về, con bò kéo xe cho ngài lồng lên đâm phải ông lão bên đường đến bị thương, mà lão già ấy chỉ biết chấp tay xá dài, coi chuyện bò ngài húc phải như một vinh hạnh.

Suốt đời đức ông không thiếu chi những chuyện đáng lưu truyền hậu thế. Này nhé, nhân đại yến của Thiên Hoàng, ngài đã dâng ba mươi thốt ngựa, toàn ngựa kim, để làm quà cho khách; lúc gặp khó khăn khi xây một chiếc cầu dài, ngài lại đem cậu tiểu đồng hầu cận sủng ái nhất làm chân cầu sống để tế thần (9) ; có hôm còn to gan cho một nhà sư Trung Quốc đem cái thuật Hoa Đà mổ nhọt tấy trên đùi nữa đấy. Những chuyện thế đấy kể ra không hết, tuy nhiên trong số các giai thoại, xem ra không có gì thảm khốc hơn câu chuyện về nguồn gốc bức bình phong vẽ cảnh địa ngục mà con cháu ngài còn giữ làm của báu trong nhà. Thường ngài có bao giờ dao động vì điều gì đâu, thế mà trong thời gian câu chuyện bình phong xảy ra, đức ông cũng tỏ ra bối rối. Không thừa chắc quý vị cũng hiểu, kẻ hầu cận bên cạnh ngài như bọn tôi thì hồn xiêu phách tán cả lũ. Riêng bản thân từng hầu hạ trong phủ có trên hai mươi năm, thú thực tôi chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng nào hãi hùng như vậy.

Thế nhưng, để mào đầu câu chuyện, quý vị phải nghe tôi giới thiệu tay họa sư Yoshihide, tác giả tấm bình phong nói trên, là nhân vật thế nào cái đã.

Hai

Nhắc đến cái tên Yoshihide, có thể trong vòng quý vị, nhiều người hãy còn nhớ. Hồi đó, hẳn ta là một họa sư danh tiếng lẫy lừng, cả giới cầm cọ chẳng có người nào qua mặt. Lúc câu chuyện sắp kể xảy ra, hẳn đã là một lão già ngoại năm mươi,

dáng dấp khảng khiu chỉ có da bọc xương, khổ người thấp bé, tính nết khó ưa. Mỗi lần đến hầu cửa phủ, hắn ta hay mặc một bộ quần áo nhuộm màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen mềm, trông thật ti tiện. Không hiểu cứ nào từng ấy tuổi mà hắn còn tô môi đỏ chót khiến cho ta phải nghĩ tâm địa hắn có cái gì quỷ quái. Hư thực thế nào chẳng rõ, chỉ nghe có người bảo cặp môi son kia là do thói quen mút đầu cọ vẽ lâu năm mà sinh ra. Kể xấu miệng hơn lấy cách đi đứng, cử chỉ giống như khỉ của hắn ta để đặt cho hắn cái biệt hiệu Saruhide, nghĩa là "con khỉ Hide".

Nói tới Saruhide, người ta còn nhớ cả câu chuyện như sau. Đạo đó, đứa con gái độc nhất của Yoshihide mới mười lăm tuổi được tuyển vào làm thị nữ trong phủ đức ông. May mắn cho hắn, cô gái nom ra đẹp đẽ yêu kiều, nghĩa là chẳng giống bố tí tí nào. Có lẽ vì mồ côi mẹ từ nhỏ hay sao mà cô ta sớm chín chắn, biết để ý để tứ, kính trên nhường dưới, tính lại lạnh lợi nên mới từng ấy tuổi đã xử sự khôn khéo, được lòng mọi người, trên từ Lệnh Bà cho đến hàng thê thiếp.

Thế rồi không hiểu nhân cơ hội nào, có người ở vùng Tanba đem dâng một con khỉ nuôi đã thuần tính. Công tử con trai đức ông đang tuổi tinh nghịch mới mượn cái tên Yoshihide đặt cho nó. Khốn nỗi cái tên lại ăn khớp với tướng mạo kỳ khôi của con khỉ nên khắp phủ không ai là không buồn cười. Nào chỉ có thế, cứ mỗi lần con khỉ leo lên ngai vắt vẻo trên cành tùng hoặc làm bẩn mặt chiếu phòng học công tử, bọn gia nhân lại kêu réo ầm tên Yoshihide để dọa cho nó sợ.

Nhưng có hôm, khi cô con gái của Yoshihide, tay cầm nhánh mai hồng có cài một tờ hoa tiên, đang đi dọc theo cái hành lang dài thì từ phía cánh cửa kéo đằng xa, con khỉ Yoshihide kia, chân khập khiễng như bị lợi, không đủ nhanh nhẹn để trèo cột nữa, đang cố lết mình chạy trốn ai đó cho thật nhanh. Thì ra sau lưng nó, công tử nhà ta đang hơi gậy đuổi, miệng mắng: Đợi đó, mày chạy đi đâu, đồ trộm quít. Trước cảnh tượng ấy, đứa con gái của Yoshihide ban đầu có

chần chừ giây lát nhưng khi con khỉ đến nơi, bám cứng vạt áo dài của mình và cất tiếng kêu thảm thiết như van lơn thì cô ta bỗng động lòng thương. Một tay cô đưa hành mai lên cao, tay kia vung ngay ống tay áo thụng màu tím nhạt, nhẹ nhàng bế con khỉ vào lòng, tiến đến trước mặt công tử, khẽ cúi đầu cất tiếng trong thanh thưa:

- Dám xin công tử tha tội cho con vật ngu dại này.

Công tử đang hùng hổ đuổi theo đến nơi, dễ gì mà tha, mặt người mới sa sầm, dậm chân âm âm hai ba lần, quát mắng:

- Nó là đồ trộm quýt, mi bao che cái gì?

-Thưa công tử, thú vật chúng đâu có hiểu phải trái ...

Cô gái mỉm cười hiền hậu đáp lời, rồi phân trần :

- Con vật này cũng mang tên Yoshihide như cha thiếp. Nếu nó bị trừng phạt khác thì khác nào cha bị phạt nên thiếp không nỡ giương mắt làm ngơ ...

Nghe vậy, ngạo ngược như công tử cũng phải vuốt bụng :

- Nếu người có hiếu muốn cứu mạng cha thì lần này ta tạm tha cho nó đấy !

Còn hậm hực, công tử nói xong câu, vứt cái roi rồi đi khuất vào trong theo cánh cửa khi nãy.

Ba

Con gái Yoshihide và con khỉ nhỏ trở nên thân thiết từ ngày có câu chuyện kia. Cô đem cái lục lạc bằng vàng tiểu thư ban, gắn vào sợi dây đỏ cho nó đeo vào cổ. Còn con khỉ cứ quẩn quít bên cô, ít khi chịu rời. Lúc cô bị cảm, trong người khó ở phải nằm một chỗ, nó cứ ngồi bên gối, cắn cắn móng tay, gương mặt đượm vẻ lo lắng.

Có điều lạ là cũng kể từ hôm đó, thiên hạ không còn xúm lại trêu chọc con khỉ như trước. Trái lại họ ngày càng yêu chiều nó, ngay cả người khó tính như công tử lâu lâu cũng ném cho nó quả hồng hay hạt dẻ. Lúc trong đám cận vệ có kẻ lấy chân đá nó, người bèn nổi ngay cơn thịnh nộ. Rồi đến phiên đức ông cũng có lần cho gọi con gái Yoshihide bế con vật đến

chầu ngài, có lẽ vì đã nghe thuật lại chuyện liên quan đến con khỉ và duyên cờ những trận lô đình của công tử.

- Mi hiểu thảo, ta khen cho đó!

Đức ông phán như thế và cô gái được thưởng cho một tấm yếm màu hồng. Con khỉ cũng nhanh nhẩu bắt chước cô gái nâng chiếc yếm lên trán để tạ ơn làm ngài vô cùng đẹp ý. Phải nhớ cho là con gái Yoshihide có lọt vào mắt đức ông chỉ nhờ cái đức hiếu hạnh tỏ ra khi che chở thương yêu con khỉ làm ngài cảm động chứ không phải ngài đấm đuổi sắc đẹp như thiên hạ cứ hiểu lầm. Như tôi sẽ từ từ tường thuật, những lời đồn đại đó cũng không chỉ là chuyện bịa cả nhưng phải thừa trước là người như đức ông thêm gì tư tưởng tới con gái anh thợ vẽ cho dầu nàng ta sắc nước hương trời đến đâu chẳng nữa.

Con gái Yoshihide được đức ông khen thưởng xong, mới lui ra. Vì tính cô khéo ăn ở, các nàng hầu trong phủ không ai ghen tức cả. Ngược lại, kể từ hôm đó, họ càng đem lòng thương mến cô lẫn con khỉ, còn cô thì lúc nào cũng được ở cạnh tiểu thư, không thiếu gì dịp theo hầu xe loan xem hội đó đây.

Ta hãy tạm gác chuyện cô con gái ở đây để kể về người cha, tức là họa sư Yoshihide. Trong khi con khỉ kia chẳng mấy chốc bỗng được mọi người cưng yêu chịu chuộng thì cái lão Yoshihide chính hiệu vẫn bị ghét bỏ, người chung quanh hễ gặp dịp cứ gọi lén hắt là Saruhide. Chẳng riêng người trong phủ không ai ưa, bên ngoài như tăng quan chùa Yokawa bây giờ, lúc nghe ai nhắc tên Yoshihide là biến sắc như người gặp ma và ghét hắt ra mặt. (Có người cho biết nguyên do tại Yoshihide hay vẽ hí họa hành tung của ông ta nhưng đó chỉ là lời đồn có mưòi đã phải bỏ bút tám chín, không lấy gì làm chắc). Dù hỏi ai chẳng nữa, mọi người đều nghĩ không tốt về hắt. Không nói xấu hắt có lẽ chỉ là hai ba đồng nghiệp trong ngành họa hoặc những ai biết hắt qua tranh mà chưa tiếp xúc với người. Trên thực tế, thiên hạ ghét hắt không riêng chỗ tướng mạo ti tiện mà còn vì một số thói hư tật xấu nữa. Nếu

có gì là do hấn tự chuốc vạ vào thân thôi chứ không thể nào giải thích lối khác.

Bốn

Thói hư tật xấu phải kể ra là keo bần, ích kỷ, trơ trẽn, biếng nhác, tham lam ... trong đó, nổi bật hơn cả tính phách lối ngạo mạn, lúc nào cũng vênh váo như có cái bảng đệ nhất họa sư bản triều treo trước mũi. Nếu hấn chỉ ngạo nghề trong lĩnh vực hội họa thì còn được đi, nhưng không, hấn lại coi thường tất cả những gì gọi là qui củ phép tắc trong thiên hạ mới phiền chứ. Một đệ tử theo học lâu năm ở cửa hấn kể chuyện có hôm ở phủ đệ nào đó, trong khi một cô đồng rất thiêng được linh nhập đang báo trước những tai họa thảm khốc thế mà hấn vẫn không thèm lắng nghe, sẵn bút mực cứ chăm chút vẽ lại từng chi tiết nét mặt hải hùng của cô đồng. Dưới con mắt hấn những lời tiên tri của đức mẫu đều là trò đùa để dọa con nít chắc?

Gã họa sư tính khí như thế nên khi họa tiên nữ Kichijô (10) hấn mượn hình thù gái đĩ thô bỉ, còn vẽ Đức Bất Động Minh Vương(11) hấn lại chọn hình ảnh một tên vô lại mới ra tù, toàn chơi những trò bắt kính phạm thượng. Hễ cất vấn thì hấn trả lời như khiêu khích: Nói nghe lạ chưa, Thần Phật Yoshihide tạo ra thì tài nào vật nổi Yoshihide nhỉ ! Lời ăn tiếng nói kiêu đó khiến bọn đệ tử thân tín cũng cảm miệng hến, thiếu chi những đứa sợ hãi cho tương lai hậu vận đã tức tức xin ra. Nói tóm lại, phải gọi Yoshihide là kẻ đầy tiền oan nghiệp chướng vì tội ngạo mạn, lúc nào cũng vồ ngược coi ta nhất trần đời.

Khỏi nói cũng biết hấn ta tự cho tài nghệ hội họa của mình là cao cường. Nhất là khi trong những bức họa vừa kể, từ nét cọ đến cách chọn màu, nhất nhất đều khác phong cách các họa sư đương thời làm cho bọn đồng nghiệp ghét hấn đều cho là tà phái. Theo lời bọn họ bình phẩm thì đối với những họa phẩm của các bậc tổ sư đời xưa như Kawanari (12) hay Kanaoka, không hiếm chi những lời truyền tụng kiểu như, khi các vị ấy vẽ bức cảnh mai nở bên bờ giếng thì vào những đêm có trăng sẽ thoang thoảng hương thơm, còn nếu là bức bình

phong tả cuộc sống nhà công khanh thì tưởng chừng có tiếng tiêu thiếu vọng ra từ đó. Trong khi ấy, tranh của Yoshihide lúc nào cũng chỉ để lại một ấn tượng gây gây khó ở. Ví dụ khi gã ta vẽ cánh cửa chùa Ryugaiji (13) thì riêng một cảnh tả năm cỡi luân hồi (14) thôi cũng làm cho những kẻ đi đường đêm khuya qua đây tưởng chừng nghe đâu đây tiếng quỷ thần đang khóc than rên siết. Không những thế, có người còn bảo người được cả mùi thây chết thối rữa từ bức tranh ấy bốc ra. Về những bức truyền thần mấy bà thê thiếp của đức ông mà ngài ra lệnh cho hẳn làm thì bà nào được vẽ chỉ trong vòng ba năm đều lâm bệnh như bị ai hớp hồn rồi lần lượt ra ma cả. Bọn xấu miệng cứ bảo thế vẫn chưa đủ bằng chứng để kết luận là tranh của Yoshihide theo đường bàng môn tả đạo là gì à ?

Vâng, đúng như tôi đã thưa trước, Yoshihide là kẻ đạp đổ khuôn khổ của người mà lại vô cùng thoả mãn về mình, đến độ lúc đức ông hỏi đùa hẳn : "Coi bộ nhà người chỉ chuộng vẽ toàn cái xấu xa thôi nhỉ?" thì hẳn vừa mỉm một nụ cười khó ưa trên cặp môi đỏ chót già không nên nét, vừa trả lời bề trên bằng một giọng trịch thượng : "Bẩm chính thế. Bọn họa sĩ hơi hợm thường tình thì làm sao nhìn thấy nét đẹp nằm bên trong cái xấu để mà vẽ nó ra ạ !". Cho hẳn là đệ nhất họa sư của bản triều đi, nhưng đứng trước mặt đức ông mà dám vênh váo thốt ra một câu như thế, quả to gan. Cậu đệ tử mà tôi dẫn chứng lúc nãy hay gọi lén hẳn bằng cái hõn danh Chira Eiju để chế nhạo tính tự mãn của hẳn. Thật không có gì đúng hơn vì như quý vị thừa biết Chira Eiju là tên con thiên cầu có cái mũi to, dài, xưa từ Trung Quốc vượt biển qua đây ấy mà.

Tuy vậy, ngay ở nơi Yoshihide, con người ngang ngược, bất chấp thiên hạ này, hãy còn một chút gì gọi là nhân tính, bởi vì hẳn cũng biết yêu thương.

Năm

Xin thưa với quý vị rằng tên Yoshihide kia yêu đứa con một của hẳn hiện đang làm thị nữ trong phủ của đức ông với một tình thương hầu như rồ dại. Như tôi vừa mới thưa qua, con gái của hẳn là người rất mực dịu hiền, có hiếu với cha hết chỗ

nói, nhưng hấn nào kém, đối với con cũng lo lắng chi li. Dù là một kẻ không hề cúng cho chùa chiền lấy một đồng kẽm nhưng hễ con gái xin đồ trang sức đầu tóc, quần áo thì hấn không tiếc mảy may tiền bạc, vôi vàng sắm sửa cho ngay. Quý vị coi có tin nổi không?

Yoshihide yêu con gái nhưng chỉ yêu suông chứ không bao giờ nghe hấn đả động tới việc kiếm tẩm chồng cho con. Ngược lại, nếu có ai tỏ ý sẵn đón cô gái thì hấn liền tụ tập bọn côn quang lập mưu lén nện người ấy một trận nện thân. Vì vậy lúc đức ông ra lệnh phải tiến cô ấy vào phủ làm thị nữ thì ông bố này không bằng lòng chút nào. Giữa sảnh đường trước mặt Đức Ông mà hấn lộ vẻ đau khổ ra mặt. Những kẻ tung tin ra cho rằng đức ông bị sắc đẹp của cô gái lôi cuốn mới cưỡng cô taphải vào hầu bất chấp sự chống đối của cha cô có lẽ đã suy luận theo lối họ, nghĩa là những người từng lâm vào cảnh ngộ đó.

Cho dù những tin đồn kia có thất thiệt đi nữa, đối với một người thương con như Yoshihide thì chuyện khẩn khứa sao cho nó sớm được trong phủ thả ra là điều hợp lý. Có lần hấn theo lệnh đức ông lấy gương mặt một cậu hầu cận sủng ái của ngài làm mẫu để vẽ hình Văn Thù Bồ Tát thời niên thiếu. Bức tranh hết sức thành công làm đẹp lòng Đức Ông, ngài mới cao hứng ban cho một lời :

-Mi muốn thưởng gì, ta sẽ cho. Đừng ngần ngại, cứ nói thật !

Yoshihide lúc đó mới ngồi lại ngay ngắn. Người ta còn đang đoán thử hấn định xin gì thì bỗng nghe hấn dặn dĩ thưa:

-Xin lượng trên cho con gái của thần được thôi việc.

Ở nơi phủ đệ khác thì không nói, chứ đây là được hầu hạ đức ông Horikawa cơ mà! Dù thương con đến mức nào, ai đòi lại ngu dại xin cho nó về nghỉ. Ngay cả người có lượng hải hà như đức ông mà cũng thấy bị xúc phạm. Ngài trầm ngâm chốc lát, trừng mắt nhìn Yoshihide rồi phán ngắn gọn:

-Cái đó không được!

Nói xong, mặc kệ hấn, ngài vùng đứng dậy vào trong.

Sự thể như thế phải lập đi lập lại đến bốn năm lần và bây giờ nhớ lại mới thấy cặp mắt đức ông nhìn Yoshihide mỗi ngày càng lạnh nhạt. Nhân chuyện đó, con gái hấn có lẽ vì lo lắng cho cha già nên mỗi khi lui về phòng thường cắn tay áo và thút thít khóc. Thế rồi lời xì xào chuyện đức ông tư tưởng đến cô gái càng ngày càng lan ra trong phủ. Kể thì bảo nguyên do của sự tích bức bình phong vẽ cảnh địa ngục là vì cô gái kia không chịu theo ý muốn đức ông nhưng dĩ nhiên chuyện như thế làm gì có.

Theo con mắt của tôi, sở dĩ đức ông không cho cô gái kia nghỉ việc luôn vì ngài cảm cảnh cô ta, thay vì để cô về với một người cha ương ngạnh gàn dở, ngài có hảo ý giúp cô có dịp may ở lại sống đời nhưng lựa trong phủ. Dĩ nhiên ngài cũng muốn bảo bọc cô bé hiền hậu dễ thương kia nữa đấy nhưng nếu ta cứ nặng nặc bảo ngài háo sắc thì hơi quá. Đúng hơn, đó chỉ là chuyện đặt điều nói xấu.

Ai muốn bảo sao thì bảo nhưng lúc đó là thời điểm vì chuyện cô gái, ngài đâm ra ghét bỏ Yoshihide. Không hiểu suy nghĩ thế nào mà đột nhiên, ngài cho gọi hấn lại, hạ lệnh vẽ bức bình phong miêu tả cảnh tượng địa ngục.

Sáu

Xin thưa về bức Bình Phong Địa Ngục kia thì đến nay, cái cảnh tượng khủng khiếp trên bức họa vẫn còn hiện ra mồn một trước mắt tôi.

Cũng cùng vẽ cảnh tượng địa ngục như nhau nhưng nếu đem so sánh với tác phẩm của các họa sư khác thì tranh Yoshihide chẳng giống mấy may kể từ hình vẽ đầu tiên. Trên bức bình phong ấy, cả đến từng xó góc, cảnh tượng thập điện diêm vương và phán quan, quỷ sứ đều được tô vẽ tỉ mỉ, sau mới đến một mặt tranh rợn người với ngọn lửa hùng hực đốt sáng núi kiểng rừng gươm. Tưởng chừng lửa đang cuốn hút tất cả. Phẩm phục ra vẻ đời Hán của các vị phán quan còn điểm cho bức tranh một ít chấm xanh hoặc vàng, ngoài ra, cả nền họa bị trùm trong một bầu lửa đỏ. Giữa bức tranh, ta thấy

những giọt mực tóe ra thành mấy cột khói đen uốn hình chữ vạ, còn kim nhủ bắn tung như đốm sáng của lửa ngọn đang múa may quay cuồng.

Chùng đó đã đủ mười phần bút lực để làm kinh ngạc người xem tranh nhưng hơn thế nữa, hầu như chưa ai thấy ở một bức tranh vẽ cảnh địa ngục nào khác có được cái cách trình bày cảnh tượng tội nhân đang bị ngọn nghiệp hỏa quay nướng, quần quai thống khổ như thế. Giải thích tại sao ấy à? Xin thưa là trong đám tội nhân mà Yoshihide vẽ ra đây, có đủ mọi hạng người: trên từ công khanh quyền quý, dưới đến bọn ăn mày ăn nhặt. Nào bậc cao sang đại mỗ uy nghiêm, nào ả hầu non lượt là tình tứ, nào nhà sư lẩn tránh niệm Phật, nào cậu hề đồng chân xỏ guốc cao, nào cô tiểu thư xiêm y thon thả, nào ông thầy cúng diện lớp đạo bào ... nhiều đếm không hết. Tất cả lũ người đó đang bị bọn ngục tốt đầu trâu mặt ngựa hành hạ khổ sở, mê loạn tứ tán trong ngọn lửa, ngọn khói, giữa giòng nước xoáy như những chiếc lá rụng bị cơn lốc cuốn. Người đàn bà tóc kết giữa thanh cương đao, tay chân co dúm như con nhện xưa kia không phải là một mục đồng buồn thần bán thánh đó sao? Gã đàn ông mình treo ngược thân dơi, ngực bị ngọn giáo đâm xuyên thủng kia chẳng từng là tên quan lại ngồi chơi hưởng lộc là gì! Ngoài ra, những kẻ khác thì hoặc bị quật bằng roi sắt, hoặc bị nghiền nát dưới bàn đá nghìn cân, để cho quái điệu rủa, độc xà ngoạm. Hễ tội nhân phạm lỗi thế nào thì có cách ứng báo thế đó, nói sao cho cùng.

Dầu vậy, khủng khiếp nhất vẫn là cảnh chiếc xe ngựa do bò kéo rơi từ trên không thẳng xuống rừng gươm đao nhọn hoắc như nanh thú, lũng lảng từng xâu người bị lưỡi kiếm xuyên ngang. Trong chiếc xe ấy, nhìn qua bức rèm trúc đã bị gió lửa tạt đến bật tung, có một nữ quý nhân ăn mặc lụa là như công nương, đang khô héo ngoắc ngoải chờ chết, dòng suối tóc bị lửa tấp và chiếc cổ trắng ngần của nàng ưỡn ra đằng trước. Quang cảnh vị công nương hấp hối trong chiếc xe bò kéo là cao điểm tượng trưng cho mọi thống khổ trong cái hỏa ngục

này. Tất cả sự khủng khiếp của tấm bình phong rộng lớn như tụ lại ở một nhân vật chính. Họa sư đã vẽ tới mức nhập thần khiến cho những ai nhìn bức tranh đều có cảm tưởng nghe được tiếng gào khóc thê thảm xoáy vào tai họ.

Ôi chao, vì nó đấy, vì để vẽ bằng được tấm bình phong ấy, mà câu chuyện thảm khốc kia mới xảy ra, quý vị ơi ! Nhưng nếu nó không xảy ra, tài thánh Yoshihide cũng chẳng vẽ được sống động cảnh tượng trừng phạt và thống khổ cùng cực dưới đáy địa ngục đâu! Để hoàn thành bức tranh, hắn đã chấp nhận một cảnh ngộ còn thê thảm hơn cả chuyện mất đi mạng sống. Nói cách khác, chính vì muốn sao cho bức tranh địa ngục đạt đến mức thần diệu mà Yoshihide, đệ nhất họa sư của bản triều, đã tự tay mở cánh cửa địa ngục để rồi lao mình xuống đấy.

Có thể tôi quá sôi nổi vì bức bình phong quý giá ấy nên kể hơi nhanh hay đã đem đuôi câu chuyện đổi ra đằng đầu. Vậy bây giờ cho phép tôi vòng lại kể tiếp việc đức ông Horikawa đã ra lệnh cho Yoshihide ra sao và hắn đã vẽ bức bình phong ấy như thế nào nhé.

Bảy

Từ hôm nhận lệnh, Yoshihide không lên hầu trên phủ suốt năm sáu tháng liền, mỗi ngày cặm cụi vì bức họa trên bình phong. Yêu con đến thế mà khi đã bắt đầu vẽ thì có bảo là hắn chẳng thèm gặp mặt con gái nữa thật cũng không ngoa. Theo lời cậu đệ tử mà tôi nhắc đến hồi nãy đấy, hễ lao đầu công việc rồi thì hắn ta như bị ma chồn ám. Thiên hạ hay dè bỉu rằng Yoshihide mà thành công và có chút danh trong họa giới là vì hắn đã thể ước điều gì với hồ ly tiên để đánh đổi lấy phúc lộc. Chứng cứ là có kẻ kể rằng chỉ cần nấp vào một chỗ tối rình xem lúc gã vẽ tranh thì thế nào cũng thấy bóng không phải một con mà cả một đàn chồn tụ tập, trước mặt sau lưng, bên trái bên phải hắn. Chỉ cần được hỗ trợ thế thôi mà mỗi khi tay cầm cây cọ rồi là hắn có sức vẽ một lèo cho đến lúc hoàn tất bức tranh. Ngày đêm tự giam trong phòng kín, mắt ít

khi thấy được ánh mặt trời. Nhất là khi vẽ bức bình phong địa ngục, thì hẳn càng mê mải, quên bẵng mọi sự.

Nói rõ hơn, giữa ban ngày ban mặt Yoshihide cứ buông rèm kín mít, bắt lũ học trò mặc thử đủ loại áo xống từ áo dự hội đến áo mặc ngày thường, mang đủ loại trang sức, còn hẳn thì, bí mật pha màu và chăm chú ghi chép lại chi tiết của từng người dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì đã lấy gì làm lạ vì mỗi lần vẽ tranh hẳn đều có những thái độ lạ lùng chứ đâu riêng gì khi họa bức bình phong địa ngục. Ví dụ trong thời gian vẽ Năm Cảnh Luân Hồi ở chùa Ryugaiji, hẳn có lần thấy một xác chết nằm bên đường. Nếu là người bình thường thì họ đã nhìn thật nhanh qua chỗ khác, thế mà hẳn lại điềm nhiên ghé ngòì xuống, bắt đầu vẽ chi li từng chân lông cọng tóc trên mặt trên tay của cái thân đã bắt đầu rữa ra. Sự say mê đến thế của hẳn phải được gọi thế nào cho đúng nhỉ ? Chắc nhiều vị sẽ không trả lời được. Bây giờ tôi chưa có thời giờ giải bày tường tận đâu, trước hết, xin quý vị hãy nghe cho thủng câu chuyện đã.

Một tên đệ tử của Yoshihide (vẫn là anh chàng nhắc tới ban nãy) đang sửa soạn bột màu cho thầy thì bỗng dừng hẳn ta đến đứng một bên, bảo :

- Ta đi nghỉ trưa một chốc. Không biết sao dạo này chiêm bao toàn ác mộng.

Chính ra chuyện đó Yoshihide vẫn thường gặp nên tên đệ tử chẳng làm lạ, vẫn không dừng tay, cất tiếng :

- Thế ạ.

Nó chỉ trả lời cho đủ lễ nhưng khác mọi ngày, mặt Yoshihide ra chiều buồn bã, y hỏi tên đệ tử bằng một giọng điệu mà nó cảm thấy khó từ chối.:

- Vì thế, ta muốn nhờ người đến ngòì bên giường, canh giấc hộ ta cơ !

Tên đệ tử tự hỏi không biết sao lần nầy thầy nó lại có vẻ bút rứt vì những cơn ác mộng đến thế, nhưng cũng lễ phép thưa.

- Vâng, thầy để con canh cho.

Yoshihide vẫn chưa hết vẻ lo âu, chân chừ bảo :

- Thế thì mi vào bên trong này với ta. Nếu có đũa khác đến trong lúc ta đang ngủ, tuyệt đối cấm nó đến bên cạnh nhé.

Chỗ gọi là bên trong có gì khác hơn là gian phòng ngày cũng như đêm cửa bít kín, nơi Yoshihide ngồi vẽ hay băng quơ nhìn ngọn đèn dầu. Vòng quanh căn buồng là bức bình phong mới được thảo qua vài nét đơn sơ bằng hòn than. Tên đệ tử đến nơi đã thấy Yoshihide nằm đầu gối lên cánh tay, ra dáng đang thiếp đi vì quá mệt. Thế nhưng chỉ được một giờ sau, tên đệ tử ngồi canh giấc đầu giường bỗng nghe một chuỗi âm thanh rờn rợn vọng vào tai hắn.

Tám

Lúc đầu thực ra chỉ là một chuỗi tiếng động vô nghĩa nhưng lần hồi, tên đệ tử nghe ra đó là những câu nói mớ ngắt quãng của người đang ngộp nước, cố gắng học ra ằng ặc:

- Sao, bảo tôi xuống à? Đi đâu, xuống mãi đâu? Tận đáy địa ngục cơ à? Bảo tôi xuống hỏa ngục? Ai đó? Vị nào đang gọi tôi đó? Tưởng ai chớ hóa ra....

Tên đệ tử quên cả bột màu, hoảng hốt nhìn như muốn xuyên thấu ông thầy để dò xét tận bên trong khuôn mặt nhăn nhoe giờ đây đã đổi thành trắng bệch, đầm những hạt mồ hôi to, cũng như cái miệng còn sót mấy chiếc răng thưa thớt giữa đôi môi khô queo đang thở đứt đoạn. Thế rồi trong cái miệng đó có một vật gì lay qua lay lại như được ai cột vào một sợi tơ mà kéo. Thì ra cái lưỡi của ông thầy nó. Những âm thanh rời rạc đang phát ra từ phía cái lưỡi ấy.

- Hừ, té ra là người . Ta cũng đoán chỉ có thể là người thôi. Người bảo gì? Đến đón à? Cùng nhau xuống tận đáy địa ngục đi. Ta đi thôi!. Con gái ta đang chờ dưới ấy mà...

Lúc ấy tên đệ tử có cảm tưởng ghê rợn như có những bóng hình mờ ảo kỳ quái vụt lướt qua mắt nó rồi tan biến vào bức bình phong. Dĩ nhiên nó vội vàng nắm bàn tay Yoshihide lay lẩy lay để, đánh thức thầy cho bằng được nhưng ông ta vẫn

tiếp tục mê sảng một mình, không có vẻ gì sắp mở mắt ra. Hoảng quá, tên đệ tử mới bung chậu nước rửa cọ đang đặt ở bên cạnh, xối ào lên mặt thầy.

- Đợi người đẩy, lên xe nhanh đi ! Lên xe bò này mà xuống địa ngục với ta.

Câu nói phát ra giữa tiếng rên siết như đang bị tắt nghẽn trong cổ họng Yoshihide. Thế rồi hấn giật bắn như bị kim chích, bừng mở mắt, bật người dậy. Trong ánh mắt như vẫn còn đọng lại những cảnh tượng quái gở vừa thấy trong chiêm bao. Một hồi lâu sau, cặp mắt vẫn đầy kinh hãi, miệng há hốc, còn đôi mắt mở trừng trừng nhìn vào hư vô. Rốt cục, lại được thần hồn rồi, hấn mới lãnh đạm nói với tên đệ tử :

-Thôi, được rồi. Cho mi trở về chỗ cũ !

Tên đệ tử biết lúc này mà còn thêm tiếng một tiếng hai, chắc chắn không khỏi bị thầy mắng cho nên lật đật rút lui khỏi phòng. Ra đến bên ngoài nhìn được ánh nắng mặt trời, nó mới cảm thấy chính mình cũng vừa thoát khỏi cơn ác mộng.

Nếu chỉ có chừng đó chuyện thôi thì nói gì nhưng chưa đầy một tháng sau, Yoshihide lại cố tình gọi một tên đệ tử khác vào phòng vẽ. Đang ngồi trong bóng tối trước ngọn đèn dầu chập chờn, miệng cắn mũi bút họa, hấn thành linh quay sang ra lệnh cho tên đệ tử:

- Mi chịu phiền trần truồng ra cho ta xem !

Thông thường, mỗi khi sư phụ đã truyền điều chi, bọn chúng phải nghe theo răm rắp nên tên đệ tử bèn nhanh nhẹn cởi hết quần áo bày nguyên hình dạng cha sinh mẹ đẻ. Lúc đó, Yoshihide mới nhăn mặt nhìn nó một cách lạ lùng rồi bảo :

-Ta chưa hề được xem cảnh một người bị cột bằng xiềng sắt. Dù không thích, mi có vui lòng làm theo lời ta trong chốc lát hay không?

Giọng lười thì bảo vui lòng kia nọ nhưng thái độ của hấn trông thật lạnh lùng. Nguyên lai, tên đệ tử này không có tướng là dân cầm cọ vẽ mà là thứ gã con trai mạnh bạo sinh ra để cầm đao kiếm cơ, nhưng khi nghe thầy nói thế, nó cũng

hết hồn. Mãi sau này khi kể về câu chuyện trên, nó vẫn lặp đi lặp lại : Tôi cứ tưởng sư phụ nổi điên và thịt tôi đến nơi đấy chứ ! Thế nhưng lúc ấy Yoshihide thấy tên đệ tử ra dáng chần chừ là đã phát sốt. Không biết hắn kiếm đâu ra một sợi xích sắt mỏng, tay liền hoa nó lên rồi thoăn thoắt cuốn như bay quanh châu thân tên đệ tử. Thằng kia chưa kịp có thời giờ ừ hử gì cả thì đã bị xích kia siết hết hai cánh tay. Thế rồi Yoshihide lại hiểm ác rút thật chặt một đầu dây xích làm tên đệ tử đau thấu trời xanh, nó quỵ người ngã xuống mặt sàn đánh âm và lăn lộn mấy vòng.

Chín

Lúc đó có thể nói hình thù tên đệ tử giống như cái vò rượu ngã lăn lóc, mình mẩy tứ chi đều bị trói chèo queo thật tội nghiệp, có mỗi cái đầu còn ngo ngoe được thôi. Xem ra thì trên thân thể vạm vỡ của nó, máu trong huyết quản bị xiềng sắt ngưng tụ lại đã căng ứa trên làn da làm ửng đỏ cả người. Thế mà trước quang cảnh đó Yoshihide vẫn bình thản như không, hắn cứ lững thững đi vòng quanh cái "vò rượu" kia, nhìn chỗ này ngắm chỗ kia, sao chép hết bức này tới bức nọ. Trong khi ấy thì tên đệ tử bị trói nằm kia chịu đau đớn khổ sở như thế nào thì tôi không cần tả ra làm gì, quý vị cũng đã đoán được.

Nếu không có gì bất ngờ xảy ra hôm đó thì chắc tên đệ tử kia còn phải chịu cái cực hình này không biết đến bao giờ, nhưng may cho nó (hay bảo không may cho nó mới phải) là sự việc kéo dài được một chốc thì từ chỗ khuất cạnh cái bờ góc nhà có một vệt gì đen bóng như dầu loang chậm chậm chảy thẳng ra thành một đường dài. Lúc đầu thì trông vệt đó như dính chặt dưới nền nhưng lần hồi bỗng động đậy từ từ rồi bắt đầu trườn về phía trước. Khi thử chú mục nhìn cái thân hình lấp la lấp lánh tiến gần đến trước mặt mình, tên đệ tử mới la ó thiếu điều đứt hơi:

-Rắn, rắn ...

Lúc ấy có bảo tưởng chừng máu toàn thân tên đệ tử sắp sửa đông đặc cũng không quá đáng vì con rắn chỉ còn xiu xiu

nữa đã có thể thè cái đầu lưỡi lạnh buốt của nó chạm vào mảng thịt ở cổ tên đệ tử đang bị xiềng siết đến bắn máu. Chuyện không thể ngờ này chắc đã khiến cho con người ma giáo như Yoshihide cũng đâm ra hoảng hốt nên hắn vội vàng ném ngay mũi cọ, khom người chụp lấy đuôi rắn, thông đầu cho nó đong đưa. Rắn cố vẫy vẹo cả người để ngóc lên cho bằng được nhưng đầu nó không tài nào chạm nổi cổ tay gã thợ vẽ.

-Con rắn khôn nạn, ông vẽ đang ngon .

Hắn lằm thằm nguyên rửa, thả lọt con rắn vào trong cái bồ góc phòng rồi cẩu kính tháo vòng xiềng đang thắt chung quanh người tên đệ tử. Hắn chỉ làm mỗi việc tháo xiềng chứ nhất nhất không có lấy một lời dịu ngọt an ủi. Như thế hắn cẩu kính không phải vì suýt nữa con rắn ngoạm cổ tên học trò mà chỉ vì nó làm hỏng một nét họa mà thôi. Sau này nghe kể mới biết ra con rắn ấy cũng được Yoshihide cố ý nuôi để dùng làm mẫu vẽ.

Qua mấy chuyện như thế quý vị đã hình dung được Yoshihide điên khùng và tệ bạc đến chừng nào. Để kết thúc, tôi xin kể thêm chuyện một tên đệ tử khác tuổi vừa mười ba mười bốn đã thiếu điều mất mạng trong khoảng thời gian bức tranh địa ngục đang thành hình. Tên đệ tử này là một cậu trai bẩm sinh có nước da trắng trẻo như con gái. Một đêm, không hiểu có gì, cậu ta được gọi vào phòng thầy. Lúc đó, Yoshihide ngồi dưới ánh đèn, đang chăm chút đút cho một con chim quái dị ăn mấy mẩu thịt sống để trong lòng bàn tay mình. Con chim ấy phải to đến cỡ một con mèo nuôi trong nhà, lông vũ chia ra hai bên như những cái lỗ tai, cặp mắt tròn to màu hổ phách, tóm lại, mới nhìn qua cứ ngỡ là ông miêu nào đó.

Mười

Nguyên lai, Yoshihide chúa ghét những ai chõ mõm vào chuyện của lão, thành thử trong xưởng vẽ cất giấu gì, cả con rắn vừa kể, hắn không hề hé môi cho lũ đệ tử biết. Do đó, có lúc trên bàn trong phòng hắn, những vật quái lạ như đầu lâu, bình bạc, mâm sơn ...được trần thiết, tùy theo cảnh trí cần

cho bức vẽ. Không ai hiểu ngày thường Yoshihide chôn giấu những của lạ ấy ở đâu. Cho nên lời đồn đại về việc hắn được Thần Tài hỗ trợ chắc phải bắt nguồn từ những chi tiết đó thôi.

Tên đệ tử trẻ lúc ấy nghĩ thầm con chim quái dị kia cũng chỉ là một vật làm mẫu để vẽ bức bình phong nên mới thẳng thớm đến cúi xuống trước mặt thầy, kính cẩn :

- Thưa thầy gọi con có việc gì ạ ?

Yoshihide coi bộ không chú ý đến câu hỏi của nó, thè lưỡi liếm quanh cặp môi đỏ, hát hàm về hướng con chim, hỏi :

- Sao, mi thấy nó thuần chưa nào ?

- Thưa thầy, chim này là giống gì mà con chưa được biết bao giờ !

Đệ tử vừa hỏi vừa ngấm nhìn con chim hình thù giống mèo với cặp tai trông đến khiếp. Yoshihide vẫn giữ vẻ trào lộng cố hữu:

- Cái gì ? Mi chưa thấy giống chim này bao giờ à ? Dân đô thị như bọn bay chán thật. Con vật này là giống cú có sừng mà lão thợ săn ở Kurama mới đem biểu ta mấy hôm trước. Có một con thuần tính thế này hiếm lắm đấy !

Vừa nói xong, nhằm lúc con cú vừa nuốt sạch mồi, y mới đưa tay lên nhẹ nhàng vuốt ngược tấm lưng nó từ dưới lên trên. Mới thế thôi thì trong nháy mắt, con vật đã vùng bay lên bàn, cất lên một tiếng kêu nhọn sắc, hai chân giương móng vuốt, nhắm đầu tên đệ tử lao tới. Nếu lúc đó tên đệ tử không vội vàng đưa ống tay áo lên che mặt thì đã ăn hai ba vết mổ rồi cũng nên. Nó la ơi ơi, vung tay chực đuổi quái diệu thì con cú có sừng lại kêu the thé, chìa mỏ cốc thẳng đầu thẳng bé. Thằng bé quên cả việc nó đang đứng trước mặt thầy, hết đứng lại ngồi, chống đỡ không ngừng, luống ca luống cuống chạy trong cái phòng vẽ chật chội tìm cách thoát thân. Con cú cũng không chịu rời một tấc, lúc bay lên cao lúc sà xuống thấp, hễ thấy kẻ hở là châu đầu xuống nhắm ngay con người thẳng bé. Mỗi lần như vậy, cánh nó đập phần phật, bắn ra hơi ẩm nặng mùi lá mục hay quả nhũn tanh tưởi chịu không thấu.

Đối với thằng bé lúc ấy thì thú thật, ngọn đèn dầu leo lét bên cạnh chả khác gì vầng trăng lu lạnh lẽo và căn buồng vẽ của ông thầy nó là hang động đầy yêu khí một nơi thâm sơn cùng cốc nào đâu.

Tuy nhiên cái nó sợ nhất không phải việc bị con cú tấn công. Điều làm nó rợn tóc gáy là thái độ của ông thầy Yoshihide, nãy giờ vẫn lạnh lùng ngắm nghía quang cảnh, từ tốn nhấm ngọn bút và ghi chép lên một cuộn giấy cảnh tượng ghê khiếp khi đứa học trò ẻo lả như con gái đang bị quái điều tấn công không thương tiếc. Thoáng liếc thấy thế, một nỗi sợ hãi xâm chiếm lấy thằng bé và đương sự hiểu ngay là ông thầy này có khi sẵn sàng thí cả mạng nó nữa.

Mười Một

Tình thực chuyện thầy thí mạng trò không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Xem chuyện kê đệ tử đến đêm hôm đó rồi lập mưu kích thích con cú để vẽ được cảnh nó chạy cuống cuồng lúc bị cú tấn công thì rõ. Thừa vì lẽ đó mà tên đệ tử khi nhanh mắt thấy bộ dạng ông thầy, bất giác lấy hai ống tay áo che đầu, bỗng sau một tiếng thét hoảng hốt, nó té khụy phía cánh cửa kéo ở góc phòng. Vừa lúc ấy, Yoshihide cũng cất tiếng la lối rồi dợm đứng lên. Đã thấy tiếng đập cánh của con cú càng lúc càng dữ dội cùng với tiếng đồ vật đổ vỡ loảng xoảng. Tên đệ tử mất cả thần hồn, bỏ cả tay che đầu, ngẩng xem có gì. Căn phòng lúc đó tối mịt, chỉ nghe tiếng gã họa sư đang bực dọc réo gọi bọn đệ tử.

Rốt cục, từ xa một đứa lên tiếng đáp lại, rồi tất tả cầm đuốc đến nơi. Dưới ánh sáng của ngọn lửa khói cay xè, nó thấy cây đèn trong phòng đã ngã lăn kềnh và ở chỗ dầu loang ra cả mặt sàn lẫn mặt chiếu, con cú hồi nãy đang nằm lẫn lộn, cố nhấc một bên cánh lên và cất tiếng kêu ra chiều đau đớn. Riêng Yoshihide vẫn ở trong tư thế nửa đứng nửa ngồi, mặt ra dáng kinh ngạc còn mồm lẩm bẩm những gì không rõ. Thật ra chẳng có gì lạ cả: một con rắn đen thui đã cuộn người quanh con cú, từ đầu đến một bên cánh, và tiếp tục siết chặt. Có lẽ lúc tên học trò chạy vội và té khụy ở góc này đã lật đổ cái

chum và khi cú kia khinh suất định chụp mổ con rắn đang từ trong chum bò ra là lúc cuộc thư hùng bắt đầu. Hai tên đệ tử đưa mắt nhìn nhau rồi trong khoảnh khắc, chỉ biết trơ mắt nhìn cuộc chiến đấu đang xảy ra, xong lặng lẽ cúi đầu chào thầy và kín đáo bước ra khỏi phòng. Chẳng ai biết số phận của con cú và con rắn ra sao nữa.

Chuyện tương tự những gì vừa kể nhiều vô số. Như tôi đã thưa trước, kể từ đầu thu là lúc có lệnh vẽ bức bình phong địa ngục cho đến mùa đông, lũ đệ tử của Yoshihide luôn luôn bị sư phụ tạo ra mọi chuyện phiền hà vì thái độ quái gở của hắn ta. Thế nhưng đến cuối mùa đông thì có cái gì không ổn trong kế hoạch vẽ bức bình phong của Yoshihide. Mặt mày hắn ngày càng bụ xụ, lời ăn tiếng nói cũng gắt gỏng hơn. Bức họa vẽ thử đã xong đến tám phần mười mà cứ bị bày trơ ra đấy, không tiến thêm được bước nào. Nhìn cảnh tượng đó có thể đoán được là Yoshihide sẵn sàng xoá sạch những gì đã cất công vẽ cho đến lúc ấy.

Dẫu vậy, chẳng ai hiểu và chẳng ai dám đặt câu hỏi xem cái gì đã làm họa sư kẹt cứng. Bọn đệ tử trước đây mấy lần đã cạch ông thầy, có cảm tưởng như chúng đang bị nhốt chung một chuồng với hổ lang, đều giữ ý giữ tứ không dám đến gần sư phụ.

Mười Hai

Chính vì thế mà tôi không thấy gì xảy ra vào thời điểm đó để kể chuyện làm quà cho quý vị. Có lẽ chẳng chỉ là việc cái lão già ngang bướng kia bỗng trở nên mau nước mắt, nhiều lúc ra chỗ khuất ngồi khóc một mình. Đặc biệt có hôm có tên đệ tử không biết nhân việc gì phải đi ngang vườn nhà trên, bắt gặp ông thầy của nó đang đứng bên hành lang ngược mắt nhìn lên khung trời sắp vào xuân mà đôi mắt như mờ lệ. Tên đệ tử thấy thế chột cả thẹn như thể nó đang dòm trộm ai, lẳng lẳng trở gót rút lui, nhưng bao nhiêu đó đã đủ cho ta thấy gã đàn ông ngạo mạn khi muốn vẽ cảnh năm cõ luân hồi của chúng sinh dám lấy cả thầy chết bên vệ đường làm mẫu kia lại có thể ức lòng vì không thực hiện được bức bình phong

mà đâm ra khóc lóc như trẻ con. Nếu quý vị không cho là quái gở thì tôi xin thua.

Thế nhưng, suốt thời gian vẽ bức bình phong, khi Yoshihide thiếu điều say mê đến mức có thể coi như khùng tới nơi thì cô con gái lão ta càng ngày càng chìm đắm trong u ám đến nỗi khi nhìn dung mạo tiêu tụy của cô, bọn tôi không ghìm được nước mắt. Huống chi cô ta xưa giờ da dẻ vẫn trắng muốt, dáng điệu u buồn, khép nép, nên từ độ riềm mi trĩu xuống, quầng mắt thâm hơn, dáng cô đã buồn lại nã nùng thêm. Ban đầu còn tưởng cô vì lo lắng cho cha già hay hờn duyên tử phận chi chi. Chúng tôi phỏng đoán hết nguyên nhân này tới nguyên nhân nọ, giữa chừng mới nghe người ta đồn cô buồn là tại đức ông đang buộc cô chịu theo ý ngài đấy thôi. Nhưng chỉ ít lâu, bỗng nhiên thấy thiên hạ như quên bằng những lời đàm tiếu đó.

Có lẽ nhằm khoảng đó thì phải, một đêm, trời vừa rạng sáng, lúc tôi đang một mình đi dọc hành lang trong phủ thì cái con khỉ nhỏ mang tên Yoshihide ở đâu bỗng bất đồ chạy tới, níu cứng vạt hakama trên quần của tôi giật lấy giật để. Tôi còn nhớ đêm đó trời ấm lấm, trong vườn thoảng hương mơ, vắng trắng tỏa ánh sáng bàng bạc. Dưới ánh trăng, tôi để ý thấy con khỉ chìa hàm răng trắng bóc, mũi xấp nếp nhăn nhăn, kêu eng éc toán loạn như đang bực bội vì điều gì. Tôi khó chịu thái độ quái gở của con vật thì ít mà hậm hực vì tấm hakama mới toanh bị giật nát thì nhiều, mới đầu định quơ chân đá nó qua một bên rồi cứ thế đi tiếp. Bỗng tôi chợt nhớ ra chuyện anh chàng vũ sĩ vì muốn trừng phạt con khỉ mà bị công tử quở trách. Lại thêm dáng điệu của con khỉ như có cái gì khác thường làm tôi rất cực buộc phải chạy theo hướng con khỉ kéo, dọc theo năm sáu gian buồng (15) .

Vòng khỏi khúc quanh của hành lang, dù trong bóng đêm tôi cũng nhận ra được màu nước sáng nhàn nhạt của hồ nước trải rộng đằng sau mấy thân cây tùng xinh xắn. Chính vào lúc đó, tai tôi bỗng bắt được tiếng người đang giằng co gì nhau ở một gian phòng bên cạnh, và tiếng động đó coi bộ kịch liệt

nhưng thì thầm thì thụt. Ngoài ra chung quanh hoàn toàn im vắng, ngoài tiếng cá nhảy làm nước động, dưới ánh sáng trắng bạc của màu trắng pha sương, không lấy có một tiếng người. Đến cạnh chỗ xuất phát tiếng động, tôi bất chợt dừng bước, tiến lại gần cánh cửa kéo, nín hơi để chờ xem có kẻ bất lương nào ló đầu ra chẳng.

Mười Ba

Hình như con khỉ Yoshihide thấy tôi cứ e dè, đâm ra bực bội, chạy líu qua líu quíu hai ba vòng dưới chân, mồm phát ra tiếng kêu lí nhí như bị ai bóp họng, rồi thoát cái co hai chân phóng lên chộp lấy vai tôi. Tôi chỉ biết phản ứng bằng cách quay cổ về hướng khác để khỏi bị móng nó cào cho. Con khỉ bèn cắn lấy ông tay áo khoác suikan của tôi để thân mình khỏi bị tuột xuống nhưng lại làm tôi mất đà loạng choạng thụt lùi hai ba bước, cả người va vào cánh cửa kéo. Đến nước này thì hết còn chần chờ được nữa nên tôi mới kéo xoạc tấm cửa ra, dợm nhảy vào phía bên trong chỗ ánh trăng không chiếu tới xem sao thì cùng lúc có vật gì bỗng ngáng tầm mắt. Nhưng không, đấy chỉ là một người đàn bà từ căn phòng ấy chạy vụt ra, làm giật bắn cả mình. Người ấy thiếu điều đâm sầm vào tôi và nhân cái trớn đó, tới được bên ngoài thì ngã ra sàn, đầu gối quỵ xuống và hơi thở đứt đoạn, run rẩy dương mắt nhìn về phía tôi mà như thể còn đang nhìn một vật gì khiếp đảm.

Không cần phải nói quý vị cũng đủ hiểu người đàn bà ấy là cô gái con anh thợ vẽ Yoshihide. Nhưng có cái là đêm hôm đó cô chẳng còn là cô gái của mọi ngày, đôi mắt to của cô chiếu vào mắt tôi một cái nhìn cứ ánh lên lấp la lấp lánh, gò má đỏ bừng bừng như hực sốt. Tấm hakama trên đùi cũng như cái uchigi lụa choàng người đã lệch lạc, không còn đâu nét thơ ngây mọi ngày mà thay vào đó là một vẻ gợi tình. Làm tôi đâm ra tự hỏi con người trước mặt kia có phải cô con gái thường ngày mảnh khảnh khép nép của Yoshihide hay không nữa. Tôi bèn đứng tựa lưng vào tấm cửa ngắm người con gái yêu kiều kia dưới ánh trăng, vừa đưa tay chỉ về hướng có tiếng chân

của ai đó đang chạy vội vã xa dần và đưa mắt lặng lẽ nhìn cô thầm hỏi cô xem đó là ai..

Cô gái chỉ cắn môi, im lặng lắc đầu. Cứ xem thế thì thấy cô hãy còn cay đắng vì việc mới xảy ra.

Tôi mới khom người xuống, miệng sát vào tai cô gái, thì thào hỏi "Ai đấy?". Thế nhưng cô ta cứ quây quậy lắc đầu, chẳng chịu trả lời. Không những thế, lúc đó, những giọt lệ từ riềm mi dài như chực trào ra khoé mắt và cô càng cắn chặt môi hơn. Đáng tiếc là với đũa cha sinh mẹ đẻ tính khí dần dần như tôi thì ngoài những gì được thấy tận mắt, tôi không biết phỏng đoán ngọn ngành chi cả. Thấy thế, thưa quý vị, tôi chả dám hỏi cô ấy thêm câu nào mà chỉ biết đứng như trời trồng một lúc lâu như để lắng nghe từng nhịp trái tim nháy thành thịch trong lồng ngực của cô gái, một phần cũng vì thầm nghĩ mình có thể làm điều đại dột nếu còn muốn tìm hiểu xa hơn.

Không nhớ rõ tôi đã đứng như thế được bao lâu, mãi sau mới từ từ khép cánh cửa kéo và chỉ biết ngoái lại cổ nhỏ nhẹ từ tốn nói được một câu: "Cô về phòng đi thôi!" với người con gái hình như lúc ấy đã qua cơn xúc động. Riêng phần tôi lại áy náy vì có cảm tưởng mình đã thấy một điều gì không nên. Hơi mắc cỡ, bèn quay người đi trở lại hướng cũ. Thế nhưng vừa được mười bước thì chợt có ai từ đằng sau e sợ nắm vạt áo tôi giật giật kéo lại. Tôi giật mình quay lại, xem có chuyện gì.

Chỉ thấy dưới chân mình con khỉ nhỏ Yoshihide hai tay phục xuống như người ta, cái lục lạc bằng vàng kêu lanh canh, đang kính cẩn gục đầu lên gục đầu xuống.

Mười Bốn

Sự việc sau đây xảy ra khoảng chừng nửa tháng sau vụ náo loạn. Một hôm, Họa sư Yoshihide đột nhiên đến phủ và xin đức ông cho phép hẳn gặp trực tiếp. Lão họa sư chỉ là hạng bần dân nhưng thường ngày vẫn được đức ông đặc biệt chiếu cố nên mới dám thế. Bình thường để gì ngài cho ai gặp nhưng hôm đó ngài nhận lời tiếp hẳn một cách dễ dàng và cho gọi hẳn đến ngay. Yoshihide mặc cái áo màu nâu nhạt và đội chiếc mũ đen quen thuộc nhưng vẻ mặt lại nhăn nhó, khó ở hơn

mọi ngày. Cúi rạp trước mặt đức ông, hấn cất giọng khàn khàn thưa:

- Bẩm bực bình phong cảnh địa ngục mà bề trên hạ lệnh vẽ, thần ra sức cầm bút đêm ngày nên nay mai sắp hoàn thành rồi ạ.

- Thế thì mừng cho mi. Ta cũng đẹp lòng.

Ngoài miệng dạy như thế nhưng giọng của đức ông ỉu xìu, như không lấy gì thiết tha cho lắm.

- Thưa thần chưa làm gì đáng để bề trên khen thưởng như vậy.

Yoshihide có vẻ hơi giận dữ nhưng vẫn phủ phục nói tiếp :

- Bức tranh hầu như xong rồi nhưng còn có chỗ thần không sao vẽ được.

- Mi nói gì ? Có chỗ mi vẽ không được à ?

- Thưa vâng. Bình sinh cái gì thần chưa thấy tận mắt thì thần không thể vẽ ra. Nếu gượng mà vẽ lại không thỏa mãn. Cho nên thần coi như là vẽ không được vậy.

Nghe đến đây, gương mặt đức ông bỗng phẳng phất một nụ cười chế nhạo :

- Mi muốn nói là muốn vẽ bức bình phong địa ngục thì mi phải thấy được cảnh địa ngục trước đã à ?

- Thưa đúng thế thật. Năm ngoái gặp lúc có trận hỏa tai thật lớn, thần đã chứng kiến tận mắt một biển lửa nóng rực chẳng khác lửa hỏa ngục. Nhờ cái duyên thấy cảnh lửa đỏ cuộn cuộn đó mà sau này thần mới sáng tác được bức " Bất Động Minh Vương Quán Lửa ". Chắc bề trên cũng biết đến bức họa đó của tiểu thần.

- Vẽ lũ tội nhân được không hả ? Mi chưa chứng kiến công việc bọn ngục tốt dưới địa ngục bao giờ mà!

Đức ông như hoàn toàn không thèm để ý đến lời phân trần Yoshihide, ngài đang hỏi câu này lại nhảy qua câu kia.

- Mắt thần đã có dịp nhìn cảnh kẻ bị niềng bằng xiềng sắt, cũng từng vẽ được cảnh người chạy trốn khi bị quái điểu đuổi

theo mổ thực sự chứ thần đâu dám thừa là chưa biết cảnh khổ của lũ tội nhân bị tra khảo. Hơn nữa, ngục tốt thì...

Yoshihide miệng nở một nụ cười gượng gạo, nói :

- Còn ngục tốt thì đã hiện ra rõ ràng trong những giấc mộng của thần rồi. Đứa đầu trâu, đứa mặt ngựa, có lúc chúng nó mang dạng quỷ ba đầu sáu tay, miệng nói không ra âm, tay đập không thành tiếng, đối xử hết sức tàn bạo với kẻ tiểu thần bất kể ngày đêm....Cái mà thần không tài nào vẽ nổi không phải là cảnh đó đâu ạ.

Nghe thế, đến đức ông cũng không khỏi ngạc nhiên. Ngài nhìn trừng trừng mặt Yoshihide một lúc lâu, có vẻ bồn chồn muốn tìm hiểu. Mãi sau mới nhíu mày và ngạo nghễ buông một câu gọn lỏn :

- Vẽ cái gì mà không được đâu, nói nghe coi !

Mười Lăm

- Cái tiểu thần muốn vẽ cho được ở ngay giữa bức bình phong là cảnh chiếc xe ngựa từ trên không rơi xuống đấy ạ .

Yoshihide nói và lần đầu tiên y dám ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt đức ông. Tôi nghe người ta bảo khi đụng đến chuyện hội họa rồi là anh ta hóa ra ngông cuồng luôn nhưng quả là cái nhìn của hắn lúc đó trông đáng sợ thật.

- Thừa, trong chiếc xe đó phải có một vị công nương cực kỳ diễm lệ, mái tóc sổ tung, khô héo khắc khoải giữa ngọn lửa hung bạo. Khuôn mặt nàng phải ngọt ngào vì khói, đôi mày nhíu lại, đầu rướn lên về phía vòm nóc xe. Tay của nàng phải kéo ghệt lấy rèm cửa muốn che không cho những đốm lửa đang bắn tung như mưa bắc từ trên không xuống. Thế rồi chung quanh nàng phải có khoảng mười, mười hai con ác điểu châu mỏ kêu inh ỏi và bay liệng loạn xạ. Xin thưa hình ảnh vị công nương diễm lệ trong chiếc xe ngựa kia chính là cái mà tiểu thần không tài nào vẽ cho được!

- Thế...mi tính sao đây?

Không hiểu cứ gì đức ông xem ra có vẻ hài lòng một cách kỳ lạ, ngài làm như thúc giục Yoshihide nói thêm. Cặp môi đỏ

chót như người lên cơn sốt của lão họa sư run lấy bẫy. Y nói mà cứ tưởng mình đang ở giữa cơn mộng dữ :

- Đó là cái mà thần không tài nào vẽ nổi.

Y lập lại câu khi nãy lần nữa rồi cắn chặt hàm răng, mạnh dạn tiếp lời:

- Xin bề trên làm ơn cho thấy được cảnh châm lửa đốt một chiếc xe ngựa trước mặt thần. Ngoài ra, nếu có thể thì.....

Đức ông sa sầm nét mặt trong giây lát, xong bỗng ngài bật tiếng cười sằng sặc. Từ từ cố nén cười cho khỏi đứt hơi, ngài mới phán:

- Được rồi, ta sẽ ra lệnh cho chúng làm đúng ý người. Không cần lo có thể hay không thể cho mất công.

Khi tôi nghe đức ông thốt ra câu đó, không hiểu vì có linh tính hay sao mà thấy hơi rờn rợn. Dung nghi ngài lúc đó thật dị thường, miệng thì sùi cả bọt mép, còn cặp mày cứ nhăn đi nhú lại như sắp phát ra chớp nháng. Có lẽ ngài đã tiêm nhiễm cái khùng điên của Yoshihide nhưng chưa đến nỗi điên như hắn đó thôi. Nói hết câu ngài mới ngừng lại giây lát rồi bỗng dung tiếng cười ằng ặc trong cổ họng tuôn ra như thác, không cách gì ngăn lại được:

- Ta sẽ cho đốt một chiếc xe ngựa như người muốn. Ta lại sẽ ra lệnh đưa lên xe đó một đứa con gái thật diễm lệ ăn bận kiểu nhà đài các. Khói lửa sẽ liếm tấp mặt nó, con đàn bà đó sẽ khắc khoải đau khổ chờ chết. Muốn vẽ cho bằng được cái cảnh tượng đó thì mi đáng là đệ nhất họa sư trong thiên hạ. Ta khen cho mi đấy, a ha, ta khen cho mi.

Mới nghe đức ông nói như thế, mặt Yoshihide bỗng tái mét, hơi thở hỗn hển, đôi môi hãy lập bập nhưng gân cốt toàn thân thì đã nhũn ra cả. Hai tay dán bệt xuống mặt chiếu, hắn mới lí nhí trong miệng mấy câu cảm ơn:

- Tiểu thần vô cùng cảm kích. Muôn đội ơn bề trên.

Có lẽ câu nói của đức ông đã làm loé ra trong đầu hắn từng chi tiết sống động quang cảnh ghê rợn của chương trình

mà hẳn ta dự tưởng. Đây là lần duy nhất trong đời mà dưới mắt tôi, Yoshihide chỉ là một kẻ đáng thương thôi.

Mười Sáu

Được hai ba hôm, một đêm sau lần đức ông cho Yoshihide hầu, ngài mới gọi hẳn vào cho nhìn tận mắt quang cảnh một chiếc xe ngựa bị đốt. Nhưng cảnh đốt xe đó không diễn ra ngay giữa phủ Horikawa mà ở cái dinh tên gọi Yukige, một sơn trang nơi ngày xưa lệnh bà em gái của ngài có lần cư ngụ.

Xin thưa cái dinh Yukige này đã lâu không ai ở, vườn tược mênh mông để tiêu điều hoang phế. Riêng về số phận của em gái đức ông, vẫn theo lời đồn của thiên hạ, có những mẩu chuyện chẳng hạn cứ vào đêm không trăng, bà ta hãy còn kéo lếch gấu cái hakama đỏ tươi, chân không chấm đất, đi dọc suốt hành lang. Những giai thoại đó có thể phát xuất từ trí tưởng tượng của những kẻ có dịp đi ngang qua chỗ không có hơi người này thôi nhưng không hẳn hoàn toàn phi lý vì giữa ban ngày ban mặt mà không khí ở khu dinh cơ này hết sức u tịch. Cứ đến lúc mặt trời khuất núi, tiếng nước lòng khe róc rách trong bờ bụi và cảnh mây cánh vạc bay dưới ánh trăng như mang điềm gở làm người ta đủ rợn người.

Đêm đó lại đúng hôm không trăng. Trời tối như mực nhưng dưới ánh đèn dầu, đã thấy đức ông mặc cái áo ngắn màu xanh non, cái quần dài tím sẫm thêu hoa văn nổi, đang chễm chệ ngồi xếp bằng trên tấm bồ đoàn tết bằng rơm viển gấm trắng bên hành lang. Chung quanh ngài là năm sáu tả hữu hầu cận, không cần phải nói cũng biết họ sắp thành hàng ngũ rất cung kính. Đặc biệt trong đám có một người cặp mắt trông dị thường, đó là một vũ sĩ mấy năm trước trong khi viển chinh ở Michinoku, có lần đói phải ăn thịt người qua bữa. Từ dạo đó, hẳn trở nên mạnh mẽ đến độ tay không có sức bẻ nổi sừng hươu sống. Mình mang áo giáp, hẳn đứng nghiêm trang bên hành lang, lưỡi đại đao đeo vênh lên như đuôi én lộ ra ngoài thắt lưng. Dưới ánh đèn chập chờn trong gió đêm, lúc lóe lên lúc chực tắt, không hiểu sao nhìn đi nhìn lại những con

người đó, tôi thấy ghê ghê, không biết mình đang sống trong mộng hay đứng trước cảnh thực.

Hơn thế nữa, một chiếc xe ngựa đã được kéo ra đặt giữa viên đình. Về uy nghi của cỗ xe như át cả bóng đêm, hai càng xe vì không bắt vào bò nên đặt nghiêng nghiêng lên trên một cái bậc. Nhìn những chỗ dát vàng trên thành xe trông như sao sa, chiếu lấp lánh, ngay giữa đêm xuân mà cảm thấy ớn lạnh, nhất là vì bức rèm xanh có viền hàng thêu nổi phong kín không cho thấy bên trong xe có những gì. Chung quanh, một bọn tráng đinh tay cầm đuốc cháy, cẩn thận tránh không để khói dạt về phía hàng hiên nơi đức ông ngựa, cung kính đứng chờ lệnh.

Chỗ của Yoshihide hơi cách đó một chút. Hấn quì gối, mặt hướng về hàng hiên, hình như vẫn bộ áo màu nâu non và cái mũ quạ mềm, như bị đè bẹp bởi bầu trời đầy sao, thu mình lại dúm dỏ nom còn nhỏ bé hơn ngày thường. Sau lưng hấn lại có thêm một người cũng đội mũ áo y như thế, có lẽ là tên đệ tử tùy tùng. Hai người ấy đang quì cách xa trong bóng tối lờ mờ thành thử từ dưới hàng hiên là chỗ tôi mà nhìn thì thật tình cũng không sao chắc chắn về màu áo.

Mười Bảy

Lúc đó trời cũng đã về khuya. Bóng tối phủ đen kịt núi rừng như đang nghe ngóng từng nhịp tim tiếng thở của những người có mặt. Chỉ có tiếng gió đêm thốc qua và mỗi lần như thế, mùi khói và muội đuốc lại bay tới. Đức ông ngồi một đỗi không nói gì, ngài chỉ lặng ngắm khung cảnh khác thường này, rớt cục mới lếch gối tới một chút, cao giọng gọi:

-Yoshihide!

Hình như Yoshihide có trả lời ngài sao đó nhưng lỗ tai tôi chỉ nghe tựa hồ một tiếng rên rĩ.

-Yoshihide! Đêm nay mi được toại nguyện đấy nhé. Ta sẽ cho đốt chiếc xe ngựa để mi xem.

Nói xong câu, đức ông mới liếc mắt nhìn lũ hầu cận. Lúc đó, tôi có cảm tưởng đức ông và chúng nó đang mỉm cười với

nhau một cách khó hiểu. Có lẽ tại tôi tưởng tượng ra thế không chừng. Nghe đức ông bảo, Yoshihide sợ hãi ngẩng đầu lên nhìn lên về phía hàng hiên nhưng không nói năng gì cả.

-Xem kìa. Đây là chiếc xe ta vẫn đi mỗi ngày. Chắc mi thừa biết. Bây giờ ta sẽ ra lệnh đốt xe để dựng mẫu phong cảnh hỏa ngục cho mi.

Đức ông mới dừng nói, đưa mắt ra hiệu cho tên hầu cận rồi mới làm bộ thương cảm:

-Trong chiếc xe này, ta cho trói một con thị tỳ phạm lỗi đặt nguyên vào đấy. Nếu châm lửa đốt xe thì nhất định thịt nát xương tan; con đàn bà đó sẽ chịu muôn vàn đau đớn, khắc khoải chờ chết. Người họa được bức bình phong với cảnh tượng như thế thì tác phẩm của người đứng là có một không hai đấy. Đừng bỏ sót chi tiết lúc thịt trắng da ngà cháy khét trong lửa nhé! Hãy nhìn cho mãn nhãn cảnh lợn tóc đen sỗ tung bị lửa tấp ra tro đi nghe!

Lần thứ ba, đức ông lại ngưng giọng. Tôi không hiểu ngài đang nghĩ gì, chỉ thấy ngài cười không thành tiếng đến rung cả đôi vai, rồi phán:

-Quang cảnh này muôn đời sau cũng không có đấy. Ta cũng xin làm quan khách. Bay đâu, vén rèm lên cho Yoshihide xem cho biết mặt con đàn bà trong xe đi!

Nghe lệnh, một tên tráng đinh một tay nâng cao ngọn đuốc thông, xông xáo đến gần cỗ xe, vươn cánh kia tay ra, kéo bức rèm cửa lên cái một. Ngọn đuốc đang cháy phừng phực kêu răng rặc, ánh sáng đỏ loá loá của nó thoát chốc đã rọi sáng rõ khoảng không gian hẹp. Cảnh tượng thật thảm khốc: trên sàn, một thị nữ bị xiềng chặt, mà trời ơi, làm sao tôi trông nhầm cho được? Sau tấm kimono điểm lệ thêu hoa anh đào là dòng suối tóc đen mượt buông mềm xuống bờ vai, một cành thoa vàng xinh xắn cài lấp lánh. Nhìn cái thân hình mảnh mai, mồm bị bịt chặt để khỏi kêu la, nét u buồn dịu hiền của khuôn mặt, tôi nhận ra ngay người thị nữ ấy không ai khác hơn cô con gái Yoshihide. Suýt nữa tôi đã hét lên vì thảng thốt.

Thưa chính vào lúc đó đấy ạ, tên vũ sĩ mạnh bạo đối diện với tôi bỗng đứng phắt lên, một tay ghì cán đao, mắt trừng trừng nhìn về hướng Yoshihide. Tôi kinh hãi ngó theo mới thấy lão họa sư vừa chứng kiến cảnh tượng trên đã gần hóa rồ. Tự nãy giờ vẫn quì bên dưới thế mà đã hẫng đã bật dậy chực bay ra. Hai tay hẫng vươn ra phía trước như sắp sửa chạy ừa về hướng cái xe trong cơn mê dại. Có điều đáng tiếc là, như đã thưa, chỗ tôi đứng lại quá xa nên không rõ tướng mạo hẫng ta lúc ấy. Tuy nhiên mới vừa nghĩ như thế xong thì đã cảm thấy gương mặt trắng bệch của Yoshihide, không, cả hình dáng của lão ta nữa, đang như có một sức lực vô hình gì nào đó thoát kéo khỏi màn đêm và mang ra treo giữa không gian, bày lồ lộ trước mắt tôi. Cùng lúc ấy có tiếng đức ông ra lệnh "Châm lửa cho ta!" và bọn tráng đinh ném vào xe hết ngọn đuốc thông nầy đến ngọn khác. Chiếc xe ngự bèn lửa bùng lên.

Mười Tám

Chỉ trong nháy mắt, ngọn lửa đã bao trùm cả cỗ xe. Mấy tụi giây màu tím kết trên hiên xe bị quạt bay tung lên, từ phía dưới khói trắng cuộn cuộn hiện rõ trong đêm đen. Hết rèm trúc rồi hai bên thành cửa cho đến đến kim loại dát trên mũi như thể vỡ tung một loạt và bay ra thành một trận mưa lửa cuồng loạn giữa tầng không, cảnh tượng thảm khốc đến nghẹn lời. Thế rồi những lưỡi lửa giận dữ liếm tấp khung xe, bốc lên tận trời cao, đỏ rực như vàng dương đang sa xuống đất, bảo là lửa lò trời trào ra cũng không quá đáng. Lúc nầy tôi còn chực hét lên, còn giờ đây hoàn toàn hồn tiêu phách tán, chỉ biết há hốc nhìn quang cảnh rừng rợn nầy chứ không biết làm gì khác. Thế nhưng người ruột thịt như Yoshihide thì ...

Đến nay tôi vẫn còn chưa quên vẻ mặt Yoshihide lúc ấy. Gã đàn ông đó những tưởng là sẽ chạy như mê về phía cỗ xe thì lúc lửa vừa bùng lên, bỗng chùn chân lại, hai tay vẫn vươn ra đằng trước, mắt chỉ nhìn chằm chập, cái nhìn như đang cố cuốn hút cho bằng được tất cả lửa khói đang bao trùm cỗ xe.

Ánh sáng ngọn lửa chiếu rọi toàn thân, soi từng nếp nhăn nheo trên khuôn mặt già nua xấu xí, soi đến cả từng cọng râu của lão. Thế nhưng chính cái gương mặt với cặp mắt đang mở cực to, với đôi môi vắn vẹo đến biến hình, với bắp thịt trên gò má đang run rẩy lật bật mới làm ta hình dung được tâm trạng của Yoshihide khi sự sợ hãi, nỗi đau khổ và kinh ngạc thay nhau hiện ra trên đó, đợt này nối tiếp đợt khác. Cho dầu là tên cường đạo sắp sửa bị bêu đầu hay kẻ tội nhân gian ác nghịch đạo mà thập điện diêm vương lôi ra công đường xét xử cũng không thể nào có khuôn mặt khốn khổ hơn lão ta lúc ấy. Đến nỗi tên võ sĩ tùy tùng mạnh bạo dường nào mà mặt cũng chột biến sắc, sợ sệt ngược mắt lên nhìn đức ông.

Đức ông miệng vẫn mím chặt, lâu lâu lại cười ma quái, mắt không rời cỗ xe. Mà trong chiếc xe ấy thì, trời ôi, hình dung cô gái trong xe tôi được thấy lúc đó ra làm sao, đến bây giờ vẫn chưa đủ can đảm để kể hết chi tiết. Cái khuôn mặt trắng trẻo ngửa lên vì ngạc nhiên, mái tóc dài phất tung như muốn dập tắt ngọn lửa, cả manh áo lụa thêu hoa anh đào thướt tha mỹ lệ, trong một khoảnh khắc đều biến thành lửa. Thật là một cảnh tượng bi thảm. Dần dần ngọn gió đêm có phần dịu xuống để khói dạt về phía bên kia, những đốm sáng bắn tung như kim nhũ lên đầu ngọn lửa đỏ, người con gái, miệng vẫn bị bịt chặt, ngoi lên trong cơn hấp hối làm sợi xiềng sắt cột nàng như thể sắp đứt đến nơi. Tôi nghĩ rằng dưới địa ngục, tội nhân cũng chỉ đau khổ đến thế này là cùng! Từ bọn tôi đến người võ sĩ mạnh bạo kia đều khiếp sợ đến dựng tóc

Gió đêm thổi trở lại lần nữa, lướt trên những ngọn cây trong khu viên đình. Luồng gió ấy chạy quanh như không biết về đâu. Bỗng lúc đó mọi người nhận thấy có một vật gì đen đen, nháy nhót như một quả cầu, giữa khoảng mặt đất và thình không, rồi từ trên nóc dinh phóng thẳng vào cỗ xe đang bốc cháy. Thế rồi giữa khi khung xe sơn son bắt đầu rời rã và đổ xuống, vật ấy quàng lấy bờ vai xiêu vẹo của cô gái lay lay để, thốt ra một tiếng kêu dài, nhọn sắc như lụa xé vụng ra đến ngoài màn khói, ra chiều đau đớn. Nghe như thế được hai

ba lần thì bọn chúng tôi cũng không ai bảo ai cũng bật lên tiếng kêu ngạc nhiên. Kẽ vào tận đằng sau bức tường lửa khói để đeo riết vào vai cô con gái bị thiêu không ai khác hơn con khỉ mang cái hổ danh Yoshihide xích ở phủ Horikawa.

Mười Chín

Cái bóng khỉ ấy chỉ hiện ra trong một thoáng thôi ạ. Trong lúc những tia lửa hầy còn bắn tung lên trời như người ta rắc thêm kim nhủ lên mặt bức sơn mài thì cả bóng con khỉ lẫn cô gái đều đã chìm khuất hoàn toàn sau làn khói đen. Giữa khu viên đình chỉ còn cỗ xe lửa cháy bùng bùng, tiếng nổ lộp độp. Có lẽ không thể gọi là xe mà phải gọi là cột lửa thì mới phù hợp với hình dạng ngọn lửa kinh hoàng đang vút lên không như thiêu đốt cả ngàn sao.

Đứng lặng người nhìn chăm chú trước cái cột lửa kia, Yoshihide đang có một thái độ không ai hiểu nổi. Cái lão Yoshihide mới phút trước hầy còn cực kỳ đau khổ vì quang cảnh trừng phạt dưới địa ngục kia bây giờ lại mừng vui rạng rỡ ra một cách lạ lùng. Cái rạng rỡ của người ngộ đạo hầu như đang tràn trề trên khuôn mặt nhăn nheo. Có lẽ hẳn quên bằng việc mình đang ở trước mặt đức ông hay sao mà thấy hẳn cứ đứng vênh người ra, hai tay khoanh chặt trước ngực. Làm như cảnh mà hẳn đang thấy không phải là đứa con gái yêu đang hấp hối trước mặt cha. Hẳn chỉ ghi nhận được qua đó những chi tiết đem đến cho hẳn một niềm vui thỏa vô bờ bến : màu lửa huy hoàng và hình ảnh người đàn bà trẻ đang chịu cực hình.

Quái gở hơn nữa là Yoshihide không chỉ tỏ ra vui sướng khi đứng ngắm đứa con gái yêu trong cơn thống khổ. Lúc đó con người hẳn còn toát ra một vẻ uy nghiêm bạo tợn như Sư Vương đang cầm giận, đến độ lũ chim đêm không biết bao nhiêu con đang bay toán loạn và kêu gào vì bất chợt bị ngọn lửa sém phải, không có con nào dám lượn vòng quanh chòm mũ màu quạ đen của Yoshihide. Có lẽ đối với lũ chim không hiểu cơ sự gì kia, trên đầu lão họa sư phải có một vầng hào quang uy nghiêm tỏa rộng làm chúng kinh sợ.

Chim chóc còn như thế thì nói chi đến bọn chúng tôi, ngay cả lũ tráng đinh, đều im hơi nín tiếng, toàn thân run rẩy, chăm chú theo dõi từng động tĩnh của Yoshihide mà lòng tràn ngập một sự đồng tình lạ lùng với hắn như mới vừa được đức Phật Khai Nhân mở mắt cho, Hình ảnh ngọn lửa thiêu đốt cỗ xe vằn vữa trên không trung và lão họa sư đứng lặng như kẻ bị ai cướp mất hồn đủ tạo ra một bầu không khí uy nghiêm và hoan hỉ dị thường. Giữa cảnh tượng đó, chỉ có mỗi một người đang ngồi bên hàng hiên, đức ông Horikawa là đã biến thành một kẻ khác, mặt ngài tái như chàm đỏ, mép sùi bọt , hai bàn tay ghệt chặt lấy manh quần màu tím sẫm, kéo từng hơi thở khò khè như một con thú cổ họng khát ráo.

Hai Mươi

Trước sau rồi cũng đã có người đem chuyện đức ông Horikawa đốt chiếc xe ngựa ở dinh Yukige đêm hôm ấy thổ lộ người ngoài biết. mà hình như không thiếu những kẻ chê trách hành vi của đức ông. Trước tiên người ta đặt câu hỏi có gì đức ông lại đem đốt chết con gái Yoshihide ; riêng việc này, câu giải đáp căn cứ vào lời đồn về mối hận tình xem ra nhiều hơn cả. Nhưng đến độ cho đốt xe, giết người như vậy chắc chắn đức ông hãy còn có chủ tâm sửa trị tính khí quàng xiên của lão họa sư muốn thí cả mạng người để vẽ bằng được bức bình phong. Lý do trên có lần tôi đã nghe từ chính miệng ngài.

Còn thái độ lão Yoshihide sau khi chứng kiến cảnh con gái bị đốt trước mắt mà con tim gỗ đá của mình vẫn không lay chuyển, còn xin tiếp tục được vẽ bức bình phong, cũng lại bị người đời phê phán. Trong số đó, có kẻ thóa mạ nếu vì hội họa mà quên cả tình cha con, rõ ràng hắn là phường gian ác, mặt người dạ thú. Tăng quan chùa Yokawa chính là một trong những người tán thành luận điệu ấy. Vị này thường bảo : " Cho dầu giỏi hơn người được trong một lãnh vực nghề nghiệp hay một nghệ thuật nhưng nếu để được thế mà vứt cả ngũ thường (16) thì không tránh khỏi bị đọa xuống A Tỳ ".

Chỉ trong vòng một tháng sau, Yoshihide đã hoàn thành bức bình phong tả cảnh địa ngục. Hắn liền đem lên phủ kính cẩn dâng cho đức ông. Nhằm lúc ấy tăng quan chùa Yokawa đang ghé qua phủ. Khi ông ta mới vừa xem một lượt bức bình phong, đã kinh hoàng trước cảnh một cõi đất trời đang chìm đắm trong trận bão lửa. Tăng quan trước đó vẫn khinh khỉnh với Yoshihide, cứ nhìn mặt lão họa sư một cách trân tráo, đến lúc được xem bức tranh, bỗng như không nén nổi lời tán thưởng, vỗ đùi đánh đét, thốt lên một tiếng : " Thần diệu ! ". Nghe thế, đức ông Horikawa chỉ biết cười gượng gạo và hình ảnh nụ cười ấy, đến nay tôi vẫn chưa quên.

Kể từ ngày đó, không còn một ai, ít nhất trong cửa phủ, nói xấu lão họa sư thêm một lời nào. Những người được xem bức bình phong, cho dù là kẻ ngày thường vẫn mang ác cảm với hắn, đều không khỏi xúc động đến lặng người, làm như họ sống thực được với muôn vàn khổ ải của hỏa ngục thể hiện trên mặt tranh.

Nhưng lúc thiên hạ hiểu ra thì Yoshihide đã vĩnh biệt cõi đời này. Ngay đêm hôm sau khi hoàn thành bức bình phong, hắn đã thòng dây thừng lên rường căn buồng ngủ, thắt cổ chết. Có mỗi đứa con gái yêu thì nó đã đi trước cha nên gã đàn ông này có lẽ không bao giờ tìm lại được sự yên ổn trong tâm hồn. Năm xương tàn của lão ta nay vẫn nằm đâu đó dưới nền nhà cũ nhưng ngay cái mốc con bằng đá ghi dấu lại thì vài chục năm sau đó, với mưa to gió lớn đã đổ nát, rêu phong, khiến không còn ai biết ngôi mộ kia là của ai và xưa kia đã làm gì.

(Tháng 5 năm Taisho thứ 7)

(Đăng trên nhật báo Osaka Mainichi)

Dịch xong ở Tokyo ngày 12 tháng 12 năm 2003

Nguyễn Nam Trân

Chú thích

(1) – Cách ghép hai nguồn tư liệu làm một của Akutagawa có thể ảnh hưởng đến phong cách sáng tạo của Kurosawa

Akira khi ông dựng phim *Rashômon* (1950, Giải Chính Đại Hội Điện Ảnh Venice) theo hai tác phẩm của Akutagawa, *La Sinh Môn* (*Rashômon*, 1915) và *Khuất Trong Lùm* (*Yabu no naka*, 1921).

(2) – Đã dựa trên truyện tình tội lỗi giữa chàng Moritô và nàng Kesa với bối cảnh trung cổ thời Hei-an trong một tác phẩm cùng tên (*Moritô to Kesa*) cũng do Akutagawa Ryunosuke viết, đã đăng trên tạp chí *Chuô Kôron* năm Taisho thứ 7 (1918).

(3) – *Horikawa*, tên một con sông chảy qua Kyoto, kinh đô Nhật Bản thời xưa, nhưng Đức Ông (quan đại thần hay bậc tôn quý) *Horikawa* có thể chỉ là một nhân vật hư cấu.

(4) – *Đại Uy Đức Minh Vương*, tên một trong năm vị Minh Vương gìn giữ cõi Tây Phương, có tài hàng long phục hổ để bảo vệ chúng sinh. Tương truyền có ba đầu sáu tay, cưỡi trâu trắng, tướng mạo phần nộ dữ tợn.

(5) – *Tần Thỉ Hoàng Doanh Chính* (259BC–210BC), hoàng đế đầu tiên, gồm thu sáu nước, thống nhất Trung Quốc, nổi tiếng tàn ác, đốt sách, chôn sống nho sinh.

(6) – *Tùy Dạng Đế Dương Quảng* (569–618), vua thứ hai nhà Tùy, tương truyền giết cha soán ngôi, chuộng vũ công, sống xa hoa dâm dật.

(7) – *Kawahara-no-in*, dinh thự ở Kyoto có khu vườn nổi tiếng đẹp, sau lấy làm chùa. Quan tả đại thần *Minamoto-no-Tôru* (822–895), con trai thiên hoàng *Saga*, là chủ cũ khu dinh thự tráng lệ ấy.

(8) – *Michinoku* là tên cổ của vùng Đông Bắc Nhật Bản, ngày xưa là nơi hoang vu hiểm trở.

(9) – *T. Kojima* và *A.Mori* hiểu đoạn văn này theo hai cách khác nhau. Chúng tôi theo lối dịch của *T.Kojima*.

(10) – *Kichijôten* (*Srii-Mahâdevii* theo Phạn ngữ) hay *Cát Tường Thiên Nữ* là một bà tiên dung mạo đoan trang, hay ban phúc lộc.

(11) – *Fudomyôô* (*Acalanâtha* theo Phạn ngữ) hay *Bất Động Minh Vương*, một trong năm vị Minh Vương, sứ giả của *Như Lai* đến giáo hóa chúng sinh.

(12) – Kawanari tức Hokusai Kawanari (782–853) họa gia đầu đời Hei-an, gốc người Triều Tiên. Giỏi về sơn thủy và nhân vật.

(13) – Ryugaiji hay Long Cái T ự (Chùa Đầu Rồng)

(14) – Năm cõi trong vòng luân hồi mà tùy theo nghiệp báo con người sẽ thác sinh vào: cõi trời, người, súc sinh, ngạ quỉ và địa ngục.

(15) – dịch thoát chữ ken có nghĩa là đơn vị đo chiều dài cỡ 1,81m.

(16) – Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín

Nước Dòng Sông Cái

Nguyên Tác: Ôkawa no Mizu

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Nguyễn Nam Trân

Lời Người Dịch:

Người dịch dùng nguyên tác Nhật ngữ của nhà Kadogawa, bản bỏ túi in lại năm 1989.

Akutagawa hoàn tất Nước Dòng Sông Cái vào tháng giêng năm 1912 lúc ông hãy còn là cậu sinh viên 20 tuổi. Bài được đăng trên tạp chí thi văn Kokoro no hana (Hoa Tim). Những nhà nghiên cứu thường xem Rônen (Tuổi Già, 1914) mới là tác phẩm đầu tay của ông nên ít người để ý đoạn văn này (vốn có tính cách tùy bút hoặc trường ca nhiều hơn là truyện ngắn). Tuy nhiên, những ai sành Akutagawa đều nhận thấy trong mấy trang sau đây đã ngưng đọng tất cả cái tinh anh và tươi tắn nhất của tâm hồn ông, ở thời điểm mà yếu tố trữ tình và mỹ cảm của tuổi hoa niên chưa bị những hoài nghi và mệt mỏi trong cuộc sống làm cho phai nhạt.

Nước Dòng Sông Cái có nhiều chi tiết khiến người ta nghĩ nó là thiên tự truyện nhưng thật ra cái duyên dáng của đoạn văn hàm chứa trong sự mơ hồ bàng bạc của những chi tiết ấy. Cái mơ hồ bàng bạc ở đây ta từng tìm được trong Tôi Đi Học của Thanh Tịnh, Phấn Thông Vàng của Xuân Diệu hay Chơi Giữa Mùa Trăng của Hàn Mặc Tử, đọc thuở thiếu thời.

Ngoài hai thi nhân ngoại quốc Gabriele d'Annunzio (Ý) de Hugo von Hofmansthal (Áo) mà Akutagawa nhắc đến tên, dịch giả Edwige de Chavanes trong lời chú dẫn cho bản dịch tiếng Pháp (L'eau du Fleuve, trong La vie d'un idiot et autres nouvelles, Unesco, Gallimard, Paris, 1987) đã nhận ra ảnh hưởng Kitahara Hakushu (1885–1942) qua một số chữ dùng, mượn từ tác phẩm Chuối Ngày Thơ Ấu (Waga Oitachi) của nhà thơ.

Sông Cái ngấm chỉ khúc hạ lưu của Sumidagawa, con sông xiết bao gần gũi đối với người dân Tokyo, đã đưa cậu bé Niihara (về sau sẽ thành Akutagawa của chúng ta) vào một dòng sông lớn hơn, dòng văn học.

Như tiên tri về số phận mình, trong đoạn văn đầu tay này, Akutagawa đã nói đến cảm tưởng mơ hồ trực diện Thần Chết đang nổi lên trên mặt nước, khi dòng sông của đời ông đang rong ruổi về miền Vĩnh Cửu "vô thủy vô chung" . Khi chuyển ngữ, người dịch không khỏi xúc động liên tưởng đến những dòng sông thân yêu trong đời mỗi một chúng ta, tự thời Lý Bạch (Dao liên cố viên thủy, Vạn lý tống hành chu) tác giả hai câu thơ mà một người thầy học cũ, nhà mô phạm Trần Trọng San, đã dịch:

*Thương sao dòng nước quê nhà,
Tiễn đưa muôn dặm thuyền ra xứ người.*

Tôi sinh ra ở một xóm kè Ôkawabata, Vùng Bãi Sông. Ra khỏi nhà, chỉ cần len lỏi xuyên mấy con hẻm khu Yokoami (Lưới Ngang) san sát phen giậu đen điu nắp dưới những tàng lá dẻ xanh non là đã ra đến ven bờ Happingui (Trăm Cọc) để được nhìn mặt nước mênh mông. Từ hồi thơ dại cho đến khi học hết cấp hai, hầu như mỗi ngày tôi đều có dịp đứng ngắm con sông. Nào nước, nào thuyền, nào cầu, nào cồn cát, nào cuộc đời tất tả ngược xuôi của những người sinh ra và sống trên mặt nước. Cho đến bây giờ, dù bao năm đã trôi qua, tôi vẫn còn nhớ da diết cái mùi nồng chưa nguội mà đã cảm thấy của nước sông vào những trưa giữa hè nắng gắt, khi chân tôi giẫm lên cát bỏng trong những lần đến lớp học bơi.

Cớ sao tôi yêu con Sông Cái này đến thế! Phải chăng vì cảm thấy trong cái hâm hẩm của làn nước ngẫu bùn có gì dễ thương vô hạn. Thật tình đến tôi cũng không thể nào giải thích lý do. Chỉ biết, tự ngày xưa, mỗi lần cứ nhìn dòng nước là trong lòng tôi không khỏi dậy một nỗi trống vắng và một nguồn an ủi đến ứa nước mắt. Tôi thấy mình như hoàn toàn tách ra khỏi thế giới đang sống, tâm hồn bay vút vào một cõi đất trời đầy nhớ nhung, luyến tiếc. Nhờ có dòng sông mà

mang được cái tâm tình ấy, thưởng thức được nguồn an ủi và thú cô đơn ấy, nên tôi đâm ra yêu nó hơn mọi thứ trên đời.

Làn sương xám bạc, dòng nước như vệt dầu xanh, âm hưởng còi tàu mơ hồ tựa tiếng thở dài, cánh buồm nâu hình tam giác của con thuyền chở than đá...mỗi chi tiết của phong cảnh trên sông đều khơi dậy trong tôi nỗi buồn khó nén, khiến cho chút lòng thơ dại của tôi cũng không khỏi lao xao như ngàn liễu bên bờ.

Ba năm sau này, tôi dành thời giờ chăm chú đọc sách trong phòng văn cất giữa một vùng lùm bụi thanh u ngoại ô khu Yamanote sang trọng nhưng vẫn không quên tìm ngắm giòng sông lớn ấy mỗi tháng hai ba lần. Màu sắc của nước sông di động lại tựa hồ đứng yên, trôi mà như lười chảy, làm tan biến những căng thẳng trong tâm trí tôi, vốn đang chịu áp lực và kích thích của bầu không khí quá tịch mịch của phòng văn và nhịp làm việc dồn dập không đương nổi. Nước dòng Sông Cái mang đến cho tôi niềm tiếc nuối buồn thương và giải thoát của kẻ đi hành hương lâu ngày mới về đến quê nhà, giúp cho cái tâm hồn xao động trong tôi tìm ra thanh thản. Cũng nhờ nó mà lần đầu tiên tôi mới sống được những tình cảm không thoáng gọn và thực sự của mình.

Biết bao lần tôi đã được nhìn những cánh hoa keo trắng toát nghiêng mình xuống dòng nước xanh, bay lả tả trước cơn gió nhẹ một ngày đầu hè. Biết bao lần tôi đã được nghe tiếng chim di se sắt lạnh tâng không ngang tầm mặt nước tối của những đêm tháng mười một trời thường làm sương giá. Những điều nghe thấy như thế đã làm tình yêu trong tôi đối với giòng sông mỗi ngày một mới. Cũng run rẩy như cánh chuồn đen sinh ra từ nước sông mùa hạ, tấm lòng niên thiếu của tôi lúc đó mở thật to để thu biết bao đổi thay mới mẻ cho đầy đôi người kinh ngạc. Nhớ nhất là lúc tựa mạn thuyền thả lưới đêm, trôi theo dòng, ngắm mặt nước đen không gây mấy may tiếng động, để khi nghe tiếng thở phập phồng của Thần Chết đang lênh bênh giữa khoảng đêm khuya và mặt nước, mới cảm thấy một nỗi buồn bơ vơ xâm chiếm tâm hồn.

Mỗi lần nhìn dòng Sông Cái, tôi không thể nào quên được cái kinh thành của sóng nước mãi bên trời Ý vẫn đón buổi chiều về với tiếng hát thiên nga và hồi chuông tu viện, nơi mà giữa hàng lan can rợp bóng hồng bóng huệ được tô vẽ bằng những tia sáng xanh từ vầng trăng đang chìm dưới nước hắt lên, có những chiếc thuyền gondola đen tựa quan tài lướt đi như trong một giấc chiêm bao từ vòm cầu này sang vòm cầu nọ theo nhịp chèo lơ lửng – tất cả làm tôi bây giờ càng chạnh lòng nhớ tới tâm tình nồng nàn tha thiết mà D’Annunzio (1) đã để tuôn trào vì cảnh sắc của Venezia.

Những xóm ven bờ được nước dòng Sông Cái yêu dấu vỗ về đối với tôi đều khó quên và rất đổi thân thương. Từ phía cầu Azuma xuôi về hạ lưu, nào là Komakata, Namiki, Kuramae, Daichi, cầu Yanagi hay Yakushimae ở Tada, Umebori, Yokoami, chốn nào cũng thế. Khách bộ hành qua lại các thôn xóm này đều được nghe từ giữa những bức tường trắng bằng đất nện của các kho hàng nằm hong nắng, từ giữa những ngôi nhà tối nhờ nhờ có khung cửa chẵn song, hay từ giữa những lối đi rợp hàng liễu hàng keo mà lá chỉ mới nhú mầm nâu bạc, vọng vào tai âm hưởng quen thuộc của giòng nước xanh loang loáng mà con Sông Cái, sáng như tấm kính mới mài, đã mang đến cho họ cùng một lượt với mùi nước triều lành lạnh trong chuyến xuôi Nam, cuộc hành trình mà dòng sông đã quen làm từ một thuở xa xưa.

Ôi, cái tiếng nước sông thân thuộc kia, như thì thào, như van lơn, như chập lờ, giòng nước màu xanh vắt ra từ ngọn cỏ, hết ngày đến đêm, gột rửa những kè đá hai bên bờ. Còn nhớ bi kịch của nàng Hanjo (2) hay chàng Narihira (3) chứ nhỉ ? Tôi không ngược lên đến tận thời (khi Tôkyô còn là) giải bình nguyên Musashi, nhưng kể đã từ lâu, đã có những thầy tuồng kịch múa rối Jôruri ở Edo, gần đây là Kawatake Mokuami (4) , bậc đại sư Kabuki, thường đưa tiếng chuông thiên viện Sensô (5) cũng như âm hưởng trầm buồn của nước dòng Sông Cái vào các pho tuồng nói về nhân tình thế thái của họ để làm nổi bật cái die Stimmung (6) , không khí căng thẳng

trong một lớp lang xảy ra án mạng. Lúc Izayoi và Seishin (7) gieo mình xuống nước, khi cu cậu Gen.nojô (8) mãi mê nhìn người đẹp Okoyo trong bộ áo người săn chim (9) hay ngay cả khi anh chàng bán đồ đồng nát Matsugorô (10) gánh đôi quang thúng đi qua cầu Ryôgoku khi chiều hè sụp tối và bấy dơi liệng đầy, thì dòng Sông Cái, như đến tận giờ, vẫn chây lười thì thầm vỗ sóng vào cầu tàu của hàng quán cho thuê thuyền, bên ngàn lau xanh, dưới lườn những con thuyền mũi nhọn đỗ hai bên bờ.

Muốn nghe cho được âm thanh ngùi nhớ của nước sông, phải leo đò làm một chuyến sang ngang. Nếu tôi không lầm, từ phía cầu Azuma đổ xuống cầu mới Ôhashi, có tất cả năm cái bến. Trong số đó thì bến Komakata, bến Fujimi và bến Ataka, cả ba đã lần hồi biến mất, bây giờ chỉ có bến ở cầu Ichi để qua xóm Hamachô và cái nữa từ cầu Mikura sang xóm Sugachô là hãy còn lưa. So với hồi tôi còn bé tẹo, con sông cũng đã đổi dòng, những cồn cát điểm tuyết lùm lau bãi sậy như bị lấp vùi không còn hình tích. Thế nhưng hai bến cũ còn nguyên bóng dáng con đò đáy nông, vẫn ông lái đò già mỗi ngày chèo chống bao nhiêu bận đưa khách qua dòng nước xanh rờn tiệp màu cùng rặng liễu ven sông.

Lắm lúc chẳng có việc gì, tôi cũng ra bến theo đò qua sông, sung sướng để mặc sóng nước bồng bênh đu đưa thân thể mình như trong một chiếc nôi. Đi mấy chuyến đò càng trễ bao nhiêu thì mới thưởng thức những niềm vui và nỗi buồn thấm thía bấy nhiêu. Kề bên ngoài mạn thuyền thấp chỉ có làn nước xanh lục trải dài. Ném một cái nhìn đã thấy trọn mặt sông mướt mà, đang ánh lên chút màu đồng nhạt nếu tầm mắt không vướng mỗi cái cầu mới Ôhashi mãi đằng xa. Nhà cửa hai bên bờ sông giờ ấy đã tuyền một màu tro, đèn đóm cư dân hắt vàng vọt lên những khung cửa phết giấy, thấp thoáng đôi nơi trong sương. Theo ngọn triều lên, thỉnh thoảng lại có một hai chiếc bè lớn chở hàng, buồm xám buông nửa vời, bơi ngược dòng nhưng chiếc nào chiếc nấy yên ắng lạ lùng, chả biết có người cầm lái hay không nữa. Không hiểu sao cảnh

mấy lá buồm trôi trong lặng lẽ và cái mùi của ngọn triều xanh rộng đã gợi trong tôi một nỗi buồn không nói được nên lời, tương tự khi đang đọc những vần Erlebnis của Hofmannsthal (11) và cùng lúc, trong lòng tôi, một tình cảm dịu ngọt như thể đang khẽ muốn cất lên lời hát để hòa nhịp cho bằng được với tiếng nước của dòng Sông Cái đang chìm giữa đáy trời sương.

Không chỉ riêng cái âm hưởng của dòng nước mới lôi cuốn tôi đâu. Màu sắc của nó nữa, vừa mềm mại vừa ấm áp, cái màu mà tôi nghĩ khó tìm được ở nơi nào khác.

Nước ngoài biển giống như ngọc bích, vì sâu nên đọng thành khối nặng trong khi nước trên thượng nguồn không bị ảnh hưởng triều lên triều xuống, giữ một màu xanh cánh trả nhàn nhạt, lại quá nhẹ, quá mỏng và quá sáng. Duy có nước của khúc Sông Cái, chảy giữa bình nguyên, nơi nước ngọt và nước mặn giao hòa, mới dung hợp được màu xanh lạnh lẽo và màu vàng đục ấm áp, để có vẻ thể nhân hơn, khơi được trong ta cái hoài cảm lifelike (12) một tình cảm hết sức đời thường. Nhất là khi con sông đã rong ruổi hết vùng bình nguyên Kantô nhiều đất sét nâu đỏ, bình lặng chảy về Tôkyô đô hội, cái màu nước vốn đục ngầu và nhẩn nhó như một lão Do Thái già khó tính, mồm thích cắn nhằn lầu bầu, giờ đây đã có cái gì thông thả, nuột nà, dễ thương. Và tuy cùng chảy ngang một thành phố, nhưng có lẽ nhờ trao đổi thường xuyên với đại dương thần bí, nước con Sông Cái không hề đen ngòm như các kênh lạch nối những dòng sông lại với nhau. Sông Cái không hề ngủ. Tôi có cảm tưởng nó luôn luôn di động nhưng chỉ để chấm dứt cuộc hành trình ở đích đến nhất định: một miền Vĩnh Cửu "vô thủy vô chung". Dĩ nhiên vui là khi thấy dòng nước xanh như vệt dầu thơm trôi dưới những cây cầu Azuma, Umayu, Ryôgoku, ôm ấp mấy chân cầu lớn xây bằng gạch hay đá hoa cương. Có khi nó nép vào bờ, in bóng những ngọn đèn giấy màu trắng các cửa cửa hiệu cho mươn thuyền cũng như những chòm lá liễu nghiêng ngả khoe mặt trái bạc phấn. Có khi, tắc nghẽn vì cái đập chắn nước, nó lặng lẽ lấp lánh bên

dưới những mái bếp không bóng người, than thở hộ cánh phù dung đỏ một trưa quá ngộ có tiếng đàn samisen (13) rờ rạc uể oải, để rồi giật mình bối rối vì tiếng đập cánh bất chợt của một chú vịt trời. Cái màu phải gọi là nặng nặng của dòng nước như thế cũng chan chứa ấm áp, hồn hậu. Cho dù khi dòng sông về đến gần cầu Ryôgoku, cầu mới Ôhashi, cầu Eitai và vùng cửa sông lúc nước của nó được hòa với cái màu xanh đậm của ngọn triều ấm hay phản chiếu ánh nắng lấp lóa của mặt trời trắng bạch tựa như tấm kim loại trải rộng dưới một tầng không ồn ào đầy bụi khói, nó vẫn tiếp tục lười biếng đong đưa đoàn thuyền khảm lừ than đá và những con tàu kiểu cũ chạy bằng hơi nước mà lớp sơn trắng đã bong đi. Thiên nhiên với con người như chung nhịp thở, cái màu ấm áp mà dòng sông không biết thân nhận được lúc nào khi chảy qua thành phố đâu để gì mất đi cho được.

Đặc biệt lúc chiều xuống, con sông bỗng đổi sắc theo lớp mù do hơi nước vừng lên và màu nắng càng ngày càng phai nhạt trên nền trời, để thành một thứ màu huyền hoặc khó tả. Mình tôi, gối hai tay lên thành đò, lơ đãng lướt nhìn mặt sông chiều nắng xế mù dăng, và khi thấy từ bên kia bờ giòng nước lục đậm, trên không trung chỗ mấy nóc nhà sẫm tối, một vầng trắng to và đỏ ló ra, thì tôi không tài gì cầm được nước mắt, điều mà có lẽ suốt đời, tôi chẳng thể nào quên.

Theo Meljukovski (14), "Mỗi thành phố đều có cái mùi cố hữu của nó. Mùi của Florence là hương huệ trắng, mùi bụi bặm, sương mù và mùi véc-ni những khung tranh cổ quện vào nhau". Nếu ai hỏi tôi về cái mùi của Tôkyô, tôi sẽ xin phép trả lời ngay đó là cái mùi của dòng Sông Cái. Không riêng gì cái mùi! Màu sắc của dòng sông, âm hưởng của dòng sông chính là màu sắc và tiếng động của Tôkyô mà tôi yêu dấu. Nhờ có dòng sông, tôi mới biết yêu Tôkyô, và nhờ có Tôkyô, tôi mới biết yêu đời.

(tháng giêng năm 1912)

Tái bút: Đạo sau này, tôi nghe nói bến đò ngang cầu Ichi đã mất đi rồi, bến đò cầu Mikura cũng sắp sửa bị dẹp.

Chú thích

(1) - G. D'Annunzio (1863-1938) thi nhân người Ý thuộc trường phái duy mỹ (aestheticism).

(2) - Hanjo, tên một ca kỹ, nhân vật trong tuồng Nô của tác giả nổi tiếng Zeami (1363?-1443?), bị người yêu phụ bạc mà phát cuồng.

(3) - Ariwara No Narihira (825-880), vương tử và thi nhân có tiếng đẹp trai, bị đày về miền Đông (Tôkyô) vì dan díu với Hoàng Hậu. Sự tích được đem vào các vở tuồng Nô, Kabuki và Jôruri.

(4) - Kawatake Mokuami (1816-1898), nhà soạn tuồng Kabuki có tiếng.

(5) - Sensôji (Thiên Thảo Tự), chùa thuộc phái Tendai (Thiên Thai Tông) ở xóm bình dân Asakusa, gần sông Sumida.

(6) - Không khí (tiếng Đức trong nguyên văn)

(7) - Nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, ca kỹ Izayoi tự trầm trên giong Sumida với người yêu, nhà sư Seishin.

(8) - Gen.nojô là vũ sĩ hầu cận Shôgun yêu nàng con gái hát đạo Okoyo nhưng duyên không thành vì vấn đề giai cấp.

(9) - Torioisugata, quần áo giả trang của người hát đạo.

(10) - Matsugorô cũng là nhân vật tuồng Kabuki của Kawatake Mokuami, hận đời vì sống nghèo túng, vớt đồ nghề xuống sông Sumida, đi làm giặc cướp, sau tự tử.

(11) - Hugo von Hofmannsthal (1874-1920) thi sĩ trữ tình người Áo, đã viết Erbelnis năm 1892, lúc 18 tuổi.

(12) - Lifelike, sống động (tiếng Anh trong nguyên văn)

(13) - Đón ba giây truyền từ Okinawa, dụng cụ âm nhạc bình dân.

(14) - Có thể là phiên âm Nhật ngữ của Dimitrii Merezhkoskii (1865-1941), tiểu thuyết gia Nga trường phái ấn tượng, sau lưu vong ở Pháp.

Dịch xong ngày 17/06/2003

Nguyễn Nam Trân

Niềm tin

(Bisei no shin)

Akutagawa Ryunosuke

Nguyễn Nam Trân dịch

Lời người dịch:

Năm 1919, khi viết *Bisei no Shin* (Chữ tín của Vĩ sinh) mà ở đây chúng tôi dịch là Niềm Tin, lần đầu tiên, người ta chợt nhận ra Akutagawa không giết giây nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử của mình như vẫn thường làm mà để cho chính nhân vật giết giây ông.

Nhân vật Vĩ sinh đã thấy trong tác phẩm của Trang Tử cũng như trong *Sử Ký Tư Mã Thiên*. Vĩ sinh không ai khác hơn là anh chàng hẹn gái dưới chân cầu, gái không tới, thủy triều lên, anh ta vì giữ chữ tín không bỏ đi nên chết đuối. Ông Tư Mã theo thầy Khổng nên khen "Phải giữ cho được chữ tín như thế!", ông Trang mắng "Chết vì chữ tín kiểu đó là ngu!".

Chữ tín là qui phạm đạo đức do xã hội đặt để nhưng niềm tin là tình cảm tự phát của cá nhân. Hơn hai nghìn năm sau, Akutagawa mở lại "hồ sơ" của Vĩ sinh và trình bày cách nhìn mới của ông về anh chàng "ngu ngốc và dại gái" này, nhưng không đưa ra chút phán đoán có tính đạo đức nào. Hãy xem "thuật luyện kim" của Akutagawa trong hai trang giấy ngắn ngủi sau đây.

Xuất xứ của nguyên tác là tập 29 nói về Akutagawa trong *Văn Học Nhật Bản Toàn Tập* (A Treasury of Japanese Literature) của nhà Chuô-Koron (ấn bản 1964). Ngoài ra, người dịch cũng học tập phong cách dịch của bà Edwige de Chavanes qua bản Pháp văn *La Foi de Wei Cheng*, in trong *Les Noix, La Mouche, Le Citron*, tập truyện dịch các tác giả Nhật Bản đời Taishô (1912-26) do nhà Le Calligraphe (Paris) xuất bản năm 1986.

*

Đã một đôi lâu, Vĩ sinh đứng lặng dưới chân cầu, đợi người con gái đến.

Ngẩng lên nhìn hàng lan can cao của chiếc cầu đá có những sợi giây leo buông chùng, chàng thấy giữa khe hở chốc chốc có bóng người qua lại, tay áo trắng của họ lay động theo làn gió dưới ánh nắng lấp loá của buổi chiều tà. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh vừa huýt sáo nhẹ nhàng, thong dong đưa mắt nhìn quanh bãi sông dưới chân cầu.

Bãi bùn vàng nhạt dưới gầm cầu chỉ rộng có mươi thước dư là đã tiếp giáp với mặt nước. Có lẽ vùng lau sậy trên bờ nước là nơi cư ngụ của lũ cua lớn hay sao mà có vài cái lỗ tròn thật to. Mỗi lần sóng vỗ vào chỗ đó là nghe thoảng như có tiếng óc ách. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh bắt đầu cảm thấy sốt ruột, mới tản bộ xuống phía bờ nước và đưa mắt ngắm suốt dải sông chiều không có lấy một bóng thuyền.

Lau sậy trên dòng mọc xen khít. Chẳng những thế, đôi chỗ trong rừng lau lại có vài chòm liễu nước với tán lá hình tròn xanh tốt. Vì một phần dòng sông luồn vào cả đám cây cối nên mặt sông tưởng như hẹp lại chỉ còn là dải nước trong leo lẻo in mỗi một áng mây trời như vân mi ca, lượn lờ len giữa ngàn lau. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh không men theo bờ nước nữa. Lần này, dưới vạt nắng chiều, chàng dạo đôi chỗ trên cái bãi bùn không mấy rộng, lắng tai nghe động tĩnh chung quanh.

Trên cầu, chẳng biết tự lúc nào, đã ngớt người qua lại. Không còn nghe tiếng chân đi, tiếng vó ngựa hay tiếng bánh xe nữa. Có chăng là tiếng gió, tiếng lau lách, tiếng nước chảy, thế rồi không biết từ đâu vọng ra vài tiếng cò xám gáy the thé. Vĩ sinh vừa dừng chân chưa kịp nghĩ ngợi thì đã thấy thủy triều dâng lên không biết tự lúc nào. Màu nước liếm lên bãi bùn vàng đã ánh lên gần hơn khi nãy. Thế nhưng người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh chau mày lấy làm lạ. Dưới chân cầu tối mờ mờ, chàng bắt đầu nhanh chân bước lên bãi. Trong lúc đó thì thủy triều bò dần từng phân một, tắc một. Cùng một lúc, mùi rong và mùi nước dậy lên, gây lạnh trên da thịt. Nhìn phía trên thì nắng chiều đã tắt lịm, chỉ còn bóng hàng lan can của chiếc cầu đá cắt thành những vệt đen kịt trên nền trời hoàng hôn xanh mờ. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh đứng thờ người một chỗ.

Nước sông đã bắt đầu thấm gót giày.

Nước lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh lẽo như ánh thép, bắt đầu tràn lan dưới chân cầu. Thế rồi, chắc chắn chỉ trong khoảnh khắc thôi, mực nước của ngọn triều đầy sẽ ngập hết đầu gối, đến bụng rồi cả ngực. Mới nghĩ vậy mà mực nước đã dâng thêm lên làm hai ống chân chàng cũng bị nước bủa vây. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Vĩ sinh cứ đứng dưới nước, chỉ còn nương vào một tia hy vọng mong manh, bao nhiêu lần ngước nhìn lên không trung phía chiếc cầu.

Phía trên làn nước đang bao phủ thân chàng, là màu chiều từ lâu đã trải rộng ngang vòm trời. Từ những hàng liễu, hàng lau xa gần, chỉ nghe vọng lại tiếng lá xào xạc xuyên qua làn sương đục. Một con cá, có lẽ cá vược, vọt phóng người khoe cái bụng trắng ngay trước mũi Vĩ sinh. Trong khoảng không trung mà con cá vừa nhảy lên, lúc đó đã thấy tản mát dăm vì sao lấp lánh. Hình ảnh của mấy sợi giầy leo buông trên thành cầu đá rồi cũng chìm lặn vào bóng tối. Thế nhưng, người con gái vẫn chưa thấy tới.

Đến nửa đêm, khi ánh trăng đã ngập tràn một bờ đầy lau liễu suốt cả dải sông, làn nước và làn gió nhẹ cùng thì thảo với nhau, dịu dàng dìu thi thể của Vĩ sinh từ dưới chân cầu đi về phía biển. Không chừng vì hồn của Vĩ Sinh ao ước nhìn lại ánh sáng của vầng trăng đang treo giữa không gian tịch mịch nên nó đã thoát ra khỏi thể xác để bay lên bầu trời mờ ảo. Như thế, cả mùi nước và mùi rong cũng lặng lẽ rời khỏi mặt sông một lượt cùng về với vầng sáng trên cao.

Rồi cách đó một vài nghìn năm, hồn của Vĩ sinh sau khi lưu lạc qua không biết bao nhiêu đời kiếp, lại phải chịu số phận làm người thêm lần nữa. Linh hồn đó đã đến ngụ trong thân xác của tôi. Cho nên tuy tôi sống giữa thời hiện đại này mà chưa làm được đâu một việc gì có ý nghĩa. Hết sáng lại chiều, tôi như anh chàng đắm chìm trong mơ mộng mông lung, chỉ sống để trông mong một điều kỳ diệu chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi là Vĩ sinh, dưới chân cầu trong ánh sáng nhạt buổi hoàng hôn, mãi mãi đợi chờ bóng một người yêu vĩnh viễn không bao giờ tới.

(Năm Taishô thứ 8 (1919), tháng 12)

Chiếc Xe Goòng

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Đinh Văn Phước

Tác giả :

Akutagawa Ryunosuke sinh năm 1892 (Meiji/Minh Trị năm thứ 25) ở Tokyo. Cha có nông trại nuôi bò sữa. Lúc mới đầy bảy tháng thì mẹ phát cuồng, nên được gia đình người Anh của mẹ nhận về nuôi. Năm lên 10 thì mẹ mất trong bệnh viện người điên. Năm 12 tuổi mới chính thức lấy họ ngoại là Akutagawa. Ông tự sát năm 1927.

Vào được Đông Kinh Đại học (Tokyo Daigaku), ông cùng với bạn học là Kikuchi Kan, Kumei Masao những cây bút đương thời nổi tiếng, tích cực hợp tác lập văn đàn và sáng tác. Năm 1916 ông viết truyện ngắn Hana (Cái Mũi), được đại văn hào Natsume Soseki khen không tiếc lời; tháng 9 cùng năm sáng tác truyện Imogayu (Cháo khoai). Năm sau đó 1917, ông cho in tập Rashomon (La Sinh Môn) gom góp một số truyện ngắn nổi tiếng, tự đó tạo được một chỗ đứng riêng trong văn đàn Nhật bản. Ông là một trong những cây bút đại diện cho văn học Nhật thời đại Taisho (Đại Chính). Ông còn là một nhà văn tích cực sáng tác truyện ngắn cho Thanh thiếu niên chẳng hạn như Kumo no ito (Sợi tơ nhện 1918), Majutsu (Ảo thuật 1919), Toshishun (Đỗ tử Xuân 1920), Sennin (Ông tiên 1922) v.v...

Ngày nay một giải thưởng văn chương rất có uy tín mang tên ông, hàng năm phát cho cây bút nào có giá trị sáng tác cao.

Tác phẩm Chiếc xe goòng được sáng tác vào năm 1922, mô tả ký ức của một đứa bé mới lên tám, kỷ niệm ấu thơ của một con người bình thường như bất cứ ai trong chúng ta. Nhưng kỳ diệu thay, những tình tự tầm thường ấy lại có sức lôi cuốn người đọc vào câu chuyện cho đến dòng cuối. Và

người đọc bỗng tự khai thông đường về với những kỷ niệm khó quên của mình. .

Công trình đặt đường sắt giản tiện nối Odawara (1) với Atami (2) được bắt đầu khi Ryohei lên tám. Ngày nào Ryohei cũng ra ngoài bìa làng xem cảnh đặt đường -- nói là đặt đường nhưng đó chỉ là việc chở đất bằng xe goòng -- thế mà Ryohei lại thấy hay, hôm nào cũng đi.

Hai người phu đứng ở phía sau xe goòng chở đầy đất. Chiếc xe goòng chạy từ trên đồi xuống chẳng cần ai đẩy. Chiếc xe lao nhanh chao qua chao lại, vạt áo khoác hanten (3) của người phu phấp phật, con đường rầy hẹp vẹo xuống -- Ryohei lặng ngắm quang cảnh ấy, có lúc muốn thành người phu, hay ít ra cũng được đứng chung một lần với người phu trên xe. Xe goòng chạy tới vùng đất bằng phẳng ở bìa làng thì tự nhiên ngừng hẳn. Các người phu nhanh nhẹn nhảy xuống, đổ ào đất xuống ngay cuối con đường sắt. Xong, lại đẩy xe lên đồi. Ryohei nghĩ dù không được leo lên xe, nhưng nếu được đẩy xe thì cũng đủ mãn nguyện

Một buổi chiều -- khoảng đầu tháng hai, Ryohei cùng với đứa em nhỏ hơn mình hai tuổi và đứa nhỏ ở nhà bên cùng tuổi với đứa em, ra ngoài bìa làng chỗ bãi xe đậu. Mấy chiếc xe goòng dính đầy bùn, nằm xếp hàng trong ánh sáng mờ nhạt. Nhưng nhìn quanh không thấy bóng dáng người phu nào cả, ba đứa bé lén lại gần, hồi hộp đẩy chiếc xe goòng nằm ngoài bìa. Khi ba đứa ùa nhau ra sức đẩy, thì đánh rột, xe goòng bỗng lăn bánh. Tiếng rột đầu tiên làm Ryohei lạnh toát người. Nhưng tiếng thứ hai không còn làm nó hoảng hốt nữa. Rột, rột -- dưới sức đẩy của ba đứa bé, xe goòng từ từ chuyển bánh ngược đường rầy.

Đẩy xe được khoảng hai mươi thước thì đường rầy bỗng lên dốc gấp. Ba đứa dù cố hết sức đẩy cũng không làm sao nhúc nhích được chiếc xe. Có lúc ba đứa và chiếc xe còn bị đẩy ngược lại. Ryohei nghĩ như thế là đủ, liền ra hiệu cho hai đứa nhỏ:

- Nè, leo lên mau.

Ba đứa cùng ngừng đẩy nhảy ngay lên xe. Chiếc xe goòng ban đầu chạy từ từ, nhưng mỗi lúc một bắt trớn, lao xuống dốc. Tức khắc, quang cảnh trước mặt Ryohei vùn vụt mở ra hai bên. Gió chiều tạt vào mặt mát, chiếc xe goòng đồng, lắc mạnh dưới chân Ryohei -- Ryohei thấy sung sướng ngây ngất.

Nhưng chỉ hai ba phút sau thì xe goòng ngừng lại ở điểm cuối.

- Nè, đẩy thêm một lần nữa nghen.

Ryohei và hai đứa nhỏ định đẩy xe goòng đi, nhưng chiếc xe chưa kịp lăn bánh thì ba đứa đột nhiên nghe có tiếng chân ai phía sau lưng, rồi bỗng có thêm tiếng quát giận dữ:

- Ê đồ quỷ sứ, ai cho tụi bây động tới xe đó.

Khi nhận ra dạng người phu to lớn mặc chiếc áo khoác hanten công nhân cũ, đầu đội nón rạ trái mùa, đứng ở phía đằng kia, thì Ryohei và hai đứa nhỏ liền bỏ chạy khoảng mười thước.

Từ dạo đó, đi công việc về, dù thấy mấy chiếc xe goòng ở chỗ làm đường vắng vẻ ấy, Ryohei cũng không còn dám nghĩ đến việc leo trèo lên xe nữa. Hình ảnh người phu hôm ấy tưởng chừng như đã hằn sâu vào trí nhớ của Ryohei -- chiếc mũ rạ màu vàng lờ mờ trong ánh sáng đã nhạt -- Nhưng ngay cả cái hình ảnh ấy, mỗi năm như một phai dần.

Mười ngày sau, một hôm vào khoảng xế trưa, Ryohei một mình lại lảng vảng ra chỗ đặt đường xem mấy chiếc xe goòng đến đổ đất. Ngoài các xe chở đất, lần này Ryohei thấy một chiếc xe goòng chở toàn những cây đà lót đường rầy đang được hai người phu xe hầy còn trẻ, đẩy trên con đường rầy rộng hơn, chắc sau này sẽ trở thành con đường rầy chính. Chỉ mới thấy họ Ryohei đã thấy dễ làm quen, "Có lẽ mình sẽ không bị hai người này la " -- Nghĩ vậy, Ryohei chạy nhanh đến bên cạnh chiếc xe goòng.

- Hai chú, cho tui đẩy với!

Một trong hai người phu, mặc áo rằn, vắn cúi gằm người đẩy xe, trả lời dễ dãi đúng như Ryohei đã đoán:

- Ờ, mây đẩy đi.

Ryohei liền chen vào giữa hai người phu, ra sức đẩy.

- Mây nhỏi mà mạnh quá hả!

Người phu khác -- bên mép tai có vết sẹo thuốc quẩn tay, khen Ryohei.

Được một lúc, đường rầy bớt dốc, xe đẩy nhẹ hẳn. Ryohei thấp thỏm lo sẽ bị người phu bảo "Thôi khỏi cần đẩy nữa". Song, hai người phu trẻ chẳng ai nói rằng, thẳng lưng lên tiếp tục đẩy. Ryohei không nhịn nổi, lo lắng hỏi:

- Đẩy được đến bao lâu nữa?

- Bao lâu cũng được.

Hai người phu trẻ cùng trả lời một lượt. Ryohei nghĩ trong bụng: "Hai người này hiền thật!".

Đẩy thêm năm, sáu trăm thước thì con đường rầy lại lên dốc gấp. Chỗ này hai bên toàn là vườn trồng quít, bao nhiêu là quít vàng ửng đang húng nắng.

"Đẩy xe lên dốc thì hay hơn, người ta cho mình đẩy hoài mà" -- Ryohei miên man nghĩ và hết sức đẩy chiếc xe goòng.

Qua giữa vườn quít, đường rầy bỗng xuống dốc, người phu mặc áo rằn giục Ryohei: "Leo lên mau". Ryohei phóc lên xe. Ba người vừa đứng gọn trên xe thì chiếc xe goòng dong xuống dốc giữa mùi thơm của vườn quít. "Đẩy xe không sướng bằng đứng trên xe." -- Ryohei để mặc cho gió thổi căng chiếc áo khoác haori (4), trong đầu nghĩ về chuyện đương nhiên ấy. "Lên đi càng đẩy thì lên về càng được đứng trên xe" -- Ryohei nghĩ thêm.

Đến khoảng khu rừng có những lùm tre thì xe chạy chậm lại rồi ngừng hẳn. Như những lần trước, ba người lại xuống đẩy chiếc xe goòng nặng trĩu. Rồi những lùm tre đã khuất, đây toàn là cây rừng. Dưới chân, đây đó lá rụng đầy, che lấp cả mặt con đường sắt bị sét ăn đỏ. Lên hết con dốc cao thì

bên kia vực thẳm mặt biển lạnh lờ mờ hiện ra, mênh mông. Đấy cũng là lúc Ryohei thấy rõ nó đã đi quá xa.

Ba người lại lên xe. Chiếc xe goòng chạy dưới những tàn cây trong khu rừng, dọc theo biển trải ra phía bên phải. Nhưng Ryohei giờ đây hết thấy thích thú. Nó miên man nghĩ: "Thôi, về thì hơn". Dĩ nhiên Ryohei cũng biết, phải đến nơi định tới thì xe và người mới có thể quành về.

Chiếc xe dừng lại lần thứ hai nơi quán nước có mái lợp bằng rạ, trước vách núi mới xẻ. Hai người phu vào trong quán, thông thả ngồi uống trà với bà hàng quán. Bà đang cõng một đứa nhỏ chưa bỏ bú. Còn lại một mình, Ryohei bực dọc, loay hoay xoay quanh ngắm chiếc xe. Chiếc xe goòng với thân thùng chắc nịch, bùn bắn đầy, khô quánh.

Một lúc sau, hai người phu xe từ trong quán ra. Người phu có điều thuốc vắt mép tai (lúc này không còn thấy điều thuốc đâu nữa) đến chỗ Ryohei đang đứng đợi bên cạnh chiếc xe goòng, đưa cho Ryohei một cái bánh gói trong giấy báo. Ryohei lạnh nhạt: "Cảm ơn", nhưng sau đó hần nghĩ lại, nói như vậy nghe không được lễ phép, Ryohei bèn bóc bánh ra ăn một miếng. Cái bánh ẩm giấy báo, hơi mùi dầu

Ba người lại tiếp tục đẩy xe, leo con dốc thoải. Ryohei tay đẩy nhưng lòng nghĩ chuyện khác.

Khi xuống hết con dốc phía bên kia đồi thì lại thấy một quán nước giống hệt như cái quán trước. Đợi cho hai người phu vào trong quán, Ryohei ngồi lên bục xe, chỉ tính chuyện đi về. Nắng chiếu từ phía tây sắp lịm hắt trên những đóa hoa mơ nở trước quán. "Trời tối mất!" -- Ryohei nghĩ vậy, không thể ngồi yên, chốc chốc lấy chân đá cái bánh xe goòng, hoặc ra tay thử đẩy chiếc xe mặc dù biết một mình không thể đẩy nổi -- Ryohei làm vậy chỉ để khuây khỏa.

Hai người phu trong quán ra, đặt tay lên mấy cây đà lót đường rầy, hững hờ nói với Ryohei:

- Mày về đi, hôm nay tụi tao ngủ lại đàng này.
- Mày mà về muộn thì nhà mày lo đó.

Ryohei bắt giặc ngấn người ra. Trời đã bắt đầu tối, cuối năm ngoái Ryohei có theo Mẹ đến tận làng Iwamura rồi về, nhưng lần này đường xa gấp ba bốn lần năm ngoái, mà bây giờ lại phải về một mình suốt cả con đường này -- Ryohei bỗng hiểu ra mọi sự. Nó suýt bật khóc. Nhưng nó nghĩ khóc cũng chẳng ích gì, và cũng không phải là lúc để khóc. Ryohei khúm núm cúi đầu chào hai người phu, rồi nương theo con đường rầy mà chạy.

Ryohei cầm đầu chạy một lúc dọc theo đường rầy, bỗng nó cảm thấy gói bánh trong áo lấn cấn khó chịu, liền móc ra liệng bên đường. Cùng lúc ấy, nó hất bỏ luôn đôi dép itazori (5). Chân nó chỉ còn lại có mỗi một lớp tabi (6) mỏng. Lòng bàn chân bị những viên đá nhỏ đâm thẳng vào đau, nhưng nó thấy hai chân nhẹ hẳn ra. Rồi nó cảm được biển nằm phía bên tay trái, nhưng cứ một mực chạy vút nhanh lên con dốc cao. Chốc chốc nước mắt cứ ứa lên làm nó phải nhắm mắt -- Ryohei cố nhịn khóc, nhưng cứ phải hít mũi sục sục.

Chạy qua khỏi khu rừng tre, thì ráng chiều ửng trên nền trời bên triền núi Higane sắp tắt hẳn. Ryohei càng quýnh lên. Quang cảnh lúc về bây giờ trông khác hẳn lúc đi, càng làm cho nó lo. Ryohei thấy khó chịu với cả chiếc áo khoác ngoài đã ướt đẫm mồ hôi. Để cố chạy cho nhanh, nó cởi vứt luôn chiếc áo khoác bên đường.

Chạy đến vườn quýt thì xung quanh trời càng tối. "Chỉ cần còn sống..." dù có bị trượt, bị vấp, Ryohei cũng không màng, chỉ một mực cầm đầu chạy.

Khi Ryohei thấy cái bãi xe goòng ngoài bìa làng hiện ra ở đằng xa trong bóng tối, thì nó muốn khóc òa lên. Mặt thì như dờ khóc, nhưng nó dần lại được, cứ cầm cổ chạy.

Vào đến trong làng thì hai bên đường mọi nhà đã lên đèn. Trong ánh sáng lù mù, Ryohei thấy rõ hơi mồ hôi trên đầu nó bốc khói. Mấy người đàn bà đang đứng bên giếng múc nước, mấy người đàn ông đi làm vườn về, ai thấy Ryohei hồng hộc chạy, đều cất tiếng hỏi "Có chuyện gì vậy đây?" Nhưng nó vẫn

nín thình, một mực cắm đầu chạy, băng qua nào tiệm bán tạp hóa, tiệm hớt tóc rồi những căn nhà có đèn sáng.

Khi chạy lọt vào trong cổng nhà thì Ryohei không còn nhận được nữa, nó òa lên khóc tức tưởi. Nghe tiếng khóc của Ryohei, bố mẹ nó xúm lại. Nhất là mẹ nó, bà ôm chặt lấy nó vào lòng, nói dỗ dành gì đó. Nhưng, Ryohei tay chân cứ vùng vẫy, khóc rống lên. Tiếng khóc, hét dữ dội của Ryohei kéo ba bốn bà hàng xóm tụ tập trước cái cổng tối mờ. Bố mẹ nó và cả các bà hàng xóm ai cũng cố gạn hỏi sao nó khóc. Nhưng càng bị gạn hỏi, nó càng khóc rống lên. Cứ nhớ lại quãng đường xa mới chạy về, tất cả nỗi lo sợ còn lại cho đến giây phút này, thì dù có khóc lớn đến bao nhiêu cũng không hả dạ...

Năm hai mươi sáu tuổi, Ryohei cùng vợ con lên Tokyo. Ryohei giờ này, đang cầm bút son ngòi sửa bản thảo trên lầu hai của một nhà xuất bản tạp chí. Chẳng có lý do gì cả, thế mà có lúc hắn nhớ lại hắn ở cái ngày xa xưa ấy. Chẳng có lý do gì cả? -- Ryohei mệt mỏi, rã rời, trước mặt hắn bây giờ thì ra, cũng giống như cái thửa ngày xưa ấy, vẫn con đường mòn hẹp với những lùm cây, những con dốc tranh sáng tranh tối cứ đứt đoạn, rồi lại cứ tiếp nối nhau chạy dài...

Tokyo, Hino 26- 2-2003

*Dịch từ nguyên tác trong Shincho bunko của nhà xuất bản
Shincho sha.*

Chú Thích

(1) - Odawara: Một thị trấn ở phía nam, cách Tokyo khoảng 80 cây số. Vào thế kỷ 16 có thành Odawara chu vi hơn 9 cây số, do Sứ quân Hojo xây. Tháng 5 năm 1590 Sứ quân Hideyoshi ở phía nam Nhật bản, trong cuộc tranh hùng thống nhất lãnh thổ, động viên 22 vạn quân, vây 5 vạn quân Hojo thủ trong thành. Đến tháng 7 thì Hojo phải ra hàng. Chiến thắng của Hideyoshi ở Odawara mở màn cho thời đại thống nhất dưới quyền cai trị của một Shogun (Tướng quân). Tiếp theo đó là thời đại Mạc phủ của Tokugawa Shogun (thế kỷ 17-19).

(2) – *Atami*: Một thắng cảnh có nhiều suối nước nóng, cách Tokyo khoảng 120 cây số về phía Nam. .

(3) – *Hanten*: Một kiểu áo khoác *Haori* (xem dưới) ngắn đến hông, có cấu tạo và cách may đơn giản hơn, không có giây buộc ở giữa thân áo. *Hanten* thường được dùng làm đồng phục cho giới phu, thợ ngày nay, hay các tổ chức trong xã hội Nhật ngày xưa, thí dụ như các tổ chữa cháy v.v....

(4) – *Haori*: Áo khoác ngắn dùng cho cả nam lẫn nữ, mặc khoác lên bên ngoài bộ áo *Kimomo* dài. Có rất nhiều loại, kiểu mẫu khác nhau.

(5) – *Itazori*: Dép cổ hữu của Nhật, loại rẻ tiền, không có đế, làm bằng gỗ..

(6) – *Tabi*: Vớ cổ hữu của Nhật có phần bao riêng ngón chân cái và phần bao chung bốn ngón chân còn lại. Như thế vớ có chỗ xẻ giữa ngón chân cái và ngón chân chỉ kẹp vào đai guốc.

Mấy trái quýt

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Đinh Văn Phước

Vào lúc chạng vạng một ngày mùa đông mây mù. Tôi ra ga Yokosuka lên chuyến xe lửa đi Tokyo, ngồi một góc trên toa hạng nhì, lơ đãng chờ tiếng tu huýt báo tàu chạy. Trong toa, đèn đã bật sáng từ lâu, nhưng lạ thay, ngoài tôi ra chẳng có hành khách nào khác. Nhìn ra ngoài sân ga lờ mờ tối, hôm nay lạ thật, sao không thấy bóng người tiễn đưa, chỉ có một con chó con bị nhốt trong cũi, chốc chốc cứ sủa ăng ẳng, nghe buồn thảm. Cảnh vật sao giống lòng tôi lúc ấy một cách kỳ lạ. Một cảm giác mệt mỏi rã rời khó tả như bị bầu trời u ám đầy mây tuyết đè nặng trong đầu. Tôi thọc nguyên hai tay trong túi ngoài của chiếc măng tô, ngay cả tờ báo chiều bỏ trong túi ấy cũng không buồn lôi ra đọc.

Rồi tiếng tu huýt rúc lên. Tôi thấy dễ chịu ra một tí, ngả đầu dựa vào khung cửa sổ, trong lòng hờ hững chờ cảnh sân ga sắp chầm chậm lùi về phía sau. Bỗng, từ phía cửa soát vé có tiếng guốc âm ỉ, tiếp đó tôi nghe thấy tiếng la ó của người theo xe soát vé, rồi cửa toa xe tôi đang ngồi bỗng mở toang, một đứa con gái trạc mười ba, mười bốn lật đật leo lên vừa đúng lúc chuyến xe lửa nặng nề lắc mạnh, từ từ chuyển bánh. Hàng cột trên sân ga cắt quang cảnh chạy trước mắt tôi thành từng khung một, chiếc xe rải nước nằm trơ như bị bỏ quên, tiếng người phu khuân vác cảm ơn ai đó cho tiền nước – tất cả lùi dần, lẫn vào trong làn khói tàu tạt vào cửa sổ toa xe, như còn luyến tiếc. Bây giờ tôi mới thấy thanh thản, châm điếu thuốc quán tay hút, lần đầu tiên tôi nhướng cặp mi buồn ngủ, thoáng nhìn mặt con bé ngồi ở ghế trước.

Con bé búi tóc kiểu **ichogaeshi** (1), mái tóc khô không xức dầu, hai gò má đỏ gay đầy những lần nứt nẻ ngang dọc, thấy dễ sợ. Đây đúng là một đứa con gái nhà quê. Nó quàng một

chiếc khăn len màu lá vàng nhạt cẩu bẩn, thả xuống tận đùi, trên đấy đặt một tay nải lớn. Tay nó thâm tím vì sương giá, nó vừa ôm tay nải, vừa nắm chặt cái vé đỏ hạng ba (2). Tôi không thể ưa bộ mặt quê kệch của con bé. Quần áo nó dơ dáy càng làm tôi thêm khó chịu. Sau cùng, tôi hết sức bực con bé đần độn không biết thân phận, không phân biệt nổi đâu là toa hạng ba, đâu là toa hạng nhì. Tôi châm điếu thuốc hút, cốt để quên nó. Tôi lôi tờ báo chiều trong túi ra, giở trên đùi mà đọc. Ánh sáng bên ngoài đổ tràn trên tờ báo, đột nhiên đổi thành ánh điện của bóng đèn trong toa, chữ in tồ tộ trong các cột báo không ngờ lại nổi bật lên thật rõ trước mắt tôi. Thì ra con tàu đã vào hầm đầu tiên của đường xe Yokosuka, đường xe có rất nhiều hầm.

Nhưng các trang báo chiều dưới ánh đèn tàu, toàn những chuyện không đâu, không làm tôi bớt chán nản. Tin về hòa ước, tin đám cưới, tin tham nhũng, các cột phân ưu cáo phó – chuyển xe lửa lại lao vào hầm, trong khoảnh khắc, tôi có cảm tưởng như con tàu đang chạy ngược, và trong cái ảo tưởng ấy tôi đọc lướt qua, như cái máy, các cột báo khô khan vô vị hết bài này đến bài khác. Nhưng suốt cả thời gian ấy, không một giây phút nào tôi lại quên được con bé với tất cả vẻ quê mùa cục mịch, ngời trước mặt. Chuyển xe lửa chạy trong hầm, đưa con gái nhà quê này và những trang báo chiều đầy chuyện tầm phào – những cái đó tượng trưng cho gì đây? Nếu đấy không phải là biểu tượng của cuộc sống tẻ nhạt, thấp hèn, vô nghĩa này, thì là gì? Tôi thấy chán ngắt, hất tờ báo chiều đang đọc dở qua một bên, lại dựa đầu vào khung cửa sổ, nhắm nghiền mắt ru dần vào giấc ngủ.

Vài phút sau, bất giác cảm thấy như có gì đe dọa, tôi chợt mở mắt nhìn xung quanh. Không biết tự hồi nào, con bé đã bỏ chỗ ngồi trước mặt, sang bên cạnh tôi, nó cố hết sức mở cửa sổ toa. Nhưng có lẽ tấm cửa kính quá nặng nên con bé không làm sao nâng nổi. Hai má đầy những lằn nứt cằn cỗi đỏ gắt. Thỉnh thoảng tiếng hít mũi lờng trong tiếng thở hổn hển đứt đoạn của nó, dồn dập vào tai tôi. Dĩ nhiên tôi cũng thấy ít

nhieu thương hại cho con bé. Nhưng đây chính là lúc con tàu lại sắp chạy vào hầm, cỏ khô mọc hai bên sườn núi, phát phơ trong ráng chiều chỉ chực ập vào cửa toa, và đó là một trong những lý do để người ta đóng kín cửa tàu. Thế mà con bé lại cứ muốn nâng cửa sổ lên – tôi không thể nào hiểu nổi. Không, thực ra tôi chỉ đơn giản nghĩ là nó muốn mở cửa sổ chơi mà thôi, vì thế tôi càng bức bối khó chịu. Tôi lạnh lùng nhìn cảnh con bé đang khó nhọc lôi kéo tấm cửa kính với hai bàn tay thâm tím vì sương giá, trong bụng cứ cầu cho con nhỏ sẽ không bao giờ mở được. Tiếng con tàu chạy, bỗng gầm lên dữ dội, chuyển xe lửa lại lao vào hầm, và đột nhiên tấm cửa con bé muốn mở, rơi xuống đánh ầm. Qua cái khoảng trống vuông vức, khói lẫn bụi than đen kịt ập vào khắp toa, khói mù mịt làm tôi nghẹt thở. Tôi vốn yếu cuống họng, lại không kịp lấy khăn tay ra che; khói tấp vào mặt vào mũi; tôi ho sặc sụa, thở không được. Nhưng con bé không hề màng đến tôi, nó thò đầu ra ngoài cửa sổ, mặc cho hai mái tóc hai bên mang tai bị gió lay giạt trong bóng tối, mắt đăm đăm về hướng tàu chạy. Khi tôi ngược mặt nhìn con bé trong màn khói dưới ánh đèn, thì ngoài cửa sổ toa, trời mỗi lúc một sáng ra. Từ bên ngoài, mùi đất, mùi cỏ khô, hơi nước mát lạnh tràn vào giúp tôi dứt được cơn ho, nếu không chắc tôi sẽ mắng phủ đầu con bé không quen biết này, bắt nó phải đóng cửa sổ lại.

Nhưng lúc ấy cũng chính là lúc con tàu đã êm ả ra khỏi hầm, sắp chạy qua một cổng xe lửa ngoài bìa một xóm nghèo nằm xen giữa hai ngọn đồi mọc toàn cỏ khô. Gần cổng xe lửa, mấy cái nhà cất chen chúc nhau, nhà nào cũng lụp xụp tồi tàn, cái thì mái rạ cái thì mái ngói. Một lá cờ trắng nhạt lay động trong ráng chiều, có lẽ người canh cổng xe đang phất cờ. Tôi nghĩ, như thế là tàu đã qua hết các đường hầm -- ngay lúc ấy, bên kia thanh cổng xe vắng vẻ ấy, tôi thấy ba đứa con trai, má hây hây đỏ, xếp hàng chen nhau đứng. Đứa nào cũng bé thấp loắt choắt như bị bầu trời đầy mây đè bẹp xuống. Quần áo chúng nó bạc màu, tồi tàn không khác gì cái xóm nghèo. Ba đứa bé ngược đầu nhìn chuyến xe lửa đang chạy, vừa đưa tay

lên vẫy nhanh, vừa ngưỡng cổ hét to gì đó, tôi nghe không ra. Đúng lúc đó, con bé đang thò nửa thân người ra ngoài cửa sổ toa, đưa tay tím bầm, ra sức vẫy lại. Và bỗng từ trên trời năm sáu trái quýt vàng, màu vàng của nắng ấm, màu vàng gây rộn ràng, rớt xuống đầu ba đứa bé đang đứng tiễn chuyến xe lửa. Tôi bất giác nín thở, chợt hiểu được mọi điều. Thì ra chắc con bé này phải lên tỉnh đi ở đợ, nó cất kỹ mấy trái quýt trong tay áo, bây giờ đem liệng ra ngoài cửa sổ xe, đền công cho ba đứa em đứng đợ ngoài cổng, chờ chuyến tàu để tiễn nó.

Cổng xe bên xóm nghèo chìm trong ráng chiều mờ nhạt, tiếng ba đứa nhỏ hò reo tíu tít nghe như tiếng chim non và mấy trái quýt màu vàng rục rỡ, tung rơi trên đầu chúng – trong nháy mắt, tất cả vụt lướt qua nhanh ngoài cửa sổ con tàu. Nhưng cảnh tượng ấy ăn sâu vào lòng tôi làm tim tôi thất lại. Và từ đó, không hiểu vì sao, lòng tôi rạt rào sung sướng. Tôi thấy hân hoan phấn khởi, ngẩng đầu lên chăm chú nhìn con bé, bây giờ trông như một người hoàn toàn khác. Con bé đã trở về chỗ cũ trước mặt, vẫn khuôn mặt đầy những lần nứt ngang dọc dấu trong chiếc khăn quàng len màu lá vàng nhạt, hai tay vẫn ôm cái tay nải lớn, trong tay vẫn nắm chặt cái vé hạng ba...

Giây phút này, lần đầu tiên tôi quên đi được dù chỉ một thoáng cái mệt rã rời và cuộc đời thấp hèn, tẻ nhạt, vô nghĩa này.

Tokyo, Hino 12 – 2003

Chú Thích

(1) Ichogaeshi: Một kiểu tóc của thiếu nữ Nhật, xin xem hình đính kèm

(2) Vào thời ấy vé xe lửa Nhật có 3 hạng: hạng nhất màu trắng, hạng nhì màu xanh và hạng ba màu đỏ.

MỘNG MỊ

(Yume)

Nguyên tác: Akutagawa Ryunosuke

Người dịch: Đinh Văn Phước

Lời người dịch

Tác phẩm này được đăng lần đầu tiên trên Tạp chí Phụ Nữ Fujin Koron, vào tháng 11 năm 1926, tám tháng trước khi Akutagawa uống thuốc ngủ tự kết liễu cuộc đời mình. Nguyên nhân của cái chết là những nỗi bất an triền miên ám ảnh ông, hay đó chỉ là kết quả tất yếu của căn bệnh thần kinh di truyền từ người mẹ điên? Trong tác phẩm này ông đã viết những chữ "chết cũng được" và "thuốc ngủ". Có thể xem đây là dấu tích báo hiệu sự lựa chọn cái chết của chính ông trong năm sau.

Người họa sĩ bệnh hoạn trong câu chuyện này, từ lúc còn bé đã không phân biệt được đâu là mộng đâu là thực, có phải là hình bóng của chính ông không? Người họa sĩ đam mê hội họa nhưng tự đáy lòng lại thiếu tự tin về tài năng của mình có phải là tâm trạng của ông không? Nếu người họa sĩ là hiện thân của tác giả, thì cô người mẫu là biểu tượng của gì đây? Có phải ông muốn dùng cô người mẫu để ám chỉ cái xã hội hiện thực đầy cám dỗ, thô lỗ...? một đề tài bất tận, ông muốn bóc trần nhưng cảm thấy mình bất lực. Nếu đó là sự tự thú nhận thì điều đó không nhất thiết ăn khớp với thực tế. Bằng cách là ông cũng có một cụm tác phẩm nổi tiếng xây dựng trên cuộc sống hiện thực như: Chiếc khăn mùi-soa, Mấy trái quýt, Tiệc khiêu vũ, Mùa thu, Chiếc xe goòng, Trinh tiết, Cục đất, Ảo ảnh cuộc đời v.v... Người họa sĩ ngồi xem tập tranh của Gauguin, làm bầm "Phải như vậy mới được". Có phải ông muốn diễn tả cái thèm thuồng trong tiềm thức về sự lựa chọn của Gauguin không?

Gauguin đã ly khai đời sống văn minh vật chất bằng cách đi tìm cái đẹp mộc mạc, man dại nơi những nàng con gái thổ dân trên đảo Tahiti. Akutagawa ly khai cuộc đời bằng cái chết.

Tôi mệt đừ người. Không những vai và cổ cứ mỗi cứng ra, tôi còn bị chứng mất ngủ hành rất dữ. Vậy mà lúc nào chớp mắt được tôi lại hay mộng寐. Tôi nhớ có lần nghe ai đó nói, nằm mơ mà thấy màu sắc thì đó là triệu chứng trong người không khoẻ. Nhưng có lẽ vì cái nghề họa sĩ của tôi, nên không lúc nào nằm mơ mà tôi không thấy có màu. Tôi cùng với một

người bạn vô trong một quán ở cuối phố có vách kính giống như quán cà phê. Bên ngoài vách kính đầy bụi bặm có một cây liễu mới ra lá non, mọc ngay bên cạnh cổng xe lửa. Chúng tôi ngồi ở bàn trong góc, ăn một món gì đó đựng trong chén. Ăn xong thì thấy dưới đáy chén còn lại cái đầu rắn dài khoảng 3 phân – trong một giấc mơ như thế tôi cũng thấy màu sắc rất rõ ràng.

Nhà tôi trọ nằm ở ngoại ô Tokyo, mùa đông rất rét. Khi nào lòng thấy u sầu, tôi thường ra đứng trên con đê phía sau nhà, nhìn xuống dưới. Trên nền đá, sỏi lấm lét dầu mỡ và sét rỉ, mấy con đường sắt sáng loé. Phía bên kia đê, có một cây cỏ thụ gương cảnh nghiêng nghiêng. Nói là cảnh buồn thiu thì thật không sai nhưng nó hợp với lòng tôi hơn cảnh phố xá nhộn nhịp ở Ginza hay ở Asakusa. "Dĩ độc trị độc" – một mình trên con đê, tôi ngồi xồm phì phà điều thuốc lá và đôi lúc tôi băng quơ nghĩ như thế.

Không phải tôi không có bạn. Bạn tôi là một họa sĩ trẻ, con nhà giàu, chuyên vẽ tranh theo kiểu tây phương. Thấy tôi không khoẻ, anh khuyến khích tôi nên đi du lịch. "Chuyện tiền nong lo thì cũng xong thôi." – anh tử tế đề nghị với tôi như thế. Nhưng dù có đi du lịch, cái bệnh u sầu này cũng không thể lành được. Hơn ai hết chỉ có mình tôi mới biết rõ điều này. Thực ra ba bốn năm về trước tôi cũng đã rơi vào tình trạng như vậy và để khuây khoả tôi đã đi du lịch xuống tận Nagasaki. Đến Nagasaki, tìm khách sạn nhưng không thấy chỗ nào vừa ý. Sau khi bỏ công kiếm được một nơi thì tối đến, mấy con thiêu thân lọt vào trong phòng quấy rầy tôi cả đêm. Chưa đầy một tuần thì tôi quyết định quay trở về Tokyo

Một hôm vào khoảng xế trưa trời lạnh, đất hầy còn sương đóng băng, tôi đi lãnh tiền về thì bỗng thấy hứng muốn vẽ. Chắc đó là vì tôi có tiền trong tay, có thể mướn người mẫu, nhưng quả thật cũng có cái hứng sáng tác đột nhiên dâng lên trong lòng tôi. Tôi không về ngay nhưng tạt qua hãng M hỏi mướn người mẫu để vẽ một bức chân dung cỡ lớn, khung cỡ số 10. Trong cơn u sầu, quyết ý này làm tôi thấy sáng khoái

hắn ra, điều mà lâu nay tôi không có. "Vẽ xong bức tranh này thì chết cũng được" – Tôi thật tình nghĩ như vậy.

Người mẫu bên hãng M gửi sang không đẹp nhưng thân thể cô nàng – nhất là bộ ngực thì thật là đầy đặn. Tóc cô rậm, chải tóm hết về phía sau. Tôi rất hài lòng, để cô ta ngồi trên ghế mây rồi lo sửa soạn đồ vẽ ngay. Người mẫu đã loã thể. Thay vì để cô nàng cầm một bó hoa, tôi vò nhàu một tờ báo tiếng Anh cho cô ta cầm, bắt cô ta ngồi hai chân khếp lại và đầu để nghiêng sang một bên. Nhưng khi tôi bắt đầu đối diện với cái giá vẽ, cái mẹt mõi chán nản vì cứ phải vẽ hoài, lại xâm chiếm tôi. Căn phòng này ở bên phía bắc, nhưng trong phòng chỉ để một cái bồn than làm lò sưởi. Tôi đã đốt thật nhiều than cháy đổ hực trong đó, nhưng vẫn không sưởi ấm nổi căn phòng. Cô người mẫu ngồi trên ghế mây, lúc lúc mấy bắp thịt trên đùi cứ run lên một cách phản xạ. Tôi đưa cọ lên vẽ và cứ mỗi lần cô ta run là mỗi lần tôi thấy bức. Không phải tôi bức cô ta, nhưng tôi bức với chính tôi. Tôi đã không mua nổi một cái lò sưởi đốt bằng dầu, đồng thời tôi bức vì ngay cả một chuyện như thế này cũng bắt tôi phải khổ tâm lo nghĩ

- Nhà cô ở đâu?
- Nhà tui hả? Tui ở dưới xóm Yanaka Sansaki.
- Cô ở một mình?
- Đâu có, tui ở với con bạn, hai đứa mượn chung.

Tôi vừa nói vừa đưa cọ phết màu dần lên khung vải, vẽ cô ta như vẽ một tĩnh vật. Cô nàng ngồi, đầu vẫn để nghiêng, mặt trơ trơ không biểu lộ một tình cảm nào. Không những lời cô ta mà cách cô ta nói cũng thẳng trợn một giọng. Đối với tôi, có lẽ từ lúc sinh ra tính cô ta đã như vậy. Nhưng tôi thấy ở đó như có cái gì thoải mái, nên ngay cả sau khi vẽ xong tôi thường bắt cô ta cứ ngồi nguyên như vậy. Tuy mắt cô ta nhìn yên một chỗ không hề lay động, thế mà tôi không khỏi không cảm thấy một sự khiêu khích kỳ lạ toát ra từ thân thể của cô nàng.

Việc sáng tác không tiến triển như ý muốn của tôi. Mỗi ngày sau khi vẽ xong, tôi thường nằm lăn ra trên tấm thảm trải trên sàn, nắn bóp sau ót, trên đầu và lơ đãng nhìn quanh căn phòng trọ. Căn phòng này vốn vẹn chỉ có cái giá vẽ và chiếc ghế mây. Chiếc ghế mây mặc dù không có ai ngồi, thế mà có khi nó bật ra tiếng nghiến. Có lẽ đó là do sự thay đổi của độ ẩm trong phòng. Những lúc như thế tôi thấy rờn rợn, bỏ ra ngoài đi dạo. Nói là đi dạo nhưng thật ra tôi chỉ quanh quẩn trong cái xóm nhà quê nhiều chùa chiền nằm dọc theo con đê đường sau nhà trọ.

Tuy vậy tôi không hề nghỉ làm việc, ngày nào tôi cũng ngồi trước giá vẽ. Ngày nào cô người mẫu cũng đến đây. Tôi cảm thấy càng về sau này, thân thể cô nàng càng khêu gợi tôi hơn. Chắc chắn trong tôi có xen chút tình cảm thèm thuồng với vóc dáng khỏe mạnh của cô ta. Cô nàng vẫn giữ thái độ lạnh lùng, ngả mình nằm dài trên tấm thảm màu đỏ nhạt, mắt nhìn yên về một góc phòng. "Đứa con gái này không phải là giống người, nó không khác gì một con vật" – Tôi vừa vẽ, vừa nghĩ như thế.

Một hôm vào buổi chiều, gió ấm thổi về, tôi hí hụi cầm cọ vẽ. Hôm nay cô người mẫu trông càng đầy đà hơn mọi khi. Tôi chợt nhận ra tôi bị sức khêu gợi man rợ của thể xác người con gái lôi cuốn. Và tôi ngửi thấy một mùi hăng nồng toát ra từ dưới nách cô nàng hay từ đâu đó, giống như cái mùi hôi hăng hắc của da người da đen.

- Cô quê quán ở đâu?
- Quê tui ở ... tỉnh Gunma.
- Làng ... hả? Làng này nghề dệt thịnh lắm mà.
- Dạ phải.
- Cô không làm thợ dệt sao?
- Hồi nhỏ có làm chớ.

Trong khi trò chuyện như thế, không biết từ hồi nào tôi đã chú ý đến cái núm vú mỗi lúc một căng to lên của cô ta. Cái núm vú to lên như một nụ cải sắp nở. Dĩ nhiên cũng như mọi

khi, tôi cố dồn hết chú ý vào việc vẽ mà thôi. Nhưng cái núm vú – cái núm vú đẹp đến dễ sợ của cô nàng cứ ám ảnh tôi một cách kỳ lạ.

Đêm hôm ấy, trời vẫn không ngừng gió. Tôi bỗng thức giấc muốn đi tiêu. Nhưng khi tỉnh táo ra thì rõ ràng tôi thấy cửa phòng đã mở thế mà tôi chỉ đi vòng quanh trong phòng. Tôi chợt dừng lại, ngơ ngác đứng yên giữa phòng. Tôi nhìn xuống tấm thảm màu đỏ nhạt ngay dưới chân, rồi đưa mấy ngón chân trần mơn trớn mặt tấm thảm. Nó cho tôi cái cảm giác gần giống như một tấm da của con thú có lông. "Mặt trái tấm thảm này màu gì nhỉ?" – tôi tự hỏi và áy náy về câu hỏi đó, nhưng không biết vì sao tôi lại sợ không dám lật tấm thảm lên xem là màu gì. Sau khi làm xong việc bài tiết, tôi chui vào chăn ngủ trở lại.

Ngày hôm sau tôi tiếp tục vẽ, nhưng càng thấy nản. Bây giờ ở lâu trong phòng phút nào, tôi thấy bồn chồn thêm phút ấy. Vì vậy tôi bỏ ra ngoài con đê đằng sau nhà. Cả vùng, trời sắp tối. Những hàng cây, những trụ điện không còn hứng chút ánh nắng nào, thế mà chúng hiện lên rất rõ trước mắt tôi. Tôi đi dọc theo con đê, muốn hét thật to lên. Dĩ nhiên tôi đã nén lại được. Tôi cảm thấy như chỉ có cái đầu của tôi đi tới phía trước và tôi rảo bước xuống khu xóm tồi tàn nằm dọc theo con đê.

Xóm nhà quê này, lúc nào cũng ít thấy người qua lại. Có một con trâu bị cột nơi góc trụ điện bên lề đường. Con trâu vẫn giữ tư thế vươn cổ tới trước, chăm chăm nhìn tôi, mắt nó ươn ướt mơn màng giống hệt như mắt một đứa con gái. Nó như đang trông chờ tôi đến với nó. Và trong ánh mắt con trâu tôi cảm thấy như có cả sự khiêu khích âm thầm. "Khi nó đâu mặt với tên đồ tể, chắc nó cũng có cái nhìn như thế này". Cảm giác ấy làm tôi thấy khó chịu, rốt cuộc tôi quành sang ngõ khác, không đi qua chỗ con trâu đứng.

Rồi đến một buổi chiều hai ba hôm sau, tôi ngồi trước giá vẽ, hị hụi cầm cọ vẽ. Cô người mẫu nằm yên trên tấm thảm màu đỏ nhạt, ngay cả lông mày cô ta cũng không hề động

đây. Tôi vẽ cô người mẫu trước mặt đã được nửa tháng mà vẫn chưa xong. Và trong khi trò chuyện, hai đứa cũng không thấy thông cảm nhau. Hơn thế nữa, tôi cảm thấy càng ngày thân xác cô ta càng khiêu khích tôi mạnh hơn. Ngay cả vào giờ nghỉ, dù chỉ một chiếc áo sơ-mi, cô ta cũng không chịu khoác. Nói chuyện thì cô ta chỉ trả lời qua loa các câu hỏi của tôi. Nhưng hôm nay, trong khi vẫn nằm duỗi chân trên tấm thảm màu đỏ nhạt, xoay lưng về phía tôi (tôi chợt khám phá ra cô ta có một nốt ruồi đen trên vai bên mặt), không biết vì có gì mà cô ta mở miệng bắt chuyện với tôi.

- Nè thầy, con đường vô nhà trọ này có dựng mấy cột đá, phải không thầy?

- Ừ...

- Đó là mấy cái cột làm dấu mả chôn nhau của đàn bà đẻ.

- Mả chôn nhau?

- Thiệt đó a, mấy cột đá là dấu hiệu đó nghen.

- Sao cô biết?

- Tại tui thấy rõ ràng mấy chữ viết trên cột đá đó a.

Cô nàng vẫn nằm yên, ngoái cổ nhìn tôi qua bờ vai, miệng cười mỉm.

- Khi đẻ, ai chun ra mà lại không đội một bọc nhau.

- Cô cứ ăn nói nhảm nhí.

- Thầy nói vậy chớ cứ nghĩ ai cũng chun ra theo cái nhau...

- ? ...

- Thì người ta cũng giống như mấy con chó con thôi à.

Tôi vẫn ngồi trước cô người mẫu, đưa cọ vẽ một cách miễn cưỡng? - nhưng điều đó không có nghĩa là tôi thấy chán không muốn vẽ. Lúc nào tôi cũng muốn lột trần cái thô lỗ từ trong cơ thể của cô nàng ra. Nhưng để bóc trần được cái thô lỗ ấy tôi lại không đủ tài năng. Hơn thế, chính tôi cũng muốn tránh. Có lẽ vì tôi không muốn dùng cọ vẽ và sơn dầu để biểu hiện những cái thô lỗ ấy. Còn nếu nói lấy phương tiện gì thì có thể diễn tả được nó...vừa giơ cọ lên vẽ, đôi lúc tôi liên

tưởng đến cái gậy đá hay cây gươm đá trưng bày trong một bảo tàng viện nào đó.

Sau khi cô nàng đã ra về, tôi ngồi dưới ánh sáng mù mờ của bóng đèn điện, giờ tập tranh lớn của Gauguin vẽ thời ở Tahiti ra xem từng tấm một. Một lúc sau, tôi mới sực ý thức được là chính mình đang lằm bằm trong miệng "Phải như vậy mới được". Tại sao tôi lại lặp đi lặp lại một câu như vậy. Chính tôi cũng không hiểu lý do. Nhưng tôi bỗng thấy rờn rợn, bèn bảo bà giúp việc về đi, rồi tôi uống mấy viên thuốc ngủ, xong tôi đi ngủ.

Khi thức dậy thì đã gần mười giờ. Đêm hôm qua nhờ trời ấm, tôi đã nằm lăn ra ngủ ngay trên tấm thảm. Nhưng, hơn cả chuyện ấy, giấc mơ tôi thấy trước lúc thức giấc mới là điều làm tôi lo. Tôi thấy tôi đứng ngay giữa gian phòng này một tay bóp cổ muốn giết cô người mẫu (mà tôi biết chắc rõ ràng đây là chuyện nằm mơ). Mặt cô nàng hơi ngược lên, vẫn không lộ một chút tình cảm nào, mắt dần dần khép lại. Đồng thời cặp vú cô ta vẫn căng phồng tròn trịa thật đẹp. Cặp vú trắng nõn nổi những lằn gân máu nhợt nhạt. Tôi đã không ngần ngại bóp cổ giết cô ta. Hơn thế, tôi thấy có khoái cảm sau khi làm xong cái việc đương nhiên ấy là đàn ông khác. Cô ta nhắm mắt như đã chết đi trong yên lặng – tôi thức dậy sau một giấc mơ như thế, nốc cạn hai ba cốc nước trà thật đậm, nhưng càng thấy u sầu hơn. Tự đáy lòng, tôi không hề muốn giết nàng, nhưng bên ngoài cái ý thức của tôi thì sao? – tôi rít một hơi thuốc lá dài, sống trong những giây phút nôn nao lạ lùng, trông ngóng cô nàng. Nhưng đã một giờ trưa rồi mà vẫn chưa thấy cô ta đến. Tôi muốn bỏ đi dạo, không đợi nữa, nhưng ngay cả việc đi dạo này cũng làm tôi thấy lo sợ. Nội cái việc bước ra khỏi ngưỡng cửa căn phòng này – một chuyện chẳng có gì cả như thế, mà tôi cũng thấy không chịu nổi.

Ngày sắp hết, bóng tối dần dần ập xuống. Tôi sống trong chờ đợi, đi đi lại lại trong phòng. Cô người mẫu chắc không bao giờ trở lại. Một lúc sau tôi nhớ lại ký ức của mười hai, mười ba năm về trước – hồi tôi còn bé. Cũng một buổi chiều

như hôm nay, tôi ngồi ngoài hiên, đốt mấy cây nhang pháo bông. Dĩ nhiên lúc ấy không phải tôi ở Tokyo mà tôi đang sống với cha mẹ ở nhà quê. Bỗng tôi nghe có tiếng la to "Ê, sao vậy mà!" hơn thế nữa tôi cảm thấy như vai tôi, có ai lay. Trong đầu, tôi chỉ nghĩ là tôi đang ngồi ngoài hiên nhưng khi mơ hồ lấy lại được ý thức thì mới biết tôi đang ngồi ở ngoài cánh đồng trồng hành sau nhà. Đốt hết cây hành này đến cây hành khác, sạch bách cả hộp diêm tự lúc nào mà tôi không hay – tôi rít một hơi thuốc dài và suy nghĩ, chắc tôi phải để ý đến những giờ khắc tôi sống hoàn toàn bên ngoài ý thức của tôi. Đó không phải chỉ là nỗi lo âu nhưng chính là nỗi lo sợ trong lòng tôi. Đêm hôm qua, tôi nằm mơ thấy tôi bóp cổ giết cô nàng, nhưng nếu đó không phải ở trong mộng thì sao...

Cô người mẫu ngày hôm sau vẫn không thấy tới. Tôi buộc phải đến hãng M để hỏi âm tín của cô nàng. Nhưng ông chủ hãng M cũng không có tin tức gì cả. Tôi càng thấy lo, nên xin họ chỉ chỗ cô ta ở. Chính cô ta nói cô ta ở dưới xóm Yanaka Sansaki. Nhưng theo lời ông chủ hãng M thì cô ta ở trên xóm Hongo Higashikata. Khi tôi đến đấy thì đèn đường đã thấp sáng. Nhà cô ta thuê là một căn tiệm giặt ủi trong ngõ hẻm, vách sơn màu đỏ nhạt. Mặt tiền lộng kiếng, bên trong có hai người thợ chỉ mặc áo thun đang đứng chăm chú ủi đồ. Tôi định thủng thẳng đẩy cửa bước vào, thế nhưng không biết làm sao, tôi lại cụng đầu vào cửa kiếng. Tiếng động làm cho cả hai người thợ lẫn chính tôi giật mình.

Tôi lúng túng bước vào, hỏi một trong hai người thợ:

– Có cô ... ở nhà không?

– Cô ... đi từ hôm kia chưa thấy về.

Mấy tiếng trả lời ấy làm tôi lo. Nhưng tôi nghĩ không nên hỏi thêm, phải cẩn thận, vì nếu có gì thì họ sẽ nghi tôi.

– Cái cô ấy khi nào bỏ nhà đi thì đi mất biệt có khi cả tuần không thấy về.

Người thợ có nước da mặt mét mét, tay vẫn không ngừng ủi, thêm thắt vào. Trong lời nói của anh ta, rõ ràng có giọng

khinh miệt, tôi thấy giận vội bỏ ra ngay. Nhưng điều đó còn đỡ, bởi vì trong khi tôi đang đi trong xóm Higashikata đông đúc nhà cửa, tôi lại sực nhớ ra, có lần tôi đã nằm mơ thấy cái xóm này trong mộng. Cũng tiệm giặt ủi có vách sơn đỏ, kiến trúc kiểu tây phương. Cũng mấy người thợ có nước da mặt mét mét. Cũng bàn ủi cháy hực than. Việc đến đây tìm cô nàng thì mấy tháng trước (hay mấy năm trước đây), tôi cũng đã thấy y hệt như vậy trong mộng. Và dĩ nhiên cũng ở trong mộng, sau khi bỏ căn tiệm ra, tôi cũng một mình đi trên con đường vắng vẻ của khu xóm này. Thế rồi – thế rồi... sao các ký ức mộng寐 ấy biến đi đâu mất cả, chẳng còn lại một chút nào trong trí não tôi. Và bây giờ dù có chuyện gì xảy ra cho tôi đi chẳng nữa, tôi cũng nghĩ chẳng qua đó chỉ là chuyện xảy ra trong mộng...

11-1926

Tokyo, Hino 10-3-2005

Nguyên tác trên mạng Aozora Bunko (www.aozora.gr.jp)

Sợ Tơ Nhện

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Đinh Văn Phước

Tác giả :

Akutagawa Ryunosuke sinh năm 1892 (Meiji/Minh Trị năm thứ 25) ở Irifune-cho, Kyobashi-ku, Tokyo bây giờ đổi thành Chuo-ku. Cha có nông trại nuôi bò để lấy sữa. Lúc mới đầy bảy tháng thì mẹ phát cuồng, nên được thân quyến bên ngoại, gia đình người Anh của mẹ nhận về nuôi. Năm lên 10 thì mẹ ruột mất trong bệnh viện người điên. Năm 12 tuổi mới chính thức lấy họ ngoại là Akutagawa. Ông mất năm 1927.

Vào được Đông Kinh Đế Quốc Đại học nay là Đông Kinh Đại học (Tokyo Daigaku), Ông cùng với bạn học là Kikuchi Kan, Kumei Masao những cây bút nổi tiếng đương thời tích cực hợp tác lập văn đàn và sáng tác. Năm 1916 Ông viết truyện ngắn Hana (Cái Mũi), được đại văn hào Natsume Soseki khen không tiếc lời, tháng 9 cùng năm sáng tác truyện Imogayu (Cháo khoai). Năm sau đó 1917, Ông cho in tập Rashomon (La Sinh Môn) gom góp một số truyện ngắn nổi tiếng, tự đó tạo được một chỗ đứng riêng trong văn đàn Nhật bản. Ông là một trong những cây bút đại diện cho văn học Nhật thời đại Taisho (Đại Chính). Ngày nay một giải thưởng văn chương rất có uy tín mang tên Ông, phát hàng năm cho cây bút nào với sáng tác có giá trị văn học cao.

Tác phẩm *Sợ tơ nhện* được sáng tác vào năm 1918 cho tạp chí Văn Nghệ Thanh thiếu niên Akai Tori (Con Chim đỏ). Trong những năm tiếp theo Ông rất tích cực sáng tác truyện ngắn cho Thanh thiếu niên chẳng hạn như Majutsu (Ảo thuật 1919), Toshishun (Đỗ tử Xuân 1920)., Torokko (Chiếc xe goòng 1922) , Sennin (Ông tiên 1922) v.v...

Xin kể, đây là câu chuyện xảy ra trên Cực Lạc. Một bữa nọ, Đức Thích Ca một mình lững thững đi dạo bên hồ sen. Những đóa sen trong hồ nở trắng toát, đẹp như ngọc. Từ giữa nhụy vàng một hương thơm ngào ngạt khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Xin thưa, trên Cực Lạc lúc đó đúng vào buổi sáng.

Đức Thích Ca dừng lại bên cạnh hồ sen. Xuyên qua giữa những lá sen phủ khắp mặt hồ, Đức Phật chột đưa mắt nhìn xuống dưới.

Xin thưa, bên dưới hồ sen lại chính là đáy của địa ngục. Nước hồ trong vắt như thủy tinh. Đây là sông Tam Đồ, đây là những hòn núi đầy kim. Cảnh tượng ở dưới trông rõ mồn một như được soi gương.

Dưới địa ngục, cảnh gã Kandata cùng với các tội nhân khác đang quần quai rên siết, lọt vào mắt Phật.

Tên Kandata này là một tên trùm trộm cướp. Cả đời, y làm đủ chuyện độc ác, cướp của, đốt nhà, giết người không gớm tay. Duy chỉ một lần, y cũng làm được một việc thiện. Vâng, đó là chuyện vào một buổi nọ, tên ác ôn này đang đi trong rừng sâu, bỗng y thấy một con nhện bò bên vệ đường.

Y liền giở chân lên định dẫm chết con nhện, nhưng y nghĩ "Không, không, nó tuy chỉ là một con vật nhỏ bé, nhưng nó cũng có một sinh mệnh, nỡ nào ta lại giết đi, như thế thì tội nghiệp cho nó quá". Nghĩ vậy y bèn thôi, không giết con nhện.

Đức Thích Ca nhìn cảnh địa ngục, nhớ lại chuyện tha không dẫm chết con nhện của tên Kandata. Để ứng báo cho cái việc thiện ấy của y, Đức Phật nghĩ nếu được thì cũng muốn cứu vớt tên này ra khỏi cảnh địa ngục. May thay lúc ấy, Đức Phật nhìn bên cạnh, thấy trên một lá sen xanh như cẩm thạch, một con nhện trên Cực Lạc đang giăng tơ, những đường tơ óng ánh, đẹp như bạc.

Đức Phật bèn vươn tay nhẹ vớt một sợi tơ nhện và xuyên qua giữa những đóa hoa sen trắng như ngọc, bông thẳng

tuốt xuống địa ngục.

2

Xin thưa, dưới địa ngục, tên Kandata cùng với những tội nhân khác đang lặn hụp trong ao máu, lúc nổi lúc chìm.

Mà tứ bề thì tối mịt. Trong cái cõi âm u ấy, nếu đâu đó có cái gì hiện ra, thì đó lại chính là những mũi kim nhọn hoắt của các hòn núi đầy kim dưới địa ngục, lóe ánh sáng trông thật là khủng khiếp, ghê rợn. Hơn thế, cả vùng lặng ngắt như nằm trong huyết mộ, chốc chốc chỉ nghe thấy vọng tiếng thở dài khe khẽ của các tội nhân.

Xin thưa, ai mà đã sa xuống dưới địa ngục này, thì phải chịu đủ thứ cực hình đau đớn, còn sức đâu nữa để mà khóc thành tiếng.

Cho nên dù lúc sinh tiền Kandata là tên cường đạo, thì nay giỏi lắm cũng chỉ giãy giụa, sặc sụa trong ao máu không khác gì một con ếch sắp chết mà thôi.

Nhưng xin thưa, trong lúc lặn hụp ấy, Kandata bất giác ngược mặt nhìn trời. Ô kìa trong cái cõi u minh tối mịt, xa tít từ trên trời cao, một sợi tơ nhện màu bạc như một tia sáng, lóng lánh thật mỏng, len lén buông xuống nhẹ nhẹ như không muốn cho ai hay, ngay trên đầu của mình.

Khi Kandata nhận ra điều này thì trong bụng mở cờ. Nếu bám được sợi tơ nhện này mà leo miết lên thì chắc có lẽ sẽ thoát được địa ngục.

Ờ này, không biết chừng có thể vào được cả chốn Cực Lạc. Như vậy thì từ nay khỏi bị đuổi trèo lên núi đầy kim nhọn, hết phải bị bắt lặn hụp trong ao máu nữa.

Nghĩ vậy, Kandata liền đưa hai tay níu chặt lấy sợi tơ nhện và cố hết sức mà leo lên, lên cao hơn.

Xin thưa, y vốn là tên cường đạo, nên chuyện như vậy thì xưa nay y đã từng quen thuộc.

Nhưng xin thưa, khoảng cách giữa địa ngục và Cực Lạc thì xa đến hàng ngàn vạn dặm, dù có muốn gấp cũng chẳng dễ gì mà có thể thoát ngay được. Kandata ra sức leo một mạch thì

thấm mệt, kiệt sức, không tài nào leo nổi nữa, dù chỉ một gang.

Không cách nào hơn, Kandata đành đeo cứng sợi tơ ở giữa chừng, định nghỉ một lát để lấy lại sức. Y đưa mắt nhìn xuống phía dưới xa lắc.

Thì ra, đã không hoàn công leo, cái ao máu mới hồi nào đây, y đã lặn hụp trong đó thì nay, không biết tự hồi nào đã chìm mất trong bóng tối phía bên dưới. Cả những ngọn núi đầy kim sáng lờ mờ khủng khiếp kia, cũng đã khuất ở phía dưới chân của y rồi. Cứ như thế này mà leo miết lên thì không biết chừng chuyện ra khỏi được địa ngục không phải là không được

Kandata quán sợi tơ nhện vào cả hai tay, đã mấy năm rồi từ ngày sa xuống địa ngục, y không hề thốt ra nổi một lời, nay bỗng to tiếng cười "Được rồi, chắc được rồi".

Nhưng bất đồ y nhận ra, ở kia phía dưới sợi tơ nhện, không biết bao nhiêu là tội nhân cứ nối nhau, hết lòng cố leo lên theo y, đông như kiến.

Thấy vậy Kandata vừa hoảng vừa lo. Y chờ người ra, miệng há hốc, mắt đảo quanh.

Y nghĩ thầm, sợi tơ nhện này mong manh như thế, một mình y đeo không thôi cũng không biết chừng bị đứt, thế thì làm sao mà chịu cho nổi sức nặng của cả chừng ấy người.

Nếu lỡ mà sợi tơ này bị đứt giữa chừng, thì toi hết công đã leo được đến đây, và chính y cũng sẽ rớt trở lại địa ngục. Không thể được.

Nhưng ngay cả trong khoảnh khắc ấy, từ dưới ao máu tối mịt, hàng trăm, hàng ngàn tội nhân khác, lúc nhúc nối tiếp nhau bò lên, cố bám lấy sợi tơ nhện mong manh sáng, leo lên trên thành một hàng dài.

Kandata liền hét to.

– Ê bọn bây, sợi tơ nhện này của tao. Bọn bây đã xin phép ai mà dám leo lên đây. Xuống hết! Xuống hết!

Chính ngay lúc đó.

Sợi tơ nhện cho đến giây phút ấy chẳng sao cả, bỗng đột nhiên đứt phụt một tiếng, ngang từ trên chỗ tên Kandata đang đeo.

Và như thế, tên Kandata chẳng còn bám víu vào đâu được. Trong chớp mắt y rớt lộn ngược, người y cắt gió quay vòng như một con vượn, rớt tuột xuống trong bóng tối.

Xin thưa sau đó, giữa bầu trời không trăng không sao, chỉ còn lại một sợi tơ cụt ngắn của con nhện trên Cục Lạc, lòng thòng óng ánh sáng, rất mong manh.

3

Đức Thích Ca ngự bên hồ sen trên Cục Lạc, nhìn rõ mọi chuyện, mãi cho đến lúc tên Kandata chìm ngấm trong ao máu như một tảng đá. Đức Phật như có vẻ buồn, lại lững thững cất bước đi.

Vì cái tâm không có một chút từ bi, chỉ muốn một mình thoát khỏi địa ngục, mà Kandata đã bị quả báo rớt trở lại địa ngục, dưới mắt Đức Phật, là cả một điều bi đát thảm thương.

Thế nhưng, trên Cục Lạc sen trong hồ vẫn nở như không có chuyện gì xảy ra .

Những đóa hoa sen trắng như ngọc, đài hoa lay nhẹ bên chân Phật. Từ giữa nhụy vàng ngào ngạt một hương thơm khó tả, ngan ngát tỏa ra khắp miền.

Xin thưa, lúc đó trên Cục Lạc đã gần đến đúng Ngọ.

Tokyo, Hino 1-2003

Tu tiên

Tác giả : Akutagawa Ryunosuke

Người dịch : Đinh Văn Phước

Thưa quý bạn

Hiện nay tôi đang ở Osaka, xin để tôi kể hầu quý bạn một câu chuyện truyền tụng ở đây .

Ngày xưa, có một gã ra tỉnh Osaka làm việc. Không ai biết tên thật của gã là gì, chỉ biết gã đến đây làm bếp, nên người ta chỉ gọi gã là Gonsuke (1).

Thiên hạ kể rằng khi Gonsuke vén bức rèm bước vào trong cửa tiệm chuyên môi giới công ăn việc làm, thì gã nhờ ngay người coi tiệm, đang ngồi ngậm ống điếu, tìm giúp công việc bằng một câu như thế này:

- Dạ thưa bác, tui muốn tu cho thành tiên, xin bác làm ơn giới thiệu giùm chỗ nào để tui vô làm rồi ở tu luôn trong đó.

Người coi tiệm chưng hửng, không biết trả lời sao cho phải, đành nín thinh.

- Bác ơi, tui nói bác không nghe sao bác? Tui muốn thành tiên, bác làm ơn giới thiệu giùm cho chỗ nào để tui vô làm rồi ở đó tu luôn.

- Thật tội nghiệp cho cậu, nhưng...

Người coi tiệm lại bập bập hút ống điếu, rồi nói tiếp.

- Tiệm tui xưa nay chưa nhận giới thiệu cho ai đi tu tiên, cậu cảm phiền đi kiếm chỗ khác.

Nghe bảo vậy, Gonsuke tỏ ngay vẻ bất bình, hấn lết hai đầu gối quần lót nhuộm xanh sặc sỡ, xịch lại gần chỗ người coi tiệm, nói lý sự:

- Nè, nè bác nói vậy đâu được. Rèm trước tiệm, bác quảng cáo gì ngoài đó... hở? Rõ ràng là trên đó có đề mấy chữ: Tiệm môi giới VẠN, có đúng không nào? Đã là VẠN thì có nghĩa là

vạn sự, việc gì cũng giới thiệu. Hay là, bác tính viết điều dối trá trên bức rèm hay sao?

Lời gã nói, nghe như đinh đóng cột. Gonsuke nổi giận có cái lý của gã.

– Không không, bức rèm tiệm tôi không có đề điều gì dối trá đâu, nếu cậu muốn tìm chỗ đi tu cho được, thì ngày mai cứ trở lại, để hôm nay tôi đi hỏi dạm trước mấy chỗ, xem có được không đã.

Người coi tiệm nhận lời Gonsuke như vậy, vì muốn tránh chuyện lời thôi ngay lúc ấy. Tình thật chàng ta làm gì biết cách nào tìm ra chỗ tu tiên. Cho nên, sau khi xưa được Gonsuke ra khỏi tiệm, chàng ta liền lật đật sang nhà ông thầy thuốc gần đấy, thuật lại đầu đuôi câu chuyện của Gonsuke, rồi lo lắng hỏi:

– Thưa thầy câu chuyện đầu đuôi như thế, thầy có biết muốn thành tiên, thì đi đâu tu mau thành nhất thầy?

Cớ sự thế này thì ngay cả ông thầy thuốc cũng bí. Ông ta chỉ biết lơ đãng khoanh tay, xoay mặt ngó ra ngoài vườn, ngắm cây tùng. Nhưng vợ của ông thầy thuốc nghe xong câu chuyện thì xía miệng vô ngay. Vợ xáo quyết này, thiên hạ giấu cột gán cho cái tên, vợ cáo già.

– Chuyện ấy à, cứ dặt nó lại đây cho tui. Ở với tui hai ba năm thì tui dạy thành tiên liền hà.

– Thiệt hả bà? Thế này thì tôi hỏi đúng chỗ quá. Vậy xin nhờ hai ông bà đấy nhé. Xưa nay tôi vẫn ngờ ngợ cái nghề bốc thuốc nó có dính líu với các ông tiên.

Người coi tiệm chẳng hiểu ất giáp gì, nhưng cũng kính cẩn gập mình chào đi chào lại mấy lần, rồi ra về, bụng mừng khôn xiết

Ông thầy thuốc mặt mày ngượng nghịu, tiễn khách xong thì xoay sang vợ, cầu nhàu:

– Nè bà, sao bà nói năng gì tầm bậy như thế? Lỡ cái tên nhà quê kia, đến đây ở cả mấy năm liền mà không được dạy thuật tiên, thế nào nó cũng bất bình, lúc ấy bà tính sao đây?

Nhưng mẹ vợ không những không chịu lỗi, ngược lại còn hếch mũi cười, bô bô nói lẩn át chồng:

- Này, im cái mồm ông đi, chớ cái tướng của ông, thẳng như ruột ngựa, thì kiếm đâu cho ra miếng cơm trong cái thời buổi cực khổ này.

Ngày hôm sau, đúng như đã hẹn, người coi tiệm dắt tên nhà quê Gonsuke đến nhà ông thầy thuốc. Gonsuke cũng khôn, gã nghĩ được hôm nay là ngày ra mắt, nên gã đóng cả bộ áo khoác có in hoa văn dòng họ của gã. Nhưng rốt cuộc trông gã cũng không khác gì hơn một tên nhà quê quen. Ăn mặc trịnh trọng như thế chỉ làm ông thầy thuốc cứ chòng chọc nhìn mặt gã, như ngắm nghía một con xạ hương mới đem từ bên Thiên trúc sang, rồi ông ta thắc mắc hỏi:

- Người ta bảo mi muốn thành tiên, mi nói thử xem, từ đâu mà mi nảy ra cái ước vọng đó?

Gonsuke trả lời:

- Thiệt ra cũng không có lý do gì đặc biệt, nhưng khi thấy cái thành quách Osaka thì tui lại nghĩ, ngay cả như cái ngài Taikosama (2). người đạt quyền cao tước trọng đến như thế, tới lúc cũng chết, thế thì trên cái thế gian này, dù có đạt được vinh hoa phú quý cho đến mấy, tui nghĩ chẳng qua đó cũng chỉ là chuyện bèo bọt.

Mẹ vợ xảo quyệt của ông thầy thuốc không do dự nói xen vào ngay:

- Thế thì miễn là được thành tiên, chuyện gì mi cũng chịu làm phải không?

- Dạ vâng, miễn là thành tiên được, thì chuyện gì tôi cũng xin làm.

- Thôi được, từ ngày hôm nay trở đi, mi vô đây ở, giúp việc cho ta trong vòng hai mươi năm. Mãn hạn hai mươi năm, ta sẽ truyền phép tiên cho.

- Dạ thiệt không? nếu được như vậy thì tui muôn vàn đội ơn Bà.

- Bù lại trong hai mươi năm đó, ta không trả cho mi một xu nào đâu đấy.

- Dạ vâng, dạ vâng, tui xin chịu.

Từ đấy, Gonsuke vào ở hầu hạ hai vợ chồng ông thầy thuốc ròn rã hai mươi năm trường. Nào là gánh nước, bữa củi, nấu cơm, lau chùi quét dọn nhà cửa. Thêm vào đó, khi nào ông thầy thuốc ra phố đi chẩn bệnh, Gonsuke phải vác cả hòm thuốc theo hầu ông ta. - Thế mà gã không hề hé môi xin lấy một xu. Một kẻ hầu hạ quý giá như gã, tìm khắp nước Nhật này chắc cũng không kiếm đâu cho ra được.

Nhưng rồi cũng tròn hai mươi năm. Cũng như hôm mới đến đây, Gonsuke lại thảng bộ áo khoác có in hoa văn dòng họ gã, cung kính đến trước mặt Ông Bà chủ, lạy tạ ơn chủ nhân đã cho phép gã hầu hạ chu đáo suốt hai mươi năm trời.

- Như Ông Bà chủ đã có hứa rành rành, vậy hôm nay xin Ông Bà chủ truyền cho tiên thuật, trường sinh bất tử.

Bị Gonsuke thúc hối, ông thầy thuốc cứng miệng. Bất người ta hầu hạ đủ điều, hai chục năm trời không trả một xu, bây giờ không lẽ lại mở miệng nói không biết phép tiên; ông thầy thuốc buộc lòng nói:

- Tiên thuật thì chỉ có vợ ta mới biết, mi cứ xin vợ ta dạy đi.

Ông thầy thuốc nói thế rồi quay mặt làm ngơ.

Nhưng mẹ vợ thì vẫn điềm nhiên, mẹ nói một mạch:

- Ờ thì để ta dạy phép tiên cho. Nhưng dù có thấy khó đến đâu, mi cũng phải làm y như lời ta bảo đấy nhé. Nếu không thì không những mi chẳng thành tiên được, mà mi còn phải làm không công cho ta thêm hai mươi năm nữa đấy nhé, bằng không ta sẽ phạt tội chết, mi có chịu không?

- Dạ vâng, chuyện dù khó đến đâu, tôi cũng xin làm.

Gonsuke khắp khởi mừng rỡ, thấp thỏm đợi mẹ vợ dạy phép tiên.

- Được rồi, đây này mi hãy ra trèo lên cây tùng ở ngoài vườn kia.

Mụ vợ liền ra lệnh như vậy. Số là chuyện phép tiên thì mụ có biết quái gì, mụ chỉ cốt bày chuyện thật khó để Gonsuke không cách nào làm được, rồi nhân đó bắt gã làm công không thêm hai mươi năm nữa. Nhưng Gonsuke sau khi nghe điều mụ dạy, liền ra ngoài vườn, trèo ngay lên cây tùng.

– Leo lên cao hơn nữa, cao hơn nữa.

Mụ vợ ra ngoài hiên đứng, ngược nhìn Gonsuke đang trèo cây tùng. Gonsuke bây giờ đang ở tít trên ngọn đại thụ, chiếc áo khoác của gã căng gió.

– Bây giờ mi hãy thả tay mặt ra.

Gonsuke tay trái vịn chặt vào một cành to của cây tùng, chăm rãi thả tay mặt ra.

– Mi thả luôn tay trái cho ta xem nào.

– Ối, ối, thả luôn tay trái thì tên nhà quê sẽ té ngay đó bà. Dưới này toàn là đá, té xuống đây thì chết toi mạng nó.

Ông thầy thuốc cầm lòng không nổi, vội ra ngoài đầu nhà, mặt mày lo lắng.

– Này chưa tới phiên ông phải ra tay đâu, ông để mặc tui. –

– Nào hãy bỏ tay trái ra, nào.

Không đợi mụ vợ nói hết câu, Gonsuke thả phắt luôn tay trái. Gã đang leo cây mà thả hết hai tay, tất nhiên phải té. Trong khoảnh khắc, Gonsuke, cả thân người lẫn chiếc áo khoác, lìa khỏi ngọn cây tùng. Lìa khỏi ngọn cây, nhưng không rớt. Một điều kỳ diệu đang xảy ra giữa ban ngày, thân người ấy đứng nguyên giữa không trung như một con hình nhân tuồng múa rối.

– Cho ta tạ ơn, nhờ bà mà nay ta đã thành tiên .

Gonsuke trịnh trọng nghiêng mình chào, rồi thong thả đạp trời xanh, lên tầng mây cao, biến mất.

Còn hai vợ chồng ông thầy thuốc sau này ra thế nào? Không ai biết. Chỉ biết cây tùng thân to bốn người ôm không xuể ấy, nghe người ta nói, vẫn còn sống rất lâu về sau. Người ta đồn rằng hình như có một người tên là Yodoya Tatsugoro

đã cho người đem bứng cây đại thụ ấy về trồng trong vườn của mình, để vào tiết đông ngồi ngắm cảnh tuyết phủ cành tùng.

Tokyo, Hino 10-3-2004

Dịch từ nguyên tác trong Shincho Bunko

Chú Thích

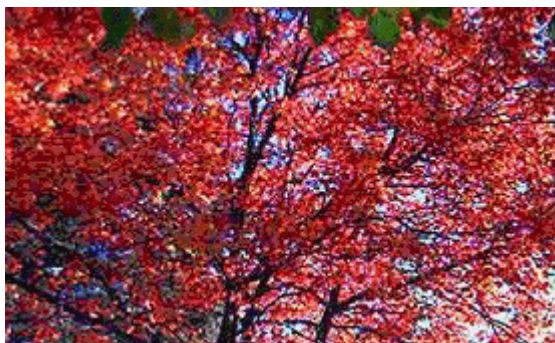
1. Gonsuke: Tên gọi chung những người giúp việc làm bếp dưới thời đại Edo (Mạc phủ Tokugawa). Nhật Bản có thành ngữ “thật thà như Gonsuke”

2. Taikosama: Một cách gọi tôn kính Tướng Quân Toyotomi Hideyoshi (thế kỷ 16), lãnh chúa thống nhất Nhật Bản, chấm dứt thời đại tranh hùng giữa các sứ quân.

Mùa Thu

Aki

Akutagawa Ryunosuke – Nguyễn Ngọc Duyên dịch



Lời người dịch :

Tác phẩm Mùa Thu (Aki) được viết vào năm 1920, hai năm sau khi Akutagawa lập gia đình và đang làm việc cho nhật báo Mainichi với những điều kiện rất ưu đãi. Ông chỉ cần viết tiểu thuyết đăng trên báo mà thôi. Đây là bắt đầu thời kỳ ông viết về những đề tài xã hội đương thời nhưng đa phần mang tính chất tự thuật, yếm thế. Mùa Thu là một trong những sáng tác đó.

Câu chuyện dưới đây diễn tả những tình cảm phức tạp và tình tiết éo le của hai chị em cùng yêu một thanh niên, lòng trong cảnh sắc đẹp, yên tĩnh, u buồn của những mùa thu Nhật Bản. Qua Mùa Thu, có lẽ Akutagawa muốn gói ghém nỗi niềm

của chính mình đối với một người con gái thường hay lui tới nhà ông nhưng cuối cùng cuộc hôn nhân đã không thành.

Bản dịch sau đây được dịch từ nguyên tác Nhật ngữ "Aki" đăng trên mạng aozora.gr.jp, có tham khảo bản dịch tiếng Anh "Autumn" của Eji Ukai và Eric. S. Bell cũng như bản dịch tiếng Việt "Mùa Thu" của Phong Vũ.

Nobuko là một thiếu nữ tài hoa. Khi còn là sinh viên ở một trường nữ đại học, cô đã nổi tiếng là văn hay chữ giỏi. Bạn cô hầu hết đều tin tưởng không sớm thì muộn cô sẽ trở thành một cây bút mới trong làng văn học. Trong trường có đứa bạn nói với mọi người rằng Nobuko đã viết trên ba trăm trang cho một truyện tiểu thuyết loại tự thuật. Thế nhưng khi Nobuko vừa mới ra trường thì cô đã phải trực diện với một sự tình phức tạp. Mẹ Nobuko góa chồng, vất vả nuôi hai chị em cô ăn học mà đứa em gái tên Teruko chưa học xong trung học. Trước mặt người mẹ tảo tần, Nobuko ít khi có thái độ ích kỷ cá nhân và bây giờ, theo như tập quán của xã hội cô không tránh khỏi việc phải nghĩ đến chuyện lập gia đình trước khi bắt đầu sự nghiệp sáng tác!

Cô có một người anh họ tên Shunkichi, một sinh viên học văn chương. Shunkichi cũng nuôi mộng trong tương lai sẽ trở thành một nhân vật trong chốn văn đàn. Từ lâu, cả hai là đôi bạn chí thân và vì cùng thích bàn chuyện văn học nên càng ngày họ càng thân nhau hơn. Cái khác với Nobuko là Shunkichi hoàn toàn không xem trọng trường phái Tolstoi [1], hồi đó rất thịnh hành. Khi đối thoại, Shunkichi hay nói những lời lẽ châm biếm hoặc những câu cách ngôn dạy đời của Pháp. Thái độ giễu cợt và hời hợt này đôi khi đã làm phật lòng Nobuko, vốn tư chất nghiêm trang. Tuy nhiên, Nobuko không khỏi không cảm thấy ở những lời lẽ của Shunkichi có một cái gì không thể xem thường.

Do đó, khi còn là sinh viên, hai người thường rủ nhau đi xem triển lãm hoặc nghe nhạc. Những lần như thế, hầu như lúc nào cũng có Teruko bên cạnh. Cả ba cùng trò chuyện và cười đùa rất vui vẻ. Chỉ có Teruko đôi khi bị đặt ra ngoài vòng

trò chuyện giữa Nobuko và Shunkichi nhưng cô không lộ một vẻ gì bất bình cả. Như đứa trẻ, cô vừa đi vừa ngắm mấy cây dù hay mấy tấm khăn choàng trưng bày ở các cửa hàng. Khi Nobuko nhận ra điều này, cô liền thay đổi đề tài để gọi Teruko nói chuyện lại như trước. Mặc dù vậy, Nobuko chính là người trước tiên quên rằng cô có cô em gái đang đi chơi chung với mình. Shunkichi thì như là vô ý với tất cả sự việc, vừa đi vừa giễu cợt vui vẻ, chậm rãi nghênh ngang trong dòng người qua lại tấp nập trên đường phố.

Tình cảm nồng ấm giữa Nobuko và Shunkichi đã khiến đám bạn cô tin chắc là hai người sẽ kết hôn với nhau. Bạn bè người thì ao ước có được một tương lai như Nobuko, kẻ thì sinh lòng đố kỵ. Đặc biệt, (điều thật là khôi hài là) người không biết Shunkichi thì càng ganh tị nhiều hơn. Nobuko khi thì đĩnh chính, khi thì cố ý làm cho bạn cô ngẫm hiểu đó là sự thật. Vì vậy, trước khi hai người tốt nghiệp, hình ảnh tương lai của Nobuko và Shunkichi như đôi vợ chồng mới cưới đã in đậm trong tâm trí của tất cả mọi người.

Khi Nobuko tốt nghiệp đại học thì hoàn toàn trái hẳn với dự tưởng của họ, cô đột nhiên lập gia đình với một thanh niên tốt nghiệp trường cao đẳng thương mại và mới làm việc cho một công ty mậu dịch ở thành phố Osaka. Sau lễ cưới vài ngày, cô theo chồng đi Osaka. Theo lời người đi tiễn ở nhà ga Tokyo, Nobuko luôn mỉm cười vui vẻ như mọi khi, thảnh thơi an ủi về Teruko, ngày hôm ấy khóc sướt mướt không nguôi.

Tất cả bạn cô, không ai là không thắc mắc. Trong lòng họ, có tình cảm vui sướng và tình cảm ganh tị, một thứ ganh tị hoàn toàn khác với thứ ganh tị hai ba năm về trước, trộn lẫn vào nhau một cách kỳ diệu. Người tin cẩn thì nghĩ rằng cô đã chọn chữ hiếu mà phó mặc định mệnh cho người mẹ quyết định. Kẻ đa nghi thì cho rằng cô đã thay lòng đổi dạ. Họ cố tìm một lời giải thích thỏa đáng mặc dù họ thừa hiểu rằng những cách giải thích đó chỉ là sản phẩm của óc tưởng tượng. Tại sao Nobuko không kết hôn với Shunkichi? Câu hỏi này, khi

các bạn cô gặp nhau, bao giờ họ cũng bàn tán sôi nổi như là một đề tài rất quan trọng. Tuy nhiên sau đó chừng vài tháng, họ không còn nhắc đến Nobuko nữa và quên luôn cả quyển tiểu thuyết trường thiên mà họ nghĩ là Nobuko sẽ cho ra đời.

Trong khi đó ở ngoại ô thành phố Osaka, Nobuko đang sống những chuỗi ngày đầy hạnh phúc. Căn nhà của vợ chồng cô nằm giữa một rừng thông yên tĩnh. Khi chồng cô đi làm vắng nhà, chỉ có mùi nhựa thông quyện với ánh sáng xuyên qua khung cửa sổ chiếm ngự bầu không khí tĩnh mịch nhưng đầy sinh khí của căn nhà mới hai tầng. Vào những buổi chiều cô đơn ấy, khi Nobuko cảm thấy lòng mình nặng trĩu, cô thường lấy ra một bức thư màu cam xếp dưới đáy một hộp đựng kim chỉ. Bức thư có những hàng chữ nhỏ đẹp:

"...Chị ơi! Hôm nay là ngày cuối cùng em được ở gần bên chị. Khi viết những dòng chữ này em không cầm được nước mắt chị ạ. Em xin chị. Em xin chị hãy tha thứ cho em. Em không biết nói làm sao trước sự hy sinh cao quý của chị. Em biết chị chấp thuận lời cầu hôn là vì em. Chị có nói là không phải thế, em cũng không tin. Em biết rất rõ. Chị có nhớ một đêm khi hai chị em mình đi xem kịch ở Đế Quốc Kịch Trường không? Chị hỏi em có yêu anh Shunkichi không. Rồi chị nói tiếp nếu em có yêu thì em hãy lấy anh ấy đi. Chị sẽ hết sức giúp. Khi ấy, chị đã đọc lá thư em gửi cho anh Shunkichi rồi phải không? Khi em biết mình mất lá thư đó, em đã hận chị. (Em xin lỗi chị, em không biết nói sao). Đêm ấy em đã hiểu những lời lẽ thân yêu của chị như là lời trêu chọc nên em không trả lời thẳng vào câu hỏi quyết định đó. Hai ba ngày sau, nghe tin chị vội vàng chấp thuận lời cầu hôn, em sững sờ cả người. Nếu có phải chết đi để xin lỗi chị, em cũng sẵn lòng. Chị cũng yêu anh Shunkichi! Đừng có giấu em, em biết rõ mà. Em biết chắc nếu không vì em, chị sẽ kết hôn với anh Shunkichi. Chị đã lặp đi lặp lại nhiều lần giữa chị và anh Shunkichi không có gì cả. Rồi bây giờ, chị lập gia đình với một người mà chị không yêu. Chị yêu dấu của em! Chị có nhớ em đã bảo gì với con gà con em ôm trong tay không? "Chào dì

Nobuko đi. Ngày mai dì đi Osaka đó". Em muốn cùng con gà mà em nuôi xin lỗi chị. Hôm đó, mẹ không hiểu gì hết chuyện giữa hai chị em mình, cũng khóc.

Chị ơi ! Ngày mai chị sẽ đi Osaka rồi phải không? Chị nhớ đừng bao giờ bỏ Teruko, đưa em nhỏ của chị nhé. Mỗi sáng khi cho gà ăn, chắc em sẽ khóc thầm vì nhớ chị."

Nobuko luôn ứa nước mắt khi đọc lá thư này. Nobuko nhớ lại hình ảnh rất dễ thương của Teruko, nhét vội vào tay cô lá thư khi cô sắp bước lên con tàu hỏa rời ga Tokyo. Có thật cô đã hy sinh hạnh phúc của mình như Teruko tưởng tượng hay không? Lòng hoài nghi sau khi hết khóc đã làm Nobuko cảm thấy bứt rứt nặng nề. Để thoát khỏi ý nghĩ tiêu cực đó, Nobuko tìm cách khuây khỏa bằng cách nhìn về phía rừng thông. Một chập, ánh nắng dần dần đổi sang màu vàng báo hiệu trời sắp tối.

2

Trong vòng ba tháng đầu, như tất cả những cặp vợ chồng mới cưới, họ sống với nhau hạnh phúc. Người chồng là người ít nói nhưng tính tình thì hơi giống đàn bà. Mỗi ngày sau khi đi làm về và sau buổi cơm tối, anh ta luôn dành vài tiếng đồng hồ cho vợ. Nobuko vừa đan vừa kể cho chồng nghe những truyện tiểu thuyết hay những vở kịch đang làm sôi nổi dư luận. Câu chuyện của Nobuko, đôi khi có thêm một vài triết lý về nhân sinh quan, thường thấy ở những nữ sinh tốt nghiệp trường đại học thuộc hệ Thiên Chúa giáo. Người chồng, mặt đỏ vì men rượu, đặt tờ báo phát hành buổi tối đang đọc xuống đùi và chăm chú nghe cô nói một cách thích thú, nhưng tuyệt nhiên không góp thêm một ý kiến riêng tư nào cả.

Mỗi chủ nhật, họ thường đi du ngoạn ở ngoại ô thành phố Osaka. Những khi ở trên tàu điện, Nobuko đều nhận thấy người miền Kansai [2] không được lịch sự cho lắm ở chỗ họ ăn uống bất kể nơi chốn. Cô lấy làm hãnh diện với thái độ hòa nhã của người chồng, trông quý phái hơn một bậc. Người chồng ăn mặc chỉnh tề đẹp đẽ, từ cái mũ, bộ veste cho đến cả

đôi giày da màu đỏ, trông rất thanh tao. Khi chồng cô ngồi giữa đám quần chúng địa phương, tất cả như tỏa ra một mùi thơm tinh khiết giống như mùi thơm từ cục xà phòng trang sức. Đặc biệt vào lúc nghỉ hè khi họ đi xa để viếng thăm maiko [3] và tình cờ gặp các bạn đồng nghiệp trong phòng trà đạo, Nobuko càng thấy hãnh diện hơn về chồng cô, nhưng cô lấy làm lạ về thái độ quá thân mật của người chồng đối với đám bạn tầm thường trong sở.

Không bao lâu, Nobuko nhớ lại việc sáng tác mà cô đã bỏ dở khá lâu. Vì vậy, mỗi ngày sau khi chồng đi làm vắng nhà, cô thường ngồi vào bàn vài tiếng đồng hồ để sáng tác. Khi người chồng biết cô viết văn, anh ta mỉm cười thông cảm: "Em sắp sửa trở thành một nữ văn hào rồi đấy". Thế nhưng dù ngồi vào bàn, Nobuko cũng không viết được bao nhiêu. Tay chống cằm, cô thả hồn theo tiếng ve sầu phát ra từ rừng thông trong bầu không khí oi ả của mùa hè. Cô không khỏi không cảm nhận thân phận cô trong tiếng ve sầu đó.

Vào một ngày đầu thu nhưng trời nóng nực trở lại, trước khi đi làm người chồng lục tìm một cổ áo sạch để thay cho cổ áo đã ướt mồ hôi. Nhưng không may tất cả đã được mang đi tiệm giặt. Người chồng quen ăn mặc sạch sẽ nên mặt cau lại. Khi thất lại dây quần trên ngực, người chồng cau mày: "Viết tiểu thuyết hoài không lo việc nhà". Nobuko cúi mặt không trả lời, lo phủ bụi áo veste cho chồng đi làm.

Hai ba ngày sau vào một buổi tối, khi đọc báo thấy có vấn đề thực phẩm, người chồng lên tiếng yêu cầu Nobuko nên tần tiện một chút. Rồi, anh ta nói thẳng thừng: "Nên nhớ em không còn là nữ sinh nữa đâu nhé". Nobuko đang thêu chiếc cà vạt cho chồng, chỉ trả lời một cách miễn cưỡng. Người chồng bồi thêm: "Cái cà vạt đó, mua còn rẻ hơn là làm". Nobuko càng làm thình không nói một tiếng. Một chập sau không thấy cô trả lời và cảm thấy nhàm chán, người chồng lấy một tạp chí thương mại ra đọc. Sau khi tắt đèn phòng ngủ, Nobuko nằm quay lưng lại với chồng khẽ nói: "Em sẽ không viết tiểu thuyết nữa đâu". Người chồng không trả lời. Một lát,

cô lặp lại với một giọng nhỏ nhẹ hơn, rồi cô bật khóc. Người chồng trách móc cô vài ba câu rồi bảo cô im đi, nhưng tiếng khóc thút thít của cô vẫn không dứt. Một lát sau, Nobuko ôm chặt lấy người chồng.

Ngày hôm sau họ làm lành trở lại. Tưởng là mọi sự sẽ tốt đẹp từ đó nhưng có một đêm quá 12 giờ mà người chồng chưa về nhà. Tới lúc người chồng về thì anh ta nồng nặc mùi rượu và say lúy túy đến nỗi tự mình không cởi áo khoác ngoài được. Nobuko nhíu mày, tận tình thay quần áo cho chồng, nhưng đền bù cho cô là lời nói mỉa và nhỏ mọn như đàn bà: "Đêm nay anh mà không về nhà thì tha hồ em viết tiểu thuyết". Đêm ấy khi Nobuko vừa đặt lưng xuống ngủ thì tự nhiên nước mắt chảy giàn giụa. Nếu Teruko thấy Nobuko khóc như vậy, không biết cô em sẽ buồn và khóc làm sao. Đêm đó, Nobuko không tài nào ngủ được vì hơi thở nồng nặc mùi rượu của người chồng. Trăn trở, nhiều lần Nobuko gọi thầm tên người em: "Teruko ơi, Teruko! Chị chỉ biết tâm sự với em thôi".

Sáng hôm sau, tự nhiên họ hòa thuận trở lại.

Khi những câu chuyện như thế tái diễn ngày nọ qua ngày kia thì trời đã vào giữa thu. Hiếm khi Nobuko ngồi vào bàn viết, mà người chồng cũng không còn thích thú nghe Nobuko kể chuyện văn chương như trước nữa. Mỗi đêm, đối diện nhau bên lò sưởi, họ chỉ còn biết giết thời giờ bằng những câu chuyện như thiếu hụt tiền bạc trong gia đình. Ít ra đây cũng là một đề tài hấp dẫn nhất đối với người chồng, sau khi anh ta xong buổi cơm tối và một chén rượu. Thỉnh thoảng cô theo dõi sắc diện chồng với vẻ thương hại, nhưng người chồng không biết gì cả. Ngậm vài sợi râu để dài trong miệng và vui vẻ hơn hẳn mọi hôm, anh ta dăm chiêu nói: "Bây giờ chúng mình mà có con thì..."

Đạo đó, Nobuko thấy tên người anh họ xuất hiện trên những tờ nguyệt san. Sau khi lập gia đình, Nobuko cắt đứt mọi liên lạc thư từ với Shunkichi, như thể cô đã không còn muốn nhớ đến Shunkichi nữa. Thỉnh thoảng có những tin tức của Shunkichi như đã tốt nghiệp đại học ban Văn hay cùng

một số bạn thân ra mắt một tạp chí thì là do các bức thư từ người em gái gửi đến. Tuy Nobuko không muốn biết thêm về Shunkichi mấy, nhưng khi thấy tên của Shunkichi trên những trang tiểu thuyết thì cô nhớ lại những ngày xưa. Nhiều lúc, Nobuko không nhịn cười một mình được khi đọc những trang do Shunkichi viết. Cũng một giọng điệu, vừa châm chọc vừa hài hước. Giống như Miyamoto Musashi [4] dùng hai thanh kiếm cùng một lúc. Có thể từ tiềm thức hay chẳng, Nobuko cảm nhận trong những lời văn mỉa mai nhẹ nhàng của Shunkichi có tiềm ẩn một tâm trạng buồn chán, buông thả chưa từng có của người anh họ. Và cô không khỏi cảm thấy hối hận là đã suy nghĩ như vậy.

Từ dạo ấy, Nobuko trở nên chiều chuộng người chồng hơn trước. Những đêm thu lạnh, người chồng nhìn thấy Nobuko, ngồi bên kia lò sưởi lúc nào cũng tươi cười vui vẻ. gương mặt cô trông trẻ hơn trước và thường được trang điểm. Vừa may, cô vừa kể cho chồng nghe những điều cô nhớ khi hai người làm đám cưới ở Tokyo. Người chồng, ngạc nhiên và sung sướng trước những chi tiết đó: "Em còn nhớ cả những chuyện như thế à!". Bị chồng trêu, Nobuko không trả lời mà chỉ đưa mắt nhìn chồng tình tứ. Đôi khi cô cũng không hiểu tại sao cô lại nhớ dai đến thế.

Không bao lâu, cô nhận một bức thư từ người mẹ báo tin đám hỏi của Teruko đã xong. Trong thư, mẹ cô viết thêm rằng Shunkichi đã tậu một căn nhà mới ở ngoại ô vùng Yamanote để đón Teruko về sống chung. Cô viết ngay một lá thư dài chúc mừng: "Vì nhà không có ai, rất tiếc chúng con không thể lên dự ngày cưới... ". Ngòi bút Nobuko khựng lại nhiều lần (cô không hiểu tại sao) khi cô viết những dòng chữ đó. Cô ngược mắt lên, rồi lại nhìn ra ngoài phía rừng thông. Những cây thông xanh rì và rậm rạp dưới bầu trời mới sang đông.

Đêm ấy, Nobuko cùng chồng bàn chuyện kết hôn của Teruko. Người chồng mỉm cười vui thích nghe Nobuko nhái giọng nói của cô em. Nhưng Nobuko lại có cảm tưởng là cô kể chuyện của Teruko cho chính cô nghe. Hai ba tiếng đồng hồ

sau, vuốt bộ râu mềm mại, người chồng đứng dậy rời lò sưởi: "Thôi đi ngủ nhen". Suy nghĩ mông lung không biết tặng món quà gì cho người em và đang dùng đũa gấp than viết vài chữ trên đồng tro, Nobuko đột nhiên ngược mặt lên nhìn chồng:

– Nhưng mà lạ thật. Khi nghĩ rằng mình có được một người em trai.

– Lẽ dĩ nhiên rồi. Mình có em gái mà.

Nobuko chỉ làm thinh, cặp mắt như suy nghĩ sâu xa lắm.

Giữa tháng Chạp, Teruko và Shunkichi làm đám cưới. Ngày hôm đó, trước trưa một chút, tuyết bắt đầu rơi lảm tãm, Nobuko ngồi ăn trưa một mình. Sau bữa cơm, mùi cá vẫn còn đọng trong miệng. Tựa mình vào lò sưởi trong phòng khách thiếu ánh sáng và trong tư thế bất động, Nobuko nghĩ: "Ở Tokyo, có lẽ tuyết cũng rơi chẳng?" Tuyết rơi thật nhiều, nhưng mùi tanh của cá vẫn không bay khỏi miệng.

3

Mùa thu sang năm, sau một thời gian dài Nobuko có dịp cùng chồng đặt chân lên đất Tokyo, khi người chồng nhận lệnh của hãng đi công tác nơi đây. Vì phải hoàn tất nhiều việc trong một thời gian ngắn, người chồng chỉ đến thăm mẹ Nobuko qua loa. Ngoại trừ ngày ấy, cô không được chồng dẫn đi đâu cả. Khi đi thăm gia đình người em ở ngoại ô Tokyo, cô cũng phải đi một mình. Cô xuống tàu điện ở một ga cuối đường tàu, chung quanh là một khu đất mới. Cô gọi xe kéo rồi sau đó ngồi lắc lư trên con đường nhiều ổ gà dẫn đến nhà Teruko.

Nhà của họ nằm trong một khu phố sát vườn hành. Chung quanh ở đâu cũng là nhà mới, cất san sát chật hẹp, đúng như kiểu nhà cho thuê. Tất cả đều na ná giống nhau từ cái cổng có mái hiên che, hàng rào cho tới đồ giặt phơi trên sào. Phong cảnh nhà cửa tầm thường này đã làm cho Nobuko hơi thất vọng.

Khi Nobuko đến một nhà để hỏi thăm, không ngờ người ra tiếp cô chính là người anh họ. Khi thấy mặt người khách ít có

dịp gặp được, Shunkichi reo lên, cũng một giọng linh hoạt như trước:

- Ối chà chà!

Nobuko nhận thấy Shunkichi không còn để tóc ngắn như thời sinh viên nữa. Cô chào lại:

- Lâu ngày quá.

- Vào nhà đi. Tiếc quá, chỉ có mình tôi thôi.

- Teruko đâu? Đi vắng hả?

- Teruko đi có việc. Người giúp việc cũng vậy.

Nobuko cảm thấy hơi ngượng. Cô cởi áo khoác ngoài có lớp vải lót bên trong đẹp sắc sỡ, rồi nhẹ nhàng đặt ở một góc thêm nhà.

Shunkichi mời cô ngồi trong một phòng rộng tám chiếu [5], vừa là phòng đọc sách kiêm phòng khách. Trong phòng, sách vở chất ngổn ngang. Đặt biệt chung quanh một cái bàn nhỏ làm bằng gỗ tử đàn đặt bên cửa kéo, có nắng chiếu rọi xuống thì còn tệ hơn nữa. Báo, tạp chí rồi bản thảo bừa bãi đến nỗi không còn muốn dọn dẹp. Chỉ có một món đồ duy nhất trong phòng nói lên sự hiện hữu của người vợ trẻ là một cây đàn koto [6] dựng bờ tường, cạnh phòng ngủ. Nobuko không ngừng quan sát căn phòng với cặp mắt hiếu kỳ.

Shunki châm lửa thuốc điếu, nhìn Nobuko với cặp mắt thân thiện:

- Qua thư từ, mình biết Nobuko sẽ đến thăm, nhưng không nghĩ là ngày hôm nay. Sao? Sinh hoạt ở Osaka như thế nào?

- Còn anh Shunkichi thì sao? Hạnh phúc chứ?

Trong khi trao đổi dăm ba câu, Nobuko ý thức tình thân ái của những ngày xưa đang trỗi dậy trong lòng cô. Cô không còn e ngại lắm về chuyện cô đã không trao đổi thư từ hơn hai năm nay.

Cùng để tay trên lò sưởi, hai người nói đủ thứ chuyện, như tiểu thuyết của Shunkichi, tin tức bạn bè, so sánh giữa Tokyo

và Osaka v.v... Giữa họ có rất nhiều chuyện để nói, nói bao nhiêu cũng không hết. Tuy nhiên, như là đã giao ước từ trước, hoàn toàn họ không đề cập đến những vấn đề liên quan đến cuộc sống riêng tư. Điều này đã tạo cho Nobuko có cảm tưởng mạnh là cô đang nói chuyện với người anh họ mà thôi.

Tuy nhiên, im lặng cũng thỉnh thoảng đến giữa hai người. Khi đó, Nobuko mỉm cười, cúi mặt nhìn xuống đồng tro tàn dưới lò sưởi. Có vẻ cô đang âm thầm chờ đợi một điều gì (mặc dù nói là chờ đợi cũng không đúng hẳn). Không hiểu ngẫu nhiên hay cố ý, Shunkichi liền tìm ngay một đề tài để phá tan bầu không khí yên lặng. Lần lần, Nobuko không khỏi không ngược nhìn lên gương mặt người anh họ. Nhưng Shunkichi chỉ bình thản hút thuốc, không tỏ ra đặc biệt che giấu một tình cảm không tự nhiên.

Một chặp sau, Teruko trở về nhà. Vừa thấy mặt chị, Teruko mừng rỡ nắm tay Nobuko còn Nobuko thì mỉm cười nhưng mắt đã ngấn lệ từ bao giờ. Hai chị em vốn đã hỏi thăm nhau sinh hoạt từ năm ngoái, trong một thời gian dài mà không màng gì đến Shunkichi. Teruko tươi tắn, đôi má ửng hồng màu máu, đã không quên kể cho người chị nghe chuyện con gà nuôi từ trước đến nay. Ngậm điếu thuốc trong miệng, Shunkichi nhìn hai chị em, cười hề hề một cách thích thú.

Khi đó, người giúp việc cũng vừa về tới. Được trao cho mấy tấm bưu thiếp, Shunkichi vội vã ngồi ngay vào bàn, rồi bắt đầu viết phúc đáp. Teruko thấy làm lạ khi nhận ra người giúp việc cũng vắng nhà:

– Vậy là khi chị đến đây, không có ai ở nhà à?

Nobuko lấy vẻ bình tĩnh trả lời:

– Ờ, chỉ có anh Shunkichi.

Tức thì, Shunkichi quay lại phía Teruko nói:

– Cám ơn chồng đi. Trà đó là do anh rót đấy.

Teruko đưa mắt nhìn cô chị tinh nghịch cười khúc khích, như cố ý không thèm trả lời chồng.

Sau đó, Nobuko bắt đầu dùng cơm tối với vợ chồng cô em. Teruko giải thích tất cả trứng gà trên bàn ăn đều là do con gà cô nuôi đẻ ra. Shunkichi vừa rót rượu vang mời Nobuko, vừa lý sự: "Cuộc sống của loài người có sự bóc lột trong đó. Bắt đầu từ chuyện nhỏ như quả trứng gà". Một nhận xét có tính cách chủ nghĩa xã hội, nhưng điều trớ trêu là Shunkichi là người thích ăn trứng gà nhất trong ba người ngồi ở bàn ăn. Nghe chồng nói, Teruko bật cười giòn giã, tiếng cười trong trẻo như trẻ con, cho rằng đó là điều khôi hài. Trong không khí chung quanh bàn ăn như thế, Nobuko không khỏi không nhớ lại những buổi hoàng hôn trên phòng khách cô đơn của cô trong khu rừng thông xa xôi.

Sau phần tráng miệng bằng trái cây, câu chuyện vẫn chưa dứt. Đêm dài dưới bóng đèn điện, ngà ngà vì men rượu Shunkichi vừa ngồi tréo chân vừa thao thao bất tuyệt với những ngụy biện độc đáo của anh ta. Cuộc đàm luận sôi nổi làm Nobuko trở lại. Cô mắt sáng lên:

- Tôi cũng sẽ xuất bản tiểu thuyết. Được chứ?

Người anh họ không trả lời, tiếp tục dẫn chứng câu nói của Gourmont:

- Thần Muses [7] là nữ thần nên chỉ có nam giới là có thể tự do sử dụng họ như tù binh mà thôi.

Nobuko cùng Teruko không chấp nhận uy tín của Gourmont, trở thành đồng minh. Teruko làm nghiêm nói:

- Như vậy, nếu không phải là nữ giới thì không thể trở thành nhà âm nhạc hay sao? Thần Apollo không phải là đàn ông chăng?

Đêm tối quá khuya, Nobuko phải ngủ lại. Trước khi đi ngủ, Shunkichi mở một cánh cửa rồi bước ra ngoài vườn nhỏ, bộ đồ ngủ còn mặc trên người. Sau đó, gọi trống không: "Nào ra xem trăng đi. Trăng đẹp lắm". Nobuko đặt chân vào đôi guốc để ngoài vườn rồi một mình theo chân Shunkichi. Sương lạnh thấm vào chân không mang tất. Mặt trăng chênh chếch trên nhánh cây bách èo uột ở góc vườn. Đứng dưới cây bách,

người anh họ ngẩng nhìn bầu trời lơ mờ ánh trăng. Nobuko rụt rè tiến đến gần Shunkichi, cảm thấy khó chịu trước cảnh xơ xác của khu vườn:

– Cỏ dại mọc nhiều quá.

Tuy nhiên Shunkichi chỉ ngược mặt nhìn bầu trời, nói nhỏ:

– Đêm mười ba rồi nhỉ.

Im lặng giữa hai người. Một chập sau, Shunkichi quay lại nói với Nobuko:

– Đi xem chuồng gà không?

Nobuko im lặng gật đầu. Hai người sánh vai, chậm rãi đi về phía chuồng gà, ở một góc đối diện với cây bách. Tuy nhiên trong chuồng hôi mùi gà chỉ có ánh trăng nhạt và bóng tối xen kẽ với nhau. Shunkichi ngó vào chuồng gà rồi nói nhỏ với Nobuko như thể nói một mình:

– Ngủ mất rồi.

Nobuko đứng yên trong sân cỏ, chạnh nghĩ:

– Những con gà bị người ta ăn cắp trứng...

Khi hai người trở vô nhà thì thấy Teruko ngồi bên bàn viết của chồng cô, thần thờ nhìn bóng đèn điện. Một con châu chấu màu xanh bò bên trong chụp đèn.

4

Sáng hôm sau, Shunkichi bận một bộ veste bóng láng duy nhất rồi vội vã bước ra khỏi nhà sau khi ăn cơm xong. Shunkichi nói anh phải đi thăm mộ người bạn, mất cách đây đúng một năm. Vừa mặc thêm áo ngoài, vừa căn dặn Nobuko: "Nobuko nhớ nhé. Phải ở nhà chờ tôi đấy. Chắc chắn tôi sẽ về trước trưa". Đưa bàn tay thon đẹp cầm nón hộ cho Shunkichi, Nobuko chỉ im lặng mỉm cười.

Sau khi tiễn chồng, Teruko mời người chị ngồi bên lò sưởi rồi ân cần rót trà. Teruko kể đủ thứ chuyện, nào chuyện bà hàng xóm, chuyện ký giả đến phỏng vấn, chuyện hai vợ chồng đi xem kịch ở nước ngoài v.v... và rất nhiều chuyện vui khác. Nhưng Nobuko chỉ thấy buồn chán. Khi sự tĩnh thì thấy ở đó

có cô, người lúc nào cũng chỉ trả lời ừ hử cho qua chuyện. Điều này rất cuộc đập vào mắt Teruko. Người em nhìn thẳng vào mắt người chị, lo lắng: "Chị làm sao thế?" Nobuko cũng không hiểu rõ hôm nay cô ra làm sao.

Khi đồng hồ điểm mười giờ, Nobuko mệt mỏi đưa mắt lên nói: "Anh Shunkichi chắc không về sớm được đâu nhỉ". Nghe người chị nói, Teruko cũng ngược mặt nhìn đồng hồ rồi thản nhiên nói: "Chưa đâu". Nobuko cảm nhận trong câu nói đó tâm trạng của người vợ mới cưới đang sống thật hạnh phúc trong tình yêu chồng vợ. Nghĩ thế rồi Nobuko không khỏi không cảm thấy u buồn.

Nobuko kéo áo che cổ lại rồi nói như nói đùa: "Em Teruko hạnh phúc nhỉ". Giọng cô nói mang âm hưởng xuất phát một cách tự nhiên từ một ao ước chân thật, muốn được hạnh phúc như cô em. Tuy nhiên, Teruko chỉ bình thản vui vẻ mỉm cười, làm ra vẻ trừng mắt giận: "Chị nhớ đấy". Rồi với giọng ngọt ngào: "Chị cũng hạnh phúc vậy. Nói chi chuyện người khác!" Câu này đập thẳng vào Nobuko.

Nhuống chân mày, Nobuko hỏi lại: "Em nghĩ thế à? ". Hỏi lại, rồi hồi hận. Teruko biến sắc một lát, nhìn mặt người chị. Gương mặt không che giấu được nỗi hồi hận trong lòng. Nobuko gượng mỉm cười: "Được nghĩ như vậy thì cũng là hạnh phúc rồi phải không?"

Im lặng đến giữa hai chị em. Dưới tiếng đồng hồ đánh tích tắc, hai chị em làm như đang lắng nghe tiếng hơi nước xì xì từ ấm nước treo trên lò sưởi. Một chập, Teruko nhỏ nhẹ hỏi, giọng lo lắng và với vẻ tội nghiệp: "Anh không đối xử tử tế với chị sao?" Nobuko không thích được ai thương hại, cô đặt tờ báo xuống đùi rồi cúi mặt xuống cố ý không trả lời. Cũng như ở Osaka, tờ báo đăng tin giá gạo đang leo thang.

Khi đó, trong phòng khách yên tĩnh tiếng khóc thút thít nhỏ nhỏ vang lên. Nobuko ngừng đọc, thấy Teruko úp mặt vào vạt áo, ngồi khóc bên kia lò sưởi: "Thôi, đừng khóc nữa." Teruko vẫn không nguôi dù được chị an ủi. Nobuko vừa cảm một niềm sung sướng tàn nhẫn, vừa nhìn đôi vai rung rung

của cô em một chặp mà không nói. Một lúc sau, để người giúp việc khỏi nghe, Nobuko nói khẽ bên tai Teruko: "Nếu chị làm em buồn thì chị xin lỗi em thôi. Em Teruko có được hạnh phúc thì không gì làm chị vui sướng hơn. Thật mà. Nếu anh Shunkichi thương Teruko thì...". Trong khi nói, giọng Nobuko dần dần trở nên xúc động vì chính lời nói của cô. Khi đó, đột nhiên Teruko để vạt áo xuống, gương mặt đầm đìa nước mắt. Điều lạ là cặp mắt cô không lộ vẻ buồn cũng không lộ vẻ giận. Mắt cô sáng rực lên như lửa cháy vì không kiềm chế được cơn ghen: "Nói vậy tại sao đêm qua chị, chị cũng..." Chưa nói hết câu, Teruko lại úp mặt vào tay áo rồi khóc nức nở....

Sau chừng hai ba tiếng đồng hồ, Nobuko vội vã gọi chiếc xe kéo rồi hướng về phía nhà ga. Quang cảnh lọt vào mắt cô chỉ là qua một miếng nhựa trong, vuông nhỏ phía trước. Những ngôi nhà cuối phố, những hàng cây bách mọc loạn xạ, nhiều màu sắc, chập chập nhưng liên tục lui về phía sau. Nếu có cái gì không di động thì đó chỉ là một bầu trời của mùa thu giá lạnh, lửng lơ với những đám mây mỏng mà thôi.

Lòng cô thanh thản. Một sự dứt khoát cùng với một tâm trạng buồn cô đơn đang chi phối tâm hồn cô. Sau khi Teruko nguôi cơn khóc, những lời lẽ hòa giải và những giọt nước mắt mới đã dễ dàng biến hai chị em trở lại hòa thuận như trước. Tuy nhiên, những sự việc đã xảy ra cho đến bây giờ không rời khỏi trí não cô, vì sự thật vẫn là sự thật. Khi Nobuko đặt mình ngồi trên chiếc xe kéo mà không đợi người anh họ trở về, thì cô nghĩ rằng từ đây và mãi mãi về sau cô đã trở thành một người xa lạ với em cô. Và tâm tình đó đang đóng băng cứng nhắc trong lòng cô.

Đột nhiên, Nobuko ngược mặt lên. Qua khung nhựa, cô thấy hình dáng của Shunkichi, tay cầm gậy đang đi về phía cô trên con đường khá dơ bẩn. Lòng cô dao động. Ngừng xe ư. Hay đi qua luôn. Trong khi cô không biết xử trí ra sao, thì khoảng cách giữa Shunkichi và cô càng lúc càng ngắn. Anh ta vừa đi vừa cố tránh các vũng nước trên đường, dưới bầu trời nhạt nắng.

Suýt chút nữa thì Nobuko đã kêu lên: "Anh Shunkichi!". Thật ra khi đó, đáng dấp quen thuộc của Shunki đã xuất hiện sát bên cạnh chiếc xe của cô. Cô lại do dự. Rồi Shunkichi, không biết có Nobuko ngồi trong xe, đi qua chiếc xe. Dưới bầu trời hơi u ám, chỉ có những căn nhà thưa thớt, những cây bách cao màu vàng, rồi một khu ngoài phố, ít người đi lại.

Trong chiếc xe kéo lạnh lạnh, Nobuko cảm một nỗi buồn tê tái và thăm thía nghĩ rằng: "Mùa thu rồi".

Nguyễn Ngọc Duyên dịch

[1] - *Lev Nikolaevich Tolstoi (1828 - 1910): tiểu thuyết gia nổi tiếng người Nga, thuộc giai cấp quý tộc, đã để lại cho hậu thế những kiệt tác như Chiến tranh và hòa bình, Phục sinh...*

[2] - *Osaka và các vùng phụ cận như Kyoto, Hiroshima*

[3] - *Những thiếu nữ thực tập để trở thành geisha - những phụ nữ chuyên nghiệp giúp vui khách ở các quán ăn sang trọng hoặc ở những phòng trà đạo. Họ phải có khả năng ngâm thơ, múa, hát, hầu chuyện v.v...*

[4] - *Kiểm sĩ lừng danh Nhật Bản (1584 - 1645), phát minh nitoryu, phương pháp sử dụng hai thanh kiếm. Ông còn là một họa sĩ vẽ tranh mực tàu.*

[5] - *Tatami, tấm cói hình chữ nhật, khổ 180 cm x 90 cm, dày khoảng 5 cm, dùng để lót sàn cho các nhà gỗ Nhật Bản. Tatami còn được dùng làm đơn vị đo lường diện tích căn phòng (thí dụ phòng 4 chiếu rưỡi, phòng 6 chiếu v.v...)*

[6] - *Nhạc cụ truyền thống Nhật Bản, 13 dây, khi đánh ra có âm điệu giống như đàn tranh Việt Nam.*

[7] - *Chín nữ thần trong thần thoại Hy Lạp, ngự trị văn chương, nghệ thuật và khoa học.*

BỐN BỀ BỜ BỤI

**Nguyên tác : Yabu No Naka
Tác Giả: Akutagawa Ryunosuke
Người dịch : Phạm Vũ Thịnh**

Lời Người Dịch:



Truyện ngắn sau đây là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Akutagawa Ryunosuke, bày tỏ hoài nghi về tính tuyệt đối của Sự Thật. Có Sự Thật phổ quát không, hay chỉ là ảo ảnh của Sự Thật khúc xạ qua tâm lý của mỗi người?

Truyện ngắn này, phát biểu năm 1922 trên tạp chí Shinchô, năm 1950 đã được đạo diễn Kurosawa Akira dựng thành cuốn phim "Rashomon" (thêm vài chi tiết trong truyện ngắn "Rashomon - Lã Sinh Môn" cũng của Akutagawa), với các tài tử Mifune Toshio, Machiko Kyo, Mori Masayuki. Phim này thành công rực rỡ ở cả trong lẫn ngoài nước Nhật, thế giới biết tiếng Kurosawa và Akutagawa từ đó.

Điện ảnh Mỹ mô phỏng phim Rashomon để tạo ra phim "The Outrage" năm 1964, đạo diễn Martin Ritt, tài tử Paul Newman, Claire Bloom, Laurence Harvey, rồi phim "Iron Maze"

năm 1991, đạo diễn Yoshida Hiroaki, tài tử Jeff Fahey, Bridget Fonda, Murakami Hiroaki.

Và năm 1996, đạo diễn Sato Hisayasu đã dựng nên phim "Yabu No Naka" sát với nguyên tác Akutagawa hơn, với các tài tử Hosokawa Shigeki, Sakagami Kaori, Matsuoka Shinsuke.

Bản sau đây dịch từ nguyên tác tiếng Nhật công bố trên trang mạng "Aozora Bunkô - Kho sách ngoài trời" www.aozora.gr.jp ngày 09/03/ 2004.

*

Lời khai của người đồn củi với quan kiểm-sát

Đúng đó, thưa quan lớn. Thấy được xác chết đó chính là tui đây chứ ai. Sáng nay tui lên rừng sâu đồn củi như mọi ngày, thì thấy có xác chết trong bụi cây khuất sau núi đó. Quan hỏi ở đâu hả? Thì cách chừng 4, 5 thoi đường [1] từ con đường lớn qua trạm thơ ở Yamashina đó mà. Chỗ đó vắng người, có nhiều cây tuyết-tùng [2] nhỏ lẫn trong bụi tre.

Xác chết nằm ngửa, mặc áo bào màu xanh lơ, đầu vẫn còn đội mũ xếp kiểu nhà quan trên kinh đô. Nói là chỉ bị đâm một dao thoi, chứ thiệt ra, vết thương nhằm ngay ngực, cho nên lá tre rụng chung quanh xác chết thấm đầy máu thâm tím. Không, máu đã hết chảy rồi, mà vết thương ngó bộ cũng đã khô rồi, thưa quan lớn. Lại có một con ruồi trâu bám riết trên vết thương, như thể không nghe cả tiếng chân tui bước tới nữa.

Quan hỏi có thấy đao kiếm chi không hả? Không, tui chẳng thấy có đao kiếm chi hết. Chỉ thấy có một đoạn dây rút ở gốc cây tuyết-tùng gần đó. À, ngoài đoạn dây, còn có cái lược nữa. Chung quanh xác chết chỉ có hai vật đó thôi, thưa quan lớn. Nhưng mà, một vùng cỏ và lá tre rụng quanh đó thì bị giẫm đạp tan hoang, nên chắc chắn là anh ta trước khi bị giết chết, cũng đã chống chọi dữ lắm. Còn ngựa hả? Chỗ đó thì ngựa không vô lọt được. Lối cho ngựa chạy thì phải cách đó một cánh rừng mới có.

Lời khai của nhà sư lữ-hành với quan kiểm-sát

Người chết đó thì quả thật tôi đã gặp hôm qua. À, có lẽ vào khoảng trưa, thưa quan lớn. Chỗ gặp là khoảng đường tôi đang đi từ Sekiyama tới Yamashina đó. Anh ta đi bộ, cùng với người đàn bà cỡi ngựa, hướng về phía Sekiyama. Người đàn bà đội mũ có phủ khăn che mặt nên tôi không biết mặt mũi ra sao, chỉ thấy cái áo màu tím. Con ngựa màu hung đỏ ... À, hình như đã cắt sạch bờm. Quan hỏi ngựa bao lớn à? Con ngựa này có lẽ cao hơn ngựa thường đến 4 tấc [3]. Người tu hành nên tôi không rành chuyện đó, thưa quan lớn. Anh ta mang gươm, và có cả cung tên nữa. Đặc biệt, bao đựng tên sơn đen, cắm hơn hai chục mũi tên đánh trận, thì tới bây giờ tôi cũng còn nhớ rõ.

Tôi đâu có ngờ anh ta rời ra thân thể như vậy. Quả thật là đời người như sương như điện chớp. Chao ôi, thảm thương đến thế này thì còn lời nào mà nói nữa.

Lời khai của sai-nha [4] với quan kiểm-sát

Quan hỏi cái thằng mà tôi bắt được là ai ạ? Thưa quan lớn, thằng này chính thật là tướng cướp khét tiếng Tajomaru đó. Quả thật là tôi đã tóm được lúc hấn đã ngã ngựa, đang rên hừ hừ trên cầu đá ở Awadaguchi. Quan hỏi vào giờ nào ạ? Khoảng canh đầu đêm hôm qua đó, thưa quan lớn. Lần tôi bắt hựt hấn trước đây, hấn cũng mặc áo bào màu xanh đậm, mang gươm dài như vậy. Lần này, như quan lớn thấy đó, lại mang thêm cung tên nữa. Dạ, quan dạy là người chết đã mang cung tên đó? Vậy thì giết chết người đàn ông đó chính là tên Tajomaru này rồi, chẳng sai chạy vào đâu được nữa. Cây cung bọc da, bao đựng tên sơn đen, tên đánh trận đuôi lông ó 17 cây, tất cả các thứ này hấn là của người bị hấn giết rồi. Ngựa thì đúng như quan phán, là ngựa màu hung đỏ, cắt hết bờm. Tên cướp này mà bị con vật đó hất ngã xuống thì hấn là tiền duyên nghiệp báo chi đây. Con ngựa lúc đó vẫn còn kéo theo dây cương dài, đứng gặm cỏ bên đường, một đoạn phía trước cầu đá.

Trong đám mấy tên cướp hay lai vãng chốn kinh kỳ, thằng Tajomaru này nổi tiếng là háo sắc. Năm ngoái đây, trên núi

phía sau chùa Toribedera thờ La Hán Binzuru, có một bà đi lễ chùa đã bị giết chết cùng với đứa con gái nhỏ, nghe đâu là thủ đoạn của thằng này. Nếu đúng thật là tên này đã giết người đàn ông đó, thì người đàn bà cõi con ngựa hung đỏ đã đi đâu, ra sao rồi, thật không còn biết nói sao nữa. Sợ quan mắng cho là dám nói leo, nhưng xin quan lớn xét cả việc ấy cho.

Lời khai của bà già với quan kiểm-sát

Dạ phải, người chết đó là người đã cưới con gái của già này. Nhưng cậu ta không phải là người chốn kinh kỳ, mà là võ sĩ nhà Kokufu ở xứ Wakasa. Tên cậu ta là Takehiro giòng Kanazawa, 26 tuổi. Dạ không, cậu ta tính tình hiền lành, đâu có gây thù oán chi với ai.

Còn con gái tôi à? Con gái của già tên là Masago, 19 tuổi. Tuy tính tình có cứng cỏi không thua đàn ông con trai, nhưng mà ngoài cậu Takehiro ra, nó chưa hề biết tới đàn ông nào khác. Khuôn mặt nhỏ trái xoan, nước da bánh mật, đuôi mắt bên trái có một nốt ruồi đen.

Hôm qua, cậu Takehiro đã cùng con gái tôi lên đường đi Wakasa. Nhân quả chi mà ác đức đến ra nông nỗi này. Rể tôi phần số như vậy đã đành, nhưng con gái tôi ra sao thì già này lo lắng không sao ở yên được. Lạy quan lớn xét cho lời van xin cuối đời của người già cả này, mà cho dù phải vạch từng lá cỏ, kiểm từng gốc cây, cũng xin tìm cho ra con gái của già. Dù gì đi nữa, già cũng căm hận tên cướp mà quan nói là Tajomaru gì đó. Đã giết chết con rể tôi, mà cả con gái của tôi cũng ... (sau đó khóc ròng, không nói gì được nữa)

Lời thú của Tajomaru

Giết chết người đàn ông đó chính là tui đây. Nhưng tui không giết người đàn bà. Vậy thì cô ta đi đâu? Cái đó thì tui cũng không biết. Mà khoan đã, có tra tấn bao nhiêu đi nữa, chuyện tui không biết thì làm sao mà nói gì được chớ. Hơn nữa, đã tới nước này thì tui cũng quyết không dấu giếm hèn nhát đâu.

Hôm qua, khoảng sau trưa một chút, tui đã gặp hai vợ chồng đó. Đúng lúc gió thổi lật cái khăn che mặt trước mũ của cô đó lên, tui thoáng thấy được khuôn mặt cô ta. Mà chỉ một thoáng thôi. Tui vừa tưởng là thấy được mặt cô ta, thì đã không còn thấy nữa. Một phần có lẽ cũng vì chỉ thấy lướt qua nên tui thấy khuôn mặt cô đó giống như khuôn mặt nữ-bồ-tát. Chỉ trong chớp nhoáng đó, tui đã quyết sẽ chiếm đoạt cô ta, dù có phải giết người chồng đi nữa.

Ôi, có gì đâu. Giết người có phải là chuyện gì ghê gớm như các người nghĩ đâu. Thế nào cũng phải chiếm đoạt đàn bà, thì phải giết đàn ông đi thôi. Chỉ khác là tui giết người thì dùng dao kiếm, còn các người thì thay vì dao kiếm, lại dùng quyền lực, tiền bạc, hay có khi chỉ cần lời nói xảo quyết là đủ để giết người ta rồi. Giết kiểu đó thì máu chẳng đổ, mà đàn ông đó vẫn thấy như còn sống đàn ông hoàng. Nhưng chung quy cũng là giết người đó thôi. Giết người kiểu nào đáng kết tội nặng, các người đáng tội nặng, hay tui đáng tội nặng, thật khó mà phán quyết được (mỉm cười mai mỉa).

Nhưng mà, tất nhiên nếu không cần giết đàn ông mà vẫn chiếm đoạt được đàn bà thì tốt hơn. Quả thật, lúc đó lòng tui đã nghĩ là nếu được thì chiếm đoạt người đàn bà mà tránh giết người đàn ông. Nhưng khổ là ngay trên đường lớn qua trạm thơ ở Yamashina thì không cách nào làm được việc đó. Cho nên tui đã phải dàn xếp để dụ hai vợ chồng đó vô sâu trong núi.

Chuyện này cũng chẳng khó khăn chi. Tui giả bộ đi cùng đường với họ, rồi đặt chuyện rằng trong núi phía trước có phần mộ cổ, tui đào lên thấy có vô số gương và kiếm, nên đã dời đi, chôn ở một bụi rậm khuất sau núi để không ai tìm thấy được, nếu có ai muốn mua thì tui sẽ để lại với giá rẻ. Người đàn ông nghe tui nói, dần dần cũng động lòng ham. Thấy chưa, lòng ham muốn là thứ đáng sợ như thế nào. Vậy là, không đầy nửa khắc sau, vợ chồng họ đã theo tui, rẽ ngựa vào rừng.

Tới chỗ ngay trước bụi rậm, tui nói là kho tàng chôn ở trong đó, gọi họ tới xem. Anh chồng trong lòng đã ham muốn quá rồi, chẳng có gì phải phản đối. Nhưng cô vợ thì không chịu xuống ngựa, nói là muốn ngồi đợi ở đó. Mà nhìn thấy bụi rậm cây cối um tùm kiểu đó thì cô ta nói như vậy cũng là chuyện đúng thôi. Tui thì thật tình lúc đó đã chắc chắn là thú săn lợt bầy rồi, chạy đâu cho thoát, nên cứ để mặc cô ta ở đó, chỉ đưa anh chồng vô sâu trong bụi rậm.

Lúc đầu thì chỉ toàn là bụi tre dày. Nhưng đi chừng nửa thôi đường[1] thì tới chỗ thấy phía trước có đám cây tuyết-tùng, có phần thưa hơn. Không còn chỗ nào tốt hơn chỗ đó, cho tui ra tay. Tui vừa rẽ bụi rậm bước tới, vừa kiếm lời lợt tai mà nói gạt rằng kho tàng chôn ở dưới đám cây tuyết-tùng đó. Anh chồng nghe tui nói, hăm hờ rẽ bụi rậm tiến về phía đám cây đó. Một hồi thì tới chỗ chỉ có ít tre, có vài cây tuyết-tùng mọc thành hàng. Vừa tới chỗ đó, tui thành linh nhào tới vật anh ta xuống. Là một tay dùng đao kiếm, anh ta quả là có sức mạnh lắm chớ, nhưng bị đánh thành linh nên không làm gì được, tức thì bị trói chặt vô một gốc cây tuyết-tùng. Quan hỏi dây trói à? Dây đó là thứ đồ tiện lợi cho kẻ cướp, phòng khi cần có để vượt qua rào tường, nên lúc nào tui cũng cột sẵn ở thắt lưng. Tất nhiên là để anh ta khỏi la lên, chỉ cần tọng đám lá tre khô vô miệng là khỏi phải lo lắng chi nữa.

Lo xong phần anh chồng, tui quay trở lại chỗ cô vợ, nói là anh ta có vẻ phát bệnh thành linh, biểu vợ tới coi sóc cho. Chắc khỏi cần nói là chuyện này cũng song suốt như ý tui. Cô ta vất mũ, mặc cho tui nắm tay, tất tả bước sâu vô bụi rậm. Nhưng, tới nơi lại thấy chồng mình bị trói vô gốc cây tuyết-tùng. Vừa thấy vậy, không biết đã lấy từ trong túi ra từ lúc nào mà cô ta đã tức thì rút lưỡi dao ngắn ra, sáng loáng trên tay. Cho tới bây giờ, tui chưa hề thấy một người đàn bà nào cường ngạnh như cô này. Lúc đó, tui mà để người một chút là đã bị đâm một nhát lủng hông rồi. Tui tràng người né tránh được, nhưng cô ta cứ đâm chém túi bụi nên tui mà có bị thương tích cũng chẳng có chi lạ. Nhưng mà, tui đây, đường

đường là Tajomaru, cho nên không đến nỗi phải dùng tới đao kiếm, cuối cùng rồi cũng đánh rớt được con dao. Tính khí cương cường đến đâu đi nữa mà trong tay không có vũ khí thì cũng phải chịu phép thôi. Vậy là đúng như ý định, cuối cùng tui đã chiếm đoạt được người đàn bà mà không cần phải giết người đàn ông.

Khỏi phải giết người đàn ông. Đúng đó. Tui đâu có ý định giết anh ta làm chi nữa. Nhưng, lúc tui định rời thoát khỏi bụi rậm đó, bỏ lại cô ta đang nằm khóc lóc, thì thành linh, cô ta nắm cánh tay tui, rồi như điên cuồng, cứ ôm chặt lấy tui. Mà nghe những lời thỏn thức đứt quãng đó thì ra là cô ta nói : hoặc là chồng cô ta phải chết, hoặc là tui phải chết, một trong hai người phải chết đi, chớ cô ta đã làm chuyện nhục nhã đó trước mắt cả hai người đàn ông, thì đau khổ còn hơn chết nữa. Ai cũng được, người nào sống sót thì cô ta sẽ đi theo mà cung phụng người đó. Cô ta năn nỉ thảm thiết vậy đó. Riết rồi tui cũng phát khởi ý muốn giết chết anh chồng đi. (có vẻ xúc động buồn rầu).

Chuyện này nói ra như vậy, chắc là người ta thấy tui tàn nhẫn hơn các người. Nhưng các người đâu có nhìn thấy vẻ mặt cô ta. Nhất là trong thoáng chốc đó, đôi mắt cô ta bốc lửa như thế nào. Lúc đó, nhìn đôi mắt cô ta, tui đã nghĩ là cho dù có bị sấm sét đánh chết đi nữa, cũng phải lấy cô ta làm vợ mới thoả lòng. Phải, lấy cô ta làm vợ, trong lòng tui lúc đó chỉ có một ý nguyện đó mà thôi. Điều đó không phải như các người nghĩ là chuyện sắc dục bỉ ổi đâu. Lúc đó, nếu thật chỉ chuyện niệm chuyện sắc dục mà thôi, thì dù có phải đập ngã cô ta, tui cũng đã bỏ đi rồi. Mà như vậy thì người chồng cũng khỏi phải đổ máu dưới lưỡi gươm của tui. Nhưng mà, trong bụi rậm mờ tối, trong thoáng chốc khi tui nhìn đăm đăm khuôn mặt cô ta, tui hiểu rằng nếu không giết chết anh chồng thì không thể rời chỗ đó mà đi được.

Nhưng có giết anh ta đi nữa, tui cũng không muốn giết bằng thủ đoạn đê hèn. Tui cởi trói cho anh ta, rồi biểu anh ta tuốt gươm ra. (Dây trói cởi bỏ lúc đó, sau này còn sót lại bên

gốc cây tuyết-tùng). Sắc mặt giận dữ, anh ta mới tuốt cây gươm to bản ra, không nói một lời, tức thì hăm hăm bay tới chém tui. Trận đấu gươm đó cuối cùng ra sao thì khỏi nói các người cũng đã rõ. Tới thế thứ 23 thì lưỡi gươm của tui đã xuyên thấu ngực kẻ địch. Thế thứ 23 đó, xin các người nhớ cho. Điều này, cho tới bây giờ tui vẫn còn nể phục. Đấu gươm với tui mà đỡ được hơn 20 thế thì khắp thiên hạ chỉ có một mình anh ta mà thôi. (mỉm cười khoái trá).

Anh ta vừa ngã xuống, thì tui hạ mũi gươm nhuộm máu, quay lại nhìn cô vợ. Thì, các người nghĩ coi, cô ta chẳng còn ở đó nữa. Tui cố tìm kiếm trong mấy đám cây tuyết-tùng coi cô ta trốn đi đâu. Nhưng trên đám lá tre khô chẳng còn gì là dấu vết của cô ta cả. Có lắng tai nghe cũng chỉ nghe tiếng hấp hối trong cổ họng người chồng mà thôi.

Theo chuyện mà đoán thì ngay khi tui chém nhát gươm đầu, có lẽ cô ta đã luồn qua bụi rậm, trốn đi để kêu người tới cứu rồi. Nghĩ vậy nên đến phiên tính mạng mình bị nguy, tui bèn đoạt lấy gươm dài và cung tên, lập tức chạy trốn về phía đường rừng đã vô lúc trước. Ở đó vẫn còn con ngựa của cô ta đang yên lặng gặm cỏ. Chuyện từ đó về sau thì chẳng cần phải nói ra làm chi nữa. Có điều, trước khi vô kinh đô, chỉ có thanh gươm thì tui đã vất đi rồi. Lời cung khai của tui chỉ có chừng đó. Đàng nào thì cũng một lần, côn trượng hay bêu đầu treo cổ, thôi thì xin chịu nhục hình cho rồi. (tỏ thái độ ngạo mạn).

Lời sám hối của người đàn bà đến chùa Shimizu

Tên đàn ông mặc áo bào màu xanh đậm đó, sau khi đã dày vò tôi xong, hăm nhìn chồng tôi mà cười chế diễu. Chồng tôi khổ tâm biết là dường nào. Nhưng dù cho chồng tôi có vắn vẹo bao nhiêu đi nữa, cũng chỉ làm cho các vòng dây trói khắp trên thân người càng siết chặt vào thêm mà thôi. Tội nghiệp quá, bất giác tôi lăn về phía chồng tôi. Không, tôi mới định lăn lại thì ngay lúc đó tên cướp đã đập tôi ngã chúi tới chỗ chồng tôi. Rồi trong thoáng chốc nhìn thấy tia sáng không sao diễn tả được loé lên trong mắt chồng tôi, tôi hiểu ra được điều gì

chứa đựng trong ánh mắt ấy. Ánh mắt không lời nào diễn tả được. Cho đến bây giờ, nhớ lại ánh mắt ấy, tôi còn không khỏi rùng mình. Dù miệng không nói ra được lời nào, nhưng trong khoảnh khắc ấy, chồng tôi đã truyền đạt được tất cả tâm tình anh ấy. Nhưng chiếu toả ra từ ánh mắt ấy không phải là cơn giận dữ, mà cũng không phải là nỗi buồn rầu. Mà chỉ là tia sáng lạnh lẽo của lòng khinh miệt đối với tôi. Hơn cả nỗi đau đã bị tên cướp kia đập đá, tôi đã bị ánh mắt ấy tống mạnh vào tâm thần, bất giác thét lên lời gì không rõ, rồi ngã xuống bất tỉnh.

Đến lúc tỉnh lại được thì tên đàn ông mặc áo bào màu xanh đậm đó đã đi đâu mất. Chỉ còn lại chồng tôi bị trói ở gốc cây tuyết-tùng. Tôi gượng ngồi dậy được trên đám lá tre khô, nhìn chăm chú vẻ mặt của chồng tôi. Nhưng ánh mắt của chồng tôi vẫn không thay đổi chút nào. Cũng vẫn biểu lộ một màu thù ghét từ dưới đáy lạnh băng của lòng khinh miệt. Hồ thẹn, đau buồn, tức giận, ... tôi không còn biết lòng tôi lúc ấy là như thế nào nữa. Tôi lão đảo đứng lên, lết lại gần chồng tôi :

- "Thưa anh. Đã đến nông nỗi này thì em không còn có thể cùng sống với anh được nữa. Em chỉ muốn chết ngay cho rồi. Nhưng mà, xin anh cũng chết đi. Bởi anh đã chứng kiến nỗi ô nhục của em. Em không thể nào để mặc anh sống như thế này được".

Tôi gượng hết sức mình để tỏ bày điều ấy. Thế mà chồng tôi vẫn chỉ nhìn tôi trừng trừng kinh tởm. Tôi gắng dần lòng mình đang muốn xé toang ra, vừa tìm kiếm thanh gươm của chồng tôi. Nhưng có lẽ tên cướp kia đã đoạt lấy mất rồi. Thanh gươm đã đành, mà cung tên nữa, cũng không còn thấy đâu trong bụi rậm ấy. Nhưng may thay, lưỡi dao ngắn thì còn rút lại dưới chân tôi. Tôi giương con dao ấy lên, nói với chồng tôi một lần nữa :

- "Thôi thì xin anh giao mạng cho em. Rồi em cũng xin chết theo anh".

Nghe thế, chồng tôi mới mấp máy môi. Tất nhiên là vì miệng ngậm đầy lá tre khô, nên tiếng nói không sao nghe được. Nhưng nhìn đôi môi mấp máy, tôi cũng hiểu ngay lời anh nói. Chồng tôi cũng vẫn khinh miệt tôi, chỉ nói một lời : – "Giết ta đi". Tôi, như hoàn toàn trong mộng dữ, đã đâm phập một nhát dao xuyên thấu ngực chồng tôi, qua lớp áo bào màu xanh lơ ấy.

Và rồi, có lẽ tôi đã bất tỉnh một lần nữa. Hồi lâu sau, khi tỉnh lại nhìn quanh, thì chồng tôi, vẫn còn bị trói như cũ, đã tắt thở từ lâu rồi. Ánh nắng chiều xuyên qua kẽ lá tuyết tùng lẫn trong đám lá tre, rọi lên khuôn mặt người chết tái xanh. Tôi cố nén tiếng khóc, lần mở dây trói tử thi mà vất đi. Rồi, còn thân tôi thì ra thế nào? Tôi chẳng còn sức nào mà nói nữa. Chỉ biết là, tôi không có đủ nghị lực để chết đi. Tôi đã kê dao lên cổ, đã gieo mình xuống hồ nước bên triền núi, đã thử chết nhiều cách, nhưng cuối cùng cũng không chết được, mà còn sống sót như thế này, thì có gì để tự hào đâu. (mỉm cười buồn bã). Một kẻ hèn nhát như tôi, có lẽ đến Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cũng chẳng muốn đoái hoài cho nữa. Nhưng là kẻ đành phải giết chồng, là kẻ đã bị tên cướp kia dày vò nhục nhã, tôi biết làm thế nào được chứ? Trời ơi, tôi phải làm thế nào bây giờ? (thình lình nức nở thảm thiết).

Lời kể lể của người chết qua miệng người ngồi đồng

Tên cướp dày vò vợ ta xong còn ngồi đó mà an ủi vợ ta đủ điều. Tất nhiên, ta không thể thốt ra được lời nào. Thân thể lại bị trói vào gốc cây tuyết-tùng. Nhưng ta đã đưa mắt ra hiệu cho vợ nhiều lần. Đừng tin những gì tên cướp nói, cứ nghĩ tất cả những điều hắn nói đều là láo khoét cả. Ta muốn truyền đạt như thế. Thế nhưng, vợ ta cứ ngồi trên đám lá tre khô, buồn rầu nhìn xuống đầu gối. Ta thấy có vẻ cô ấy đang lắng tai nghe tên cướp nói. Ta rúng động cả người vì ghen. Nhưng tên cướp đã khéo léo kiểm lời nói này nói nọ. Những là, đã thất tiết với người khác một lần rồi thì không thể nào còn sống chung êm đẹp với chồng nữa. Đi theo người chồng như thế, chi bằng theo làm vợ hắn còn hơn. Chính vì hắn đem

lòng yêu thương cô, nên mới làm chuyện táo tợn như thế. Tên cướp ấy thật là lớn mật, dám đặt điều đến cả chuyện như thế.

Vậy mà nghe tên cướp nói, vợ ta lại ngược khuôn mặt đờ đẫn lên. Ta chưa bao giờ thấy vợ mình đẹp đến như lúc ấy. Nhưng, người vợ tuyệt đẹp ấy, ngay trước mặt chồng là ta đây đang bị trói chặt, đã nói gì với tên cướp? Ta, dù lúc này đang thất thểu chờ dịp đầu thai, mà mỗi lần nhớ đến lời nói của cô ta, lại không thể không bốc lên lửa hận. Vợ ta quả thật đã nói như thế này : - "Vậy thì, xin ông cứ cho tôi theo, bất cứ nơi đâu". (im lặng một hồi lâu).

Tội của vợ ta không phải chỉ có thế. Nếu chỉ có thế thì trong cõi tối tăm này, ta đâu đến nỗi đau khổ như thế này. Vợ ta, như trong cơn mộng mị, đã để cho tên cướp nắm tay dắt đi, dợm bước ra khỏi bụi rậm ấy, đột nhiên, mặt mày tái nhợt, chỉ tay vào ta đang bị trói vào gốc cây tuyết-tùng mà nói :

- "Giết chết người đó đi. Người đó mà còn sống thì tôi không thể nào đi theo ông được".

Vợ ta như điên cuồng, đã thét lên nhiều lần : - "Giết chết người đó đi". Lời thét ấy như trận cuồng phong, cho đến bây giờ vẫn còn chực cuốn ngược đầu ta xuống đáy vực sâu tăm tối. Lời nói đốn mặt đến như thế mà có thể lọt ra từ miệng con người được sao, dù chỉ một lần đi nữa? Lời nói quỷ ám đến như thế mà có thể chạm tai con người được sao, dù chỉ một lần đi nữa? (thình lình phì cười như chế diễu). Nghe lời nói ấy, chính tên cướp kia, mặt mày cũng tái mét. - "Giết chết người đó đi". Vợ ta vừa thét lên vừa nắm kéo cánh tay tên cướp. Hắn nhìn vợ ta dăm dăm, chẳng trả lời được là giết hay không giết. Rồi đột nhiên, vợ ta ngã xuống đám lá tre khô; chỉ một đập, tên cướp đã đập ngã cô ta xuống đấy. (lại phì cười như chế diễu một lần nữa). Tên cướp khoan-thai khoan tay, nhìn về phía ta mà nói :

- "Người định làm gì con đàn bà này? Chỉ cần gật đầu trả lời. Nào, giết nhé?"

Chỉ cần một câu nói này thôi, ta đã muốn tha tội cho tên cướp ấy rồi. (lại im lặng hồi lâu).

Vợ ta, trong lúc ta đang do dự, đã hét lên một tiếng rồi lập tức vùng chạy vào sâu trong bụi rậm. Tên cướp cũng nhanh nhẹn phóng tới chụp lại, nhưng không kịp nắm được dù là một chéo áo. Ta chỉ nhìn khung cảnh ấy như trong cơn mơ.

Sau khi vợ ta đã chạy trốn mất, tên cướp thu nhặt thanh gươm và cung tên, xong cắt một chỗ dây trói trên mình ta. – "Đến phiên tao phải lo lấy thân đây". Ta nhớ tên cướp đã lẩm bẩm như thế trước khi chạy ra khỏi bụi rậm, mất dạng. Sau đó, bốn bề chung quanh đều im vắng. À không, còn có tiếng ai khóc. Ta vừa tự cười trối, vừa lắng tai nghe ngóng. Nhưng mà, tiếng khóc đó, nghĩ lại, chẳng qua là tiếng khóc của chính mình đó thôi. (lại im lặng hồi lâu, lần thứ ba).

Cuối cùng, ta đã nhắc thân mình mệt đến kiệt sức lên từ gốc cây tuyết-tùng. Trước mặt ta là con dao ngắn vợ ta đã làm rớt lại, loé sáng. Ta nhặt con dao đó lên, đâm một nhát vào ngực mình. Có gì như một khối tanh tưởi cuộn dâng lên trong miệng. Nhưng, chẳng nghe đau đớn gì. Chỉ khi ngực ta lạnh băng đi rồi thì chung quanh như càng lặng im thêm một bậc nữa. Ôi, sao mà tĩnh mịch đến như thế. Khoảng trời trong bụi rậm khuất sau núi này, đến một cánh chim nhỏ cũng không thấy. Chỉ thấy ánh nắng chiều phiêu lãng buồn rầu trên những thân tre và tuyết tùng. Mà ánh nắng chiều cũng dần dần nhạt nhòa đi, rồi tuyết tùng và tre cũng không còn thấy nữa. Rồi ta ngã xuống đó, bao phủ trong tĩnh mịch sâu thẳm.

Lúc ấy, có tiếng chân ai rón rén đến bên ta. Ta cố nhìn về phía ấy. Nhưng chung quanh ta, bóng tối mịt mù bao phủ. Ai đó ... bàn tay không thấy được của ai đó đã nhẹ nhàng rút lưỡi dao ra khỏi ngực ta. Cùng lúc ấy, trong miệng ta, dòng máu lại trào lên, dâng đầy tràn một lần nữa. Từ đó, ta vĩnh viễn chìm mất vào tăm tối hư vô.

*Phạm Vũ Thịnh dịch
Sydney 06-2004*

[1] chô : khoảng 119 yards, chừng 100 m, xin dịch là "thôi đường". 5 chô khoảng 500 m.

[2] *sugi* : cedar, cây tuyết-tùng. Tự điển Hán Việt Thiều Chửu ghi là "cây sam".

[3] *ki* : (thốn) khoảng 3 cm, xin dịch là "tấc". Ngựa thường chừng 4 shaku (1 shaku - thước : 30.3 cm), tính ra thân con ngựa này cao chừng 1m3 - 1m4.

[4] *hōmen* : người phạm tội nhẹ, được tha, cho theo quan kiểm-sát để đi bắt tội phạm.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

